

TỊNH ĐỘ TẬP YẾU 2

THÍCH NỮ MINH TÂM *cung soạn*



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

TÌNH ĐỘ TẬP YẾU

Quyển 2

TỊNH ĐỘ TẬP YẾU

Quyển 2

Thích nữ Minh Tâm *cung soạn*

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC, 2021

Mục lục

<i>Tiểu sử và Pháp ngữ của các bậc danh đức cao Tăng khuyên quy hướng Tịnh độ</i>	13
<i>Đại sư Đàm Loan</i>	15
<i>Đại sư Đạo Xước (562 - 645)</i>	25
<i>Đại sư Tông Bồn</i>	47
<i>Đại sư U Khê</i>	65
<i>Đại sư Đạo Phái</i>	81
<i>Đại sư Tử Bách Đạt Quán</i>	85
<i>Đại sư Trí Khải</i>	89
<i>Đại sư Hoằng Nhất</i>	125
<i>Đại sư Thiên Như Duy Tắc</i>	133
<i>Đại sư Đế Nhàn</i>	191
<i>Đại Sư Tuân Thức</i>	199
<i>Đại sư Từ Chiếu</i>	209
<i>Đại sư Đàm Hư</i>	219
<i>Đại lão Hòa thượng Thích Hải Hiền</i>	227



<i>Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh</i>	243
<i>Đại lão Hòa thượng Tịnh Không</i>	273
<i>Trưởng Lão Ni: Sư bà Đàm Lưu (1933-1999)</i>	339
<i>Trưởng lão Ni: Sư bà Hải Triều Âm</i>	351
<i>Lời kết</i>	381
<i>Những sách, trang mạng tham khảo và trích dẫn</i>	387



Những sách đã viết, chuyển ngữ và ấn tống

1. *Osho-Trùng Dương Sóng Gọi*
2. *Những Thánh Tích Phật Giáo*
3. *Những Cánh Hoa Bồ Tát*
4. *Mười Câu Truyện Thiên*
5. *Bùng Vỡ*
6. *Tử Niệm – Trăm Tư về Cái Chết*
7. *Bình Bát và Tích Trượng*
8. *Khúc Vô Thường*
9. *A Bowl and A Stick (chuyển ngữ từ nguyên tác Pháp ngữ)*
10. *Đỉnh Cô Liêu Kỳ Nhiệm*
11. *Tình Yêu, Tự Do và Cô Đơn*
12. *Ngón Tay Chỉ Đường*
13. *Trong Động Tuyết Sơn*
14. *Bát Nhã Tâm Kinh*
15. *Đức Phật Làm Gì?*



16. *Từ Điển Tịnh Độ*
17. *365 Ngày Pháp Vị*
18. *Tịnh Độ Tập Yếu 1*
19. *Rộng Mở Tâm Hồn- Khai Phóng Tâm Thức*
20. *Kinh Phát Khởi Bồ Tát Chí Nhạo Thù Thắng Lược Giảng Ký*
21. *Tịnh Độ Tập Yếu 2*



Thành kính dâng lên Ân Sư của con:

Ni Trưởng thượng Tịnh hạ Nguyễn

Viện chủ chùa Phước Hải

*165/17 đường 3 tháng 2, Quận 10, Sài Gòn,
Việt Nam*



Lời ngỏ

Nhằm tính đến nay, thấm thoát đã hơn 14 năm tôi mon men theo chân quý Sư và các vị Liên hữu học hỏi pháp môn Tịnh độ của chư Tổ Tịnh độ Trung Hoa và Việt Nam, nhất là Tổ Sư Ấn Quang. Trong biển học Phật pháp mênh mông vi diệu nhiệm kỳ, tôi cảm thấy mình như một chú “cá voi con” tung tăng bơi lội thỏa thích vui sướng lạ thường: từng làn sóng từ ngữ, từng cơn gió tư tưởng, từng hương vị diệu pháp. . . mỗi ngày thấm mát tâm hồn tôi, mở rộng trái tim tôi... Quyển “Tịnh Độ Tập Yếu II” ra mắt quý độc giả, các vị đồng tu không ngoài ý nguyện muốn gửi đến quý vị thông điệp “Thế giới thanh bình, tâm thức an nhiên, muôn họ cùng tu, vạn loài giải thoát.”



Nguyện xin Tam Bảo chứng minh công đức
và hồi hướng cầu nguyện xin tất cả pháp
giới chúng sinh cùng được vãng sinh Cực
Lạc quốc.

Nam mô A Di Đà Phật.

Tn Minh Tâm trân trọng cẩn bút bái tạ.

*Tiểu sử và Pháp ngữ
của các bậc danh đức cao Tăng
khuyên quy hướng Tịnh độ*





Đại sư Đàm Loạn

Đàm Loạn pháp sư sinh trưởng ở Nhạn Môn, (huyện Đại, tỉnh Sơn Tây), năm đầu niên hiệu Thừa Minh đời Hậu Ngụy Hiếu Văn Đế (Tây Nguyên 476). Năm 15 tuổi, ngài Đàm Loạn phát tâm xuất gia, đối với các môn nội và ngoại điển ngài đều nghiên cứu qua, nhưng đặc biệt đối với: Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận, Đại Trí Độ Luận và Phật Tính Luận, ngài lại có tâm đắc sâu sắc nhất.

Đại Tập kinh trong Đại Tạng là kinh điển trọng yếu nói về lý rất sâu, ngài phát tâm



chú giải bộ kinh Đại Tập đó, nhưng việc vừa mới hoàn thành một nửa thì không may bị lâm bệnh, không thể nào tiếp tục công việc được. Ngài nghĩ đến sinh mệnh vô thường, đại nghiệp khó thành, cho rằng muốn thành tựu một sự kiện trọng đại này nếu không được trường sinh thì không thể nào thành tựu được. Do đó, ngài bắt đầu đi học đạo Tiên, mong nhờ vào Tiên thuật mà sau đạt được trường sinh bất lão, rồi trở lại hoằng dương Phật pháp.

Khi ấy ở Giang Nam có người tên Đào Hoằng Cảnh tinh thông về đạo thuật, học giả Nam Bắc đều về đây học Tiên thuật rất đông, ngài Đàm Loan cũng đến núi Cú Dung (tỉnh Giang Tô), yết kiến lễ bái tham vấn vị này. Từ đây, ngài được Đào Hoằng Cảnh trao cho mười quyển kinh về Tiên thuật, rồi đến phương Bắc để hạ thủ tu tập.

Khi đi đến Lạc Dương, tình cờ gặp ngài Bồ Đề Lưu Chi từ Bắc Thiên Trúc qua Hoa Hạ. Hai vị luận đàm Phật pháp, nhân đây ngài Đàm Loan mới hỏi: “*Trong Phật pháp có gì hơn thuật trường sinh bất tử của Đạo gia tiên kinh Trung Quốc không?*”. Ngài Bồ Đề Lưu Chi nghe ngài Đàm Loan hỏi vậy, liền biết sự nhận thức Phật pháp của sư Đàm Loan

còn nông cạn, bèn khai thị cho ngài: “Đạo gia của Trung Quốc trình bày pháp trường sinh, thực tế không thể hy vọng gì. Dựa vào những gì ông học được, tuy nói có thể đạt được trường sinh nhưng không thể vĩnh viễn không chết được, rốt cuộc rồi cũng luân hồi trong sinh tử, chẳng làm sao giải quyết thực sự vấn đề sinh tử, nhưng muốn chấm dứt dòng chảy sinh tử thì chỉ có dựa vào Phật pháp mà thực hành. Bây giờ tôi có bộ kinh Quán Vô Lượng Thọ, tôi tặng ông, ông có thể dựa vào đây mà tu tập, nhất định ông giải thoát khỏi sinh tử”.

Ngài Đàm Loan nghe lời phân tích khai thị của ngài Lưu Chi, bèn đem sách tiên thuật đốt đi, từ đó chuyên tu pháp môn Tịnh độ, và ngài nhận thức về Tịnh độ rất thâm áo. Ngài có trước tác bộ Vãng Sinh Luận Chú, Lược Luận An Lạc Tịnh độ nghĩa, Tán A Di Đà Phật kệ... Ngài hết sức xiển dương pháp môn niệm Phật, hoằng thông nhờ tha lực, tự lợi lợi tha phổ hóa rộng khắp.

Ai cũng biết ngài Long Thọ trước tác bộ luận Thập trụ Tỳ-bà-sa, trong ấy có trình bày hai phương pháp dễ hành (dị hành) và khó hành (nan hành). Nói như thế này: “Phật pháp có vô lượng pháp môn, cũng như con



đường thế gian, có dễ có khó, hành cước trên đường thì khổ nhưng ngồi thuyền đi trên nước thì dễ. Bồ-tát đạo cũng vậy, phải có sự siêng năng tinh tấn thực hành hoặc lấy niềm tin làm phương tiện thì dễ hành (dị hành)”.

Siêng năng tinh tấn thực hành là phương pháp khó hành (nan hành) chẳng khác gì con đường bộ hành; phương tiện dị hành là phương pháp dễ cũng như đi thuyền trên nước. Đại sư Đàm Loan cũng dựa vào điều trình bày trên mà thiết lập hai phương pháp dễ hành và khó hành trong Vãng Sinh Luận Chú; tất cả đều phán thích theo giáo pháp (phán đoán ý nghĩa và ý chỉ kinh luận) một đời của Như Lai.

Căn cứ vào ý ngài Long Thọ nói rằng: Quốc độ Sa Bà không có đức Phật ra đời, nên siêng năng tinh tấn tu đạo mới mong đạt thánh quả, đây mới là điều khó khăn cho nên mới gọi phương pháp khó (nan hành). Giả sử lấy nhân duyên tin Phật mà nguyện sinh Tịnh độ, như niệm Phật A Di Đà để vãng sinh cõi Cực Lạc, rồi chứng thánh quả ở cõi Cực Lạc, đó chính là phương pháp dễ hành (dị hành), cho nên ngài Long Thọ đối với giáo pháp Như Lai mới phân ra như vậy. Nếu tuyên thuyết pháp môn Tịnh độ thì lấy kinh

giáo Tịnh độ làm chỗ nương là đạo dễ hành (dị hành đạo). Nếu tuyên thuyết pháp môn khác, y vào những giáo pháp khác thì đạo khó hành (nan hành đạo), cho đến pháp giáo của Tịnh độ tông đại thể cũng xác định như thế. Đồng thời căn cứ vào pháp giáo này chúng ta mới biết, nói đến pháp môn tu tập chỉ có pháp môn Tịnh độ là phương tiện trong phương tiện và trực tiếp trong cái trực tiếp, đơn giản trong cái đơn giản, dễ hành trong cái dễ hành, ai ai cũng làm được, cho đến niệm Phật xưng danh nhất niệm hồi hướng đều được vãng sinh, vậy là trong Phật giáo Đại thừa đã khai sinh ra một tông phái đặc biệt. Do vậy mà biết được, công đức của ngài Đàm Loan cống hiến cho Tịnh độ tông quả thật là lớn lao!

Pháp môn Tịnh độ mà ngài Đàm Loan chủ xướng cũng chính ngài tu tập, chiêm nghiệm và hành trì chứ không phải nói lý thuyết suông, cho nên khi ngài lâm chung có rất nhiều tướng đẹp hiện ra. Truyền thuyết rằng: “Khi ngài lâm chung, Tăng, tục đều nghe nhạc điệu sáo đàn từ phía tây đến rồi lui về phía tây”. Nhờ vậy mà biết được ngài là một hành giả Tịnh độ đã vãng sinh Tây phương. Khi ngài biết trước mình sẽ lìa Sa Bà về Cực Lạc nên triệu tập đồ chúng đệ



tử khẩn thiết dạy bảo: “*Tứ sinh (thai, noãn, thấp, hóa) chẳng có ngày dừng nghỉ, các khổ địa ngục há chẳng sợ sao? Chín phẩm Tịnh nghiệp lẽ nào không tu?*” Chúng ta hiểu được những câu nói này, thật đáng làm điều răn cho mỗi người. Thử nghĩ và xét xem những câu dưới này: Các khổ địa ngục chẳng sợ, chín phẩm Tịnh nghiệp không tu thì sao có thể gọi là hành Tịnh độ? Làm sao có thể cao đăng liên phẩm?

Những tác phẩm của ngài Đàm Loan để lại đời sau gồm có bộ Vãng Sinh Luận Chú hai quyển, Tán Di Đà Phật kệ một quyển, Lược Luận An Lạc tịnh độ nghĩa một quyển. Ngoài ra, trong Tục Cao Tăng truyện có đề cập Điều khí luận, Kinh tịch chí trong Tùy thư có nói đến Liệu bách bệnh tạp hoàn phương ba quyển, Luận khí trị liệu phương một quyển, Nghệ văn chí trong Tống sử thì nêu Phục khí yếu quyết một quyển. Tất cả đều là do đại sư Đàm Loan trứ tác.

*(Trích trong Tư Tưởng Tịnh Độ tông của
HT. Thích Như Điển)*

*Pháp ngữ khai thị của
Đại sư Đàm Loan:*

Đại sư dạy:

“Ngoài bốn nguyện cầu sinh, lại cần phải phát lòng bồ đề, được vãng sinh hay không, lấy đây làm chỗ y cứ”.

“Tâm không nghĩ gì khác, nhất tâm tương tục, niệm Phật A Di Đà đủ mười số gọi là mười niệm”. Lại nói: “Niệm mười niệm này, dùng ghi nhớ niệm làm nghĩa, duyên theo tướng hảo của Phật, xưng danh hiệu Phật, dùng tâm niệm mười niệm tương tục, chuyên tâm vào Phật A Di Đà, rất là quan trọng”.

*Trích trong Niệm Phật Sinh Tịnh Độ của
T.T. Thích Chân Tính*

Có người hỏi:

1.Hỏi: “Thế nào là Thập niệm tương tục?

Đáp: Ví như có người ở nơi đồng vắng bị giặc cướp rút gươm rượt theo muốn giết, sợ hãi quá chạy thẳng miết đến một con sông. Đến đây người ấy thoáng nghĩ: “Nếu qua được sông này ta mới mong bảo toàn thân mạng, nhưng bây giờ để y phục lội sang hay là cởi bỏ? Nếu để y phục sợ e sông rộng vướng mắc lội không thoát, còn cởi bỏ thì không kịp vì giặc đuổi gần tới!” Bấy giờ người ấy chỉ có một niệm tìm phương tiện làm sao cho qua được sông thôi, tuyệt không có ý nghĩ chi khác.

Hành giả niệm Phật cũng như thế, chỉ chuyên tâm khẩn thiết niệm, không có tạp tưởng, tâm tâm nối nhau cho đến mười niệm, gọi là “Thập niệm tương tục”. Người niệm Phật khi bình thời nên ước hẹn với năm, ba bạn đồng tu, đến lúc lâm chung nhắc nhở trợ niệm lẫn nhau. Như thế sự vắng sinh mới có phần vững chắc.

2.Hỏi: “Chỉ dùng nhất tâm tương tục này chuyên chú quán tưởng tướng hảo của Phật Di Đà, như vậy làm sao biết được trước sau tổng cộng có bao nhiêu niệm? Như ban đầu quán

tướng tướng hảo của Phật Di Đà, giữa chừng xen tạp sự duyên khác, đợi sự duyên qua đi, lại nhiếp tâm quán niệm, như thế thì có thể tính ra số lần niệm, nhưng niệm trước niệm sau bị gián đoạn, cho nên không thành tương tục. Ngài đối với thập niệm này đầy đủ, xác nhận đó là điều then chốt để thành tựu sự nghiệp vãng sinh. Nếu ngưng tâm quán tưởng, lại nương vào đây có thể nhớ kỹ bao nhiêu niệm?”

Đáp: “Kinh nói thập niệm là nói hành nghiệp vãng sinh thành tựu, không cần phải biết số niệm, giống như con ve tuy nó sinh vào mùa hạ và cũng chết vào mùa hạ nên nó không biết có mùa xuân, mùa thu như người hiểu biết tự có thể biết rõ mạng số của nó. Mười niệm tương tục có thể thành tựu tịnh nghiệp vãng sinh, đây tuy là việc không biết của hàng phàm phu chúng ta nhưng nhìn từ lập trường của bậc chứng thần thông thì họ biết rõ ràng nó thành tựu hay không? Vì thế, hành giả chỉ nhất tâm không loạn, tích niệm tương tục, không duyên việc khác, lại có rãnh rỗi đâu mà đi phân biệt số niệm. Nếu cần biết thì cũng có phương tiện, đó là phải truyền miệng chứ không thể hình dung bằng bút mực.”

(Trích trong Quê Hương Cực Lạc của HT. Thích Thiện Tâm)

Đại sư Đạo Xước (562 - 645)

Đại sư họ Vệ, người Tịch Châu Cũng gọi Tây Hà thiền sư. Năm 14 tuổi, ngài xuất gia, học kinh luận, lại theo Toàn thiền sư tập tham thiền. Sau nhân về ở chùa Huyền Trang miền Bích cốc, ngài mến hạnh nghiệp của Đàm Loan pháp sư, thường lễ niệm sáu thời hướng về Tây ngòai tĩnh tọa. Đại sư định khóa niệm Phật ngày đêm bảy muôn câu. Có một vị tăng nhập định, thấy ngài cầm chuỗi chói sáng như hòn núi thất bảo. Ngoài ra, những điểm linh dị khác không thể kể xiết. Đại sư giảng Tịnh độ tam kinh gần vài trăm lượt, giảng xong đại chúng tán mác ra niệm Phật tiếng vang động khắp rừng núi. Cho đến mấy huyện ở gần, trẻ em từ bảy tuổi trở lên đều biết niệm Phật. Lúc Sư lâm chung, đại chúng thấy Hóa Phật giữa hư không, hoa trời rơi xuống như mưa, xem lại ngài đã tịch.



Như trên đã nói, thuyết trì danh niệm Phật vãng sinh Tịnh độ đặc biệt được ngài Đàm Loan chủ trương đề xướng ở phương bắc, nhưng người kế tục truyền thừa hoằng dương là đại sư Đạo Xước vào thời sơ Đường. Ngài Đạo Xước ra đời sau khi ngài Đàm Loan thị tịch 20 năm. Thời gian sau này tuy ngài là hành giả chuyên tu Tịnh độ nhưng trước tiên ngài xác định mình là một hành giả của tông Niết-bàn. Ngài không chỉ tinh thông kinh Đại Niết-Bàn mà từng giảng thuyết 24 lần nữa. Đến đời Tùy, niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ 5, ngài 28 tuổi mới vào pháp môn Tịnh độ. Ngài đã rời tông Niết-bàn mà vào tông Tịnh độ.

Trải qua thời gian đó, có lần ngài ở tại chùa Huyền Trung núi Thạch Bích, Vãn Thủy. Chùa này tuy không phải đạo tràng vãng sinh của ngài Đàm Loan nhưng do ngài kiến lập cho nên trong chùa có văn bia của ngài. Lời tựa văn bia nói sinh tiền ngài Đàm Loan chuyên tu Tịnh độ thế nào, khi lâm chung lại có các tướng tốt xuất hiện ra sao v.v... ngài Đạo Xước xem văn bia rất cảm động, do đó những lúc rảnh rỗi ngài Đạo Xước thường ngồi ở đây mắt hướng về tây, miệng tụng Di Đà không dứt.

Đến đời Đường năm Trinh Quán, có duyên giáo hóa đạo tục cả trước lẫn sau, ngài đã giảng hai trăm lần bộ kinh Quán Vô Lượng Thọ, chuyên lấy pháp môn Tịnh độ để dẫn dắt mọi người. Lời truyền: “Ngài khuyên mọi người niệm danh hiệu Phật Di-đà bằng cách dùng hạt đậu để tính số lượng, một lần xưng danh bỏ vào trong đấu một hạt, cứ như thế tích chứa cả trăm ngàn đấu” gọi là Tiểu đậu niệm Phật, đây là khởi đầu của việc lần tràng hạt niệm Phật ở Trung quốc, đến cả ngài và mọi người cứ tinh tấn không thôi. Truyền thuyết rằng: “Một ngày tụng Di-Đà giới hạn là bảy ngàn lần, tiếng tiếng chuyên chú, Tịnh độ được rộng truyền”. Có lần ngài hướng dẫn mọi người đồng niệm Phật, mọi người tay lần chuỗi miệng đồng niệm danh hiệu đức Phật, âm thanh niệm Phật vang cả núi rừng. Đây thật xứng với nghĩa danh Phật rền sơn dã, thánh hiệu dội trời cao. Ở đây đại sư Đạo Xước chuyên tu Tịnh độ, nhưng tư tưởng lý luận và bối cảnh như thế nào? Chúng ta muốn biết điều này phải khảo cứu bộ An Lạc tập do ngài trước tác.

An Lạc tập nói về tông Tịnh độ, thật là bộ luận thư rất quan trọng cho những ai tu Tịnh độ đều phải đọc. Đọc xong bộ này không



những tăng trưởng tín tâm với Tịnh độ và nếu như bất đồng tư tưởng với Tịnh độ thì cũng được hóa giải. Như lời mở đầu của An Lạc tập nói: “Trong bộ An Lạc tập này có tất cả 12 Đại môn, đều dẫn kinh luận chứng minh, khuyên tin vào sự cầu vãng sinh”, cho nên biết rằng bộ sách này rất quan trọng cho niệm Phật cầu vãng sinh. Tuy nói trọn bộ có 12 Đại môn, nhưng ý nghĩa chính yếu không ngoài ba điều:

1. Đả phá tà chấp, dị kiến
2. Phá trừ lý giải sai lầm của các luận sư
3. Mở bày con đường cho đời tương lai.

Năm Trinh quán thứ 3 (629), Sư biết trước ngày tịch nên họp chúng từ biệt. Khi bốn chúng đông đủ, bỗng thấy ngài Đàm loan hiện thân bảo cho biết là dư báo chưa hết, nên Sư lại tiếp tục sinh hoạt như thường. Vua Thái Tông từng đến Thái nguyên thăm Sư và ban cho nhiều báu vật. Đến năm 80 tuổi, sắc diện Sư vẫn hồng hào, thần khí sáng khoái, giảng giải về tịnh nghiệp, lý nghĩa thông suốt. Tháng 4 năm Trinh quán 19 (645) Sư viên tịch, thọ 84 tuổi.

Đại Sư có các vị đệ tử: Thiện Đạo, Đạo Phủ,

Tăng Diễn, Đạo Ngân. Tác phẩm trứ tác của ngài: Luận Tịnh độ 2 quyển, An Lạc tập 2 quyển.

Ngài được Thân Loan thánh nhân truy tặng Tổ sư thứ tư của Tịnh độ Chân Tông. Bấy giờ có Thích Đạo Phủ cùng ngài Đạo Xước đồng chí hướng, mỗi khi gặp nhau đều lấy sự vãng sinh Tịnh độ làm ước hẹn. Sau khi Thiền sư viên tịch ba hôm, Đạo Phủ nghe tin, than thở bảo: "Ta thường hẹn sẽ vãng sinh trước ông, nay kết cuộc lại đi sau, nhưng cũng chẳng ngại chi, chỉ cần gia công thêm một chút, tất sẽ theo kịp!". Nói xong tắm gội sạch sẽ, đến trước bàn Phật lễ nguyện trì niệm một lúc lâu. Kế đó lui ra, ngồi kiết già nơi thiền tòa, chấp tay xưng niệm danh hiệu A Di Đà mà hóa.

*(Trích trong Tư Tưởng Tịnh Độ tông của
HT. Thích Như Điển)*



Pháp ngữ khai thị của Đại sư Đạo Xước

Đại sư dạy: “Người tu tịnh nghiệp khi ngồi nằm không được xây lưng về hướng Tây, cũng không được hướng về Tây khạc nhổ cùng đại tiểu tiện. Bởi đã quy y về liên bang, nên tôn sùng miền kim địa, nếu lòng không trân trọng, đâu phải là chí nguyện cầu sinh?”

Nói rõ con đường khó làm và dễ làm.

Tất cả chúng sanh đang ở trong nhà lửa, tưởng tới thật rất lo sợ. Vì thế, bậc Đại Thánh dùng 3 xe để khuyến dụ ra khỏi nhà lửa. Xe dê và xe nai chở người ít, tạm gọi là chưa đạt đến kết quả cứu kính, Phật quả là tà chấp, làm chướng ngại cầu quả vô thượng Bồ Đề, dù muốn hướng về vẫn còn cách xa. Nếu chỉ thẳng xe trâu trắng chỉ sợ hiện ở địa vị lui sụt, đường đến còn xa, tự đức của mình chưa vững khó có thể thẳng

tiến. Vì thế, Bồ Tát Long Thọ nói: “Bồ Tát muốn cầu vị không lui sụt có hai con đường là đường dễ đi và đường khó đi.

Thế nào là con đường khó đi? Con đường khó đi là hành giả ở trong đời dữ năm trước, lúc không có Phật muốn cầu vị chẳng lui sụt thật khó. Cái khó này có rất nhiều, lược thuật năm điều cốt yếu:

a- Ngoại đạo đầy dẫy làm loạn pháp tu của Bồ Tát.

b- Hàng Thanh văn chuyên tự lợi làm chướng ngại lòng đại từ bi.

c- Người ác ngang nhiên phá hoại đức tốt của người khác.

d- Những hàng trời, người làm điên đảo thiện quả, phá phạm hạnh người.

e- Chỉ có tự sức mình, không có tha lực giúp.

Các việc như thế, chạm mặt có liền, ví như người đi trên bộ, mỗi bước đi nặng nhọc gian nan nên nói con đường khó đi.

Thế nào là con đường dễ đi? Người tin lời Phật dạy, nguyện vãng sanh về cõi Cực Lạc,

phát khởi lòng tin, làm các công đức, tu các hành nghiệp, nhờ năng lực đại nguyện của Phật, liền được vãng sanh. Nhờ vào năng lực Phật trụ trì, liền vào Đại thừa chánh định tu, đó là vị không lui sụt. Như người đi đường thủy, trên thuyền yên vui mau đến, nên gọi là đường dễ đi.

Nói về từ vô thí chúng sanh tạo nghiệp khổ thọ luân hồi

Trong Trí Độ luận nói: “Người đời từ vô thí kiếp đến nay luân hồi vô cùng, thọ thân vô số, ngay ở trong kiếp người hoặc ở gia đình họ Vương chết sanh vào nhà họ Trương, nhà họ Trương chết sanh vào nhà họ Lý, cứ như thế xoay quanh khắp cõi Diêm phù, hoặc sanh khác nhà hoặc sanh cùng nhà, hoặc ở Nam Diêm Phù Đề chết sanh về Tây Câu Da Ni, ba châu kia cũng lần lượt sanh đến sanh đi vô cùng. Rồi cõi người sanh về cõi trời Tứ Thiên Vương cũng như vậy. Hoặc Tứ thiên Vương chết sanh về Đạo Lợi thiên. Đạo Lợi thiên chết sanh về các Tứ thiên Vương khác. Sắc giới có 18 lớp cõi trời, Vô sắc giới có 4 lớp cõi trời, cứ ở đây chết sanh ở kia, tất cả lần lượt như vậy cả, có khi Sắc giới chết sanh về A Tỳ địa ngục. A Tỳ địa ngục chết sanh về các địa ngục



nhẹ hơn, hoặc địa ngục chết sanh lên ngạ quỷ, ngạ quỷ chết sanh làm súc sanh, súc sanh chết sanh lên trời người. Cứ như thế mà luân chuyển trong sáu nẻo chịu khổ, vui, quả báo vô cùng. Thai sanh đã vậy, loài noãn, thấp, hóa sanh kia cũng vậy.”

Kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Bồ Tát hóa sanh dạy các Thiên chúng rằng:

“Con người trải qua mấy ngàn kiếp,

Mê vui buông lung chẳng tu đạo,

Không biết phước xưa nay đã hết,

Rơi vào ba đường chịu khổ đau.”

Kinh Niết Bàn cũng nói: “Thân do khổ chứa nhóm, tất cả đều không sạch, chứa nhóm đầy u thoái, thật chẳng nghĩa lý chi, cho đến cả thân trời, đều cũng như thế cả. Vì vậy, muốn thoát khỏi thân ô trọc cần phải tu hạnh chẳng buông lung. Vì sao? Vì buông lung là gốc của các thứ ác, không buông lung là nguồn cội của việc lành, như làm tan bóng tối, ánh sáng mặt trời mặt trăng là sáng hơn hết; pháp chẳng buông lung là cao nhất của các pháp lành. Cũng như núi Tu Di là cao nhất hơn các núi khác, pháp chẳng buông lung lại cũng như thế, ở trong

các pháp lành là cao nhất, vì sao? Vì các ác pháp do phóng dật mà sanh, tất cả pháp lành đều do không buông lung mà sanh ra.

Có người hỏi: “Niệm hồng danh đức A Di Đà, có thể tiêu trừ nghiệp vô minh tăm tối và được vãng sanh; sao có người xưng niệm mà vô minh vẫn còn, lại không mãn nguyện, là duyên có gì?”

Đáp: Do không như thật tu hành, cùng với danh nghĩa không hợp nhau, ấy bởi chẳng biết Như Lai là thân thật tướng, là thân vị Phật. Lại có ba thứ không tương ứng, nên không được vãng sanh:

1. Lòng tin không thuần, khi còn khi mất.
2. Lòng tin không duy nhất thường đổi thay không quyết định.
3. Lòng tin không tương tục, hằng bị tạp niệm làm cho gián đoạn.

Cho nên khi niệm Phật phải nhiếp tâm đừng cho tán loạn, nếu niệm được tương tục là tín tâm, là nhất tâm, là thuần tâm. Niệm như vậy mà không vãng sinh, ấy là vô lý.

*(Trích trong Quê Hương Cực Lạc của
HT. Thích Thiện Tâm)*

Hỏi: Có người nói nguyện sanh về cõi uế giáo hóa chúng sanh, không nguyện vãng sanh Tịnh độ, việc ấy như thế nào xin vui lòng giải thích?

Đáp: Các người này chấp như những người trước. Vì sao? Vì nếu thân mình ở vào vị bất thoát rồi, dù dạy những chúng sanh tạp ác, dù ở chỗ uế nhiễm cũng không nhiễm, gặp ác không thay đổi, như con vịt vào nước, nước không thể làm ướt được. Những người như thế có thể ở cõi uế để cứu khổ chúng sanh. Nếu là hạng phàm phu, chỉ e tự mình đi còn chưa vững, gặp khổ thì thay đổi, muốn cứu người khác nhưng không biết bơi, nhảy xuống ướt người thì cả hai đều bị chết chìm, như bắt con gà bỏ vào nước làm sao khỏi ướt. Cho nên trong Luận Trí Độ có nói: “Nếu kẻ phàm phu vừa mới phát tâm liền nguyện ở cõi uế cứu tế chúng sanh, Phật không cho, vì sao vậy? Trong Thích Luận Bồ Tát Long Thọ nói: “Ví như tảng băng to 40 dặm, như có một người dùng một bó củi đốt, lúc ấy giống như có ít hơi ấm, nếu trải qua một đêm đến sáng dù có nhiều bó củi cũng biến thành băng.” Phàm phu phát tâm cứu khổ cũng như bó củi đốt trên tảng băng to kia không khác gì. Vì phàm phu ở cảnh giới tham sân, nghịch thuận rất nhiều, tự mình

khởi phiền não rồi tự độ vào ác đạo.

Hỏi: Có người cho rằng ở cõi Cực Lạc chỉ có điều vui, nếu ưa chấp vui, thì trở ngại việc tu, đâu cần nguyện vãng sanh làm gì?

Đáp: Đã nói Tịnh độ không có các uế, nếu nói chấp vui là tham ái phiền não làm sao gọi là Tịnh. Cho nên Đại Kinh nói: “Người trời ở cõi kia, tới lui, qua lại, không có lưu luyến tình cảm.” Trong 48 đại nguyện cũng nói: “Nhân thiên trong mười phương đã đến nước tôi, nếu còn khởi tưởng niệm tham kể thân mạng, thì tôi không ở ngôi chánh giác.” Trong Đại Kinh cũng nói: “Nhân thiên cõi nước kia không có thích mến.” Như vậy, người ở cõi Cực Lạc đâu có lý gì lại chấp vui. Điều đó hoàn toàn không có.

Hỏi: Có người cho rằng cầu sanh Tịnh độ là tiểu thừa có đúng không?

Đáp: Hoàn toàn sai lầm, vì trong giáo pháp Tiểu thừa, không nói và không tin sanh về Tịnh độ.

Hỏi: Có người cho rằng nên sanh về Đâu Suất, không nguyện sanh về Tây Phương việc ấy thế nào?



Đáp: Đâu Suất nội viện của Đức Di Lặc cũng gọi là Tịnh độ so với Cực Lạc Tịnh độ có đôi chút tương tự nhưng căn cứ vào thể thì khác nhau rất xa:

- Đức Thế Tôn Di Lặc vì Thiên chúng chuyển Pháp Luân Bất Thoái, người nghe pháp sanh lòng tin là được lợi ích lớn, gọi là tin đồng hưởng vui, nhưng số người không tin cũng nhiều. Lại nữa, tuy sanh về Đâu Suất Tịnh độ nhưng vị là lui sụt, cho nên Kinh nói: “Ba cõi không yên cũng như nhà lửa.”

- Vãng sanh Đâu Suất thọ mạng được bốn ngàn năm, sau khi mạng chung không khỏi đọa lạc.

- Trên cõi trời Đâu Suất tuy có nước chim cây rừng hòa âm thanh nhã, chỉ làm cho chư thiên sanh vui, thuận theo ngũ dục, không hợp thánh đạo. Nếu so sánh với cõi Tịnh độ Phật A Di Đà, một khi được sanh về, liền được vị không lui sụt và không cùng với người lui sụt ở chung. Quả vị cõi Cực Lạc là vô lậu ra khỏi ba cõi, không trở lại luân hồi. Luận về thọ mạng người cõi Cực Lạc sống lâu bằng Phật, không thể tính đếm. Ở cõi kia cũng có nước, chim, cây, rừng đều

có thể thuyết pháp làm người nghe liễu ngộ chúng vị vô sanh.

- Căn cứ vào Đại Kinh chỉ dùng một thứ âm nhạc để so sánh. Kinh khen ngợi âm nhạc cõi Cực Lạc như thế này: “Nếu đem so sánh âm nhạc đế vương ở đời với âm nhạc cõi trời lục dục, thì âm nhạc cõi trời lục dục hay hơn ức vạn bội, nếu đem âm nhạc cõi trời lục dục so với âm nhạc của bảo thọ ở cõi Cực Lạc phát ra so với âm nhạc cõi trời lục dục thì hay hơn ức vạn bội. Lại có pháp âm kỳ nhạc mẫu nhiệm thanh nhã vượt tất cả âm nhạc ở mười phương, nên phải chí thành huân tập.”

Hỏi: Có người cho rằng nguyên sanh 10 phương Tịnh độ hơn nguyên sanh về Tây Phương nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Nghĩa ấy không đúng. Có 3 ý để giải thích.

- Cõi Phật 10 phương đều là Tịnh độ, nhưng cảnh rộng thì tâm tối, phân vân trước nhiều đường rẽ, cảnh hẹp thì ý chuyên. Nên Kinh nói: “Phổ Quảng Bồ Tát bạch Phật Thế Tôn: Cõi Phật 10 phương đều nghiêm tịnh, vì sao trong các Kinh riêng khen ngợi cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà, khuyên bảo vãng sanh?”

Phật bảo Phổ Quảng Bồ Tát: Tất cả chúng sanh trước loạn thì nhiều, chánh niệm thì ít, muốn làm cho chúng sanh chuyên chí một chỗ, nên khen ngợi cõi Cực Lạc kia là chỗ đặc biệt khác lạ, nếu người nào theo ý nguyện vãng sanh mà tu hành đều có kết quả.

- Tịnh độ trong 10 phương đều là Tịnh độ, nhưng chỗ cạn chỗ sâu khó hiểu. Cõi Tịnh độ Phật A Di Đà là cõi Tịnh độ do Đại nguyện hóa độ mới thành lập. Vì sao được biết? Y theo kinh Hoa Nghiêm nói: “Một kiếp ở thế giới Sa Bà bằng một ngày một đêm ở thế giới Cực Lạc. Một kiếp ở thế giới Cực Lạc bằng một ngày một đêm ở Ca Sa Tràng thế giới. Lại nữa, Đức Phật A Di Đà mới thành đạo đến nay hơn mười kiếp.” Vì cõi Tịnh độ Cực Lạc mới trang nghiêm, tổng hợp những cái hay của các Tịnh độ khác nên chư Phật mới đặc biệt khuyên chúng sanh nguyện sanh về. Tịnh độ các phương đều không bằng cõi Cực Lạc, nên người có lòng tin đều nguyện vãng sanh về Cực Lạc.

- Cõi Phật A Di Đà là cõi Tịnh độ mới trang nghiêm, còn cõi Sa Bà là cõi uế cuối cùng. Vì sao biết được? Trong Chánh Pháp Niệm Kinh nói: “Từ đây về phía đông bắc có một

thế giới gọi là Tư Ha, đất ruộng chỉ toàn cát trắng, một năm chỉ có 3 lần mưa, mỗi lần mưa thấm ướt chừng 45 tấc. Cõi ấy chúng sanh chỉ ăn trái cây, lấy vỏ cây làm áo, cầu sống không được, cầu chết không xong. Lại có thế giới, có các loài hổ lang, cầm thú cho đến rắn rết đều có thể bay đi, gặp người là ăn thịt, không phân biệt thiện ác.” Hai cõi này gọi là nơi ban đầu của cõi uế. Nhưng Sa Bà là y báo hiện thánh đồng ở, điều đó cho thấy là uế độ thời cuối cùng. Cõi uế cuối cùng tiếp với cõi Tịnh mới trang nghiêm, hai cõi ấy liền nhau nên vãng sanh rất dễ. Vì sao không mau nguyện vãng sanh?

Hỏi: Kinh Đại Thừa nói: “Nghiệp đạo như cái cân, chỗ nào nặng thì kéo về đó trước, vì sao chúng sanh từ trước đến nay hoặc trăm năm, hoặc mười năm cho đến chừng một ngày, không có việc ác nào mà không tạo. Vì sao nói khi lâm chung gặp thiện tri thức chỉ cần 10 niệm tương tục liền được vãng sanh, như vậy thì chỗ nào nặng thì kéo về đó trước làm sao tin được?

Đáp: Ông nói một đời tạo ác nghiệp là nặng và người hạ phẩm hạ sanh tạo thiện trong mười niệm là nhẹ. Ở đây tôi dùng ý nghĩa để giải thích chỗ nặng nhẹ. Thật ra chỗ

nặng nhẹ đều căn cứ ở tâm, ở duyên hoặc ở quyết định mà không phải thời gian dài ngắn nhiều ít.

Vì sao gọi căn cứ ở tâm? Những người tạo tội kia chính họ đã y chỉ nội tâm hư vọng điên đảo mà sanh còn mười niệm này là y theo thiện tri thức, dùng phương tiện an ủi để nghe được phát khởi thật tướng mà sanh, một thật một hư làm sao so sánh với nhau được. Vì sao? Ví như nhà tối ngàn năm, ánh sáng nếu chiếu đến liền sáng tỏ, đâu có thể nói bóng tối đã ngự trị đây ngàn năm mà không tan đi. Cho nên trong Kinh Di Nhật Ma Ni Bảo nói: “Phật bảo Bồ Tát Ca Diếp! Chúng sanh tuy chìm đắm cả ngàn ức kiếp ở trong ái dục bị tội nghiệp che đậy, nếu nghe được kinh Phật, một khi đã niệm thiện, tội liền tiêu hết.” Vì thế, nên biết nặng nhẹ căn cứ vào tâm.

Vì sao gọi căn cứ vào duyên? Người kia khi tạo tội tự y chỉ vào vọng tưởng, y theo phiền não quả báo của chúng sanh mà sanh ra. Nay dùng 10 niệm này là y chỉ nơi vô thượng tín tâm, y theo danh hiệu công đức vô lượng thanh tịnh của Như Lai A Di Đà mà sanh ra. Ví như có người bị tên độc trúng xuyên gần thấu xương, nếu nghe

tiếng trống thuốc diệt trừ độc, thì tên tự nhỏ ra và độc tiêu trừ. Đâu có thể nói, vì tên độc kia cắm sâu và thuốc nhiều chất độc, nghe tiếng trống trừ độc mà tên không nhỏ ra, độc không tiêu trừ nên gọi căn cứ vào duyên.

Vì sao gọi căn cứ vào quyết định? Người kia khi tạo tội là tự y chỉ tâm hữu lậu và tâm gián đoạn mà sanh. Người niệm 10 niệm này là y chỉ nơi tâm vô lậu và tâm không gián đoạn mà phát khởi, đó là sự quyết định rõ ràng. Trong Trí Độ Luận nói: “Tất cả chúng sanh trong lúc sắp lâm chung, đau nhức như gió đao đến lóc thịt, cái khổ của chết đến bức bách, lòng rất lo sợ, nên khi gặp thiện tri thức, tâm phát khởi tin tưởng mạnh mẽ, mỗi tâm tiếp nối mười niệm, tức là tăng thượng thiện căn liền được vãng sanh.” Như có người bị vây khốn, phải đối địch phá vòng vây, đem hết sức bình sanh một mình một đao liễu chết công phá liền được thoát vòng, người dùng mười niệm tăng thượng căn lành lại cũng như vậy. Cũng thế, nếu người khi lâm chung sanh một niệm tà kiến làm ác tâm tăng thượng, liền bị nghiệp phước ở tam giới vào thẳng ác đạo.



Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Chúng sanh trong 10 phương, hết lòng tin ưa, muốn sanh về nước tôi, cho đến 10 niệm, nếu không được sanh thì tôi không ở ngôi Chánh Giác.” Ngày nay có người ở đời nghe lời dạy này, suốt đời toàn không niệm Phật, nghĩ rằng sắp đến lâm chung mới tu hành niệm Phật việc ấy như thế nào?

Đáp: Việc ấy không đúng, Vì sao? Kinh dạy: “Mười niệm liên tục giống như không khó. Như hàng phàm phu tâm như ngựa hoang, thúc như vượn chuyền, rong ruổi sáu trần, chưa bao giờ dừng nghỉ. Vì vậy, mọi người phải nên phát lòng tin, tự mình khắc niệm, làm cho có thói quen thành tánh, thiện tâm kiên cố. Phật bảo: Này Đại Vương! Người chứa nghiệp lành, khi chết không có niệm ác, như cây trốc gốc, ngã theo phía đã nghiêng.” Nếu khi sắp chết, gió đao đã đến, trăm khổ trối mình, nếu những tập khí trước không ở trong lòng thì làm sao có thể niệm cho được, vì thế lúc lâm chung cần có năm, ba người đồng tu dự bị hộ niệm, đến lúc mạng chung, nói lời pháp ngữ, xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, mỗi tiếng tiếp nối liền thành mười niệm. Ví như lấy ấn bằng sáp ấn vào bùn, ấn hoại thì vẫn

thành, mạng này khi đã dứt liền sanh về cõi nước An lạc, một khi đã vào chánh định tụ, lại còn lo gì nữa. Mọi người đã biết rõ việc lợi lớn như thế làm sao không dự bị niệm cho thuần thực, đợi đến lâm chung làm sao có đủ 10 niệm.

(Trích trong An Lạc Tập của ngài Đạo Xước)



Đại sư Tông Bồn

Đại sư họ Trần, hiệu Nhất Nguyên, quê quán ở Tứ Minh, thuở bé học Nho, thông về thi lễ. Năm 15 tuổi, mục kích cái chết của anh họ là Hủ Mộc xử sĩ, ngài thường lo nghĩ buồn sợ, muốn xuất gia học đạo để thoát sự sống chết luân hồi. Sau nhân đi lễ Phật ở Trà Đình tại Hàng Châu, ngài gặp một vị thiền sư, bèn thỉnh về nhà cúng dường đánh lễ thưa hỏi phương pháp tu hành. Thiền sư khen ngợi, khai thị cho môn niệm Phật. Khi ngài đã xuất gia, liền hết sức tham cứu, ngộ được chân tâm, trở lại chuyên tu Tịnh độ. Trong niên hiệu Long Khánh, Đại sư viết ra bộ Qui Nguyên Trực Chỉ, hoằng dương Liên Tông. Ông Lý Trác Ngô thường ca ngợi hạnh đức của ngài. Về sau, Đại sư ở ẩn, không rõ được ngày chung kết ra thế nào?



Đại sư nói: Niệm Phật không luận là hạng người nào, nếu nghĩ mình thuở bình sinh có nhiều điều ác mà tự bỏ không chịu tu hành là sai lầm! Niệm Phật không luận là thời gian nào, nếu cho rằng mình đã già sắp chết mà không chịu tu hành, là sai lầm! Niệm Phật bất câu là phương pháp nào, nếu lập ra một quy củ nhất định, bắt mọi người đều tuân theo, khiến cho sự tu hành của họ bị chướng ngại, là sai lầm. Nên biết pháp môn Tịnh độ chẳng lựa trí, ngu, sang, hèn, nghèo, giàu, chẳng phân nam, nữ, già, trẻ, tăng, tục, chẳng luận kẻ huân tập đã lâu hay mới tu hành, đều có thể niệm Phật. Hoặc niệm lớn, niệm nhỏ, niệm ra tiếng, niệm thầm, đánh lễ mà niệm, tham cứu mà niệm, nhiếp tâm mà niệm, quán tưởng mà niệm, lần chuỗi mà niệm, giữ hiệu Phật liên tục không dứt như dòng nước chảy mà niệm, cho đến đi niệm, đứng niệm, ngồi niệm, nằm niệm, ngàn muôn niệm đều về một niệm. Niệm theo cách nào cũng được, chỉ cần yếu là giữ cho lâu bền đừng lui sụt, và phát lòng tin quyết định, cầu sanh Tây Phương. Nếu quả hành trì được như thế, cần chi tìm bậc trí thức hỏi đường? Cho nên tu Tịnh độ có nhiều phương pháp, kết quả ra sao là

do chỗ xu hướng của tâm nguyện. Có thể gọi: “Đi thuyền cốt bởi người cầm lái. Hiểu được đồng về cõi tịnh liên!”

*(Trích trong Quê Hương Cực Lạc của
HT. Thiền Tâm)*



Pháp ngữ của Đại sư Tông Bồn

Tôi¹ thường suy nghĩ: “Chỗ lợi hại trong việc tu hành có bốn điều. Một là thầy dạy không sáng suốt, tà kiến phát triển, làm mất đi sự chân thật. Hai là không thực hành theo giới luật, khiến cho giềng mối rối loạn, phạm vào những điều nghiêm cấm. Ba là không thấu hiểu giáo lý, biện luận sai lệch ý nghĩa, làm cho kẻ khác mê lầm. Bốn là không tu các hạnh nguyện, mê lạc vào đường tà, rơi xuống đường ma. Do những điều ấy mà rất nhiều nghĩa lý bị rối loạn, sửa đổi, làm cho những kẻ hậu học phải như đui như điếc, không còn thấy nghe được Chính pháp, thật đáng xót thương thay! Ôi! Đạo Tổ từ lâu đã không truyền nối, muốn cho người ta không lầm lạc thật là rất khó!”

1 Lời ngài Tông Bồn



Chánh tín niệm Phật sẽ được vãng sinh

Sách Liên Tông Bảo Giám nói rằng: “Tâm thể chính là cõi Cực Lạc trải khắp mười phương. Tự tính là đức Di Đà tròn đầy trí giác. Mẫu nhiệm ứng theo thanh sắc nơi ngoại cảnh, tỏa sáng nơi tự tâm. Bởi vậy, bỏ mê vọng liền về chân thật, thẳng lìa trần ai tức là giác ngộ.” Thuở trước ngài Pháp Tạng phát lời nguyện lớn, khai mở con đường nhiệm mầu sang Cực Lạc. Cho nên đức Thế Tôn mới chỉ về phương Tây mà dạy cho bà Vi-đề-hy biết rõ cõi diệu huyền. Khi ấy, mười phương chư Phật đều hiện tướng lưới rộng dài mà xưng tán, nên báo trước rằng khi các kinh khác đều đã mất, sẽ chỉ riêng lưu lại bộ kinh A Di Đà bởi vì tâm hỷ xả làm lợi ích chúng sinh càng nhiều thì lượng từ bi ứng hóa càng thêm lớn. Giáo pháp phân chia chín phẩm, riêng mở phép tu này làm phương tiện; một lòng xét rõ, thật đây là nẻo tắt quay về nguồn cội. Thánh phàm gặp gỡ là duyên, như khách phương xa trở về quê cũ; cảm ứng giao thông là đạo, như trẻ thơ quần quít mẹ hiền.

Những ai mê muội không hiểu rõ lý này, đối trước ngoại cảnh thấy đều lấm lạc; những ai có lòng tin trọn vẹn, mọi sự ắt đều hiểu

thấu. Huống chi lại còn được sức nguyện lực khôn lường của đức Phật, phóng hào quang từ bi tiếp độ, như thuyền xuôi theo nước, chẳng cần nhọc sức; cửa đẩy cối rơi, quyết chắc như vậy. Đã lập nguyện tất được đón về, không cơ duyên nào không ứng tiếp, như tảng đá nặng nhờ thuyền có thể nổi trên mặt nước, như lửa địa ngục có thể nhờ sức niệm Phật mà tức thì diệt mất.”

“Hàng Bồ Tát, Thanh văn vãng sanh về cõi ấy số nhiều không kể xiết. Bậc hiền thánh từ trước về sau, người đắc đạo có thể thấy biết rất nhiều. Chim anh vũ, tần-già mà còn diễn xướng pháp âm nên những loài biết bay biết chạy, hẳn đều được nhờ ân lành giáo hóa.”

“Cảnh giới bậc thánh vốn không hư vọng; lời Phật nói ra không thể sai lầm. Vì sao lại chìm đắm giữa giòng sông ái luyến cuộn sóng mà chẳng biết lo; ở trong căn nhà lửa cháy bùng đốt thiêu hoại mà không sợ? Lưới si mê dày đặc, lưới gươm trí tuệ nếu không sắc bén làm sao chém phá? Mỗi nghi ngại trông sâu, đức tin nếu cạn cợt dễ đâu nhờ bỏ? Vậy nên cuối cùng rồi cam tâm nhứt chí, đành lòng mà nhận lấy tai ương. Với cõi thanh tịnh lại chê bai, với đời phiền não thì tham luyến!”



“Bướm thiêu, kén cháy, toàn chốn tai ương; cá vạc, chim lồng, lấy làm khoái lạc! Thầy đều là do ác nghiệp nặng hơn căn lành; gốc tội sâu hơn đức tin. Cho nên ba cõi mê mang, bốn loài lẫn lộn. Thầy đều vì tham sống mà lặn đận, nào biết đường về? Cuối cùng đều theo nghiệp mà lao đao, chẳng lo tìm cách thoát ra. Chết đi sống lại trong quá khứ đã vô số kiếp, đường luân hồi sắp đến cũng lâu xa không sao tính hết! Nếu chẳng nhờ duyên lành thuở trước, dễ đâu gặp được nhân này? Trống đánh mở cửa ngục tù, nên mau ra khỏi; gặp thuyền vớt nạn trăm luân, chớ nên chậm chạp. Kính thuận lời vàng, khéo nương học Phật. Những ai chẳng nghe, chẳng hiểu, thật đáng xót thương! Huống chi, cõi ác có năm món ô trược này, lửa đốt bốn bề, muốn được nhờ cứu vớt ra khỏi, duy chỉ có Phật mà thôi!”

“Đã được nghe pháp nhiệm mầu, nên trông lấy duyên thanh tịnh. Một niệm thành tín, muôn đức do đó vun bồi. Dù như hiền triết thuở xưa, cũng khó gặp được pháp chân thường. Mong sao mọi người đều theo như lời dạy, kính cẩn vâng làm, hết lòng đánh lễ tin nhận.”

Hỏi: Nói là tin, nhưng chưa biết tin ở pháp

môn nào?

Đáp: Tin ấy là dựa vào Phật thuyết trong kinh: Niệm Phật nhất định sanh về Tịnh độ. Tin niệm Phật, chắc chắn diệt được tội lỗi. Tin niệm Phật, chắc chắn được Phật hộ trì. Tin niệm Phật, chắc chắn được Phật chứng biết. Tin niệm Phật, khi lâm chung chắc chắn được Phật tiếp độ.

Tin niệm Phật vãng sanh, chắc chắn được địa vị không thoái chuyển. Tin niệm Phật sanh Tịnh độ, chắc chắn không đọa vào ba nẻo dữ. Vì vậy mà khuyên nên tin niệm Phật, tin nhận pháp này, thường niệm như thể này, chắc chắn được vãng sanh Tịnh độ. Bởi vậy cho nên ba đời chư Phật, chư đại Bồ Tát, các đời Tổ sư tu các công hạnh, đủ nguyện lực lớn, vào cảnh giới của Phật, thành tựu quả Bồ-đề, chưa có ai chẳng nhờ nơi một chữ tin ấy mà được vào.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Lòng tin là gốc của đạo, sanh ra các công đức. Lòng tin có thể nuôi lớn các căn lành. Lòng tin có thể vượt khỏi các đường ma. Lòng tin có thể đắc nhập vào đại định. Lòng tin có thể giải thoát khỏi biển sanh tử. Lòng tin có thể thành tựu quả Phật Bồ-đề.”



Than ôi! Người đời nay biết ăn chay, tin vào việc giữ giới, mà chẳng tin pháp niệm Phật; tin thờ Phật mà chẳng tin việc vãng sanh Tịnh độ. Như vậy đều là tự mình bỏ mất đi một điều lợi lớn! Cho nên kinh Duy Ma nói rằng: “Lòng tin sâu vững kiên cố cũng như chất kim cương.” Muốn đến cõi Tây phương, trước hết phải do lòng tin sâu vững. Hãy nhìn xem nơi các cõi thế giới thanh tịnh, chư Phật số đông như cát sông Hằng, thấy đều là những người trước đây đã từng gieo nhân chánh tín.

Luận về nguyên nhân, sự, lý của việc niệm Phật

Có người hỏi: Thầy thường khuyên người niệm Phật A Di Đà, vậy đức Phật ấy có nguyên nhân quá khứ như thế nào tôi chưa được biết?

Đáp rằng: “Nguyên nhân quá khứ của đức Phật A Di Đà được ghi chép rất nhiều trong kinh điển. Nay xin lược dẫn đôi điều để trả lời cho câu hỏi này.

Trong kinh Cổ Âm Vương có chép rằng: Trong kiếp quá khứ lâu xa, có nước tên Diệu Hỷ. Vua nước ấy tên Kiều Thi Ca, ông nội là quốc vương Thanh Thái, cha là Chuyển

luân vương Nguyệt Thượng, mẹ là Thù Thắng Diệu Nhan. Vương hậu sanh được ba người con trai: con trưởng là Nguyệt Minh, con thứ là Kiểu-thi-ca, con thứ ba là Đế Chúng.

Khi ấy, có Phật ra đời hiệu là Thế Tự Tại Vương Như Lai. Kiểu Thi Ca bỏ ngôi vua, xuất gia theo Phật, hiệu là tỳ-kheo Pháp Tạng. Ngài cung kính đối trước đức Như Lai phát bốn mươi tám lời nguyện lớn, rộng độ tất cả chúng sanh trong khắp mười phương. Nếu một trong các lời nguyện ấy không thành tựu trọn vẹn, ngài quyết sẽ không thành Phật. Khi ấy, chư thiên rải hoa trời, mặt đất chấn động, giữa hư không có tiếng ngợi khen, nên biết chắc ngài sẽ thành Phật.

Lại trong kinh Bi Hoa có chép rằng: Trong kiếp quá khứ có vị Chuyển luân vương tên là Vô Trách Niệm, có quan đại thần tên Bảo Hải, là bậc thiện tri thức của vua. Cả hai đều đến cúng dường đức Phật Bảo Tạng, phát tâm Bồ-đề. Chuyển luân vương phát nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, sẽ ở tại cõi thế giới thanh tịnh và an vui mà nhiếp thọ tất cả chúng sanh. Quan đại thần phát nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, sẽ ở tại



cõi thế giới xấu ác có năm sự uế trước khổ não mà độ thoát tất cả chúng sanh. Vua Vô Tránh Niệm chính là đức Phật A Di Đà, còn quan đại thần Bảo Hải chính là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Từ thuở ấy đã có sự hòa hợp giữa vua tôi, gọi là hai pháp môn điều phục và tiếp dẫn. Bởi vậy, đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở tại cõi Sa Bà mà điều phục chúng sanh, còn đức Phật A Di Đà ở tại cõi Tịnh độ mà tiếp dẫn chúng sanh.”

Kinh Pháp Hoa có ghi lại chuyện này: Vào thời quá khứ cách đây số kiếp nhiều như số hạt bụi nhỏ, khi đức Phật Đại Thông Trí Thắng ra đời, đức A Di Đà và đức Thích Ca từng ở trong số 16 vị vương tử thường giảng rộng kinh Pháp Hoa, phát nguyện cứu độ chúng sanh. Từ đó trải qua vô lượng kiếp, hai Ngài chẳng hề làm trái lời nguyện cũ. Nay các vị! Nên biết rằng ân sâu của hai vị Di Đà, Thích Ca, dầu cho tan xương nát thịt cũng chưa đủ báo đáp.

Lại hỏi: Trong mười phương có rất nhiều đức Phật, vì sao người đời chỉ niệm riêng đức Phật A Di Đà?

Đáp: Đức Phật A Di Đà, xét về lý cũng đồng với chư Phật nhưng về sự thì có khác, vì thế

nên chỉ niệm riêng danh hiệu Ngài.

Xét về lý, niệm một đức Phật cũng là niệm nhiều đức Phật, niệm nhiều đức Phật cũng là niệm một đức Phật. Vì sao vậy? Vì chư Phật đồng một bản thể. Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “Hết thảy chư Phật đồng một pháp thân chân như bình đẳng không phân biệt.” Chẳng phải là nói nghĩa này đó sao?

Nay tôi xin đưa ra một thí dụ để dứt lòng nghi cho ông. Như trong một căn nhà có treo trăm ngàn tấm gương. Giữa nhà đặt một ngọn đèn chiếu sáng, tức thì trong tất cả các tấm gương đều có ánh sáng của ngọn đèn. Cũng vậy, nếu người niệm một danh hiệu Phật A Di Đà tức là niệm đủ tất cả chư Phật.

Kinh Bát Châu Tam-muội dạy rằng: “Bồ Tát Bạt Đà Hòa hỏi đức Phật Thích Ca Mâu Ni: Chúng sanh đời vị lai làm sao được thấy chư Phật mười phương? Phật dạy nên niệm Phật A Di Đà thì sẽ được thấy chư Phật mười phương.”

Vì chư Phật đồng thể, cho nên nói là đồng danh đồng hiệu. Chẳng những chư Phật đồng danh đồng hiệu mà thôi, phải biết rằng trong hàng Tứ thánh, Lục phàm cũng



đồng lý ấy. Vì sao vậy? Chư Phật ngộ tánh ấy nên là thánh, chúng sanh mê tánh ấy nên là phàm, cho nên hết thảy đều đồng lý ấy. Xét về sự, đức Phật A Di Đà khởi lòng từ bi rộng lớn, hạnh nguyện sâu dày, cho nên riêng niệm danh hiệu của Ngài. Kinh Đại A Di Đà ghi lời nguyện của Ngài rằng: “Sau khi ta thành Phật, cõi đất nơi thế giới của ta trang nghiêm thù thắng hơn hết so với các cõi nước trong mười phương. Nếu không được vậy, ta quyết không thành Phật.”

Lại nguyện rằng: “Sau khi ta thành Phật, sự thuyết giảng kinh điển và tu hành đạo pháp đều nhiều hơn gấp mười lần so với chư Phật. Nếu không được vậy, ta quyết không thành Phật.”

Lại nguyện rằng: “Sau khi ta thành Phật, chúng sanh nào xưng niệm danh hiệu ta, chắc chắn sẽ sanh về nước ta. Nếu không được vậy, ta quyết không thành Phật.”

Vì sự phát nguyện lớn lao, nhân duyên mạnh mẽ nên cảm động người đời, khiến ai nấy đều xưng niệm danh hiệu Ngài.

Lại không nghe bài kệ xưng tán Phật của Bồ Tát Đại Từ đó sao? Kệ rằng:

Ba đời, mười phương Phật, A Di Đà bậc nhất.

Chẳng phải đúng như vậy sao? Chẳng những hàng Bồ Tát xưng tán, mà chư Phật mười phương cũng đều xưng tán, huống chi bọn chúng ta chỉ là hạng phàm phu hèn kém? Bởi đó suy ra, việc chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà còn có gì phải nghi ngờ nữa?

Lại hỏi: Nói rằng những người niệm Phật khi lâm chung được Phật đến tiếp dẫn. Nhưng trong mười phương thế giới có vô số người niệm Phật, làm sao biết được tất cả mà đúng lúc hiện đến tiếp dẫn?

Đáp: Ví như mặt trời, mặt trăng trong một tiểu thế giới, ánh sáng còn chiếu soi được khắp muôn loài, huống chi là hào quang của đức Phật? Kinh A Di Đà chép rằng: “Vì sao đức Phật ấy có hiệu là A Di Đà? Đây Xá-lý-Phất! Đức Phật ấy hào quang sáng suốt vô lượng, chiếu khắp các cõi mười phương, không gì ngăn che được, vậy nên có hiệu là A Di Đà.”

Nên biết rằng hào quang của Phật tỏa rộng không chi so sánh được. Những vị A-la-hán hàng Tiểu thừa còn có được Tam minh, Lục thông, có thể tùy ý hóa hiện, huống chi là thần thông diệu dụng của Phật. Vì sao vậy?

Thân thường lễ Phật thì được Phật nhìn thấy, vì Phật có thiên nhãn thông. Miệng thường niệm Phật thì được Phật nghe biết, vì Phật có thiên nhĩ thông. Lòng thường nhớ nghĩ đến Phật thì được Phật thấu biết, vì Phật có tha tâm thông. Này các vị! Chỉ cốt tự mình bền chí, kính cẩn tu trì, không nên nghi ngờ Phật không đủ sức tiếp dẫn.

Lại hỏi: Phật có hào quang vô lượng, vì sao tôi không nhìn thấy?

Đáp: Mặt trời sáng rực nhưng kẻ mù không nhìn thấy. Đó chẳng phải do mặt trời thiếu sáng, mà do kẻ ấy bị mù. Chúng sanh bị nghiệp ác sâu dày che lấp nên không thấy được hào quang của Phật. Như sự tối tăm bên trong cái chậu úp là do bị ngăn che, không phải do ánh sáng mặt trời không muốn chiếu đến.

Nếu người giữ gìn trai giới tinh nghiêm, hết lòng niệm Phật thì lúc lâm chung được nhìn thấy Phật A Di Đà, liền được vãng sanh Tịnh độ.

Lại hỏi: Đức Phật đã có công đức như vậy, cần gì phải cất tiếng niệm liên tục? Ví như có ai gọi tên tôi, bất quá cũng chỉ gọi một, hai hay ba tiếng mà thôi. Nếu gọi mãi

không ngừng ắt phải làm cho tôi phát bực tức, chẳng phải vậy sao?

Đáp: Lập luận của ông như thế là sai lầm, khiến cho người khác phải lẫn lộn, mê hoặc. Danh hiệu của chư Phật là bậc Đại thánh, làm sao có thể so sánh như hạng phàm tục ngu si đắm chấp trong thường kiến? Trước đây đã có nói rõ lời nguyện của Phật rằng: “Xưng niệm danh hiệu của ta, chắc chắn được sinh về cõi nước của ta.”

Trong Quán kinh dạy rằng: “Niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật có thể diệt được tất cả tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử.” Huống chi là niệm liên tục không dứt!

Kinh A Di Đà dạy rằng: “Nhờ xưng danh hiệu Phật nên các tội đều diệt mất.” Phẩm Thế Chí Viên Thông dạy rằng: “Nhớ tưởng đến Phật, niệm Phật, chắc chắn được thấy Phật. Trên là bậc nhất tâm bất loạn, chuyên trì danh hiệu; dưới cũng đạt đến thập niệm thành công, vắng sanh Tịnh độ.”

Lẽ nào có thể để cho những kẻ nhiều chuyện nói ra lời sai trái? Nay vì sao mà tôi khuyên người thường niệm danh hiệu Phật? Trước hết là để gột sạch nghiệp ác nơi miệng, rồi sau mới có thể làm cho trong sạch thân tâm.



Than ôi! Kẻ phàm phu khi niệm Phật mà còn có những ý tưởng xấu khởi lên, hướng chi là không niệm Phật? Nay tôi quán xét thấy rằng, chẳng những là niệm tưởng đến đức Phật bên ngoài, mà cũng chính là tự thức tỉnh bản tâm, đừng mê muội không thấy được bản tánh. Ngay khi không còn mê muội bản tánh thì ba nghiệp tự nhiên thanh tịnh. Khi ấy, Phật A Di Đà với ta đồng một thể, không khác gì nhau; ta với Phật A Di Đà xưa nay vốn chẳng phải hai, chưa từng phân biệt. Đó chính là sự cảm ứng tương thông trong đạo, như mẹ con gặp nhau; sự và lý đều rõ ràng, tánh và tướng đều gồm đủ.

Đại sư U Khê

Ngài U Khê tức là Truyền Đăng Đại sư, một cao tăng sống vào đời Minh (1368-1644), người ở Tây An, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, họ Diệp, hiệu Vô Tận.

Thuở nhỏ, xuất gia nơi ngài Tiến Hiến Ánh Am, sau học giáo pháp Thiên Thai nơi ngài Bá Tùng. Năm 1582 đời Minh, nhân thừa hỏi ngài Bá Tùng yếu chỉ Lăng Nghiêm Đại Định, thấy ngài Bá Tùng trừng mắt nhìn quanh, chợt khế nhập, được truyền cà sa tía viền vàng.

Năm 1587, ngài chọn chùa Cao Minh ở U Khê, núi Thiên Thai, lập Tổ Đình Thiên Thai, dạy dỗ học tăng, nghiên cứu tu tập Thiền và Tịnh độ. Ngài thường thẳng đường giảng pháp. Khi ngài nhận chức Thụ Nghĩa trước tượng Đại Phật tại Cao Xương,



cả hội chúng đều nghe tiếng thiên nhạc vang rền. Bình thời ngài thường tu các sám pháp: Pháp Hoa, Đại Tỳ, Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm... mỗi năm thực hành 4 pháp Tam Muội. Khi lâm chung, ngài viết 5 chữ “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”, xướng to đề kinh 2 lần rồi lặng lẽ thị tịch, thọ 75 tuổi. Về năm sinh và năm mất của ngài thì không rõ.

Tác phẩm của ngài gồm có: Tịnh độ Sinh Vô Sinh Luận, Lăng Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa 4 quyển, Thiên Thai Sơn Phương Ngoại Chí 30 quyển, Lăng Nghiêm Kinh Viên Thông Sớ 10 quyển, Tánh Thiện Ác Luận 6 quyển, A Di Đà Kinh Lược Giải Viên Trung Sao 2 quyển, Duy Ma Kinh Vô Ngã Sớ 12 quyển, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Chú 2 quyển. Riêng quyển Tịnh Độ Sinh Vô Sinh Luận về sau được Ngẫu Ích Đại Sư xếp vào bộ Tịnh Độ Thập Yếu.

(<http://www.niemphat.net/>)

*Pháp ngữ khai thị của
Đại sư U Khê*

Tất cả pháp môn tu hành đều là tên thuốc để trị bệnh mà Như Lai giả lập ra. Do vì bệnh nhiều nên thuốc cũng lắm. Muốn tìm cầu con đường thẳng tắt nhưng lại chính yếu nhất, thì không gì hơn pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Có thể nói đây là bí quyết để mau thành tựu Phật đạo bởi vì muốn thoát ly sanh tử, cần phải nhờ vào ba lực, đó là Tự lực, Tha lực và Công đức lực.

Nếu chỉ cốt mong khai mở được Tâm địa, xé thủng lưới Vô minh, ra khỏi sông Ái dục mà làm Phật làm Tổ thì gọi là Tự lực. Đây là những bậc Long tượng của Tông môn, Đại trượng phu trong Phật pháp. Những người đó, là những bậc Đại Bồ-tát, Thanh văn, bậc đại Tổ sư trong thời Phật tại thế

hay thời kỳ Chánh pháp. Trong thời Tượng pháp, Mạt pháp, căn khí chúng sanh ngày càng hạ liệt, có người tu nhưng không liễu ngộ, hoặc có liễu ngộ nhưng không sâu xa. Quán chiếu tự tâm tựa hồ giải thoát, nhưng khi đối cảnh lại vẫn hoàn mê.

Dẫu có không mê thì cũng chẳng khác nào đồ gốm chưa nung. Bồ Tát còn mê khi cách ẩm, Sơ quả còn muội lúc thập thai, thì Bác địa phàm phu hèn gì không trôi theo dòng Nghiệp. Đó là tự lực nhưng nào có ích chi, xuất trần nhưng làm gì có xuất. Một sai lầm thì muôn ngàn sai lầm, thật là ớn lạnh!

Thế nên, chư Phật, Bồ Tát mới lập bày phương tiện, thi thiết ra pháp môn nương nhờ tha lực. Đối với pháp môn này, kinh luận diễn thuyết cũng nhiều, bao phen dặn đi dặn lại, hết lời tán thán ngợi khen. Tổ Tổ hoàng dương, người người sùng phụng. Chỉ có một môn Niệm Phật cầu sanh Tây phương mới là cứu cánh. Mỗi lời mỗi lời đều xiển dương Duy tâm Tịnh độ, từng câu từng câu đều diễn thuyết Bốn tánh Di Đà. Kẻ ngộ thì liễu tâm chúng sanh, tâm Phật hoàn toàn bình đẳng; tâm độ Phật đạo nào có khác đâu. Người tu thì đạt được Diệu quán và Diệu cảnh khế nhau, Tự lực

và Tha lực cùng có. Huống gì là Công đức tự lực vốn có. Tánh cụ từ vô tử nhân đây mà rõ ràng, công đức từ muôn đời nhờ đây mà đồn phát. Cho nên mãi báo Sa Bà thì Tịnh độ hiện tiền, hóa sanh trong hoa sen mà không mê trong sanh ảm. Một nhập thì vĩnh viễn nhập, chẳng bao giờ còn thoái chuyển. Vì vậy mà những người vãng sanh đều là A bệ bạt trí, đông không kể xiết. So với sự nhập đạo ở Sa bà, thì trong cõi này cảnh trần thô trước, ác đảo hiểm nạn ở đâu cũng có, nên cố nhiên không như cõi Cực Lạc. Thế nhưng, nói không khó, thực hành mới khó. Đây chính là chỗ người xưa chỉ dạy, người nay nên theo. Dương Thứ Công nói rằng: “Ái không nặng thì không sanh Sa bà, niệm không nhất thì không sanh Cực Lạc”.

“Phàm niệm Phật chính là làm cho cái tâm của mình chuyên nhất. Cần phải khấn thiết trì danh, chuyên tâm bất loạn. Còn như có chí nguyện mà không thường niệm, niệm nhưng không chuyên nhất, thì chẳng khác nào bị tình ái dẫn đi. Hễ làm cho tâm ái nhẹ đi tức là loại trừ được vọng tưởng, chặt đứt được tình căn, thoát ra khỏi lưới Ái. Còn như niệm không nhưng không thể quên, quên nhưng không quên hết, thì chẳng



khác nào tâm không được chuyên nhất. Sa bà còn một niệm Ái nặng, thì khi lâm chung bị niệm Ái này dẫn dắt, hưởng gì là nhiều tâm Ái ư? Cực Lạc còn một niệm không chuyên nhất, thì khi lâm chung bị niệm này lưu chuyển, hưởng gì còn nhiều niệm ư?

Ái có nhẹ, có nặng, có mỏng, có dày, có chánh báo, có y báo. Đơn cử trước mắt như: Cha mẹ, vợ con, anh em bè bạn, công danh phú quý, văn chương thi phú, đạo thuật nghề nghiệp, ăn uống, áo quần, nhà cửa vườn ruộng, suối rừng hoa cỏ, của cải bạc vàng, nhiều không kể xiết. Hễ còn nhớ nghĩ một vật tức là còn tâm Ái tức niệm không chuyên nhất. Hễ còn một niệm không chuyên nhất thì không được vãng sanh. Ôi! Hai câu “Ái không nặng thì không sanh Sa Bà, niệm không nhất thì không sanh Cực Lạc” thật là kim vàng chữa bệnh mờ mắt, là Thánh dược trị bệnh nan y. Nhưng người có chí nguyện cầu sanh Cực Lạc, nên viết trên vách, khắc trong xương, ngày ngày cung kính đọc tụng, niệm niệm cần phải khắc ghi. Ái của Sa bà ngày càng nhẹ, niệm của Cực Lạc ngày một chuyên, thì đó lại đã nhẹ lại càng nhẹ hơn để đạt đến vô niệm; đã chuyên nhất lại càng chuyên nhất để đạt đến chỗ cùng tốt. Dù chưa ra khỏi Uế

độ nhưng không phải là khách ở mãi trong Sa bà, tuy chưa sanh trong Bảo sở nhưng đã là tân khách ở Cực Lạc. Lâm chung chánh niệm hiện tiền thì chắc chắn vãng sanh Cực Lạc.

Có người hỏi rằng: Phải chăng là làm cho Ái được nhẹ?

Đáp: Làm cho Ái được nhẹ đâu bằng làm cho niệm chuyên nhất.

Hỏi: Vậy thì làm cho niệm chuyên nhất là đúng ư?

Đáp: Làm cho niệm chuyên nhất đâu bằng làm cho Ái được nhẹ.

Có người mĩa mai rằng: Sư nói kiểu chuột có hai đầu, người học không biết phải theo đầu nào mới đúng đây.

Sư đáp: Đó không phải là hai đầu, mà muốn nói đến Nhất niệm. Bởi vì, sở dĩ niệm không chuyên nhất là do tán tâm chạy theo duyên mà ra. Tán tâm chạy theo duyên là do loạn tưởng chạy theo cảnh mà có. Sa bà có một cảnh thì chúng sanh có một tâm, chúng sanh có một tâm thì Sa bà có một cảnh. Muôn duyên náo động bên trong nên rong ruổi tìm cầu ở bên ngoài. Tâm và cảnh



theo nhau, thì Ái giống như trần sa. Cho nên muốn làm nhẹ tâm Ái đó thì gì bằng đoạn cái tâm duyên theo cảnh đó. Muôn cảnh đều định, vạn duyên đều tịnh thì Nhất niệm tự thành. Nhất niệm mà thành thì Ái duyên đều dứt. Cho nên nói: “Muốn làm chuyên nhất cái niệm của mình thì không gì hơn làm nhẹ cái tâm Ái của mình. Muốn làm nhẹ tâm Ái của mình thì không gì hơn làm chuyên nhất cái niệm. Cái thể của Ái và Niệm không cùng tồn tại, giống như tướng sáng và tối đối nghịch nhau”.

Có người hỏi: Bít lấp muôn cảnh có đúng chăng?

Đáp: Ta nói bít lấp muôn cảnh là không phải ngăn trừ vạn hữu, cũng không phải là nhắm mắt không nhìn, mà chính là gặp cảnh thì phải liễu tri rằng nó rỗng không, gặp gốc thì phải thấu triệt được ngọn.

Vạn pháp vốn chẳng tự có, sở dĩ có là do tình chấp. Cho nên tình có thì vật có, tình không thì vật không. Một khi vạn pháp rỗng không thì bản tánh hiện tiền. Bản tánh hiện tiền thì tình niệm liền dứt. Nó vốn tự nhiên như vậy chứ không hề miễn cưỡng. Kinh Lăng Nghiêm gọi đó là cái Thấy và cảnh

bị thấy đều là tướng vọng tưởng, như hoa đốm giữa hư không, vốn không thật có. Cái thấy và cảnh bị thấy này nguyên là thể giác ngộ nhiệm mầu thanh tịnh sáng suốt. Như vậy thì tại sao trong đó lại có phải có quấy? Do đó, muốn dứt lấp cảnh này thì không gì hơn liễu đạt được vật lớn rộng không thì tình chấp tự dứt. Tình chấp mà dứt thì Ái chấp không sanh, mà đó chỉ là do tâm hiện, và niệm chuyên nhất được thành tựu.

Trong Kinh Viên Giác chép: “Biết huyền liễn là, chẳng bày phương tiện, là huyền tức giác, vốn chẳng thứ lớp. Cái này mất đi, cái kia tồn tại, không thể suy lường, hiệu nghiệm mau chóng, giống như đánh trống”. Vì vậy người học cần nên dốc tâm nghiên cứu.

Lại hỏi: Làm nhẹ tâm Ái và làm cho niệm chuyên nhất giống nhau hay khác nhau?

Đáp: Có thể làm nhẹ tâm Ái cõi Sa Bà nhưng chưa chắc đã có thể làm chuyên nhất niệm ở Cực Lạc. Có thể làm chuyên nhất niệm ở Cực Lạc tất có thể làm nhẹ tâm Ái ở Sa Bà. Đây là đứng giữa có chí nguyện và không chí nguyện mà nói như vậy. Chứ thật ra tâm Ái nếu không phải Nhất niệm thì

không thể quên. Niệm nếu chẳng phải quên Ái thì không chuyên nhất. Vì vậy phương pháp hành trì hỗ tương cho nhau không hề gián đoạn.

Lại hỏi: Như làm nhẹ tâm Ái thì được rồi, còn làm cho niệm chuyên nhất thì sao?

Đáp: Phương pháp làm cho niệm chuyên nhất có ba, đó là Tín, Hạnh và Nguyện. Không nghi ngờ gọi là Tín. Nếu còn một nghi ngờ thì tâm không thể nào chuyên nhất được. Do đó khi cầu sanh Tịnh độ, thì tâm thuần tín đứng đầu. Thế nên hành giả cần phải tụng khắp Kinh điển Đại thừa, học rộng giáo môn chư Tổ. Để gặp những kinh sách luận về Tịnh độ, đều phải nghiên cứu kỹ lưỡng. Liều đạt được Cực Lạc nguyên là Tịnh độ duy tâm của chính mình chứ không phải ở cõi khác. Thấu triệt được Di Đà nguyên là chân thân Phật của chính bản tánh chúng ta chứ không phải đức Phật nào khác. Tóm lại có hai ý, một là liễu ngộ được Diệu Hữu châu biến cùng khắp đó là cội gốc cho việc ưa thích cõi Tịnh; hai là liễu ngộ được Chân Không là xa tất cả là nền tảng cho việc xả bỏ cõi Uế.

Thuần tín giống như con mắt để nhìn, tu

hành giống như đôi chân để đi. Tín mà không hạnh, cũng như có mắt mà không có chân. Hạnh mà không có Tín, cũng như có chân mà không có mắt. Cho nên khi có Tín giải đầy đủ, cần phải niệm Phật tu hành, giống như có đủ mắt và chân thì mới có thể đến được Cực Lạc. Hạnh môn có hai, đó là Chánh hạnh và Trợ hạnh.

Chánh hạnh có hai:

1. **Xưng danh:** Như trong kinh Tiểu Bản Di Đà nói đến Thất nhật trì danh, Nhất tâm bất loạn, có cả Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Nếu miệng xưng niệm danh hiệu Phật, buộc tâm bất loạn, giả sử tâm duyên theo ngoại cảnh, thì phải nhiếp tâm về lại với câu niệm Phật. Chỗ này cần phát sinh tâm quyết định mới thành. Dứt trừ niệm vọng đời sau, vứt bỏ hết việc đời, buông bỏ các tâm duyên, khiến cho tâm niệm dần dần tăng trưởng. Từ dần dần cho đến lâu ngày, từ ít mà trở thành nhiều, từ một ngày hai ngày cho đến bảy ngày, đến khi nào Nhất tâm bất loạn mới thôi. Đây chính là Sự nhất tâm.

Nếu được như vậy rồi, tức là Tịnh nhân của Cực Lạc đã thành tựu. Lúc sắp mạng chung nhất định có chánh niệm, thân không có

bình khổ, không bị ác nghiệp trói buộc, biết trước giờ chết, thân tâm hoan hỷ, an nhiên mà đi, ngồi thẳng mà mất. Lại đích thân thấy Phật Di Đà phóng quang tiếp dẫn, tất sanh về Tịnh độ. Lý nhất tâm cũng chẳng có gì khác cả, chỉ có điều trong Sự nhất tâm, niệm niệm đều liễu đạt được Tâm năng niệm, Phật sở niệm, ba đời đều bình đẳng, mười phương đều hỗ dung, chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải tự, chẳng phải tha, không đến không đi, không sanh không diệt. Tâm của một niệm hiện tiền chính là Tịnh độ của vị lai. Niệm mà chẳng niệm, chẳng là niệm mà niệm. Vô sanh nhưng mà sanh, sanh nhưng mà vô sanh. Ngay trong chỗ không thể niệm đó đồng mãn cầu sanh. Đó là trong Sự nhất tâm lại hiển bày Lý nhất tâm.

2. Quán tưởng: Như trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có nói rất đầy đủ 16 cảnh Sở quán. Quan trọng nhất trong pháp quán Phật đó chính là quán Phật Di Đà thân cao một trượng sáu, toàn thân có màu Tử Ma Kim bao phủ, đứng trên hoa sen duỗi tay để tiếp dẫn. Thân Ngài có 32 tướng của đại nhân, mỗi tướng có 80 vẻ đẹp tùy hình. Quán tượng như vậy cũng có Tượng và có Lý. Sự quán thì buộc tâm theo Phật. Trước

tiên quán dưới chân Phật bằng phẳng như đáy chậu, kể đến quán tướng ngàn nan hoa dưới lòng bàn chân. Như vậy mà lần lượt quán ngược lên đến tướng nhục kế trên đỉnh đầu. Lại từ tướng nhục kế mà quán xuống đến tướng bằng phẳng dưới lòng bàn chân. Trong lúc quán phải phân minh rõ ràng không được tán tâm.

Còn như Lý quán, trong kinh chép: Chư Phật Như Lai là pháp giới thân, thể nhập trong tâm tướng của tất cả chúng sanh. Cho nên lúc tâm tướng đến Phật, thì tâm tức là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Khi tâm tác quán Phật thì tâm ấy là Phật. Nghĩa lý này có nói rõ trong “Vi Diệu Tam Quán”. Như trong Quán Kinh Sở Diệu Tông Sao nói rằng: Hai thứ chánh hạnh này phải ngay trên tướng mà tiến tu. Trong lúc đi đứng nằm ngồi phải nhất tâm xưng niệm danh hiệu. Trong lúc ngồi kiết già phải tâm tâm tác quán. Đi mệt thì ngồi kiết già mà quán Phật, ngồi xong lại đi kinh hành mà xưng niệm. Nếu trong bốn oai nghi tu hành không gián đoạn, thì nhất định được vãng sanh.

Trợ hạnh cũng có hai:

Hạnh của thế gian: Như hiếu thuận với cha



mẹ, làm những việc nhân từ, tâm từ không sát hại, giữ gìn các giới cấm, tất cả các việc làm lợi ích đó, nếu đem hồi hướng về Tây phương Tịnh độ, thì đó đều là nhân hạnh trợ giúp cho đạo quả.

Hạnh xuất thế gian: Như lục độ vạn hạnh, vô số các công đức khác, đọc tụng kinh Đại thừa, tu tập các sám pháp, cũng cần phải dùng tâm hồi hướng để trợ tu, thì đó đều là nhân hạnh của Tịnh độ.

Lại có một thứ trợ hạnh vi diệu nữa, đó là: Ngay trong lúc phan duyên theo ngoại cảnh, ở bất cứ nơi nào cũng phải dụng tâm. Như gặp quyến thuộc, phải tác quán đó là pháp quyến của Tây phương, dùng pháp môn Tịnh độ mà khai hóa, dẫn dắt họ, khiến cho tâm Ái nhẹ đi, niệm được chuyên nhất. Họ mãi mãi là quyến thuộc Vô sanh trong tương lai.

Nếu lúc khởi tâm ân ái, thì phải nhớ nghĩ rằng quyến thuộc của Tịnh độ không có tình ái, đâu phải đến lúc vãng sanh Tịnh độ mới xa lìa ân ái này?

Nếu lúc khởi tâm sân hận, thì phải nhớ nghĩ rằng quyến thuộc của Tịnh độ không có chỗ nào, đâu phải đến lúc vãng sanh Tịnh độ mới lìa tâm sân hận này?

Nếu lúc chịu khổ, phải nhớ nghĩ rằng Tịnh độ không có các thứ khổ, chỉ có an vui; khi được an vui phải nhớ nghĩ rằng sự an ủi trong cõi Tịnh độ không thể tính kể, không có đối đãi.

Lúc phan duyên theo ngoại cảnh đều dùng những tâm niệm tương tự như vậy tùy cảnh mà tác quán, thì bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu cũng đều là trợ hạnh của Tịnh độ.

Thứ ba là Nguyên. Con thuyền Tịnh độ cần phải dùng Tín làm bánh lái, Hạnh làm cột buồm mái chèo, Nguyên làm cánh buồm đón gió. Nếu không có bánh lái thì không thể điều khiển con thuyền đi đúng hướng. Nếu không có cột buồm mái chèo, thì thuyền không thể chuyển động. Nếu không có cánh buồm đón gió thì thuyền không thể cõi sóng lướt tới. Cho nên sau Hạnh phải nói đến Nguyên.

Nguyên có chung, riêng, rộng, hẹp, có cùng khắp, có hạn cuộc. Chung, chẳng hạn như Cổ đức lập ra lời văn nguyện riêng. Rộng, như bốn hoằng thệ nguyện, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Hẹp, như mỗi người tự lượng sức mình mà quyết chí vãng sanh. Hạn cuộc, như tụng theo thời

khóa, theo chúng mà phát nguyện. Cùng khắp, thì lúc nào cũng phát nguyện, ở đâu cũng phát tâm, nhưng cần phải tương ứng với bốn hoằng thệ nguyện, không được tự ý tự chuyên mà vọng lập ra.

Nhìn chung các nguyện được phát ra, thì riêng thù thắng hơn chung. Bởi vì phát nguyện của người khác. Còn phát nguyện riêng thì tự mình phát tâm. Thế nhưng còn tùy theo lời văn phát nguyện chung đó mà sanh quyết chí, thì tuy chung nhưng lại mà riêng. Nếu trong lời văn phát nguyện riêng mà được nhiều người phát nguyện giống như vậy thì riêng đã trở thành chung. Lại nữa, phát nguyện rộng thì thù thắng hơn phát nguyện hẹp. Rộng từ phát tâm Từ lớn được quả cao, hẹp thì phát Bi nguyên căn cho nên được quả thấp. Lại phát nguyện cùng khắp thì thù thắng hơn phát nguyện hạn cuộc, vì hạn cuộc thì thường bị gián đoạn, cùng khắp thì niệm niệm đều viên thành.

Ba cách phát nguyện như vậy, đủ để kỳ vọng sanh Tịnh độ, mau được thấy Phật Di Đà. Tất cả pháp môn Tịnh độ đều không ngoài ở đây.

*Trích từ “Tịnh Độ Tùng Thư” của
Đại sư U Khê*

Đại sư Đạo Phái

Ngài hiệu Vi Lâm, họ Đinh, người xứ An Nhơn, xuất gia năm 14 tuổi, từng đi giảng diễn khắp nơi. Sau Đại sư đến Cổ Sơn, nương theo Vĩnh Giác Thiền sư tham cứu ba năm không ngộ đạo. Ngài bèn từ già đi vân du qua vùng Lương Triết rồi trở về Cổ Sơn tu hành, một hôm nhân vén bức rèm lên mà đại ngộ. Năm Thuận Trị thứ 14 đời nhà Thanh, Đại sư kế thừa ngài Vĩnh Giác, mở pháp môn độ chúng hơn 20 năm. Trong thiền lâm tôn tặng ngài là hàng Phật Pháp bậc nhất ở miền đông nam. Đại sư có soạn ra mấy bộ Tịnh độ chỉ quyết. Ngài thường nói: “Lão tăng chí ở tông thiền, hạnh ở Tịnh độ”. Sau ngài ở ẩn, không biết lúc chung kết ra thế nào.



*Pháp ngữ khai thị của
Đại sư Đạo Phái*

“Khi niệm Phật, nơi tâm phải thường không rời hai chữ “tin, nhớ”, nơi miệng không rời hai chữ “xưng, kính”. Bởi muốn về Tịnh độ cần phải có lòng tin, ngàn người tin thì ngàn người sinh, muôn người tin thì muôn người về. Nếu tâm thường tin nhớ Phật, miệng thường xưng niệm Phật một cách thiết tha, cung kính, Phật tất cứu độ, đấy mới gọi là tin sâu.

Khi niệm Phật, cần phải mỗi chữ rõ ràng, mỗi câu nối nhau, bởi không rõ ràng tức là hôn trầm, không nối nhau tức là tán loạn. Hành trì như thế, một câu niệm Phật thường rành rẽ nơi tâm, lâu ngày tự nhiên thành tựu pháp Niệm Phật Tam Muội.



Đại sư Tử Bách Đạt Quán

Đại sư họ Trầm, người đất Cư Khúc, sau khi xuất gia kiêm tu thiền tịnh, đều đi sâu vào chỗ nhiệm mầu. Khi ngài đến Kinh Đô, vua Thần Tông rất trọng, nhân đó ngài tâu xin đem kinh bản in ra thành sách. Đại sư tánh tình cương nghị hết lòng nâng đỡ chánh pháp nên bị kẻ gian ganh ghét. Không bao lâu, có người dâng biểu vu cáo, khi được mời đến hạch hỏi, ngài dùng lễ chánh phân biện, thần sắc tự nhiên, nhưng rồi cũng bị giam vào ngục. Quan pháp ty lại nhận của hối lộ muốn làm hại, Đại sư bảo: “Đã như thế, cần chi ông ra tay”! Nói đoạn, ngài bảo đem nước tắm rửa, thuyết kệ, rồi ngồi ngay mà hóa. Thuở sanh bình, Đại sư chỉ dạy pháp môn Tịnh độ rất tha thiết, bảo

rằng: “Khi lâm chung được chánh niệm, toàn nhờ lúc thường nhật dụng công phu sâu”. Xem Đại sư sống chết tự do, thì sự tu hành lúc bình thời của ngài có thể suy mà biết được vậy.

*Pháp ngữ khai thị của
Đại sư Tử Bách Đạt Quán:*

“Người niệm Phật, tâm chân thiết cùng không, có thể xét nghiệm trong lúc vui mừng hay phiền não, căn cứ nơi đây, tâm chân giả hiện ra rõ ràng, có thể suy ra mà biết được. Đại để như người chân tâm niệm Phật, dù ở cảnh phiền não hay vui mừng, cũng giữ câu niệm Phật không gián đoạn, cho nên những cảnh ấy không làm lay động họ được. Hai điều trên đã không làm lay động, thì đối với cảnh sống chết, họ vẫn tự nhiên không sợ hãi. Người niệm Phật đời nay, hơi có chút chi mừng giận, thì gát bỏ câu niệm Phật ra sau. Như thế làm sao mà niệm Phật được linh nghiệm? Nên y theo lời ta mà niệm Phật, dù ở cảnh thương ghét cũng đừng quên một câu A Di Đà. Nếu giữ đúng như thế mà lúc hiện tiền không

được sự công dụng tự tại, khi lâm chung không được vãng sanh Tây Phương, thì cuống lưỡi của ta phải chịu tan nát. Như làm không đúng lời ta, thì niệm Phật không linh nghiệm lỗi ở nơi người, với ta không can hệ gì!

Ngài lại hỏi kẻ học giả là Hải Châu rằng: “Người niệm Phật có gián đoạn chăng?”

Thưa: “Bình thường con đều niệm được, duy có lúc nhắm mắt ngủ là quên”.

Đại sư tác sắc quở: “Lúc nhắm mắt ngủ liền quên niệm Phật như thế là một muôn năm cũng không thành hiệu! Từ đây về sau, trong lúc ngủ nghỉ chiêm bao, người phải giữ cho câu niệm Phật không gián đoạn, mới có phần thoát khổ. Nếu trong giấc ngủ thoát có quên niệm, khi thức dậy phải thống khóc, đến trước bàn Phật cúi đầu sám hối, rồi quỳ niệm Phật một ngàn hay một muôn câu, dùng hết sức mình thì thôi. Làm như thế vài ba phen, dù trong lúc ngủ mê, câu niệm Phật vẫn hiện ra không gián đoạn.”



Đại sư Trí Khải

Đại sư Trí Khải (538-597) tự Đức An, họ Trần ở Hoa Dung, là đệ tử đặc pháp của Đại sư Huệ Tư. Đại sư Trí Khải là tổ của tông Thiên Thai. Cha ngài là Khai quốc hầu, mẹ họ Từ, lúc có thai, bà mộng nuốt một con chuột trắng và mây hương năm màu vòng quanh ở bụng. Đêm đản sanh, ánh sáng khắp nhà. Mắt ngài có hai đồng tử, da không dính bụi. Khi nằm thường chấp tay, ngồi thì hướng mặt về Tây. Năm lên bảy

tuổi, ngài theo mẹ đi viếng chùa, được thầy Trụ Trì dạy tụng phẩm Phổ Môn, chỉ dạy qua một lượt, ngài đọc thuộc lòng.

Đến 17 tuổi, ngài phát tâm xuất gia, nhưng xin cha mẹ không cho. Một hôm, ngài nằm mộng thấy đến dưới một hòn núi cao, chân núi nằm tận bể cả; trên đỉnh có vị Sư vẫy tay gọi ngài, rồi đuổi tay xuống tận chân núi kéo ngài lên một ngôi chùa. Vị Tăng bảo: “Ông sau sẽ ở nơi này và cũng tịch tại đây. Hòn núi này tên là Thiên Thai.”

Được 18 tuổi, cha mẹ lần lượt qua đời, ngài liền từ biệt anh là Trần Châm đi xuất gia. Ngài xuất gia với người cậu họ, hiệu là Pháp Chử ở chùa Quả Nguyên, xứ Hành Châu.

Đến 20 tuổi, ngài thọ giới Cụ túc và chuyên học giới luật. Những giới phẩm vi tế nào khai, giá, trì, phạm, ngài đều thấu suốt. Ngài cũng thông cả kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng.

Về sau, ngài tụng Kinh Pháp Hoa, Kinh Vô Lượng Nghĩa, Kinh Phổ Hiền Quán, chỉ trải qua 20 ngày thông cả 3 bộ. Tiến lên, ngài trì Phương Đẳng, thắng tướng được hiện tiền. Một đêm, ngài nằm mộng thấy kinh điển ngổn ngang đầy cả thất, biết thân hiện

ngồi trên tòa cao, chân đạp trên giường mây, miệng tụng Kinh Pháp Hoa, tay sắp đặt lại kinh điển.

Sau nghe Tổ Nam Nhạc (Huệ Tư) ở tại núi Đại Tô xứ Quang Châu, ngài liền đến lễ bái xin thụ giáo. Tổ bảo: “Ông xưa cùng ta đồng dự hội Linh Sơn nghe Kinh Pháp Hoa, duyên xưa đeo đuổi, nay lại gặp đây”.

Tổ dạy ngài tụng Kinh Pháp Hoa. Ngài tinh tấn trì tụng không phút nào biếng trễ, tâm không khởi vọng niệm. Ngài chuyên tụng Kinh Pháp Hoa trải qua 14 ngày, đến câu: “Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai”, trong phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự, ngài thoát nhiên nhập định. Trong định, ngài thấy Phật thuyết pháp tại hội Linh Sơn chưa tan. Xuất định, ngài đem chỗ sở đắc ấy, thuật lại cho Tổ nghe. Tổ Nam Nhạc khen: “Duy ông chứng được, chỉ ta mới biết!”

Về sau, Tổ lại bảo ngài gia công tinh tấn. Ngài gia công dụng hạnh, tinh tấn trong bốn đêm vượt hơn công phu tu cả trăm năm. Khi ấy, Tổ Nam Nhạc bảo: “Chỗ sở đắc của ông mới là phương tiện. Pháp Hoa Tam Muội, chỗ phát trì mới được Sơ Triển

Đa La Ni. Ông được bốn môn biện tài, dù có muôn ngàn nhà Luận lý đến biện luận cùng ông cũng không thắng được, trong số người thuyết pháp, ông là bậc nhất”.

Ngài y chỉ với Tổ Nam Nhạc độ 7 năm. Tổ khai đàn giảng Kinh Bát Nhã, bảo ngài thay Tổ giảng giải. Ngài vâng lời lên tòa giảng giải. Tổ nghe qua khen ngợi khôn cùng. Tổ kêu ngài bảo: “Ta nay tuổi đã già, lâu nay hâm mộ núi Nam Nhạc, sẽ đến đó tu trì, ông ở lại hoằng dương đại pháp, chớ khiến đoạn giống Phật pháp nơi người”.

Vâng lời dạy không được theo lên núi Nam Nhạc, ngài bèn hợp với các ông Mao Hỷ v. v... tất cả 27 người đến Kim Lang. Lúc đầu, chưa ai biết ngài nên không có người thỉnh pháp. Khi ấy có vị Tăng hiệu là Pháp Tế, tự khoe Thiền học, gặp ngài đến, nằm dựa ghế hỏi: “Có người ở trong định nghe đất núi rừng động, biết có vị Tăng quán lý vô thường, ấy là định gì?”

Ngài đáp: “Là biên định chưa sâu, là tà chứng ám nhập. Nếu chấp, nếu nói thì định ấy chắc chắn phải mất”. Pháp Tế nghe nói kinh hãi đứng dậy thưa: “Tôi thường được cái định này, vì nói cho người nghe nên đã mất”. Từ

đây, tiếng tăm ngài đồn khắp, vua, quan cho đến dân dã đều rầm rộ tìm đến cầu pháp quy y.

Ngài đã 38 tuổi, một hôm gọi đại chúng đến bảo rằng: “Ta lần đầu lên tòa giảng Kinh, thính giả tuy ít mà người hiểu đạo nhiều; Hội thứ hai giảng Kinh thính giả ba bốn trăm người mà người hiểu đạo lại ít; Hội thứ ba giảng Kinh thính giả mấy ngàn người mà người hiểu đạo lại càng ít. Như vậy đủ thấy Phật pháp không phải dễ đạt. Hoàng pháp như vậy e không được lợi mấy cho đời, ta sắp lên núi Thiên Thai ẩn tu”.

Đến núi Thiên Thai, ngài thấy có vị Sư ở trong am Định Quang, mừng tượng đã quen. Vị Sư hỏi: “Ông nhận được ta chăng? Ngài sức nhớ, đó là vị Sư đã gặp trong mộng khi trước. Vị Sư bảo: “Chỗ này là kim địa, chỗ của ta ở; phía Bắc là ngân địa, chỗ của ông ở”.

Ngài bèn đến phía Bắc sáng lập ngôi Già lam. Đêm ấy tự nhiên tiếng chuông, trống vang rền, điểm chứng tỏ nơi đây thích hợp với ngài.

Phía Bắc ngôi Già lam, có một chót riêng tên Hoa Đảnh, ngài đến đó ngồi tu. Đến

quá nửa đêm, chợt có tiếng sấm nổ, mưa gió ào đến, bọn yêu ma quỷ mị hiện ra nhiều hình dáng dễ sợ, nhưng ngài vẫn yên tâm vắng lặng, các loài ma túng thế rút lui. Sau chúng lại hiện hình cha mẹ, anh em đến nhiễu loạn ngài, ngài chỉ thầm niệm thật tướng, rõ suốt các pháp như huyền hóa vốn không thể thấy. Liền đó, có vị Thần Tăng đến bảo: “Chế ngự địch, thắng các ma oán, mới đáng gọi là dũng”. Ở đây, ngài thường cổ động việc phóng sanh. Sau Ngài đến núi Ngọc Tuyền đất Kinh Châu kiến lập ngôi đạo tràng, đây là chỗ ngài hoằng truyền giáo pháp cũng như tông Thiên Thai. Về sau ngài biên soạn bộ Ma Ha Chỉ Quán, Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú. . . đều tại đây.

Đại sư Trí Khải đến Kinh Châu, Ngọc Tuyền nhập định trong cây to. Một hôm có con rắn lớn, dài hơn mười trượng, há miệng hướng vào, âm ma la liệt, tên đá như mưa. Trải qua một tuần đại sư Trí Khải vẫn không có vẻ sợ, còn thương xót nó mà nói:

– “Người tạo các nghiệp sanh tử, tham đắm chút phước thừa, chẳng tự bi hối.”

Ngài nói xong, các yêu ma biến mất. Tối đó

mây tan, trăng sáng, ngài thấy có hai người uy nghi như vua đến trước cung kính nói:

– “Tôi là Quan Vũ. Cuối đời Hán nhiều nhương, Cửu Châu tàn phá, Tào Tháo bắt nhân, Tôn Quyền tự cố thủ. Tôi là nghĩa thần nhà Thục Hán, mong khôi phục ngôi vua, nhưng thời sự trái nhau, có chí mà không toại nguyện, chết đi còn chút công nghiệp được làm vua núi này. Đại đức thánh sư sao phí sức thần mà đến đây?”

Ngài đáp:

– “Muốn ở đất này kiến lập đạo tràng để báo đáp đức sinh thân.”

Quan Vũ nói:

– “Xin thương xót con ngu muội, rủ lòng nhiếp thọ. Cách đây một xá (30 dặm), có núi như thuyền úp, đất đỏ thâm hậu, đệ tử sẽ cùng Tử Bình, dựng chùa để cúng. Mong thầy an thiên bảy ngày, sẽ hoàn tất.”

Khi ngài xuất định, thấy đầm sâu ngàn thước trở thành đất bằng, mái chùa tráng lệ, đẹp đẽ ưa nhìn. Ngài bèn dẫn chúng vào ở; rồi diễn pháp một ngày. Thần bạch Ngài rằng:

– “Đệ tử hôm nay được nghe pháp xuất thế gian, mong rửa lòng đổi niệm, cầu thọ giới quy y, mãi mãi làm gốc Bồ đề.”

Ngài bèn truyền ngũ giới.

Năm Đinh Tỵ tháng 11 (597), Tùy Vương sai sứ rước ngài. Khi sắp đi, ngài bảo môn nhân:

– “Ta đi lần này không trở lại. Các người nên thành tựu chùa Phật Lũng Nam.”

Lại nói thêm:

– Đó là nhà vua sắp đặt, các ông thấy được, còn ta chẳng thấy.

Ngài đến trước tượng đá ở chùa Thạch Thành, Diệm Đông, dừng lại quay nhìn thị giả bảo:

– Ta biết mạng đứt tại đây, không tiến đi nữa, dây đàn đứt tuyệt hôm nay.

Rồi ngài xướng đề kinh Quán Vô Lượng Thọ xong, lại nói:

– “Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Tịnh độ. Ao hoa, cây báu, tuy dễ đến mà không có người, khi lửa, xe cùng hiện mà một niệm cải hối còn được vãng sanh,

huống là người giới định huân tu, đạo lực thánh hạnh, công chẳng phế bỏ.”

Lúc đó tượng Phật đá phóng đại quang minh trùm khắp hang núi. Môn nhân thỉnh:

– Chưa rõ Đại sư ở địa vị nào? Sanh thể nào?

Đáp:

– Ta nếu không lãnh chúng thì sáu căn được tịnh, vì bỏ mình lợi người nên chỉ lên Ngũ phẩm. Ông hỏi là sinh thể nào à? Các thầy bạn của ta theo hầu Quán Âm đều đến rước ta.

Nói xong ngài viên tịch, thọ 60 tuổi.



*Pháp ngữ khai thị của
Đại sư Tri Khải:*

Hỏi:- Chư Phật Bồ Tát lấy đại bi làm sự nghiệp. Vậy người đã phát tâm Bồ Đề, nếu muốn cứu độ chúng sanh, chỉ nên nguyện sanh trong ba cõi, ở nơi đời ngũ trước, vào ba đường ác mà cứu khổ cho các hữu tình. Tại sao chúng ta đã học theo Phật, lại xa rời chúng sanh, tự sống riêng một cuộc đời yên ổn? Đó có phải là thiếu lòng từ bi, chuyên lo tự lợi và trái với đạo Bồ Đề chăng?

Đáp:- Bồ Tát có hai hạng. Thứ nhất, bậc tu Bồ Tát Đạo đã lâu, chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Với những vị này, đem lời đó trách thì đúng. Thứ nhì, bậc chưa chứng Vô Sanh và hàng phàm phu mới phát tâm Bồ Tát. Những vị sau này cần phải thường không rời Phật, mới thành tựu được nhẫn

lực và có thể ở trong ba cõi, vào nơi đời ác để cứu độ chúng sanh. Cho nên Luận Trí Độ nói: ‘Hạng phàm phu còn đủ mọi sự ràng buộc, dù có lòng đại bi, nhưng vội muốn sanh trong đời ác để cứu chúng hữu tình khổ não, đó là điều không hợp lý.’ Tại sao thế? Vì trong cõi đời ác trước, nghiệp phiền não mạnh mẽ lấy lòng. Khi ấy, mình đã không có nhãn lực, tất tâm sẽ tùy theo cảnh mà chuyển, rồi bị sắc, thanh, danh, lợi trói buộc, sanh ra đủ nghiệp tham, sân, si. Chừng đó tự cứu đã không rồi, nói chi là cứu chúng sanh? Giả sử được sanh trong cõi người thì cảnh xấu ác kẻ tà ngoại đầy đây, người chánh chân khó gặp, cho nên Phật pháp không dễ gì nghe, Thánh đạo không dễ gì chứng.

Nếu người nhân bố thí, trì giới, tu phước được làm bậc quyền quý, mấy ai không mê đắm cảnh giàu sang, buông lung trong trường dục lạc?

Lúc đó dù có bậc thiện tri thức khuyên bảo, họ cũng không chịu tin làm theo, lại vì muốn thỏa mãn lòng tham dục của mình, nương quyền thế sẵn có, gây ra nhiều tội nghiệp. Đến khi chết rồi, bị đọa vào tam đồ trải qua vô lượng kiếp, khi khỏi tam đồ,

sanh được làm người, phải thọ thân bản thiện; nếu không gặp thiện tri thức lại mê lầm gây tội ác, rồi bị đọa nữa. Từ trước đến nay chúng sanh luân hồi đều ở trong tình trạng ấy. Đây gọi là Nan Hành Đạo vậy.

Kinh Duy Ma cũng nói: ‘Chính bệnh của mình còn không tự cứu được, đâu có thể cứu được bệnh cho kẻ khác.’

Luận Trí Độ cũng nói: ‘Ví như hai người, mỗi kẻ đều có thân nhân bị nước lôi cuốn; một người tánh gấp nhảy ngay xuống nước để cứu vớt, nhưng vì thiếu phương tiện nên cả hai đều bị đắm chìm. Một người sáng tỉnh hơn vội chạy đến lấy thuyền bơi ra cứu vớt, nên cả hai đều không bị nạn trầm溺.’ Bậc Bồ Tát mới phát tâm vì chưa đủ nhẫn lực nên không thể cứu chúng sanh, cũng như người trước. Những vị Bồ Tát thường gần gũi Phật chúng được Vô Sanh Nhẫn, mới có thể nhập thế và cứu độ vô lượng chúng sanh cũng như người sau. Như trẻ thơ không nên rời mẹ, nếu rời mẹ thì hoặc rơi vào hầm giếng, té xuống sông đầm hoặc đói khát mà chết. Lại như chim non chưa đủ lông cánh, chỉ có thể nhảy chuyến theo cành cây; đợi chừng nào lông cánh đầy đủ, mới có thể bay xa, thông thả vô ngại. Phạm phu không nhẫn lực, chỉ

nên chuyên niệm Phật A Di Đà cho được nhất tâm, đời khi tịnh nghiệp thành tựu, lúc lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh, quyết định không nghi. Khi thấy Đức A Di Đà chứng quả Vô Sanh rồi, chừng ấy sẽ cỡi thuyền Pháp Nhẫn vào biển luân hồi cứu vớt chúng sanh, mặc ý làm vô biên Phật sự.

Cho nên bậc bi tâm hành giả, như muốn giáo hóa nơi địa ngục, vào biển trầm luân, nên chú ý đến nhân duyên cầu sanh Tịnh độ. Điều này Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận gọi là Dị Hành Đạo.

Hỏi:- Tất cả cõi Tịnh độ của chư Phật ở mười phương công đức đều bình đẳng, pháp tánh cũng như vậy. Người tu nên nhớ nghĩ khắp tất cả công đức của chư Phật, cầu về các cõi tịnh ở mười phương mới phải, sao nay lại riêng cầu Tịnh độ của một đức Phật? Như thế chẳng là trái với lý bình đẳng cầu sanh ư?

Đáp: - Tất cả cõi tịnh của chư Phật thật ra đều bình đẳng. Nhưng vì chúng sanh ở cõi này phần nhiều là kẻ độn căn trước loạn, nếu không buộc tâm chuyên vào một cảnh thì Tam Muội khó thành. Chuyên niệm Phật A Di Đà, tức là Nhất Tướng Tam Muội, vì

tâm chuyên nhất nên được sanh về cõi kia.

Như trong Kinh Tùy Nguyên Vãng Sanh, Phổ Quảng Bồ Tát hỏi Phật: ‘Bạch Đức Thế Tôn! Mười phương đều có Tịnh độ, tại sao Thế Tôn lại riêng khen ngợi cõi Tây Phương Cực Lạc và khuyên chúng sanh nên chuyên niệm Phật A Di Đà để cầu về cõi ấy?’

Phật bảo ngài Phổ Quảng: ‘Chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề phần nhiều tâm trước loạn, vì thế Ta chỉ tán thán một Tịnh độ ở Tây Phương khiến các hữu tình chuyên tâm vào một cảnh để cho sự vãng sanh được dễ thành tựu. Nếu nhớ niệm tất cả chư Phật, vì niệm cảnh quá rộng, nên tâm mênh mang tán lạc, Tam Muội khó thành, không được vãng sanh. Lại sự cầu công đức của một vị Phật cùng sự cầu công đức của tất cả Phật không khác nhau, vì chư Phật đồng một pháp tánh. Cho nên niệm Phật A Di Đà tức là niệm tất cả Phật, sanh Tây Phương Tịnh độ, tức là sanh tất cả Tịnh độ. Vì thế Kinh Hoa Nghiêm nói: ‘Thân tất cả chư Phật là thân một Đức Phật, một tâm một trí huệ, lực vô úy cũng thế.’

Lại nói: ‘Ví như trăng tròn sáng, in bóng khắp sông hồ, ảnh tượng tuy vô cùng, mặt

trắng chỉ là một, như đấng Vô Ngại Trí, thành bậc Đẳng Chánh Giác, ứng hiện tất cả cõi, thân Phật không có hai.’

Tóm lại, người có trí huệ nương nơi thí dụ trên sẽ hiểu được lý một tức tất cả, tất cả là một. Khi hiểu được lý này, thì niệm một đức Phật, chính là niệm tất cả chư Phật vậy.

3.Hỏi:- Mười phương đều có chư Phật và Tịnh độ. Nếu vì lẽ chúng sanh ở cõi này tâm tánh trước loạn, niệm nhiều vị Phật e Tam Muội khó thành, tại sao người tu không tùy ý niệm một đức Phật, tùy nguyện cầu sanh về một Tịnh độ nào khác, hà tất phải riêng niệm Đức A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc?

Đáp:- Phàm phu vô trí phải theo lời Phật dạy, chẳng nên tự chuyên, vì thế xưa nay những người tu Tịnh độ đều chuyên niệm Phật A Di Đà. Theo lời Phật dạy là thế nào? Đức Thích Ca Thế Tôn một đời thuyết pháp, hằng khuyên chúng sanh niệm Phật A Di Đà cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Như trong các kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, Phật Thuyết A Di Đà, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm... có đến mấy mươi bộ, Phật đều ân cần khuyên sanh về Tây Phương. Chẳng những riêng các kinh, mà trong các luận,

chư Bồ Tát, Tổ Sư đều bảo nên cầu sanh về Cực Lạc.

Lại nữa, đức Phật A Di Đà có bốn mươi tám điều đại bi nguyện lực để tiếp độ chúng sanh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: ‘Phật A Di Đà có tám mươi bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám mươi bốn ngàn vẻ đẹp tùy hình, mỗi vẻ đẹp phóng ra tám mươi bốn ngàn tia sáng soi khắp pháp giới nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật không rời bỏ. Nếu có chúng sanh nào niệm danh hiệu Ngài, thì cơ cảm tương ứng, quyết định sẽ được vãng sanh.’ Các kinh Phật Thuyết A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Cổ Âm Vương Đà La Ni đều nói: ‘Khi đức Thích Ca thuyết kinh, hằng hà sa chư Phật ở mười phương đều hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp cõi đại thiên để chứng thực rằng nếu chúng sanh nào niệm Phật A Di Đà, tất sẽ nương nhờ đại bi nguyện lực của Ngài, quyết định được sanh về thế giới Cực Lạc.’

Nên biết Phật A Di Đà đối với cõi này có nhân duyên lớn. Như kinh Vô Lượng Thọ nói: ‘Trong thời Mạt, khi các kinh khác đã diệt hết, chỉ còn kinh này lưu trú ở đời một trăm năm để tiếp độ loài hữu tình vãng sanh về cõi kia.’ Đây là điểm chứng minh Phật A

Di Đà đối với chúng sanh ở cõi trước này có đại nhân duyên.

Về các Tịnh độ khác, tuy một, hai bộ kinh có lược khuyên vãng sanh, song chẳng bằng cõi Cực Lạc là tiêu điểm mà các kinh, luận đều ân cần khuyến hướng.

4.Hỏi:- Hàng cụ phước phàm phu nghiệp ác sâu dày, đầy đủ tất cả phiền não, dù có chút ít công đức tu hành, Hoặc chướng vẫn chưa vơi được trong muôn một. Cõi Cực Lạc rất thanh tịnh trang nghiêm, còn siêu việt hơn tam giới. Thế thì hạng phàm phu ấy làm sao vãng sanh?

Đáp:- Có hai duyên: tự lực và tha lực. Về tự lực, hàng cụ phước phàm phu ở thế giới này tuy có đôi chút tu hành, thật ra chưa có thể sanh về Tịnh độ và xứng đáng được ở Tịnh độ. Kinh Anh Lạc nói: ‘Tù địa vị cụ phước phàm phu chưa biết Tam Bảo và nhân quả thiện ác, trước tiên mới phát tâm Bồ Đề phải lấy tín làm gốc, đến khi vào đạo Phật lại lấy giới làm nền tảng. Hạng phàm phu này khi mới thọ giới Bồ Tát, nếu mỗi đời cứ tiếp tục giữ giới như thế không cho khuyết phạm, trải qua ba kiếp mới đến địa vị Sơ Phát Tâm Trụ. Lại cứ như thế mà tu Thập

Tín, Thập Ba La Mật cùng vô lượng hạnh nguyện, nối nhau không gián đoạn, mãi một vạn kiếp, mới đến ngôi đệ lục Chánh Tâm Trụ. Khi tiến lên đệ thất Bất Thoái Trụ tức là đã vào Chủng Tánh Vị, nhưng địa vị này cũng chưa được sanh về Tịnh độ. Đây là ước về tự lực.

Về tha lực, nếu kẻ nào tin nơi nguyện lực đại bi nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật của đức A Di Đà, rồi phát lòng Bồ Đề tu môn Niệm Phật Tam Muội, chán thân hữu lậu trong ba cõi, thực hành bố thí, trì giới cùng các phước nghiệp, mỗi hạnh đều hồi hướng nguyện sanh Tây Phương thì cơ cảm hợp nhau, nương nhờ Phật lực liền được vãng sanh. Cho nên Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận nói: ‘Có hai lối tu: Nan Hành Đạo và Dị Hành Đạo. Nan Hành Đạo là chúng sanh ở cõi ngũ trước trải qua vô lượng đời chư Phật, cầu ngôi A Bệ Bạt Trí, thật rất khó được. Nỗ lực này nhiều vô số như cát bụi, nói không thể xiết.

Nay chỉ kể sơ lược năm điều:

- a. Ngoại đạo dấy đẩy, làm loạn Bồ Tát pháp.
- b. Bị người ác, kẻ vô loại phá hư thắng đức của mình.

c. Dễ bị phước báo làm điên đảo, có thể khiến hoại mất phạm hạnh.

d. Dễ bị lạc vào lối tự lợi của Thanh Văn, làm chướng ngại lòng đại từ.

e. Bởi duy có tự lực không tha lực hộ trì, nên sự tu hành rất khó khăn, ví như người què yếu đi bộ một mình rất khó nhọc, một ngày chẳng qua chỉ được vài dặm.

Dị Hành Đạo là chúng sanh ở cõi nầy nếu tin lời Phật, tu môn Niệm Phật nguyện về Tịnh độ, tất sẽ nhờ nguyện lực của Phật nhiếp trì, quyết định được vãng sanh không còn nghi. Ví như người nương nhờ sức thuyền xuôi theo dòng nước, tuy đường xa ngàn dặm cũng đến nơi không mấy chốc. Lại ví như người tầm thường nương theo luân bảo của Thánh Vương, trong một ngày đêm có thể du hành khắp bốn châu thiên hạ. Đây không phải do sức mình, mà chính là nhờ thế lực của Chuyển Luân Vương.'

Cũng có kẻ suy theo lý mà cho rằng hạng phàm phu hữu lậu không thể sanh về Tịnh độ và không thể thấy thân Phật. Nhưng công đức niệm Phật thuộc về vô lậu thiện căn, hạng hữu lậu phàm phu do phát tâm Bồ Đề cầu sanh Tịnh độ và thường niệm

Phật, nên có thể phục diệt phiền não, được vãng sanh, và tùy phần thấy thô tướng của Phật. Còn bậc Bồ Tát thì cố nhiên được vãng sanh, lại thấy tướng vi diệu của Phật, điều ấy không còn nghi ngờ chi nữa.

Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói:

‘Tất cả các cõi Phật,

Đều bình đẳng nghiêm tịnh,

Chúng sanh hạnh nghiệp khác,

Chỗ thấy chẳng đồng nhau.’

Đây là chỉ cho ý nghĩa trên vậy.

5. Hỏi:- Hàng cụ phước phạm phu được sanh về cõi Cực Lạc, giả sử phiền não ác kiến thường nổi lên thì làm sao được gọi là: ‘Vượt hơn ba cõi, lên ngôi Bất Thoái?’

Đáp:- Người được sanh về Tây Phương dù là hàng cụ phước phạm phu, cũng không khi nào khởi phiền não ác kiến và không được lên ngôi Bất Thoái; bởi có năm nhân duyên:

- a. Do nguyện lực đại bi của Phật nhiếp trì.
- b. Ánh sáng của Phật thường soi đến thân,

nên lòng Bồ Đề của chư thiên nhân luôn luôn tăng tiến.

c. Chim, nước, rừng, cây gió, âm nhạc thường phát ra tiếng pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã; hành giả nghe rồi sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

d. Chúng sanh được sanh về Cực Lạc thì bạn lành toàn là bậc Bồ Tát thượng thiện, tuyệt tất cả chương nạn, ác duyên, lại không ngoại đạo tà ma, nên tâm thường an tịnh.

e. Đã được sanh về cõi ấy thì thọ lượng vô cùng, đồng với Phật và Bồ Tát, an nhiên tu tập trải qua vô biên a tăng kỳ kiếp.

Do năm nhân duyên trên nên chúng sanh sanh về Cực Lạc tất được bất thoái chuyển và không khi nào khởi phiền não ác kiến. Còn chúng hữu tình ở cõi ác trước đây, thọ số ngắn ngủi, ác duyên chương nạn đầy đủ, nên rất khó được bất thoái chuyển, lý ấy đã hiển nhiên, không còn chi phải nghi ngờ.

6. Hỏi:- Chúng sanh từ vô thủy đến giờ tạo vô lượng tội; đời nay lúc bé đến già, do không gặp thiện tri thức, lại gây thêm nhiều nghiệp ác. Như thế làm sao lại bảo: ‘Khi lâm chung mười niệm thành tựu liền được vãng sanh?’

Và cái lý ‘vượt qua kiết nghiệp ba cõi’ làm sao giải thích cho thông?

Đáp:- Những nghiệp chủng lành dữ của chúng sanh từ kiếp vô thủy đến nay, hoặc ít hoặc nhiều, hoặc yếu hoặc mạnh thật ra vẫn khó biết. Nhưng nếu người nào khi lâm chung gặp thiện tri thức và thành tựu mười niệm, tất kẻ ấy đã có túc thiện nghiệp. Nếu chẳng thế thì thiện tri thức còn không được gặp, huống chi là thành tựu mười niệm? Như ông cho rằng ác nghiệp từ vô thủy là nặng, mười niệm khi lâm chung là nhẹ; tôi xin đem ba đạo lý để giải thích sự vãng sanh ấy không thuộc về trường hợp khinh trọng, không phải tại công hạnh nhiều ít hay thời gian lâu mau.

Ba đạo ấy là: Do bởi tâm, do bởi duyên, và do bởi quyết định.

Do bởi tâm là loài hữu tình khi tạo tội đều từ nơi vọng niệm điên đảo mà sanh, còn lúc niệm Phật lại từ nơi nghe danh hiệu công đức chân thật của Phật A Di Đà mà khởi; một bên hư, một bên thật đầu thế sánh nhau! Ví như một gian thạch thất đóng kín để tối muôn năm, nếu được người mở ra cho ánh sáng mặt trời soi vào, sự tối ấy

liền mất; đâu phải vì do tối tăm đã lâu mà không được sáng ư? Người tạo ra tội nhiều kiếp, khi lâm chung thành tựu mười niệm được vãng sanh cũng lại như vậy.

Do bởi duyên là loài hữu tình khi tạo tội đều từ nơi vọng niệm tối tăm điên đảo, duyên theo cảnh giới hư huyền mà sanh; lúc niệm Phật lại từ nơi nghe danh hiệu công đức chân thật thanh tịnh của Phật Di Đà duyên theo Bồ Đề tâm mà khởi. Như thế, một bên chân, một bên ngụy, đâu thể sánh nhau! Ví như có người bị trúng tên độc, tên ghim sâu, sức độc mạnh, xương thịt nhiễm trọng thương, nếu được nghe được tiếng trống thần dược thì tên tự bắn ra, độc tiêu tan hết; đâu phải vì do tên sâu độc nặng mà không được an lành ư? Người tạo tội nhiều kiếp, khi lâm chung thành tựu mười niệm mà được vãng sanh cũng lại như vậy.

Do bởi quyết định, là loài hữu tình khi tạo tội đều từ nơi gián tâm hoặc hậu tâm; lúc lâm chung niệm Phật lại không có hai tâm đó, mà từ nơi một niệm mãnh liệt trì danh rồi xả mạng, nên được siêu thoát. Ví như sợi dây cực to, cả ngàn người bứt không đứt, nếu có đứa bé cầm gươm Thái A mà chém, dây liền đứt đoạn. Lại như đồng

củi rất lớn chứa góp từ cả ngàn năm, nếu có người dùng một đốm lửa mà đốt, củi liền cháy hết. Và như có người trợn đời tu mười nghiệp lành, ứng được sanh về cõi trời, nhưng khi lâm chung kẻ ấy khởi một niệm tà kiến mạnh mẽ, liền bị đọa vào A Tỳ địa ngục. Nghiệp ác vẫn hư vọng, mà do bởi tâm niệm quyết liệt, còn có thể lẩn lướt nghiệp lành một đời, khiến cho chúng sanh bị đọa vào ác đạo; huống chi sự niệm Phật là nghiệp lành chân thật, có người khi lâm chung dùng tâm mãnh liệt trì danh, lại không thể lẩn áp ác nghiệp từ vô thủy ư? Cho nên người tạo tội nhiều kiếp, khi lâm chung dùng tâm mãnh liệt thành tựu mười niệm mà không được vãng sanh, quyết không có lý đó!

Kinh nói: ‘Chỉ tâm niệm một câu A Di Đà, sẽ tiêu diệt được tội nặng nơi đường sanh tử trong tám mươi ức kiếp.’ Sở dĩ có sự kiện đó, vì hành giả niệm Phật dùng tâm mãnh liệt nên mới phục diệt được ác nghiệp; nếu khi lâm chung dùng tâm ấy niệm Phật, quyết định sẽ vãng sanh, không còn nghi ngờ chi nữa! Cổ truyền phán định mười niệm khi lâm chung hoàn toàn thuộc về biệt thời ý (ý nói tức nhân). Lý ấy không đúng. Tại sao thế? - Vì trong Nhiếp Luận nói: ‘Nếu chỉ là

biệt thời thì duy phát nguyện, toàn không có hạnh.' Tập Tập Luận nói: 'Nếu nguyện vãng sanh về Cực Lạc liền được vãng sanh, nếu nghe danh hiệu Phật Vô Cấu liền chứng được quả Vô Thượng Chánh Giác, đó mới là biệt thời nhân.' Riêng về người khi lâm chung thành tựu mười niệm là do duyên lành nên được gặp thiện tri thức dạy bảo, lại cũng do tự mình chí tâm thật hành pháp niệm Phật mới có kết quả; nếu chỉ định cho hoàn toàn thuộc về túc nhân, thật đã sai lầm! Nguyện các hành giả nghĩ sâu lý này tự sanh lòng kiên cố đừng tin theo dị kiến ma để lạc lối mê.

7. Hỏi:- Thế giới Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi Phật, hạng phàm phu yếu kém làm sao có thể đi đến? Lại, trong luận Vãng Sanh nói: 'Người nữ, kẻ căn thiếu, Nhị thừa chủng không sanh.' Đã có lời ấy thì người nữ và kẻ sáu căn không toàn vẹn chắc là không được vãng sanh?

Đáp:- Thế giới Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi Phật là đối với tâm lượng của hạng nhục nhãn phàm phu ở trong nẻo luân hồi mà nói vậy thôi. Nếu đối với chúng sanh tịnh nghiệp thành tựu thì tâm ở trong định khi lâm chung chính là tâm thọ sanh

về Tịnh độ, vừa động niệm liền được vãng sanh. Vì thế trong Quán Kinh nói: ‘Cõi nước của Phật A Di Đà cách đây không xa!’ Lại nghiệp lực không thể nghĩ bàn, trong một niệm liền được sanh về cõi Phật, không cần phải lo đường lối xa xôi. Ví như người nằm mơ, thân tuy ở nơi giường, mà tâm đi khắp các nơi xa lạ như lúc còn thức. Sự sanh về Tịnh độ đại để cũng như vậy.

Còn câu: ‘Người nữ, kẻ căn thiếu. Nhị thừa chủng không sanh’ là ý nói người nữ khi sanh về Cực Lạc sẽ chuyển thành nam, kẻ căn thiếu lúc về đó các căn sẽ đầy đủ, và tất cả đều được ba mươi hai tướng tốt; chớ không phải bảo người nữ cùng kẻ căn thiếu không được vãng sanh. Nếu quả như thế thì bà Vi Đề Hy và năm trăm thị nữ đâu được Phật thọ ký cho sanh về Cực Lạc? Thế nên, người nữ cùng kẻ đui điếc câm ngọng ở cõi này, nếu niệm Phật A Di Đà, tất đều được vãng sanh. Đến như hàng Nhị thừa, nếu chịu hưởng về Đại Thừa tin môn Tịnh độ, nguyện về Cực Lạc, niệm Phật A Di Đà, quyết định đều được vãng sanh, và khi đã về cõi ấy không còn chấp theo tâm lượng hẹp hòi của Nhị thừa nữa. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Pháp Tạng Tỳ Kheu, tiền thân của Phật A Di Đà đã phát nguyện rằng:

‘Như tôi đắc quả Vô Thượng Giác, tất cả người nữ trong mười phương thế giới nhàm chán thân nữ, xưng danh hiệu tôi, nguyện kiếp sau không còn thọ nữ nhân, quyết đều sẽ được toại ý. Nếu chẳng như thế, tôi thể không thành Phật.’ Người nữ chỉ vì muốn chuyển nữ thành nam, niệm Phật A Di Đà, còn được toại nguyện, hưởng chi những vị đã sanh về Cực Lạc? Cho đến kẻ căn thiếu cũng lại như thế.

Tóm lại, hai câu trên đại ý chỉ luận ở cõi Cực Lạc không có người nữ, kẻ căn thiếu, cùng hạng chủng tử nhị thừa mà thôi.

8. Hỏi:- Nay tôi quyết định cầu sanh Tây Phương, nhưng chưa biết phải làm những nghiệp gì, và lấy chi làm chủng tử để được sanh về Cực Lạc? Lại hạng phàm phu ở thế tục đều có gia đình, chưa biết không đoạn thâm dục có được sanh về cõi kia chăng?

Đáp:- Muốn quyết định được sanh về Tây Phương phải có đủ hai hạnh: yếm ly và hân nguyện.

Nói yếm ly là hàng phàm phu từ vô thủy đến nay bị ngũ dục buộc ràng nên luân hồi trong sáu đạo, chịu không biết bao nhiêu nỗi khổ! Trong vòng lẩn quẩn ấy, nếu không chán lìa

ngũ dục thì làm sao có thể thoát ly? Cho nên người tu Tịnh độ phải thường xét thân này là một khối thịt xương máu mủ, chứa đựng đàm dãi, đại tiểu tiện và các thứ nhơ nhớp hôi tanh. Kinh Niết Bàn nói: ‘Vòng thành thân kiến như thế, duy loài La Sát ngu si mới chịu ở trong đó; nếu người có trí ai lại đắm nhiễm thân này!’ Lại trong Kinh cũng nói: ‘Thân này là nơi tập hợp của các thứ khổ, là cảnh tù ngục, là một khối ung sanh tất cả đều bất tịnh. Nên xét cho cùng, nó không có nghĩa lý lợi ích chi khi ta chấp lấy nó, dù là thân của chư thiên.’ Vì thế, hành giả ở trong các oai nghi hoặc khi nằm nghỉ, lúc thức giấc, nên thường quán sát thân này chỉ có khổ không chi vui, mà thâm tâm sanh niệm chán lìa. Như thế, dù cho không dứt liền được việc nam nữ, cũng có thể lần lần khởi tâm nhàm chán.

Lại hành giả cũng cần nên quán bảy pháp bất tịnh. Bảy pháp ấy là:

- a. Chúng tử bất tịnh: Thân này do nơi nghiệp dâm dục, từ hạt giống tham ái mà sanh.
- b. Thọ sanh bất tịnh: Mầm sanh khởi của bản thân lại do một điểm tinh huyết cha mẹ hòa hợp trong khi gần gũi.

c. Trụ xứ bất tịnh: Thai thân ở trong tử cung nhơ nhớp, nằm dưới ruột non, trên là ruột già.

d. Thực đàm bất tịnh: Khi còn ở trong thai, huyền thân lại thọ dụng huyết phần của người mẹ.

e. Sơ sanh bất tịnh: Khi đã đủ tháng ngày, thai thân đầu hướng về sản môn, ra khỏi mình người mẹ cùng một lúc với máu mủ, sự hôi nhơ đầy đầy.

f. Cử thể bất tịnh: Trong lớp da ngoài che đậy, thân này là tất cả sự hôi nhơ của các chất: thịt, xương máu, đàm, đại, tiểu.

g. Cửu cánh bất tịnh: Đến khi chết rồi, thân này là một đồng thịt sinh thúi rã rời, mặc cho giòi tửa bò lan hoặc quạ điều tha mổ.

Thân của mình đã thế, thân người khác cũng như vậy. Nếu thường quán sát bảy điều ấy, đối với các thân nam nữ mà người đời cho rằng xinh đẹp, cũng sanh niệm yếm ly và lửa ái dục cũng lần lần tiêu giảm. Như thực hành được môn cứu tướng quán, càng thêm tốt:

- Tướng thân mới chết.

- Tưởng thầy chết đổi sắc bầm xanh tím.
- Tưởng thầy chết sinh lên đầy đầy máu mủ và sấp rã.
- Tưởng thầy sinh bấy nứt rã, nước hôi chảy ra.
- Tưởng thầy sinh rã, giòi tửa bò lúc nhúc.
- Tưởng thầy sinh thịt tiêu hết chỉ còn gân và xương.
- Tưởng gân cũng tiêu hoại chỉ còn xương nằm ngổn ngang.
- Tưởng thầy bị thiêu chỉ còn bộ xương co rút, hay thầy rã chỉ còn những khúc xương thúi.
- Tưởng nắng chan mưa gội, xương hóa thành khô trắng.

Lại nên phát nguyện cầu cho mình vĩnh viễn thoát ly thân nam nữ mê nhiễm, tạp thực, không sạch của ba cõi, mà được thân pháp tánh Tịnh độ. Trên đây là đại lược về Yểm Ly môn.

Về hạnh hân nguyện, đại khái có hai điều kiện.

1. ***Phải nhận rõ mục đích cầu sanh:*** Sở dĩ

chúng ta cầu về Tịnh độ là vì muốn thoát sự khổ cho mình và tất cả chúng sanh. Hành giả phải nghĩ rằng: Sức mình yếu kém, còn bị nghiệp ràng buộc, mà ở cõi đời ác trước này cảnh duyên nào phiền quá mạnh. Ta cùng chúng sanh bị chìm đắm nơi dòng mê, xoay vần trong sáu nẻo, trải qua trần kiếp từ vô thủy đến nay, cũng vì lẽ ấy. Bánh xe sống chết quay mãi không ngừng, ta làm thế nào để tìm con đường độ mình độ người một cách yên ổn chắc chắn? Muốn được như thế, duy có cầu sanh Tịnh độ, gần gũi Phật, Bồ Tát, nhờ cảnh duyên thắng diệu bên cõi ấy tu hành chứng Vô Sanh Nhẫn, mới có thể vào nơi đời ác cứu khổ cho hữu tình. Luận Vãng Sanh đã nói: ‘Phát tâm Bồ Đề chính là phát tâm cầu thành Phật, tâm cầu thành Phật là tâm độ chúng sanh, tâm độ chúng sanh là tâm nhiếp chúng sanh sanh về cõi Phật.’

Lại muốn sanh về Tịnh độ, phải có đủ hai phương diện: xa lìa ba pháp chương Bồ Đề và y theo ba pháp thuận Bồ Đề. Ba pháp chương Bồ Đề là thế nào?

Một là tâm cầu sự an vui riêng cho mình, chấp ngã và tham trước bản thân. Hành giả phải y theo trí huệ môn mà xa lìa tâm niệm ấy.

Hai là tâm rời bỏ không chịu cứu vớt chúng sanh khổ. Hành giả phải y theo từ bi môn mà xa lìa tâm niệm ấy.

Ba là tâm chỉ cầu sự cung kính cúng dường, không tìm phương pháp làm cho chúng sanh được lợi ích an vui. Hành giả phải y theo phương tiện môn mà xa lìa tâm niệm ấy. Nếu lìa ba pháp chương Bồ Đề, thì sẽ được ba pháp thuận Bồ Đề. Xin kể rõ ra đây ba pháp tùy thuận ấy:

Một là Vô Nhiễm Thanh Tịnh tâm, không vì tự thân mà cầu các sự vui. Bởi Bồ Đề là thể trong sạch lìa nhiễm trước, nếu cầu sự vui riêng cho mình tức thân tâm có nhiễm, làm chướng Bồ Đề môn; nên tâm thanh tịnh không nhiễm gọi là tùy thuận Bồ Đề.

Hai là An Thanh Tịnh tâm, vì cứu độ tất cả khổ cho chúng sanh. Bởi Bồ Đề là tâm trong sạch làm cho chúng sanh được an ổn, nếu không cứu độ loài hữu tình khiến họ được lìa sự khổ sanh tử, tức là trái với Bồ Đề môn; nên tâm cứu khổ đem lại an ổn cho chúng sanh gọi là tùy thuận Bồ Đề.

Ba là Lạc Thanh Tịnh tâm, muốn khiến cho chúng sanh được Đại Niết Bàn. Bởi Đại Niết Bàn là chỗ cứu cánh thường vui, nếu

không khiến cho loài hữu tình được niềm vui cứu cánh tức là ngăn che Bồ Đề môn; nên tâm muốn cho chúng sanh được hưởng cảnh thường lạc gọi là tùy thuận Bồ Đề.

Làm thế nào để thành tựu sự xa lìa và tùy thuận trên đây? Ấy là phải cầu sanh Tịnh độ để được thường gần Phật, tu hành cho đến khi chứng Vô Sanh Nhẫn. Chùng đó mặc ý cõi thuyền đại nguyện vào biển luân hồi, vận tâm bi trí cứu vớt chúng sanh, tùy duyên mà bất biến, không còn chi trở ngại nữa. Tất cả mấy điểm trên đây là thuyết minh về mục đích cầu sanh.

2. Nên quán tưởng y chánh cõi Cực Lạc:

Hành giả nên quán tưởng báo thân của Phật A Di Đà sắc vàng rực rỡ, có tám muôn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám muôn bốn ngàn vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp có tám muôn bốn ngàn tia sáng, soi khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật. Lại nên quán cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm như các kinh Tịnh độ đã nói. Ngoài ra, người niệm Phật khi bố thí, trì giới, cùng làm tất cả hạnh lành, đều phải hồi hướng cầu cho mình và chúng sanh đồng sanh Cực Lạc.

Nếu thực hành hai điều trên, hành giả sẽ

phát tâm khát ngưỡng Tây Phương, quyết
định sẽ được vãng sanh. Và đây là Hân
Nguyễn Môn.

Đại sư Hoàng Nhất

Pháp ngữ khai thị của Đại Sư Hoàng Nhất:

Đại sư dạy:

“Cổ thi nói: Ta thấy người khác chết. Trong lòng nóng xót xa. Chẳng phải xót kẻ mất. Vì sẽ đến phiên ta”. Vậy việc lớn rốt sau của đời người, đâu tạm quên trong giây phút ư!

Khi bệnh nặng, phải buông bỏ tất cả việc nhà cho đến thân tâm của mình, chuyên nhất niệm Phật, một lòng mong cầu vãng sanh Tây phương. Làm như thế, nếu thọ mạng đã hết, quyết định được vãng sanh. Như thọ mạng chưa dứt, tuy cầu vãng sanh mà trở lại mau lành bệnh, do vì lòng mình chuyên thành, nên có thể diệt trừ nghiệp ác đời trước. Trái lại, nếu chẳng buông bỏ muôn duyên chuyên nhất niệm Phật, như

thọ mạng đã hết, quyết định không thể vãng sanh, vì mình chỉ chuyên cầu lành bệnh chứ không cầu vãng sanh, nên không do đâu được về Cực Lạc. Nếu như thọ mạng đã dứt, chẳng những không được mau thuyền giảm, mà bệnh lại tăng thêm, vì mình nhân cầu lành bệnh vọng sanh lòng lo lắng sợ hãi vậy

Khi bệnh chưa nặng, cũng nên uống thuốc, nhưng vẫn phải tinh tấn niệm Phật, chứ tưởng nghĩ rằng: uống thuốc rồi bệnh sẽ lành. Lúc bệnh đã nặng, có thể không cần dùng thuốc. Khi ta bệnh nằm ở Thạch thất, có kẻ khuyên nên rước thầy hốt thuốc, ta liền từ tạ mà nói kệ rằng:

“A Di Đà Phật. Vô Thượng Y Vương. Bỏ đây không cầu, y là si cuồng! Một câu niệm Phật. Là thuốc Đà Đà. Bỏ đây không uống. Lắm to lắm mà!”.

Nhân vì bình nhật ta đã tin pháp môn niệm Phật, thường giảng nói căn cứ cho mọi người nghe. Nay chính mình bị bệnh lại bỏ đây cầu thuốc hay sao?

Nếu mình bệnh trở nặng, đau khổ quá lắm, rất không nên kinh hoàng, vì cơn bệnh khổ này do bởi túc nghiệp, hoặc nhân ta tu hành

nên chuyển nghiệp báo của ác đạo thành ra quả nhẹ bệnh khổ, để trả xong hết rồi mới sanh về Tây phương.

Khi bệnh nặng, những y phục vật dụng của mình, nên đem thí cho kẻ khác, hoặc y theo phẩm “Như lai Tán Thán” trong kinh Địa Tạng, đem vật liệu ấy cúng dường kinh tượng lại càng hay.

Lúc bệnh nhân đau nhiều, như thần thức còn thanh tịnh tỉnh táo, người nhà nên thỉnh bậc thiện tri thức đến thuyết pháp. Vị thiện tri thức phải hết sức an ủi, đem việc lành, công tu của bệnh nhân kể rõ ra và khen ngợi, khiến cho người bệnh sanh lòng vui mừng không còn nghi ngại, tự biết khi mình chết sẽ nương nơi nghiệp lành ấy sanh về Tây Phương.

Khi bệnh nhân sắp chết, người thân cận không được hỏi han về di chúc, cũng không được nói chuyện tạp vô ích, khiến cho người bệnh động tâm niệm tình ái, quyến luyến thế gian, trở ngại cho sự vãng sanh. Nếu muốn để di chúc, thì trong lúc còn mạnh khỏe làm di ngôn trước giao cho người cất giữ.

Lúc bệnh nhân gần qua đời, tự họ muốn

tắm gội thay y phục, thì có thể thuận theo, nhưng nhẹ nhàng cẩn thận mà làm. Như họ không chịu, hoặc á khẩu không nói được, thì không nên miễn cưỡng mà làm. Bởi vì người sắp chết thường thường thân thể đau nhức, nếu ép khuyên dời động, tắm rửa, thay y phục, thì bệnh nhân càng đau đớn thêm nhiều. Đời có người tu hành phát nguyện cầu về Cực Lạc, nhưng khi lâm chung vì bị quyến thuộc di động nhiều loạn, phá hoại chánh niệm, nên không được vãng sanh, việc này xảy ra rất nhiều. Lại có kẻ mạng chung có thể được sanh về cõi lành, nhưng bị người khác không biết, xúc chạm làm cho đau đớn, nên sanh lòng giận tức, do đó phải bị đọa vào đường ác. Như Vua A Xà Thế, tu nhiều phước lành, khi lâm chung nhân bị người hầu cận ngủ gục làm rớt cây quạt trên mặt nên giận, chết đọa làm rắn mãng xà. Gương này há không nên răn sợ ư!

Khi lâm chung, hoặc ngồi hoặc nằm, đều tùy tiện chớ nên gượng gượng. Nếu cảm thấy khí lực suy nhược chỉ có thể nằm, mà muốn xem cho ra vẻ, gượng gượng ngồi dậy là điều nguy hại không nên. Hoặc theo lẽ phải nằm nghiêng bên mặt, hướng về Tây, nhưng vì thân thể đau nhức phải nằm ngửa, hay nằm nghiêng bên trái, hướng về Đông, cũng cứ

để tự nhiên không nên gắng gượng. Đây là chính bệnh nhân phải hiểu như thế mà tự xử sự. Còn người thân thuộc cũng phải hiểu lẽ này, chẳng nên cầu danh, bắt người bệnh nằm nghiêng bên mặt hướng về Tây, hay đỡ dậy mặc áo tràng sửa ngồi kiết dà. Đâu biết rằng chỉ vì cầu chút hư danh mà khiến cho người chết phải đọa tam đồ, chịu vô lượng sự khổ.

Khi đại chúng trợ niệm, nên thỉnh tượng Di Đà tiếp dẫn để trước mặt bệnh nhân, khiến cho họ trông thấy.

Người trợ niệm, không luận nhiều ít, nếu được nhiều, nên luân phiên mà niệm, khiến cho tiếng Phật không gián đoạn. Muốn niệm bốn chữ hay sáu chữ, hoặc niệm mau niệm chậm, phải hỏi trước bệnh nhân. Lại phải tùy chỗ tập quán ưa thích thuở bình nhật của bệnh nhân mà niệm, khiến cho họ có thể niệm thâm theo. Thường thấy kẻ trợ niệm không vì người sắp chết, chỉ niệm theo ý mình. Như thế đã trái chỗ tập quán ưa thích của bệnh nhân, họ làm sao niệm thâm theo được? Nguyên những người trợ niệm đặc biệt lưu ý đến điều này! Nếu mình phá chánh niệm của kẻ khác tức là có tội, đến phiên mình lâm chung cũng bị quả

báo gặp kẻ khác phá hoại mà không được
vãng sanh!

Thông thường, người trợ niệm hay đánh khánh hoặc đánh mõ nhỏ. Theo kinh nghiệm, kẻ mang bệnh, thần kinh suy nhược, rất sợ nghe tiếng khánh và mõ nhỏ, vì âm thanh của những thứ này chát chúa đình tai, kích thích thần kinh khiến cho họ tâm thần không an. Theo thiện ý, chỉ nên niệm suông là thỏa đáng hơn hết. Hoặc nếu có, thì chỉ đánh thứ chuông, khánh hay mõ lớn, mấy món này âm thanh hùng tráng, khiến cho người bệnh sanh niệm nghiêm kính, hay hơn đánh khánh và mõ nhỏ nhiều. Thứ mõ âm thanh đục cũng không nên đánh, vì làm cho bệnh nhân tâm thần hôn trước, nhưng sở thích của mỗi người không đồng, tốt hơn là nên hỏi trước bệnh nhân. Nếu có chỗ nào không hợp, phải tùy cơ cải biến, chớ nên cố chấp.

Người mới tắt hơi, điều thiết yếu là không nên vội di động, hoặc kẻ chết thân mình dính chất dơ cũng không nên gấp lau rửa, phải đợi qua tám tiếng đồng hồ, mới được tắm rửa thay y phục. Trước và sau khi chết, người nhà không được khóc lóc, khóc là vô ích mà lại có hại vì làm cho kẻ mạng chung

sanh niệm quyền luyện, không được giải thoát, chỉ nên gắng sức niệm Phật là thật ích cho vong nhân. Nếu muốn khóc lóc phải đợi tám giờ sau. Tại sao thế? Vì bệnh nhân tuy tắt hơi, nhưng thức A Lại Da còn chưa đi. Nếu khi ấy lay động, tắm rửa, thay y phục, hoặc kêu khóc, họ vẫn còn cảm giác đau đớn, hoặc sanh buồn giận, bi thương mà phải sa đọa. Điều này rất quan hệ, rất cần yếu, nên để ý ghi nhớ kỹ.

Cái thuyết thăm dò hơi nóng để nghiệm xem sanh về đâu tuy có chứng cứ, nhưng cũng không nên cố chấp. Nếu bệnh nhân bình thời tín nguyện chân thiết, khi lâm chung chánh niệm rõ ràng, có thể chứng nghiệm là vãng sanh. Nhiều kẻ không kỹ, cứ mãi thăm dò, rờ chỗ này chỗ kia làm động niệm kẻ mạng chung, cũng có hại lớn lắm. Sau khi bệnh nhân tắt hơi, trợ niệm xong, phải đóng cửa phòng lại canh chừng cho kỹ, kéo loài mèo, hoặc kẻ không am hiểu đổ xô vào xúc chạm, đợi qua tám giờ sau sẽ tắm rửa thay y phục. Trong vòng tám giờ, nếu có người ở gần bên niệm Phật luôn là điều rất tốt, ngoài ra cấm tuyệt không nên làm điều chi khác. Xin nhắc lại, trong khoảng thời gian này, người chết vẫn còn cảm giác!

Sau tám giờ, nếu tay chân người chết đã cứng không thể chuyển động, nên dùng vải thấm nước nóng đắp bao xung quanh các khớp xương, giầy lâu có thể co duỗi tay chân như thường.

Khi làm những Phật sự truy tiền cho vong nhân, nên hồi hướng công đức ấy đến chúng sanh trong pháp giới. Như thế công đức sẽ càng thêm lớn mà sự lợi ích của vong nhân đó cũng được tăng thêm nhiều.

Buổi lâm chung là lúc rất quan yếu trong một đời người, nếu trước dự bị tư lương vắng sanh cho đầy đủ, đến chừng ấy khó khỏi kinh hoàng bối rối, rồi kêu mẹ réo cha, nghiệp ác trong nhiều kiếp đồng thời hiện ra, làm sao giải thoát? Cho nên khi lâm chung tuy nhờ người y theo phương pháp mà trợ niệm, nhưng chính mình lúc bình nhật phải cố gắng tu trì, chừng ấy mới được tự tại.

Hỡi người tu tịnh nghiệp! Xin sớm dự bị là hơn.!

Viết dịch: HT Thích Thiện Tâm.

Đại sư Thiên Như Duy Tắc

Ngài họ Đàm, hiệu Thiên Như Duy Tắc, người ở Vĩnh Hưng, Cát An, Giang Tây. Thuở nhỏ, Sư xuất gia với ngài Hòa Sơn, sau du phương đến núi Thiên Mục đắc pháp và kế thừa Thiền sư Trung Phong Minh Bản. Năm 1341, niên hiệu Chí Chánh năm đầu, Đại sư trụ ở chùa Sư Tử Lâm nơi thành Tô Châu, các bậc tổ quan, trưởng giả trong thời ấy, phần nhiều đến tham học với ngài. Vua thường xuống chiếu vời hỏi, ngài đều lấy duyên cớ bệnh cáo từ. Năm sau, môn nhân hợp sức dựng chùa Bồ Đề Chánh Tông, thỉnh Sư thuyết pháp, xiển dương tông phong Lâm Tế.

Đại sư đã mật kế tông Thiền lại kiêm hoằng dương giáo pháp Tịnh độ, từng viết ra quyển “Tịnh Độ Hoặc Vấn” phá các điều nghi, sách tấn hành giả tu tập, và khuyên

người niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Sư được Thuận Đế nhà Nguyên ban hiệu Phật Tâm Phổ Tế Văn Tuệ Đại Biện Thiền sư và pháp y kim lan.

Tác phẩm do Sư trứ tác gồm: Lăng Nghiêm Kinh Hội Giải 20 quyển, Lăng Nghiêm Kinh Viên Thông Sớ 10 quyển, Tịnh Độ Hoặc Vấn, Thiền Tông Ngũ Lục, Thập Phương Giới Đồ Thuyết.

Sư thị tịch vào năm 1354, năm Hồng Võ nguyên niên đời nhà Minh, khi tịch điếm lạnh rất nhiều, thọ 71 tuổi, không rõ Tăng lạp bao nhiêu.

*Pháp ngữ khai thị của
Đại sư Thiên Như Duy Tắc*

Có một vị thiền tăng cầu hỏi:

1.Hỏi: - Sở dĩ Phật, Tổ ra đời vì độ chúng sanh; học giả chỉ lo việc lớn chưa xong, nếu đã phát minh đại sự (tức ngộ đạo), nên theo gương đăng Đại Giác hiện thân vào nơi khốn khổ, không hiểm đường sanh tử mà độ khắp hàm linh. Nếu bậc đã ngộ đạt mà còn cầu sanh Tịnh độ, đó chẳng qua là tâm niệm chán khổ tìm vui, không đoái đến kẻ đang ở trong vòng chìm đắm? Tôi dù ngu hèn, vẫn không thích làm như vậy!

Đáp: - Thấy chiếc trứng mà muốn cho nó nở liền, tâm niệm ấy sao đà vội gáp! Ông cho rằng sau một phen tỏ ngộ thì nghiệp tập đã dứt sạch, được ngay vị Bất Thoái Chuyển ư? Và cũng không còn học khắp

Phật pháp, không cần phải tu hành thêm để chứng những quả vị từ thấp đến cao ư? Hay là ông lại nghĩ: sau một phen ngộ đạo, tất đã đồng hàng với chư Phật, có thể vào sanh ra tử không bị chướng duyên nhiều loạn ư? Nếu quả như thế thì chư Đại Bồ Tát trải qua hàng hà sa kiếp tu sáu độ muôn hạnh, cũng đều phải hổ thẹn với ông vậy!

Cổ giáo đã có lời răn nhắc: “Hàng Thanh Văn còn muội lúc ra thai, bậc Bồ Tát còn mê khi cách ấ!” Hai hạng ấy mà còn như thế, huống chi người ngộ giải non kém, tự cứu chưa xong giữa đời nay? Dù cho chỗ tỏ ngộ có sâu xa, trí thông hiểu có cao sáng, hạnh cùng giải hợp nhau, chí quyết muốn độ người; nhưng vì chưa lên hàng Bất Thoái, lực dụng chưa đầy đủ, mà muốn ở cõi đời ác nầy hóa độ kẻ cương cường, điều ấy bậc Tiên Thánh cũng chưa hứa nhận. Ví như đem chiếc thuyền đóng trám chưa kỹ để vớt người nơi biển dậy ba đào, cái họa trầm溺 cả đoàn tất không tránh khỏi. Cho nên Luận Vãng Sanh nói: “Muốn du hành nơi địa ngục, muốn cứu độ chúng hữu tình mê khổ, trước phải cầu sanh về cõi kia, đợi khi chúng được Vô Sanh Nhẫn rồi, sẽ trở lại đường sanh tử mà thực hành bản nguyện. Do nhân duyên ấy nên người tu mới cầu

về Tịnh độ”. Lại Tiên Thánh cũng đã bảo: ‘Chưa được vị Bất Thoái Chuyển, chưa chứng Vô Sanh Nhẫn, cần phải thường không rời Phật. Ví như trẻ thơ không nên xa mẹ, như chim non chỉ có thể bay chuyển theo cành cây.’

Nay ở cõi Sa Bà nầy đức Thích Ca đã diệt, Phật Di Lặc chưa sanh. Huống nữa, bốn đường khổ thú, nhân quả dây dưa, trăm mối ngoại tà, thị phi rối loạn; sắc tốt tiếng dâm hằng quyến dụ, cảnh hư duyên ác mãi vây quanh. Trong hiện trạng ấy, đã không có Phật để nương nhờ, lại bị cảnh duyên làm khuấy động, hàng sơ tâm ngộ đạo hỏi mấy ai không bị thoái lui? Cho nên đấng Thế Tôn ân cần chỉ về Cực Lạc là bởi lý do ấy. Phương chi ở cõi kia, đức Di Đà hiện đang nói pháp, cảnh diệu độ muôn thú thuận duyên; đã nương nhờ hải chúng, nhẫn lực mau thành, lại gần đấng Pháp Vương, Phật Thừa dễ đạt. Chừng ấy muốn ra ứng hóa độ sanh, còn chi trở ngại? Cũng vì lẽ ấy, nên bậc thượng căn lợi trí còn nguyện thác sanh, huống chi ông là hạng trung hạ mới được đôi chút giải ngộ đó ư?

Ông há không thấy trong kinh Quán Phật Tam Muội, ngài Văn Thù tự bày tỏ túc nhân,

bảo mình đã chứng môn Niệm Phật Tam Muội, thường sanh ở Tịnh độ ư? Do bởi đó, đức Thế Tôn mới thọ ký cho ngài rằng: ‘Ông sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc.’

Lại chẳng thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát đem mười đại nguyện vương khuyến tấn Thiện Tài Đồng Tử và đại chúng nơi hải hội, nên dùng công đức đó cầu sanh về Cực Lạc ư? Trong ấy có đoạn nói:

‘Tôi nguyện khi đến lúc lâm chung.

Dứt trừ tất cả điều chướng ngại.

Diện kiến đức Phật A Di Đà,

Liên được sanh về cõi Cực Lạc.’

Lại chẳng thấy trong kinh Lăng Già, đức Thế Tôn đã huyền ký: ‘Sau xứ Nam Thiên Trúc, có danh đức tỳ khưu, tôn hiệu là Long Thọ, hay phá hữu, vô tông. Trong thế gian hiển ngã, pháp Vô Thượng đại thừa, chứng Sơ Hoan Hỷ Địa. Sanh về cõi Cực Lạc’ đó ư? Và chẳng thấy trong Luận Khởi Tín, Mã Minh Bồ Tát khen ngợi sự vãng sanh; trong kinh Đại Bảo Tích, Phật hứa khả cho Tịnh Phạn Vương và bảy muôn Thích chủng đồng về An Dưỡng; trong kinh Thập Lục

Quán, đức Thế Tôn chỉ dạy phương pháp cho bà Vi Đề Hy cùng năm trăm thị nữ được lễ cần đức A Di Đà ư?

Trong mấy vị trên, như vua Tịnh Phạn và bà Vi Đề Hy hiện tiền đều đã chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Ở Tây Trúc, những hạng ấy cầu vãng sanh rất nhiều. Bên Đông Độ thì có Viễn Công ở Lô Sơn cùng các bậc cao hơn trong Liên Xã, những vị tôn túc ở hai tông Thiên Thai, Hiền Thủ, tất cả đều dùng môn Niệm Phật tự tu và độ người khuyến hóa hàng tăng tục đồng cầu sanh về Tịnh độ. Nói chung những bậc cao đức tu Tịnh nghiệp số lượng không biết bao nhiêu mà kể! Đến như hai ngài Văn Thù, Phổ Hiền là bậc Đại Bồ Tát, Thiện Tài Đồng Tử và hải chúng Hoa Tạng đều là bậc đại nhân trong bốn mươi một vị. Mã Minh, Long Thọ là hàng Bồ Tát, mà cũng là bậc Đại Tổ Sư.

Những thánh nhân ấy chỗ ngộ và chứng siêu xuất hơn người ngộ đạt ngày nay như trời với vực, mà còn nguyện sanh về Tây Phương, ông bảo rằng đã tỏ ngộ không cầu về Cực Lạc, lại bác sự cầu sanh, thì các ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, chắc là không bằng ông rồi! Ông thử tự lượng xem chỗ tu chứng có bằng hai bậc

Đại Sĩ và hai vị Tổ Sư; sự tham ngộ có bằng ngài Thiện Tài cùng hải chúng, cảnh giới sở đắc và được Phật hứa khả có bằng vua Tịnh Phạn và bà Vi Đề Hy chăng? Vả lại, Tịnh Phạn Vương là thân sanh của Phật, bảy muôn Thích chủng là tộc thuộc của Ngài, nếu sự về Tịnh độ không có lợi ích thì đức Thế Tôn đâu nỡ khiến phụ vương và hàng thân thuộc cầu vãng sanh? Trước kia đã nói bậc chúng được Vô Sanh Nhẫn có thể vào tục độ sanh, nay vua Tịnh Phạn và người thân thuộc của Phật đã đắc quả ấy mà đức Như Lai còn khuyên và thọ ký cho vãng sanh, thì tấm lòng hộ trì bảo dưỡng của Ngài há chẳng là thân thiết và sâu xa ư?

Tôi thấy hàng Thiên giả đời nay phần nhiều không xét liễu nghĩa của Như Lai, chẳng rõ huyền cơ của Đạt Ma, bụng rộng lòng cao, tập quen thành bệnh cuồng vọng. Khi thấy người tu Tịnh độ, họ khinh thường và cười bảo: ‘Đó là việc làm thấp kém của hàng ngu phu ngu phụ!’ Tôi thường cho đó không phải khinh hạng ngu phụ, ngu phu, mà chính là khinh các Ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ; đó chẳng những tự mê chánh đạo, tự làm mất căn lành mà còn tự bỏ quên huệ thân và tự để tiêu Phật chủng. Đó cũng là tự gây ra tội báng Chánh Pháp,

tự kết thành nghiệp khinh Thánh Tăng. Chư Phật, Tổ xem những kẻ ấy là hạng người đáng thương xót! Vì lẽ ấy nên ngài Vĩnh Minh động mỗi bi tâm đem hết tâm can chủ trương Tịnh độ, đã tự tu lại khuyên đời. Nên khi lâm chung, Đại Sư biết trước ngày giờ, có các điềm lành ứng hiện; lúc trà tỳ xá lợi tuôn ra vô số. Về sau có một vị tăng ở Phủ Châu thường cung kính đi nhiễu xung quanh tháp của ngài, nhiều người hỏi lý do thì vị tăng ấy đáp: ‘Nhân lúc tôi bị bệnh nặng thần thức đi vào minh giới, Diêm Vương xét thấy thọ số chưa mãn, cho đưa trở về. Khi ấy tôi thấy bên phía tả đại điện có thiết bàn thờ di tượng một vị Đại Đức, Diêm Vương lễ bái ân cần. Hỏi ra thì Quan Chủ lại bảo đó là chân dung của Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền Sư, vì ngài tu hành tinh tấn, được sanh về Thượng Phẩm ở Cực Lạc nên Diêm Vương họa tượng để thờ.’ Vĩnh Minh Đại Sư là bậc đã ngộ suốt môn Thiền trực chỉ của Tổ Đạt Ma, mà lại gởi chất nơi phẩm sen thượng thượng bên trời An Dưỡng; những sự kiện ấy đủ giải thích mối tình chấp của người tu Thiền, còn làm duyên khuyến tấn cho chúng sanh đời Mạt Pháp. Cho nên tôi nói ngài rất có công đối với bên Tông cũng như bên Giáo là ở điểm này.

Song chẳng những chỉ có Vĩnh Minh Đại Sư mới như thế mà thôi. Ngoài ra, còn có Tử Tâm Tần Thiên Sư đã ngộ bên Thiền, lại khuyên tu bên Tịnh. Ngài đã bảo: “Di Đà rất dễ niệm, Tịnh độ rất dễ sanh. Người tham Thiền niệm Phật rất tốt. Nếu kẻ căn cơ hơi kém, sợ e đời nay chưa được đại ngộ, kiếp sau dễ lạc bến mê, thì nên nhờ sức bi nguyện của đức A Di Đà để sớm vãng sanh về Cực Lạc. Nếu vị nào chí tâm niệm Phật mà không được sanh về Tịnh độ, lão tăng xin chịu đọa vào địa ngục Bát Thiệt (ngục rút lưỡi)”. Lại như Chân Yết Liễu Thiên Sư, trong bài văn khuyên tu Tịnh độ, có nói: “Tại sao người trong tông Tào Động, ngoài sự tập Thiền, còn mật tu Tịnh độ? Sở dĩ có việc ấy, vì pháp môn Niệm Phật là con đường tắt trong các lối tu hành. Xét trong Đại Tạng, môn này ngoài sự tiếp dẫn bậc thượng thượng căn còn thấu nhiếp hạng người trung hạ... Bậc đại tượng trong Tông môn đã ngộ pháp phi không phi hữu, lại chăm chú tu Tịnh nghiệp, có phải sự thấy Phật của Tịnh độ còn giản dị hơn tông môn chẳng? Cho nên dù Phật, dù Tổ, hoặc Giáo, hoặc Thiền, đều do nơi cửa Tịnh độ đồng về nơi chân nguyên. Vào được môn này, tức có thể vào được vô lượng pháp môn khác...”

Đến như các ngài: Thiên Y Hoài Thiền Sư, Viên Chiếu Bản Thiền Sư, Từ Thọ Tâm Thiền Sư, Nam Nhạc Tư Thiền Sư, Pháp Chiếu Thiền Sư, Tịnh Yết Thiền Sư, Tịnh Từ Đại Thông Thiền Sư, Thiên Thai Hoài Ngọc Thiền Sư, Lương Đạo Trân Thiền Sư, Đường Đạo Xước Thiền Sư, Tỳ Lăng Pháp Chân Thiền Sư, Cô Tô Thủ Nạp Thiền Sư, Bắc Nhàn Giản Thiền Sư, Thiên Mục Lễ Thiền Sư, những đại lão ấy là bậc tông tượng trong Thiền môn, song xét ra chỗ mật tu và hiển hóa đều phát dương ý chỉ Tịnh độ, tuy không ước hẹn mà ngẫu nhĩ đồng đường.

Chẳng những các vị đại lão ấy như thế mà thôi, tôi lại thường nghe một vị kỳ túc bên Tông môn nói: “Hầu hết ngũ gia tông phái và những Thiền tăng trong thiên hạ, đã tỏ ngộ cùng chưa tỏ ngộ, đều quy hướng về Tịnh độ.” Hỏi lý do thì vị đó đáp: “Ngài Bá Trượng Trí Hải Thiền Sư là đích tử của Giang Tây Mã Tổ, những tông lâm trong thiên hạ đều y theo cách thức của ngài mà kiến lập và Thanh Quy ở khắp Thiền môn đều y theo pháp chế của ngài mà cử hành. Từ xưa đến nay không ai dám có lời thị phi và trái với pháp chế ấy”.

Theo Thanh Quy của ngài thì nghi thức

tụng cầu cho những vị tăng bệnh nặng có lời văn như sau: ‘Phải nhóm chúng lại, tất cả đồng tụng bài kệ tán Phật A Di Đà, rồi cao tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc trăm câu, ngàn câu. Khi niệm xong, hồi hướng phục nguyện rằng: “Nếu các duyên chưa mãn, sớm được an lành. Như hạn lớn đến kỳ, sanh về An Dưỡng.”’ Đó chẳng phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh độ hay sao? Lại trong nghi thức đưa những vị Tăng đã tịch có đoạn nói: “Đại chúng đồng niệm A Di Đà Phật hồi hướng phục nguyện rằng: Thần siêu cõi tịnh, nghiệp dứt đường trần, thượng phẩm sen nở hiện kim thân, nhất sanh Phật trao phần quả ký.”’ Đó không phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh độ hay sao? Đến như lúc trà tỳ, trong Thanh Quy lại dạy: “Vị Duy Na đánh dẫn khánh niệm Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật mười lần, đại chúng đồng xướng hóa theo. Khi xướng xong, lại hồi hướng rằng: “Trước đây xưng dương mười niệm, phụ giúp vãng sanh...”’ Đó không phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh độ hay sao? Cho nên lão Tăng nói: “Các Thiền gia trong thiên hạ đều quy hướng Tịnh độ là bởi nguyên nhân đó.”

Tôi nghe những lời dẫn chứng của vị kỳ

túc ấy đều có y cứ, nên không biện bác ra sao được. Nhân đó tôi lại chợt hiểu chỗ lập pháp của ngài Bá Trượng tất có thâm ý nhiệm mầu. Nay ông ở tông lâm, thân đã đưa không biết bao nhiêu vị tăng quy tịch, tai cùng miệng đã nghe và xướng không biết bao nhiêu lần mười niệm, ý đã chuyên chú hồi hướng về Tịnh độ lại không biết bao nhiêu lần nữa! Thế mà ông đã không hiểu ý Tổ Sư, đã không phát lòng thức tỉnh, lại lầm bảo: những bậc ngộ đạt không nguyện vãng sanh. Quả thật cái bệnh chấp thiên trong thiên hạ, không còn ai hơn ông được.

2. Hỏi: - Sự nhiếp cơ của Tịnh độ quả thật là rộng, ngu giả không còn dám luận bàn. Nhưng tôi thường nghe nói: ‘Di Đà bản tánh, Tịnh độ duy tâm,’ trong ý cũng có trộm mừng! Đến chừng xem qua các kinh luận về tông này thì Tịnh độ là miền Cực Lạc ngoài muôn ức cõi. Di Đà là vị giáo chủ ở Liên Bang. Như vậy thì kia đây cách xa, ngoài nghĩa lý duy tâm bản tánh rồi! Thế là ý chỉ gì?

Đáp: - Chỗ hiểu ấy còn nông cạn hẹp hòi. Ông không biết rằng chân tâm của ông rộng rãi và sáng suốt vô cùng? Kinh Lăng Nghiêm nói: ‘Những non sông đất liền cho

đến hư không ở ngoài sắc thân ta, đều là cảnh vật trong chân tâm màu sáng.’ Lại nói: ‘Các pháp sanh hóa đều là hiện cảnh của duy tâm.’ Thế thì đâu có cõi Phật nào ngoài tâm ta ư? Cho nên ý nghĩa của Tịnh độ duy tâm là nói cõi Tịnh độ ở trong chân tâm của ta, như biển cả nổi lên vô lượng bóng bọt, mà không có bóng bọt nào ở ngoài biển cả. Lại như những hạt bụi nơi đất liền, không có hạt bụi nào chẳng phải là đất; cũng như không có cõi Phật nào chẳng phải là tâm. Nên Tiên Thánh đã nói: ‘Chỉ một tâm này có đủ bốn cõi là: Phàm Thánh Đồng Cư, Phương Tiện Hữu Dư, Thật Báo Vô Chướng Ngại, và Thường Tịch Quang.’

Cõi Phàm Thánh Đồng Cư có hai: Đồng Cư Tịnh Độ và Đồng Cư Uế Độ. Đồng Cư Uế Độ là như cõi Sa Bà trong quốc độ này có phàm có thánh ở chung lẫn, mà phàm và thánh đều có hai hạng. Hai hạng của phàm là ác chúng sanh, tức bốn thú và thiện chúng sanh, tức trời người. Hai hạng của thánh là Thật Thánh và Quyền Thánh. Thật Thánh là các thánh nhân thuộc bốn đạo quả, bậc Bích Chi Phật, bậc Thất Địa trong Thông Giáo, Thập Trụ trong Biệt Giáo, Thập Tín hậu tâm trong Viên Giáo. Những vị này phần thông hoặc tuy dứt, song sắc thân quả báo hãy còn,

nên đều gọi là Thật. Quyền Thánh là các vị Bồ Tát trụ ở những cõi Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang cùng bậc Diệu Giác (Phật) vì làm lợi lạc cho kẻ hữu duyên nên ứng sanh vào cõi Đồng Cư. Bởi tùy cơ thị hiện nên gọi là Quyền. Những vị trên đây cùng với phàm phu đồng ở, nên gọi là Phàm Thánh Đồng Cư, và cảnh cư trú về phần khí thể giới, có hầm hố, gai góc, bùn đất, cùng các tướng như nhớp, về phần hữu tình giới có bốn ác thú, nên gọi là Uế Độ. Đồng Cư Tịnh Độ là như cõi Cực Lạc, tuy y báo, chánh báo nơi đây trang nghiêm mẫu nhiệm, không có bốn ác thú, song cũng gọi Phàm Thánh Đồng Cư vì chúng sanh sanh về cõi này không phải đều là bậc đặc đạo. Như trong kinh nói: ‘Hạng người phạm tội nặng khi lâm chung chí tâm sám hối và niệm Phật đều được vãng sanh.’ Do đó nên biết nơi cõi này chúng sanh còn hoặc nhiễm cũng có thể được ở. Thế giới Cực Lạc cũng có hai hạng Thánh Cư và bởi y báo, chánh báo đều sạch sẽ trang nghiêm, nên gọi là Tịnh độ. Để nói rộng thêm, tuy gọi Tịnh độ nhưng thật ra trong ấy có nhiều hạng hơn kém không đồng. Như thế giới Diệu Hỷ tuy là Tịnh độ, song còn có nam nữ và núi Tu Di, và Tịnh độ đã như thế, thì Uế độ cũng như vậy.

Cõi Phương Tiện Hữu Dư là chỗ ở của bậc Nhị Thừa và ba hạng Bồ Tát đã chứng Phương Tiện Đạo. Những vị này do tu hai môn quán, dứt phần thông hoặc, phá hết trần sa, bỏ thân phần đoạn, thọ thân pháp tánh, tự tại ở ngoài ba cõi; nhưng vì họ chưa đoạn được biệt hoặc vô minh nên còn có sự biến dịch sanh tử. Sở dĩ gọi là Phương Tiện vì đó là cảnh giới của hành nhân tu chứng Phương Tiện Đạo. Gọi Hữu Dư là bởi họ chưa đoạn được vô minh. Cho nên trong Thích Luận nói: ‘Ngoài tam giới có cõi Tịnh độ, đây là chỗ của hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật cư trú, thọ Pháp Tánh thân, không còn sự phần đoạn sanh tử.’

Cõi Thật Báo Vô Chướng Ngại là nơi không có hàng Nhị Thừa, chỉ thuần là bậc Pháp Thân Bồ Tát ở. Những vị này phá từng phần vô minh, chứng từng phần pháp tánh, được quả báo chân thật. Song vì họ chưa đoạn hết vô minh nên còn nhuận vô lậu nghiệp, thọ báo thân pháp tánh, và cảnh giới này cũng gọi là Quả Báo Độ. Kinh Nhân Vương nói: ‘Ba hiền, mười thánh trụ quả báo’ là chỉ cho sự việc trên đây. Sở dĩ gọi Thật Báo vì các Đại Sĩ ấy do quán Thật Tướng, phát được chân vô lậu, thọ hưởng quả báo chân thật. Gọi Vô Chướng Ngại là bởi chư Bồ Tát đây tu Chân

Không Định, sắc cùng tâm không ngăn ngại lẫn nhau. Trong kinh Hoa Nghiêm thuyết minh thể giới Nhân Đà La Vĩng, chính là cảnh này.

Cõi Thường Tịch Quang là chân lý pháp giới như như, sáng suốt cùng cực của bậc Diệu Giác. Đây là Phật Tánh Chân Như, tức độ là thân, tức thân là độ, thân và độ không hai, là trụ xứ của Đức Tỳ Lô Giá Na, cũng gọi là Pháp Tánh Độ. Thường chính là đức Pháp Thân. Tịch là đức Giải Thoát. Quang là đức Bát Nhã như chữ Y (Y) có ba điểm, không thể cách lìa, một tức là ba, ba nguyên vẫn một. Đây cũng gọi là Bí Mật Tạng, là cảnh giới du hóa của Như Lai, cứu cánh chân thường, thanh tịnh cùng cực.

Hai cõi trước là chỗ ở của Ứng Thân Phật. Cõi thứ ba cũng thuộc về Ứng cũng thuộc về Báo, mà chánh thức là chỗ ở của Báo Thân Phật. Cõi thứ tư không phải Ứng và Báo mà kiêm cả Ứng, Báo, là chỗ ở của Pháp Thân Phật.

Bốn cõi trên đây tùy theo chỗ tu chứng mà phân chia, song kỳ thật vẫn là một. Cho nên chân tâm bao trùm muôn tượng, vô biên quốc độ như vi trần ở khắp mười phương,

chính là cảnh giới trong tâm ta, hằng sa chư Phật trong ba đời, cũng là các đức Phật trong tâm ta; tất cả không ngoài bản tâm mà có. Hiểu được lý này thì biết không có cõi nào chẳng nương nơi tâm ta mà kiến lập, không có vị Phật nào chẳng nương nơi tánh ta mà xuất sanh. Thế thì miền Cực Lạc ngoài mười muôn ức cõi há chẳng phải là cảnh Tịnh độ của duy tâm ư?

Thế Giới Cực Lạc đã như thế thì vị giáo chủ ở cõi ấy cũng là đức Di Đà của bản tánh. Nên biết chỉ một tâm này bao trùm đủ mười giới, thân và độ dung thông, trùng trùng không ngại. Lại nên biết tâm, Phật, chúng sanh, ba chính là một, đồng thể không khác nhau, chúng sanh và Phật hỗ hiện, mỗi niệm giao tham. Cho nên cổ đức nói: ‘Chúng sanh trong tâm chư Phật, mỗi trần đều là Cực Lạc, chư Phật trong tâm chúng sanh, mỗi niệm chính thật Di Đà. Mười phương tịnh, uế gom về trong khoảng sát na. Một niệm sắc tâm, bủa khắp gồm thâu pháp giới.’ Xem thế thì biết tất cả đều sẵn đủ trong thể thiên chân, không phải do duyên khởi mới thành lập. Một tâm niệm đã như thế, một điểm trần lại khác chi? Vì vậy nên mới có thể:

‘Trong mỗi mỗi trần tất cả cõi.

Trong mỗi mỗi tâm tất cả tâm.

Mỗi mỗi tâm trần lại khắp nhau.

Trùng trùng không tận, không chướng ngại.

Đồng thời hiện rõ không ẩn hiển.

Tất cả viên thành chẳng kém hơn.’

Cảnh giới chân tâm bao hàm vô biên quốc độ trên đây, như lưới báu Thiên Châu của trời Đế Thích, bóng và ánh sáng của bao nhiêu hạt châu đều gom hiện vào một hạt châu, bóng và ánh sáng của một hạt châu lại hiện khắp vào tất cả các hạt châu khác. Tuy mỗi mỗi hạt châu giao hiện lẫn nhau, nhưng hạt châu này không thể là hạt châu kia, hạt châu kia không thể là hạt châu này, xen mà không tạp, lìa mà chẳng phân, mỗi mỗi khắp bày, vẫn không sở tại! Thế giới Cực Lạc cho đến mười muôn ức cõi mỗi miền cũng như một trong các hạt châu. Nói tinh tế hơn khắp mỗi cõi từ Tam Thừa thánh nhân cho đến trời, người, tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, mỗi mỗi lại cũng như một trong các hạt châu. Và đức A Di Đà cũng là một trong các hạt châu. Cho nên, thấy một vị Phật tức thấy mười phương chư Phật, mà cũng là thấy chín giới chúng sanh

ở khắp mười phương. Cõi Phật vô biên, mười phương kim cổ toàn thể là một hải ấn đồn viên, không còn pháp chi khác nữa!

Như thế thì thần thức trải qua mười muôn ức cõi, chính hóa sanh trong bản tâm ta; chất gởi nơi chín phẩm hoa sen, há cách biệt ngoài chân như Phật? Những lời dẫn giải trên đây đều là những minh huấn của Phật, Tổ, Thánh, Hiền đã tuyên dương vậy. Hiểu được lý này tất sẽ thấy thế giới Cực Lạc là duy tâm, mỗi cõi Phật mỗi điểm trần đều là duy tâm; đức Di Đà là bản tánh, mỗi vị Phật mỗi chúng sanh cũng đều là bản tánh. Như thế lại còn chi phải nghi ngờ?

3.Hỏi: - Nếu cõi Sa Bà có đủ bốn độ thì chỉ nên ở tại đây mà lần lượt tu hành, cần chi phải cầu sanh Cực Lạc?

Đáp: - Cõi này tuy đủ bốn độ, nhưng vì thuộc về Đồng Cư Uế Độ, nên người tu khó trừ nghiệp nhiễm. Muốn thoát ly nhiễm nghiệp, hành giả phải cầu sanh về Đồng Cư Tịnh Độ ở Liên Bang. Nên Tứ Minh Tôn Giả nói: ‘Cõi Sa Bà cảnh duyên trước ác nặng, người tu phải chứng đến vị Thập Tín mới thoát khổ luân. Miền Cực Lạc cảnh duyên thẳng diệu nên khi về chín phẩm đều lên

hàng Bất Thoái. Ông há không nghe trong kinh Pháp Hoa nói có những vị thọ giáo với Đại Thông Trí Thắng Như Lai, từ đó đến nay đã trải qua số kiếp như bụi nhỏ của vô lượng vô biên cõi Phật mà còn ở nơi địa vị Thanh Văn hay sao? Ấy đều bởi do mãi thoái chuyển nên phải trải qua thời kiếp lâu xa. Chẳng hạn như ngài Xá Lợi Phất tiền kiếp đã chứng đến Lục Trụ mà còn thoái tâm, huống nữa là hạng tu hành lơ láo ư? Nói chung, ở cõi này vì có nhiều chướng duyên, nên người tu dễ bị lui sụt. Nên tiên đức đã bảo: ‘Số lượng Bồ Tát mới phát tâm nhiều như bông xoài, trứng cá, nhưng kết cuộc còn lại không được bao nhiêu.’

Nếu kẻ nào biết hướng về Cực Lạc, nhờ thắng duyên bên cõi ấy, dù cho hạng phàm phu thấp thỏi, cũng lên ngay ngôi Bất Thoái. Đây là lý do tất yếu trong sự cầu sanh, mà các hành nhân nên suy gẫm kỹ.

5. Hỏi: - Trong mười phương, cõi đồng cư Tịnh độ rất nhiều. Nay lại riêng chỉ thế giới Cực Lạc và duy khen cảnh duyên ở cõi ấy thắng diệu là tại sao?

Đáp: - Kinh Phật Thuyết A Di Đà nói: ‘Chúng sanh ở cõi ấy không có các sự khổ,

chỉ hưởng những điều vui, nên gọi là Cực Lạc.' Cảnh duyên ở Cực Lạc rất thù thắng, có nhiều sự kiện thuận lợi cho chúng sanh nơi cõi này hơn các Tịnh độ khác, mà tâm lượng của phàm phu trong tam giới không thể thấu hiểu được. Nay xin tạm đem cảnh duyên ở Sa Bà đối chiếu để so sánh lược qua:

Ở cõi này loài người bầm thọt thân hình huyết nhục, có sanh là có khổ; cõi kia thì chúng hữu tình đều hóa chất nơi hoa sen, không còn sự khổ về sanh. Ở cõi này thời tiết đổi dời, con người lần lần đi đến cảnh già yếu; cõi kia là thế giới trường xuân, không có đêm, ngày, nóng, lạnh, chúng sanh không bị sự khổ suy già.

Ở cõi này con người thân tứ đại khó điều hòa, dễ sanh nhiều bệnh hoạn; cõi kia thì chúng sanh thể chất kim cương thơm sạch, không có sự khổ về yếu đau. Ở cõi này con người ít ai sống đến bảy mươi, cơ vô thường mau chóng; cõi kia thì chúng sanh thọ số đến kiếp lượng vô biên, không có sự khổ về chết. Ở cõi này con người bị sợi dây thân tình ái luyến ràng buộc, chịu đau khổ vì nổi tử biệt sinh ly; nơi cõi kia chúng sanh hóa thân nơi hoa sen, không có cha mẹ vợ

con, nên không bị khổ về ân tình chia cách. Ở cõi này ai không có kẻ thương người ghét, nên khi oán thù gặp gỡ tất phải chịu nhiều nỗi phiền não gian truân; nơi cõi kia toàn là bậc thiện như đấng đấng giúp đỡ lẫn nhau, không có sự khổ về oan gia hội ngộ. Ở cõi này con người phần nhiều nghèo khổ thiếu kém, dù kẻ giàu sang cũng có biết bao ước vọng không thành; nơi cõi kia, sự thọ dụng về ăn, mặc, ở, các thứ trân bảo, bao nhiêu điều mong muốn, đều được hóa hiện tự nhiên, chúng sanh an vui, không có nỗi đau buồn về thất vọng. Ở cõi này con người hoặc hình thể xấu xa, các căn không đủ; cõi kia chúng sanh đều có 32 tướng tốt, thân kim cương xinh đẹp, có ánh quang minh. Ở cõi này chúng sanh xoay vần trong nẻo luân hồi, nơi cõi kia bậc thượng thiện đều chứng Vô Sanh Pháp Nhãn. Ở cõi này có đủ bốn ác thú khổ não; nơi cõi kia tên ba ác đạo hãy còn không. Ở cõi này nhiều gò nông hang hố, rừng rậm chông gai, đầy đầy các tướng như ác; nơi cõi kia thì vàng ròng làm đất, cây báu vút trời, lầu chọi trân châu, hoa đua bốn sắc. Ở cõi này thì Song Lâm đã khuất, Long Hoa còn xa; nơi cõi kia, Di Đà Thế Tôn hiện đang thuyết pháp. Ở cõi này thì Quán Âm, Thế Chí luống mền danh

lành; nơi cõi kia, chư Bồ Tát thượng hơn
hàng làm thẳng hữu. Ở cõi này thì các ma
cùng ngoại đạo làm náo loạn bậc chánh tu;
nơi cõi kia, Phật hóa tinh thuần, ngoại ma
tuyệt tích. Ở cõi này thì sắc thính, danh lợi
khiến mê hoặc người tu; nơi cõi kia, y chánh
sạch nghiêm, không còn duyên nhiễm. Ở
cõi này thì ác thú, muỗi mòng khiến hành
nhơn không yên ổn; nơi cõi kia, nhạc, cây,
chim, nước hằng nói pháp âm.

So sánh lược qua hai cõi, cảnh duyên hơn
kém thật đã cách xa, nếu nói cho kỹ thì sự
ưu liệt làm sao kể xiết! Tuy nhiên tóm lại
phần khái yếu cũng không ngoài hai quan
điểm: một là vì cảnh Cực Lạc thù thắng, nên
có thể khích phát lòng mong mến và quy
hướng của loài hữu tình; hai là duyên liên
quốc nhiệm mầu nên có thể giúp ích cho
người vãng sanh dễ tiến mau trên đường
tu chứng. Vì thế, cõi Đồng Cư Tịnh Độ ở
mười phương tuy nhiều, song riêng cõi Cực
Lạc có đầy đủ thắng duyên, các kinh luận
đều chỉ quy, cũng do lẽ đó.

6. Hỏi: - Trong mười phương có vô số chư
Phật, những chúng sanh hữu tâm đều có
thể thân cận. Nay lại riêng suy cử đức A Di
Đà là tại sao?

Đáp: - Trong ấy có ba lý do: Vì đức A Di Đà thế nguyện sâu rộng, vì chúng sanh ở cõi này có nhân duyên lớn với Ngài, và vì sự giáo hóa của hai đức Thế Tôn ở Tây Phương và Đông Độ liên quan nhau.

Về nguyên nhân thứ nhất, như kinh Vô Lượng Thọ nói: Đức A Di Đà trong thời kỳ tu nhân đã phát nhiều thế nguyện rộng lớn. Phần khái yếu trong các lời nguyện ấy là: ‘Khi tôi thành Phật, nếu có chúng sanh nào muốn sanh về nước tôi, siêng tu các căn lành và chí tâm xưng danh hiệu tôi cho đến mười niệm, như kẻ ấy không được vãng sanh thì tôi thể không thành Chánh Giác. Kẻ nào đã sanh về nước tôi mà còn bị thoái chuyển và không quyết định được thành Phật, tôi thể không thành Chánh Giác.’ Nên trong Hoa Nghiêm Sớ nói: ‘Phật A Di Đà có lời thể sâu nặng nguyện tiếp dẫn chúng sanh ở cõi Sa Bà.’

Về nguyên nhân thứ hai, khi Phật Thích Ca còn ở đời, chúng sanh nghe lời từ huấn, quy hướng về đức A Di Đà rất nhiều. Từ khi đức Thế Tôn niết-bàn về sau, không luận là hàng tăng, tục, nam, nữ, giàu, nghèo, sang, hèn, kẻ đã nghe chánh pháp hay chưa biết gì về Phật giáo vẫn thường xưng niệm danh

hiệu A Di Đà Phật. Dù cho hạng hung dữ, kẻ không lòng tin, khi gặp cảnh nguy khốn tai nạn, hay lúc vui mừng, thán oán, bất giác cũng kêu gọi A Di Đà Phật. Cho đến trẻ nhỏ khi chơi đùa vẫn thường nắn hình, vẽ tượng Phật A Di Đà; người hát xướng hay đùa hài nhi năm ba tuổi nói năng chưa rành cũng biết niệm A Di Đà Phật. Sự không ai khuyến khích mà vẫn biết niệm ấy không phải do nhân duyên là gì? Lại như trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã bảo: ‘Nay Ta nói kinh này khiến cho chúng sanh được thấy Phật Vô Lượng Thọ và quốc độ của Ngài. Những kẻ muốn bước lên đường giải thoát nên cầu vãng sanh. Pháp môn này mọi người đều có thể tu, chớ vì Ta diệt độ rồi mà sanh lòng nghi hoặc. Trong đời đương lai, khi tam tạng giáo điển đã diệt hết, Ta dùng nguyện lực từ bi, duy lưu kinh này trụ thế một trăm năm. Những chúng sanh nào có duyên được gặp, tùy ý mong cầu thấy đều đắc độ.’ Lại nói: ‘Sau khi kinh này diệt rồi, Phật pháp hoàn toàn mất hẳn trong đời, chỉ còn lưu truyền bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sanh; kẻ nào không tin mà hủy báng sẽ bị đọa vào địa ngục, chịu đủ các sự khổ.’ Vì lẽ đó, nên ngài Thiên Thai nói: ‘Phải biết đức Phật kia đối

với cõi trước này có nhân duyên rất lớn.’

Về nguyên nhân thứ ba thì các vị tiên giác đều bảo: ‘Đức Thích Ca ứng sanh nơi cõi uế, đem các duyên: như ác, khổ não, vô thường, chướng nạn mà chiết phục chúng sanh, khiến cho họ sanh lòng nhàm chán mà tu theo chánh đạo. Đức Di Đà hiện thân nơi cõi tịnh, dùng các duyên: trong sạch, an vui, lâu dài, không thoái chuyển mà nhiếp hóa loài hữu tình, khiến cho họ khởi tâm ưa mến mà trở lại nguồn chân. Hai bậc Thánh Nhân đã dùng hai môn Chiết và Nhiếp làm cho chánh giáo lưu hành, nên sự hóa độ có liên quan nhau. Lại đức Bốn Sư ngoài sự chỉ dạy ba thừa để giáo hóa chúng sanh, đặc biệt nói thêm môn Niệm Phật để nhờ đức A Di Đà tiếp dẫn những kẻ còn chưa được độ. Vì thế, trong các kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn đã ân cần dặn bảo, luôn luôn khen ngợi và khuyến khích sự vãng sanh.’

Ba lý do trên đây đã nói rõ tại sao đức A Di Đà được riêng suy cử trong số mười phương chư Phật.

7. Hỏi: - Về việc duy chỉ cõi Cực Lạc, riêng suy cử đức A Di Đà, cùng những ý nghĩa: chiết, nhiếp, chán, ưa, tôi đã nghe lời diệu

chỉ. Nhưng thiết tưởng chân tâm vẫn bình đẳng trong lành, nếu còn niệm chán ưa tức là còn sự ghét, yêu, lấy, bỏ. Như thế có lỗi hay chăng?

Đáp: - Ông chưa hiểu sâu về việc trên, nên mới có lời hỏi ấy. Sự chán ưa đó không phải là lòng yêu ghét của thế gian, mà chính là đường lối chung để chuyển phàm thành thánh của mười phương chư Phật. Nếu không chán bỏ, làm sao chuyển phàm; nếu không có ưa lấy, làm sao thành thánh?

Cho nên từ phàm phu đi đến thánh vị, từ thánh vị đi đến Đẳng Giác, khoảng thời gian tăng tiến đó đều ở trong vòng lấy bỏ chán ưa. Chừng nào hành nhân đã chứng đến ngôi cực quả là Diệu Giác, mới không còn sự lấy bỏ chán ưa, vào thể như như bình đẳng. Vì thế tiên đức đã bảo: ‘Người tu trước tiên phải có lấy bỏ để đi đến chỗ không lấy bỏ. Khi sự lấy bỏ đã chí cực thì cùng với sự không lấy bỏ vẫn đồng nhau.’ Huống chi pháp môn Tịnh độ vốn do đức Thích Ca và đức Di Đà kiến lập, một vị khuyến khích cầu sanh, một vị giữ phần tiếp dẫn; nếu người tu tịnh nghiệp không có niệm chán bỏ thì làm sao lìa cõi Sa Bà, không có tâm ưa cầu, làm sao sanh về Cực

Lạc? Sự sanh về Tịnh độ chẳng qua là mượn thẳng duyên bên cõi ấy để mau thành quả Bồ Đề, thì việc lấy bỏ chán ưa đã không có công lớn thì thôi, sao lại cho là có lỗi?

8. Hỏi: - Thuyết lấy bỏ đã đúng, tôi không còn dám luận bàn. Song việc vắng sanh chẳng biết có trái với lý Vô Sanh hay chẳng?

Đáp: - Ngài Thiên Thai đã bảo: ‘Người trí sốt sắng cầu sanh Tịnh độ, song hiểu rõ sanh thể vốn không. Đó chính là lý sanh mà vô sanh, và tâm tịnh cõi Phật thanh tịnh. Kẻ ngu bị cái sanh ràng buộc, nghe nói sanh hiểu là thật có sanh, nghe nói vô sanh lại nhận lầm rằng không sanh về đâu cả. Đâu biết sanh tức là vô sanh và vô sanh há lại ngại gì sanh ư?’

Trường Lô Thiền sư nói: ‘Cho sanh là thật có sanh, lạc vào lỗi chấp thường; cho vô sanh là không có sanh, lạc vào lỗi chấp đoạn. Sanh mà không sanh, không sanh mà sanh, mới chính thật Đệ Nhất Nghĩa Đế.’ Thiên Y Thiền Sư cũng bảo: ‘Sanh thì quyết định sanh, song về vẫn thật không về.’ Lý thuyết của ba Đại Sư trên, ý nghĩa rất rõ ràng; nay tôi xin đem hai chữ tánh, tướng để giải thích rộng thêm. Về phần tánh thì

chân tâm mầu lặng, thể nó vốn tự không sanh. Về phần tướng thì khi nhân duyên hòa hợp, trong chân tâm vẫn huyền hiện ra các tướng sanh diệt. Vì tánh hay hiện tướng, nên nói “vô sanh tức là sanh”. Vì tướng do tánh mà hiện, nên gọi “sanh tức là vô sanh”. Hiểu được nghĩa này thì sanh về Tịnh độ tức là sanh trong thể duy tâm, sanh mà không sanh, lý đâu có trái!

9. Hỏi: - Thuyết vắng sanh ý nghĩa đã rõ ràng. Song về việc đó, hàng học giả đời nay trong ngàn muôn người, mấy ai được thông hiểu? Vì thế họ đều nghi rằng miền Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi, lộ trình đã xa vợi, khi mạng chung làm sao có thể đến nơi? Chẳng biết Đại Sư có phương sách gì để thuyết minh việc ấy chăng?

Đáp: - Mối nghi ấy thật đã vớ vẩn! Tôi đã nhiều lần nói ngoài tâm không độ, ngoài độ không tâm, mà ông còn chưa hiểu sao? Song việc ấy không chỉ khác, chỉ vì nhiều người đã nhận lầm rằng tâm mình thuộc vào phạm vi nhỏ hẹp ở trong sắc thân. Họ đâu ngờ đó chỉ là vọng thức, mà thật ra chân tâm của mỗi người rộng rãi vô biên, bao trùm sa giới, đầy khắp thái hư. Cho nên mười phương hư không vô tận vô

cùng, hằng sa thế giới vô biên vô số, đều bị tâm lượng của ta bao trùm và đầy khắp tất cả. Xem thế thì biết mười muôn ức cõi chỉ ở trong tâm ta, kỳ thật rất gần, có chi là xa? Và khi mạng chung được vãng sanh, cũng chỉ sanh ở trong tâm ta, kỳ thật rất dễ, có chi là khó? Thập Nghi Luận nói: ‘Mười muôn ức cõi là đối với tâm lượng của hạng nhục nhân phạm phu ở trong nẻo luân hồi mà nói đó thôi. Nếu đối với chúng sanh tịnh nghiệp thành tựu thì tâm ở trong định khi lâm chung chính là tâm thọ sanh về Tịnh độ, vừa động niệm liền được vãng sanh. Vì thế trong Quán Kinh nói: ‘Cõi nước của Phật A Di Đà cách đây không xa.’ Lại nghiệp lực không thể nghĩ bàn, trong một niệm liền được sanh về cõi Phật, không cần phải lo đường lối xa xôi. Ví như người nằm mơ, thân tuy ở nơi giường mà tâm đi khắp các nơi xa lạ như lúc còn thức”. Sự sanh về Tịnh độ đại để cũng như vậy.

Các kinh có chỗ nói trong khoảng khảy ngón tay liền được vãng sanh. Có chỗ nói khoảng co duỗi cánh tay, hoặc nói trong khoảnh khắc. Nên Tỳ Tĩn Lục đã bảo: ‘Trong khoảnh khắc liền vượt qua mười muôn ức cõi vì tự tâm vốn nhiệm mầu.’ Những điểm thí dụ trên đại ý chỉ cho: vì sanh trong chân tâm rộng

lớn của mình nên rất dễ và rất gần đó thôi. Hãy gác qua việc chân tâm rộng, nay tôi chỉ căn cứ nơi tâm lượng phàm phu nhỏ hẹp của ông, lập ra một thí dụ cho dễ hiểu: Ví như từ đây sang xứ Tây Thiên Trúc, lộ trình trải qua nhiều nước và xa hơn mười muôn dặm. Có người tuy chưa đi đến Tây Thiên, nhưng nghe kẻ khác đã đi rồi trở về thuật lại rành rẽ, để ý ghi nhớ kỹ nơi lòng. Về sau người ấy trong khi ngồi nằm, bỗng động niệm nhớ lại việc trước, suy nghĩ trải qua ngàn dặm đến nước nào, muôn dặm đến nước nào, và kết cuộc đến xứ Thiên Trúc ra làm sao; liền thấy hiện ra cảnh giới của mỗi giai đoạn, lúc nghĩ tới đâu như thấy mình thân hành đến ngay nước đó. Sự vắng sanh về Cực Lạc cũng không ngoài đạo lý ấy, trong khoảng khảy ngón tay hoặc trong một niệm liền đi đến, có chi là khó khăn ư? Nếu ông không tu Tịnh độ mà muốn đến Cực Lạc, cố nhiên là khó; như Tịnh nghiệp của ông thành tựu thì sự đi đến rất dễ dàng. Chỉ cần quyết tâm là sẽ được mãn nguyện, Phật, Thánh không khi nào có lời nói dối đâu!

10. Hỏi: - Không tu tịnh nghiệp tất khó vắng sanh, đó là điều chắc chắn. Nhưng tại sao hàng phàm phu nghịch ác khi lâm chung cũng có thể vắng sanh? Điểm ấy tôi

còn chưa hiểu và có chỗ nghi ngờ, mong Đại Sư chỉ dạy rành rẽ?

Đáp: - Trong Quán Kinh đã dạy: ‘Hạ phẩm hạ sanh là như có người tạo tội ngũ nghịch, thập ác, làm đủ các việc không lành, do vì ác nghiệp, nên đáng lẽ phải bị đọa vào ác đạo, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng! Nhưng khi lâm chung, kẻ ấy được gặp thiện tri thức an ủi và thuyết pháp cho nghe, khuyên phải nhớ tưởng đến Phật; song người ấy vì bị sự khổ bức bách nên không nhớ tưởng được. Thiện hữu lại bảo: ‘Nếu ông không thể nhớ Phật thì hãy chí tâm xưng Nam Mô A Di Đà Phật âm thanh liên tiếp nhau cho đủ mười niệm.’ Người ngu ác kia vâng lời hết lòng xưng danh, nên trong mỗi niệm diệt được tội nặng nơi đường sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Khi người ấy niệm Phật, bỗng thấy hoa sen vàng chói sáng như vầng nhật hiện ra ở trước, trong khoảng một niệm, đương nhiên liền được sanh về thế giới Cực Lạc và kế tiếp đó phải ở trong hoa sen mãn mười hai đại kiếp. Khi hoa sen nở ra, kẻ ấy thấy đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng tiếng Đại Bi vì mình nói Thật Tướng của các pháp và cách trừ diệt tội chướng. Người ấy nghe pháp rồi tự nhiên vui vẻ, phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.’

Đoạn kinh trên chỉ rõ cảnh tượng của bậc hạ phẩm hạ sanh. Mười hai đại kiếp ở trong hoa sen, tuy thời gian có lâu xa, nhưng người vãng sanh thấy mình ở trong một bầu thế giới riêng biệt, hưởng thọ sự vui như chư thiên nơi cung trời Đao Lợi. Vì thế cổ đức đã bảo:

‘Trong hoa vui vẻ như Đao Lợi.

Khác hẳn thai phàm của thế gian.’

Theo Quán Kinh Sớ thì người nghịch ác mà được vãng sanh là do khi lâm chung, kẻ ấy chí tâm niệm Phật nên tội chướng được tiêu trừ. Thế thì ý của Sớ Văn cho sự niệm Phật là thắng duyên vãng sanh. Riêng tôi, sau khi tham khảo các kinh luận và sớ giải về Tịnh độ, lại ước kết trong ba nghĩa:

Điều thứ nhất, hành nhân chỉ niệm Phật trong thời gian ngắn ngủi mà có thể thắng nổi nghiệp ác trọn đời là do nhờ tâm lực rất mạnh mẽ, ý chí cực quyết định; đó gọi là Đại Tâm. Tình cảnh ấy ví như người bị quân giặc vây khốn, đang lúc nguy cấp, do liễu chết không kể đến thân mạng nên phát được sức dũng mãnh cùng cực, xông phá vượt ra khỏi trùng vi.

Điều thứ hai, kẻ ấy tuy tạo ác, song hoặc hiện đời đã có tu Tam Muội nên khi lâm chung nghe người nhắc bảo, định lực được dễ thành. Đây cũng thuộc về hạng người mà trong nhà Phật gọi là “thừa cấp giới hoãn”. Nếu kẻ ấy hiện đời không tu Tam Muội, tất đời trước cũng đã có huân tu. Hạt giống lành ấy nay đã đến thời kỳ thuận thực nên khi lâm chung gặp thiện tri thức khuyên bảo, kẻ đó nương nơi tức thiện nghiệp, trong mười niệm mà được thành công.

Điều thứ ba, nếu không phải do công tu trong hiện đời hay nghiệp lành về kiếp trước, tất khi lâm chung kẻ ấy đã niệm Phật với lòng sám hối tha thiết cùng cực. Nên ngài Vĩnh Minh nói: ‘Vì thể nhân duyên vốn không nên nghiệp thiện ác chẳng định; muốn rõ đường siêu đọa, phải nhìn nơi tâm niệm kém hơn. Cho nên một lượng vàng ròng trắng nổi bông gòn trăm lượng, chút lửa le lói đốt tiêu rơm cỏ muôn trùng.’

Một trong ba nhân duyên trên cộng thêm công đức của Phật hiệu, nguyện lực của Di Đà, nên khi lâm chung kẻ nghịch ác mới thắng được tội khiên, sanh về Cực Lạc.

11. Hỏi: - Sống trong đời ác năm trước, mỗi

người đều có tội; giả sử không tạo tội nặng ngũ nghịch thì cũng vướng vào các lỗi khác. Nếu có người không sám hối, hoặc sám hối mà tội chưa tiêu diệt hết, khi bình thời và lúc lâm chung đều chí tâm niệm Phật thì có được vãng sanh hay chăng?

Đáp: - Những kẻ hành trì như thế đều được vãng sanh, do nhờ sức đại nguyện không thể nghĩ bàn của đức Phật A Di Đà. Kinh Na Tiên nói: ‘Như đem tảng đá thật to để trên thuyền, do nhờ sức thuyền nên đá không bị chìm và được chuyển sang bờ bên kia. Nếu không có thuyền thì dù đem hạt cát để xuống nước, hạt cát ấy cũng vẫn bị chìm.’ Tảng đá to dụ cho người nghiệp nặng, hạt cát dụ cho người nghiệp nhẹ, chiếc thuyền dụ cho nguyện lực của Phật. Người dù nghiệp nặng bao nhiêu mà biết ăn năn chí tâm niệm Phật thì cũng được Phật tiếp dẫn, ví như tảng đá to được thuyền chở qua bờ bên kia. Kẻ nghiệp tuy nhẹ mà không niệm Phật, khi mạng chung sẽ tùy nghiệp chịu khổ luân hồi, ví như hạt cát bị chìm, bởi không thuyền chuyên chở. Cho nên trong nhà Phật có thuyết “đời nghiệp vãng sanh” là còn mang nghiệp cũ mà được sanh về Tây Phương, chính ý nghĩa đó. Trong Tịnh Độ văn, đoạn nói về bốn cõi cũng bảo: ‘Người

còn đủ Hoặc nhiễm vẫn được sanh về Đồng Cư Tịnh Độ.’ Như Hùng Tuấn, Trương Chung Quý và một người ở Phần Châu đều lấy nghiệp đồ tể làm nghề sanh sống; khi lâm chung, cả ba người kẻ thì thấy bầy trâu ô ạt kéo đến muốn chém, kẻ lại thấy thần nhân đuổi bầy gà đến mổ khắp cả mình và đôi mắt, làm cho máu chảy ướt giường, nhưng nhờ chí tâm niệm Phật, nên cả ba đều thoát khỏi nghiệp Nê Lê (địa ngục), được sanh về Cực Lạc. Sự tích này có chép rõ trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Những việc trên đây không phải bằng chứng của Phật lực là gì?

Xin đem một thí dụ nữa để nói rõ: Như có người phạm pháp quan đáng lẽ phải bị tù ngục, nhưng kẻ ấy biết cầu cứu với vua, nhờ che chở cho để chờ lúc lập công; do vua tuyên triệu nên quan không thể gia hình. Đương nhân nhờ đó mà đi thẳng đến đế kinh, không ai cầm bắt được. Cho nên bộ Tây Tư Sao nói: ‘Chúng sanh được về Tịnh độ là do nhờ đức Thích Ca chỉ đường, Phật A Di Đà tiếp dẫn và chư Phật mười phương đều hộ niệm. Như người qua biển cả, đã được thuyền to, lại nhờ tay lương đạo, thêm vào đó sức gió thuận, nên có thể mau đến bờ bên kia. Nếu còn không chịu bước lên

thuyền, lưu liên nơi miền ác địa, đó là lỗi của ai ư?’

12. Hỏi: - Trước đã nói: ‘Hàng phàm phu cũng được lên ngôi Bất Thoái.’ Theo thiền ý, ngôi Bất Thoái là để cho hạng người không ác nghiệp. Nay những kẻ đời nghiệp vãng sanh mà cũng được bất thoái ư?

Đáp: - Chỉ được vãng sanh là đều lên hàng bất thoái chuyển. Kinh nói: ‘Những kẻ sanh về, đều trụ nơi Chánh Định Tự.’ Lại nói: ‘Ở cõi Cực Lạc, chúng sanh nào sanh về đó đều là bậc A Bệ Bạt Trí.’ Thập Nghi Luận nói: ‘Có năm nhân duyên khiến cho người vãng sanh không thoái chuyển:

1- Do nguyện lực đại bi của Phật nhiếp trì.

2- Ánh sáng của Phật thường soi đến thân, nên lòng Bồ Đề của chư thiện nhân luôn luôn tăng tiến.

3- Chim, nước, rừng cây, gió, âm nhạc, thường phát ra tiếng pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã; hành giả nghe rồi sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

4- Chúng sanh được sanh về Cực Lạc thì bạn lành toàn là bậc Bồ Tát thượng thiện, tuyệt tất cả chướng nạn, ác duyên, lại không

ngoại đạo, tà ma, nên tâm thường an tịnh.

5- Đã được sanh về cõi ấy, thì thọ lượng vô cùng, đồng với Phật và Bồ Tát, an nhiên tu tập trải qua vô biên A Tăng Kỳ kiếp’.

Cổ đức cũng bảo: ‘Không nguyện sanh Tịnh độ thì thôi, có thật nguyện tất đều được vãng sanh. Không sanh Tịnh độ thì thôi, đã vãng sanh tất đều được bất thoái chuyển.’

13. Hỏi: - Kể một đời tạo ác, khi lâm chung duy niệm Phật, đã được đơi nghiệp vãng sanh, lại còn không thoái chuyển; nguyện lực của đức A Di Đà thâm diệu, thật không thể nghĩ bàn! Vậy thì bây giờ tôi tạo tác theo duyên đời, đơi khi sắp chết rồi sẽ niệm Phật có được chăng?

Đáp: - Khổ thay! Lời ấy rất ngu muội sai lầm, còn nguy hiểm hơn thứ rượu độc, đã hại mình lại làm hại lây đến hàng tăng ni, người, thiện tín trong đời nữa! Sở dĩ hàng phàm phu nghịch ác khi lâm chung biết niệm Phật, là do từ trước họ đã có căn lành, phước đức, nhân duyên, nên mới được gặp thiện tri thức, mới khởi lòng tin tưởng và phụng hành. Đó là việc cầu may trong muôn một, đâu phải mỗi người đều được như thế? Luận Quán Nghi nói: ‘Trong đời

có mười hạng người khi lâm chung không niệm Phật được:

1- Không gặp bạn lành, nên chẳng ai khuyên niệm.

2- Nghiệp khổ bức thiết, không yên ổn rồi rảnh để niệm Phật.

3- Trúng phong cứng họng, không thể xưng danh Phật.

4- Cuồng loạn mất trí, không thể chú tâm tưởng niệm.

5- Thoạt gặp tai nạn nước lửa, mất sự điềm tĩnh chí thành.

6- Bỗng gặp cạp beo ác thú làm hại.

7- Khi lâm chung bị bạn ác phá hoại lòng tin.

8- Gặp bạo bệnh hôn mê bất tỉnh mà qua đời.

9- Bị trúng thương thoát chết giữa quân trận.

10- Từ trên cao té xuống mà mạng vong.'

Mười sự kiện trên đây là những việc thường nghe thấy, không luận tăng, tục, nam, nữ, hạng nào cũng có thể bị vướng vào. Đó là

do túc nghiệp hoặc hiện nghiệp chiêu cảm, nên sự việc bỗng nhiên xảy ra, không còn trốn tránh kịp. Ông đã không phải là bậc thánh nhân chứng Túc Mạng Thông, biết được khi lâm chung có nghiệp hay không nghiệp, lại chẳng phải là bậc đủ Tha Tâm, Thiên Nhãn, biết mình khi mạng chung chết tốt hoặc xấu, mà bình thời không niệm Phật, đến khi lâm chung nếu rủi mắc phải một trong mười duyên ác đó, thì sẽ liệu ra sao? Chừng ấy dù có Phật sống hay bao nhiêu thiện tri thức đứng vây quanh cũng không làm thế nào cứu được, và thần thức ông sẽ tùy theo nghiệp đi vào chốn tam đồ, bát nạn, nhiều kiếp chịu khổ, biết có còn được nghe danh hiệu của Phật như ngày nay chăng?

Giả sử ông không bị những ác duyên đó, chỉ bệnh sơ sài rồi mãn phần, thì lúc sắp chết bốn đại phân ly, gân xương rút chuyển, thân tâm đau đớn, kinh hoàng, như con đười ươi mỗi bị lột vảy, con cua rớt vào nước sôi, làm sao mà niệm Phật? Dù cho ông không bệnh mà chết một cách yên ổn nữa, khi lâm chung hoặc e duyên đời chưa dứt, niệm tục còn vương, nỗi tham sống sợ chết làm cho tâm ý rối loạn, phân vân cũng không niệm Phật được. Nếu là người tục thì lại thêm gia vụ

chưa xong xuôi, việc sau chưa sắp đặt, vợ kêu, con khóc, trăm mối ưu tư cũng không rỗi rảnh để niệm Phật. Chẳng đợi lúc lâm chung, giả sử trước khi ông chưa chết mà có chút bệnh nơi thân, phải gắng chịu sự đau khổ, rên rỉ không yên, tìm thuốc, hỏi thầy, nhờ người cầu an sám hối, tạp niệm rối ren, chưa dễ nhiếp tâm niệm Phật. Dù lúc ông chưa có bệnh thì bị tuổi cao sức yếu, đủ sự kém suy, áo não buồn than, chỉ lo sự việc trên cái thân già còn chưa xong, chắc chi đã niệm Phật? Ví như lúc ông chưa già, thân lực đang cường tráng mà còn đeo việc thế gian, chưa dứt niệm đời, bôn tẩu đông tây, âu lo đủ việc, biến thức mệnh mang, làm sao có thể niệm Phật? Dù ông được muôn duyên rỗi rảnh, có chí tu hành, nhưng đối với tướng thế gian, nếu nhìn không thấu, nắm không vững, dứt không xong, khi xúc đối với ngoại duyên không thể tự chủ, tâm tùy theo cảnh mà điên đảo làm sao yên chí để niệm Phật?

Ông thử nghĩ xem, chỉ khi già, bệnh, cho đến thuở mạnh khỏe an nhàn nếu còn một việc đeo đẳng nơi lòng cũng không thể chánh tâm niệm Phật, huống nữa là đợi đến lúc lâm chung ư? Phương chi, ông lại còn nói tạo tác theo duyên đời, đó phải chăng là lời si mê, là chỗ dụng tâm rất nên lắm

lỗi? Vả lại sự nghiệp thế gian, như giấc mơ, trò huyễn, như bóng bọt, tiếng vang, chỉ thoáng chốc rồi không, nó có lợi ích chi thiết thật cho ông trên đường giải thoát? Dù cho ông có tạo được chùa chiền quy mô rộng lớn, gây nên thanh thế địa vị cao tôn, kết thân với nhiều kẻ quyền chức sang giàu, trong tâm tự hào cho đó là đã thành công nơi đường tu, đâu ngờ thật ra chính lại phạm nhằm điều răn của tiên thánh! Bởi cổ đức từng khuyến giới rằng: ‘Người xuất gia phải chí thú nơi sự giải thoát, đừng quá đua theo công nghiệp hữu vi, vì trong ấy có nhiều lầm lỗi, e cho thiên đường chưa thấy, địa ngục đã trước! Nếu việc sống chết chưa xong thì tất cả công nghiệp hữu vi đều là nguyên nhân của sự khổ. Một mai nhắm mắt đi rồi, tùy theo nghiệp mà thọ báo, chừng ấy mới hay việc đã làm là trên gông cùm đeo thêm xiềng xích, dưới vạc nóng chất củi thêm than, mảnh pháp y đã mất nơi thân, nẻo dị loại đổi hình muôn kiếp!’

Qua mấy lời trên, nếu người có chí giải thoát, biết cảm thương thân thể của mình, phải nên động lòng rơi lệ! Tổ sư đã tha thiết khuyên răn như thế, đâu có hứa cho ông tạo tác duyên đời, rồi đợi khi lâm chung mới niệm Phật ư?

Ông há không thấy Tử Tâm Thiền Sư bảo: ‘Trong đời, những người tiền của như núi, thê thiếp đầy nhà, đâu phải họ không muốn trẻ mãi để ngày đêm hưởng phước báo thế gian? Nhưng vì kiếp sanh có hạn, tháng năm thúc giục tuổi già, cái chết há thiên vị kẻ giàu sang, sức nghiệp đâu nể kiêng người tài trí? Chừng ấy tội hành nghiệp cảm, còn chi là thói phong lưu; kiếp trả đền vay, luống hối cho đời phóng đảng! Những việc vừa nói, thế nhân hầu hết mắt đã từng thấy và tai cũng đã từng nghe. Người đời thường lẫn lộn chờ khi lớn tuổi, việc nhà xong xuôi rồi sẽ niệm Phật, nhưng cái chết đâu có hẹn trẻ hay già, và tuy nói như thế, đã mấy ai tuổi cao mà biết lo niệm Phật? Cổ nhân bảo: ‘Chớ đợi đến già rồi niệm Phật. Đồng hoang mồ trẻ đã nhiều đây!’ Lại nói: ‘Con người từ lúc còn trẻ, có gia đình rồi đến nuôi con cái, trong cuộc sinh sống phải chịu biết bao là nỗi khổ nhọc đắng cay! Khi hơi thở đã tàn thì gia đình, tiền của, tất cả đều bỏ lại hết, chỉ theo nghiệp lực mà đi. Nếu là con có nghĩa thì nó khóc cho ít tiếng, đốt cho mấy xấp giấy tiền, rước thầy tụng cho năm ba bộ kinh, rồi đến ngày lại sắm cơm canh cúng quải; đó gọi là còn biết tưởng nhớ đến mẹ cha. Rủi gặp con bất hiếu thì cha mẹ vừa

nhắm mắt, đầu xương chưa lạnh, nó đã lo tranh nhà, giành đất, cãi cọ, kiện thưa, khi được phần rồi lại phung phí ăn chơi, thậm chí lãng quên ngày cúng giỗ. Việc đời kết cuộc bất quá chỉ như thế, có điều chi đáng hẹn đáng chờ! Cho nên bậc hiểu rộng thấy xa, phải sớm niệm Phật tu hành, con cháu mỗi người tự có phước riêng, kẻ làm cha mẹ chỉ lo bốn phận phần nào mà thôi, chớ vì nó suốt đời làm thân trâu ngựa!’ Xin dẫn thêm ra đây mấy lời của cổ đức:

‘Cười thương kẻ giàu sang.

Lo giàu thêm rộn ràng!

Hũ gạo sanh sâu mọt.

Kho tiền đầy ngổn ngang.

Ngày cầm cân suy nghĩ.

Đêm đốt đuốc tính toán.

Hình hài trở lẩn thẩn.

Tâm trí rối bòng hoàng.

Vô thường khi chợt đến.

Biển nghiệp sóng mênh mang!’

Ngài Tử Tâm đã tha thiết nhắc khuyên như

thế, đâu có hứa cho ông tạo tác duyên đời rồi đợi đến khi lâm chung mới niệm Phật ư? Cho nên ông phải xét nghĩ kiếp người mong manh ngắn ngủi, như lửa nháng thân đá, như chớp giạt lưng trời, mới còn đó đã mất đi, có chi là trường cửu? Phải nhận định cho chắc, rồi thừa lúc chưa già chưa bệnh, gác qua thế sự, rũ sạch thân tâm, được một ngày quang âm lo một ngày niệm Phật, được một khắc rồi rảnh tu một khắc công phu, đến lúc lâm chung mọi việc đã an bài, trời Tây cũng sẵn mở lối đường quang đăng! Bằng chẳng thế, khi duyên nghiệp đáo đầu, chừng ấy ăn năn đã muộn! Nên suy nghĩ kỹ!

14. Hỏi: - Lời ngu giả đã thành lỗi lầm, dù có dong xe bốn ngựa cũng không thể vớt lại kịp! Nghe qua mấy điều Đại Sư chỉ dạy, ai lại chẳng lạnh lòng! Hiềm vì nổi lòng người tuy dễ tỉnh tiến song cũng dễ thoái lui, khi nghe lời khuyên nhắc thì đồng mãnh siêng năng, lúc gặp việc chi chướng ngại lại giải đãi thoái lui ngả theo hướng khác. Phần đông đều bảo: kết quả của sự niệm Phật có lẽ đợi sau khi chết rồi; còn hiện tại chỉ thấy nhọc nhằn mà không lợi ích chi thiết thật cả. Phải chăng đó cũng là duyên cố thích đáng trong sự thoái tâm biếng trễ của người tu?

Đáp: - Chỗ thấy của ông chưa được rộng. Trong kinh nói: Người nào chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi:

1- Ngày đêm thường được tất cả chư thiên, đại lực thần tướng và hăng sa quyến thuộc ẩn hình ủng hộ.

2- Thường được hai mươi lăm vị Đại Bồ Tát như đức Quán Thế Âm và tất cả Bồ Tát theo thủ hộ bên mình.

3- Hằng được chư Phật ngày đêm hộ niệm; đức A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ người ấy.

4- Tất cả ác quỷ như Dạ Xoa, La Sát đều không thể làm hại. Tất cả rồng độc, rắn độc và thuốc độc đều không thể xâm phạm.

5- Không bị những tai nạn như: nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạch tử.

6- Những nghiệp ác về trước lần lượt tiêu diệt. Những oan mạng bị đương nhân giết, nhờ công đức niệm Phật, đều được giải thoát, không còn theo báo phục.

7- Đêm nằm nghỉ yên ổn, hoặc mơ thấy

điềm lành hay thấy sắc thân trắng diệu của Phật A Di Đà.

8- Tâm thường an vui, nhan sắc sáng nhuận khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt đẹp.

9- Thường được mọi người kính trọng giúp đỡ, hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật.

10- Khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được thấy Phật A Di Đà và các Thánh Chúng tay bưng đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ sự vui nhiệm mầu.

Mười điều lợi ích như trên chính do kim khẩu nói ra, mà kinh văn đã ghi chép lại. Niệm Phật đã có lợi ích trong hiện tại và tương lai như vậy thì đó chính là pháp khẩn yếu trong các môn thế và xuất thế gian. Cho nên người tu chỉ gắng tinh tấn, đừng mang tâm niệm hoài nghi.

15. Hỏi: - Về môn niệm Phật, nhờ ân nhiều phen chỉ dạy, nên các mối nghi đã tiêu tan, và lòng chánh tín cũng đã khai phát. Nhưng trước đã nói: ‘Gác qua thế sự, rửa sạch thân tâm,’ mà người đời hoàn cảnh đều khác nhau; kẻ được rảnh rỗi thuận duyên thì có thể tuân hành, người bị trăm việc buộc ràng

phải làm sao để tu tập?

Đáp: - Nếu người tu biết thống cảm cảnh vô thường và thiết tha vì sự giải thoát, thì dù gặp duyên thuận, nghịch, khổ, vui, động, tịnh, gấp, huốn, hoặc khi tiếp tân đãi khách, lo việc công tư, đối xử muôn duyên, ứng thù tám mặt, cũng không ngại gì đến sự niệm Phật. Cổ nhân đã bảo:

‘Non cao khó đón đường mây bạc.

Trúc rậm khôn ngăn ngọn suối trong!’

Lại nói:

‘Mai lại A Di Đà.

Chiều cũng A Di Đà.

Dù gấp như tên bắn.

Không rời A Di Đà.’

Cho nên muôn cảnh vẫn nhàn, tự mình náo động, nếu người thiết thật cầu về Cực Lạc và biết cách dụng tâm thì không có duyên nào làm trở ngại được sự tu niệm cả.

Tuy nhiên, những kẻ năng lực kém yếu, việc đời bận nhiều, phải nên trong gấp cố tìm chút thời giờ rảnh, trong động gắng giữ

niệm lắng yên, rồi tùy sức niệm Phật hoặc nhiều hoặc ít. Mỗi ngày nên định khóa hoặc ba muôn hay một muôn câu, ba ngàn hay một ngàn câu, và giữ mực thường hằng, đừng cho gián đoạn. Nếu vị nào duyên sự quá nhiều, ít có giây phút rỗi rảnh, thì mỗi buổi sớm mai tu theo pháp Thập Niệm Hồi Hướng, cứ giữ như thế suốt đời, cũng được nhờ ân tiếp dẫn. Người có thì giờ hay phương tiện, ngoài thời niệm Phật, hoặc trì chú tụng kinh, hoặc sám hối bố thí, tùy phần tùy lực mà tu các phước lành, dù có mấy may công đức, cũng đem hồi hướng Tây Phương. Dụng công như thế, chẳng những quyết định được vãng sanh mà cũng sẽ tăng cao thêm phẩm vị.

16.Hỏi: - Phương tu viên quán, pháp niệm duy tâm, dường như hành môn của bậc thượng khí. Còn mười nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, mười tâm trong kinh Bảo Tích cũng là dụng công của hạng lợi căn. Nếu như căn khí không xứng hợp, e cho công hạnh khó thành! Nay tôi tự xét căn tánh và sở thích của mình thì chỉ nên chuyên trì danh hiệu, nếu rảnh thì thêm lễ Phật sám hối mà thôi. Ý Đại Sư như thế nào?

Đáp: - Lành thay! Ông biết tự lượng đó!

Xét qua lời ông nói thật rất hợp với thuyết Chuyên Tu Vô Gian của Thiện Đạo Đại Sư. Thuyết ấy đại khái như sau:

Chuyên Tu là do chúng sanh phần nhiều chương nặng, tâm tưởng thô phù, ý thức rối loạn, mà quán cảnh lại quá tinh tế nên công hạnh khó thành. Do đó nên đấng Đại Thánh xót thương, bảo chuyên xưng ngay danh hiệu; vì xưng danh rất dễ, nếu giữ mỗi niệm tương tục liền được vãng sanh. Kẻ nào suốt đời hành trì như thế thì mười tu mười người về, trăm tu trăm người về. Bởi tại sao? Vì không tạp duyên nên dễ được chánh niệm. Vì cùng với bản nguyện của Phật hợp nhau. Vì không trái giáo pháp. Vì thuận theo lời Phật dạy. Nếu bỏ chuyên tu mà hành theo tạp hạnh để cầu sanh thì trong trăm ngàn người chỉ hy vọng được ba, bốn. Sở dĩ như thế, vì bởi tạp duyên loạn động làm mất chánh niệm. Vì trái bản nguyện của Phật. Vì trái giáo pháp. Vì không thuận theo lời Phật dạy. Vì sự hệ niệm không nối tiếp nhau. Vì không tương tục để báo ân Phật. Vì tuy có hạnh lành mà tương ứng với danh lợi. Vì ưa theo tạp duyên mà làm chướng sự sanh Tịnh độ cho mình và người.

Vô Gian Tu là thân chuyên lễ Phật A Di Đà,

không lễ vị thánh nào khác; miệng chuyên xưng danh Phật A Di Đà, không trì tụng các kinh và xưng danh hiệu khác; ý chuyên tưởng Phật A Di Đà, không xen tạp các tưởng niệm khác. Lại khi những nghiệp tham, sân, si nổi lên làm cho công tu gián đoạn, phải tùy phạm tùy sám hối, đừng để qua cách ngày, cách đêm, cách giờ. Phải làm sao giữ một niệm thanh tịnh, không xen tạp, không hờ dút, đó mới thật là Vô Gián Tu”.

Trên đây là pháp Chuyên Tu Vô Gián của Thiện Đạo Đại Sư. Theo Thiên Trúc Truyện, Đại Sư là hóa thân của Phật A Di Đà. Chỗ lập thuyết của ngài, điểm chính yếu là ở nơi niệm niệm tương tục. Cô Sơn Hòa thượng cũng bảo: ‘Chẳng nên xưng danh tán loạn, phát nguyện lơ là.’ Và Vĩnh Minh Đại Sư cũng dạy: ‘Phải một lòng quy mạng, trọn kiếp tinh tu; khi ngồi, nằm thường hướng về Tây. Lúc lễ bái, niệm Phật, phát nguyện, phải khẩn thiết chí thành, không xen lẫn tạp niệm, trạng như người sắp bị hình phạt, như kẻ đang ở lao tù, như người gặp giặc oán rượt theo, như bị nạn nước lửa bức bách, một lòng cầu cứu, nguyện thoát khổ luân, mau chứng Vô Sanh để nổi ngôi Tam Bảo, đền đáp bốn ân, độ loài hàm thức. Chí thành như thế, tất công phu không uổng. Trái lại, nếu lời và

hạnh không hợp nhau, lòng tin không vững chắc, niệm lực thường gián đoạn không tương tục, đem sự biếng trễ ấy để mong vắng sanh thì e cho khi lâm chung khó gặp bạn lành, bị sức nghiệp lôi kéo, sự đau khổ ép bức mà không thành chánh niệm. Vì sao? Bởi việc hiện tại là nhân, lúc lâm chung là quả; nhân phải cho thật, quả mới không hư, như âm thanh lớn thì tiếng vang dội rền xa, và hình ngay bóng mới thẳng vậy.

17. Hỏi: - Tu làm sao cho mỗi niệm nối nhau, thật ra tôi vẫn muốn được như thế. Song chỉ hiềm định lực chưa thành, niệm đầu không chủ, hoặc tri giác cũ khó quên, hoặc tư tưởng vọng nổi dậy, hoặc xúc đối cảnh duyên tự kềm giữ không vững, hoặc tâm tình rối loạn cố ngăn dẹp chẳng kham. Cứ ngồi vào lần chuỗi một lúc là tâm niệm đã chạy hết Đông sang Tây, bất giác nó đã đi xa cách mấy ngàn muôn dặm hồi nào cũng không tự hay biết. Có khi phải bận lo một việc chi thì luôn trong năm, mười ngày hoặc đến cả tháng, tâm trí vẫn vương vít chưa quên, chỉ dẹp trừ nó còn chưa xong nói gì đến việc gián đoạn! Điều nầy thốt ra thật đáng hổ thẹn, song nghĩ lại cũng đáng thương tâm! không biết có cách gì đối trị chẳng, xin nhờ Đại Sư chỉ bảo?

Đáp: - Đó là căn bệnh chung của hầu hết người tu. Trong lúc ấy nếu ông không thống thiết tự trách răn thì khó mà thành tựu pháp Chuyên Tu Vô Gián. Tôi nghe người xưa có ba điều thống thiết tự trách răn, nay vì ông tỏ bày, nên ghi nhớ cho kỹ:

Điều thứ nhất là phải nghĩ đến sự báo ân. Người tu có những ân trọng. Hãy tạm gác qua ân Phật ân thầy, như ông là phận xuất gia, công ơn sanh dưỡng của cha mẹ há chẳng phải là sâu nặng ư? Ông đã lìa tục xuất gia, vì đi học đạo nên phải xa cách quê quán nhiều năm, cha mẹ nhọc nhằn cực khổ ông cũng không biết, khi già yếu đau bệnh lại cũng không hay mà săn sóc thuốc thang. Đến lúc cha mẹ mãn phần, ông không biết, hoặc có được tin thì về cũng đã trễ muộn. Khi ông còn nhỏ, có khi cha mẹ vì nuôi nấng thương lo cho con mà gây ra nhiều tội nghiệp, lúc chết rồi hoặc bị đọa vào nẻo khổ, hy vọng ông cứu độ như khát chờ uống, như hạn trông mưa. Nếu ông tu hành lơ láo tất Tịnh nghiệp không thành; đã không thành thì tự cứu chưa xong, làm sao cứu được cha mẹ? Đối với song thân ông đã lỗi phần phụng dưỡng về thể chất, mà còn không cứu độ được phần hương linh, tức là phụ nghĩa quên ân, là người đại

bất hiếu. Kinh nói: ‘Phạm tội bất hiếu, sẽ bị đọa vào địa ngục.’ Thế thì tâm niệm gián đoạn không chuyên tu, chính là nghiệp địa ngục vậy.

Lại ông không dệt mà mặc, không cày mà ăn. Phòng, nhà, chăn, gối, cơm áo, thuốc thang đều do đàn việt cúng dâng. Tổ sư từng răn dạy: ‘Hàng thiện tín vì sùng kính Tam Bảo đã chia cắt bớt phần ăn của gia đình đem đến cúng dường. Nếu người tu đạo hạnh không tròn thì dù là tắc vãi, hạt cơm, kiếp sau cũng phải đền trả. Muốn báo ân đàn việt, ông phải lo chuyên tu Tịnh nghiệp để độ mình độ người. Nếu ông sanh một niệm gián đoạn không chuyên, tất đã có phần trong kiếp luân hồi vay trả. Và tâm niệm ấy chính là nghiệp hạ tiện hoặc súc sanh vậy.

Điều thứ hai là phải có chí quyết định. Người tu hành phải kiên quyết để đi đến kết quả. Ông một đời tham Thiền đã chẳng ngộ Thiền, khi học Giáo lại không tinh về Giáo. Cho đến ngày nay tâm địa chưa lắng yên, niệm đầu còn sôi nổi, khi thì muốn làm thi, lúc lại thích tả tự, khi thì thuyết giáo, lúc lại đàm thiền, ý chí ly tán đi ba, bốn nẻo. Tổ sư đã bảo: ‘Tâm niệm còn vương mắc,

đó là nghiệp luân hồi. Tình tưởng vừa sanh ra, muôn kiếp bị ràng buộc.' Sở dĩ ông chưa được chánh niệm là do vì còn tình tưởng phân vân, và tình tưởng còn phân vân cũng bởi chí không quyết định. Cho nên người tu mà ý chí không nhất quyết, đó chính là đầu mối của sự sa đọa tam đồ vậy.

Lại nếu người tu ý chí không quyết định thì không thể gìn giữ giới căn. Do ý niệm phân vân nên không thể thâm nhiếp thân và khẩu. Kinh nói: 'Thà lấy nước đồng sôi rót vào miệng, nguyện không để miệng phá giới nầy thọ các thức ăn uống của tín tâm đàn việt. Thà dùng lưới sắt nóng quấn thân thể mình, nguyện không để thân phá giới nầy thọ những y phục của tín tâm đàn việt.' Phương chi, do các giới không trang nghiêm nên tâm càng vọng động; nhân sự vọng động ấy mà phần chuyên tu bị gián đoạn. Thế thì một niệm gián đoạn, đâu chỉ là nghiệp nhân của lưới sắt nóng và nước đồng sôi ư?

Và nếu người tu ý chí không quyết định, tất không nhận rõ tướng đời giả huyễn, dễ chạy theo danh lợi hư phù. Khi danh lợi thuộc về mình thì sanh lòng mê đắm, danh lợi thuộc kẻ khác lại sanh lòng ganh ghét

hơn thua. Cổ đức bảo: ‘Tham đắm danh lợi đi về nẻo súc, đường quỉ, buông lòng thương ghét đồng vào hầm lửa vạc dầu!’ Thế thì một niệm gián đoạn chính là ngã quỉ, hầm lửa vậy.

Điều thứ ba là cầu sự ứng nghiệm. Người đã tu Tịnh nghiệp nên cố gắng làm sao cho có sự ứng nghiệm. Kiếp người mong manh, vô thường chẳng hẹn. Như ông nay tóc đã điểm bạc, da đượm nét nhăn, tướng suy tàn hiện rõ, kỳ lâm chung phỏng còn được mấy ngày? Vậy ông phải cố gắng chuyên tu, làm sao cho có triệu chứng vãng sanh chắc chắn. Như khi xưa, Huệ Viễn Đại Sư ở Lô Sơn, ba phen thấy Phật xoa đầu. Lại như Hoài Cảm Pháp Sư chí thành xưng danh hiệu Phật, liền thấy đức A Di Đà phóng ánh quang minh, hiện ra tướng hảo. Và như Thiếu Khang Đại Sư khi niệm Phật một câu, đại chúng liền thấy một vị Phật từ nơi miệng bay ra, cho đến trăm ngàn câu cũng như thế, tợ hồ các hạt chuỗi nối tiếp nhau. Những sự ứng nghiệm như thế có đến muôn ngàn. Nếu tâm ông không gián đoạn thì thấy Phật rất dễ; như còn gián đoạn, tất khó thấy Phật. Đã không thấy Phật thì cùng với Phật vô duyên. Và đã vô duyên quyết khó sanh Tịnh độ. Khi không được sanh về

Tịnh độ tất sớm muộn gì cũng bị đọa vào ác đạo. Thế thì một niệm gián đoạn chính là nghiệp tam đồ vậy. Phải nên rắn dè và suy nghĩ kỹ!

Ba điều cảnh sách trên, người tu Tịnh nghiệp phải ghi nhớ suy nghĩ rồi tự trách răn một cách thống thiết, làm sao cho tâm không rời Phật, Phật chẳng rời tâm, đạo cảm ứng giao thông, hiện đời được thấy Phật. Đã thấy đức Phật ở Cực Lạc, tức thấy chư Phật khắp mười phương, và thấy chư Phật mười phương, tức thấy vị Phật thiên chân của tự tánh. Khi thấy được Phật tự tánh thì sự đại dụng sẽ hiện tiền. Chừng ấy mới theo lòng bi nguyện, độ khắp quần sanh. Đó gọi là Tịnh Độ Thiền mà cũng là Thiền Tịnh Độ vậy. Thế thì ý của ngài Vĩnh Minh nói: ‘Có Thiền có Tịnh độ, dường như cọp mọc sừng, đời nay làm thầy người, đời sau làm Phật Tổ’ há chẳng là ứng nghiệm trong giai đoạn này ư? Phải nên cố gắng!

Đại sư Đế Nhàn

Ngài Thích Đế Nhàn, pháp danh Cổ Hư, hiệu Trác Tam họ Châu, người ở Hoàng Nham tỉnh Triết Giang. Pháp sư tánh huệ đã trồng, căn lành sẵn đủ, hai mươi tuổi đến xuất gia nơi chùa Bạch Vân huyện Lâm Hải. Hai năm sau được thọ giới Cụ túc tại chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai.

Từ đó Đông tham thiền, Hạ học Phật, Pháp sư tinh tấn hành đạo, gần gũi với các bậc kỳ túc, và rất tương đắc cùng Mãn Hy lão nhơn. Ngài từng dự khóa giảng Pháp Hoa, nghe chưa trọn bộ đã lãnh hội ý chỉ mầu nhiệm Tam Đế Tam Quán. Kế tiếp được cho ngồi tiểu tòa phúc giảng lại, lời sâu mầu lý thông suốt, khiến hàng đồng bối đều kinh hãi thán phục. Mãn công cũng hết lời khen ngợi cho là bậc long tượng trong pháp môn.

Năm hai mươi tám tuổi, Pháp sư mở diễn hội Pháp Hoa nơi chùa Lục Thông tại Hàng Châu. Khi giảng tới đoạn "*Khai Phật tri kiến*", Sư bỗng vào định lặng yên. Giây lát xuất định giảng tiếp thì biện tài không ngại, đáp nạn giải nghi như bình tuôn nước, lời lẽ thâm mở tự tại chẳng ai chế ngự nổi. Từ đó về sau, thường lấy sự hoằng pháp lợi sinh làm trách nhiệm của mình. Pháp sư lại lo tuệ nhiều, định ít sợ nổi chướng đạo, nên đóng cửa nhập thất nơi am Thánh Quả ở chùa Từ Khê. Lúc rỗi rảnh thì nghiên cứu thêm về Đại thừa kinh điển.

Ba năm sau vừa ra thất, Sư liền nhận lời cầu thỉnh giảng kinh Pháp Hoa tại chùa Long Hoa ở Thượng Hải. Khóa giảng xong lại về Kim Sơn tự tham thiền, rồi đến chùa Quốc Thanh tu quán. Trải qua thời gian đó, sự giải ngộ của Pháp sư càng đến chỗ sâu sắc nhiệm mầu, được Tổ Thích Đoan Dung chọn làm truyền nhân môn phái Thiên Thai đời thứ 43. Từ đấy đến hơn hai mươi năm về sau, Sư ứng lời cầu thỉnh liên tục đi giảng khắp nơi ít khi rỗi rảnh, mở pháp hội kể có mấy ngàn lần. Mỗi ngày Pháp sư đều tụng kinh Kim Cang, Viên Giác, Quán Vô Lượng Thọ, Phổ Hiền Hạnh Nguyên phẩm và niệm Phật hơn một muôn câu lấy làm

thường khóa. Ngày rằm và ba mươi lại tụng thêm kinh Phạm Võng.

Trong một đời hoằng hóa, Sư đã trùng hưng chùa Đầu Đà ở Ôn Châu, chùa Vạn Niên ở Thiên Thai, chùa Quán Tông ở Ninh Ba, chùa Phạm Thiên ở Hàng Châu. Ngoài ra còn mở Phật học đường để đào tạo Tăng tài, lập tịnh viện cho đại chúng tu tập. Chùa Quán Tông là nơi thường trụ tích của Pháp sư. Ngài trú thuật rất nhiều lời khai thị, dưới thích ứng với cơ duyên, trên thâm hợp cùng Phật lý, khiến cho phần đông hàng đạo tục đều được lợi ích thấm nhuần. Cách thức chỉ dạy thì Giáo mở Thiên Thai, Hạnh chuyên Tịnh độ, nên mỗi khi giảng kinh đều chỉ quy về sự niệm Phật. Bản thân của Pháp sư cũng thực hành theo đường lối đó, hạnh giải kiêm toàn, đại chúng đều khâm phục, được mọi người tôn xưng là bậc trùng hưng Thai giáo thời bấy giờ, cho đến những điều công ích, các việc từ thiện, ngài đều khẳng khái giúp thành.

Trong hai mùa Xuân Hạ năm Tân Mùi thời Dân quốc, Pháp sư giảng kinh nơi chùa Ngọc Phật ở Thượng Hải. Ngoài ra lại ứng đáp lời cầu thỉnh của cư sĩ Vô Tích, giảng bài văn Phát Bồ Đề Tâm của Tĩnh Am đại

sư. Nhân vì tuổi đã cao, thời tiết nóng bức, Phật sự quá nhọc nhằn, nên sau kỳ giảng, Pháp sư lâm bệnh. Lúc trở về bản tự, tinh thần cùng sự ăn uống mỗi ngày thêm suy giảm. Ngài bèn tuyệt hết các duyên, quyết ý chuyên niệm Phật cầu sinh. Sang mùa Hạ năm Nhâm Thân, Pháp sư đem thủ tục và quy chế ở chùa Quán Tông giao phó hoàn tất, chỉ định cho môn nhân là Bảo Tịnh nối tiếp hoằng trì.

Đến ngày mừng Hai tháng Bảy, trước giờ Ngọ, Pháp sư bỗng chấp tay hướng về Tây yên lặng giây phút rồi bảo: “Đức A Di Đà đã quang lâm tiếp dẫn, lão nhân xin từ đây giã biệt!”. Nói đoạn, bảo thị giả nấu nước thơm để mình tắm gội. Sau khi thay y phục mới sạch, đắp cà sa xong, Pháp sư dạy đỡ mình lên chánh điện lễ Phật, rồi bảo dìu xuống tự ngồi kiết già trong bảo khám. Kế tiếp, trước khi dạy chúng đồng thanh niệm Phật. Ngài nói lời kệ phú chúc vắn tắt rằng:

Ta nhờ niệm Phật

Tịnh độ hiện tiền

Chân thật thọ dụng

Chúng gắng tinh chuyên!

Quá ngộ một giờ ba khắc, Sư an lành mỉm cười vãng sinh trong tiếng trợ niệm của đại chúng. Lúc ấy sắc mặt của Pháp sư hiện vẻ rất tươi sáng, mấy giờ sau đánh đầu còn nóng. Bấy giờ nhằm ngày mừng Hai tháng Bảy, năm Dân Quốc thứ 21 (1932), Pháp sư hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, Tăng lạp năm mươi lăm. Di hài được môn nhân làm lễ nhập tháp nơi chùa Từ Khê, non Ngũ Lô.

*Pháp ngữ khai thị của
Đại sư Đế Nhàn*

“Trì danh niệm Phật cần phải có lòng tin chân thật, phát nguyện khẩn thiết, thực hành chuyên nhất. Trước nên buông bỏ tất cả tạp niệm, ý tưởng lăng xăng, chỉ giữ chánh niệm, đem bốn chữ danh hiệu buộc niệm nơi lòng. Không cần phải niệm lớn tiếng mãi, e tổn thương nguyên khí, đến nỗi phải đau cổ họng. Nếu khi buồn ngủ cần phải niệm lớn tiếng để đánh tan, cũng không cần phải dùng cách niệm nhỏ mãi, e tâm niệm dễ tản mát đi vào hôn trầm. Trái lại, lúc sinh khởi nghĩ ngợi, ngay khi ấy tự biết tâm chẳng quy nhất, nên thâm trở lại chánh niệm, âm thầm trì danh, từ nơi miệng niệm ra, thâm trở vào tai, gọi là miệng và tai truyền nhau, đây kia không ngăn cách, rất dễ thực hành, lại dễ thuần thục, lâu dần tự nhiên thành tựu Niệm Phật Tam-muội.

Đại Sư Tuân Thức

Sư húy Tuân Thức, tự Tri Bạch, họ Diệp, người ở huyện Lâm Hải tại Thai Châu, hiệu là Sám chủ Từ Vân. Mẹ ngài cầu xin nơi Bồ Tát Quán Âm mà sinh được Đại sư.

Năm mười tám tuổi, đến cầu xin xuất gia với Hòa thượng Nghĩa Toàn ở núi Đông Dịch. Ban đầu ở chùa Thiên Lâm học tập giới luật, sau đó vào chùa Quốc Thanh, trước tượng Bồ Tát Phổ Hiền đốt ngón tay, thệ nguyện tu tập giáo pháp tông Thiên Thai. Sư học vấn cao thâm, hành trì kham khổ, tiếng tăm vang khắp hai vùng Triết Đông, Tây; học tập rộng sâu về giáo quán, chuyên chí nơi Tịnh độ.

Sư từng kiết thất chín mươi ngày, tu hành pháp Ban Chu Tam muội, chuyên cần tinh tấn đến nỗi chân nứt, miệng ói máu, lấy cái chết làm kỳ hạn. Bỗng một hôm, Sư dường như nằm mộng, thấy Bồ Tát Quán Âm mặc

áo trắng hiện thân đưa tay vào miệng Sư kéo ra vài con lãi, đầu ngón tay của Bồ Tát rịn nước cam lồ nhiều vào miệng. Sư nghe trong mình khỏe khoắn, tâm thần an định. Từ đây, bệnh cũ liền khỏi. Sau đó, do công đức lễ sám, đỉnh đầu của Sư nhô cao hơn một tấc, hai tay dài quá gối, tiếng nói như chuông ngân, đều khác với trước kia. Mọi người ai cũng khen ngợi kính ngưỡng.

Sư xây dựng chùa Thiên Trúc mấy trăm gian. Ba lần trải qua nạn giặc, mỗi khi chùa bị đốt thì lửa tự tắt, đó là do nguyện lực kiên cố mà ra. Lúc Sư đang giáo hóa, người trong núi thấy ngôi sao lớn rơi xuống ngọn Linh Thứu. Sư hóa độ đệ tử được một trăm người, học trò một ngàn vị.

Lúc sắp lâm chung, Sư dâng hương chiêm ngưỡng Thánh tượng, dặn dò rằng:

- Chư Phật mười phương đồng trụ nơi chân thật. Xin các Ngài trụ nơi chân thật ấy mà nhận một nén hương này. Chư Phật chứng minh cho con vãng sinh An Dưỡng!

Có người hỏi chỗ về, Sư đáp về Tịnh độ Thường Tịch Quang.

Tối hôm ấy, Sư ngồi kiết già thị tịch, nhằm

vào niên hiệu Thiên Thánh, hưởng thọ sáu mươi chín tuổi, hạ lạp năm mười.

Sư có trước tác Vãng Sinh Tịnh Độ Quyết Nghi Hạnh Nguyên Nhị Môn và Tịnh Độ Sám Pháp, Kim Quang Minh Sám Nghi, Quán Âm Sám Nghi. Các bản ấy đều được lưu hành ở đời.

Tông phong và giáo nghĩa của tông Thiên Thai hưng thịnh nơi đất Ngô Việt, thật do đạo đức của Đại sư Từ Vân.

Xem trong Quyết Nghi Hạnh Nguyên Nhị Môn dẫn lời kinh nói: “Tìm khắp mười phương không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa”. Đó là nói về pháp môn Tịnh độ này chăng? Sám chủ tổ ngộ cõi Thường Tịch Quang nơi bản tánh, đi vào cõi Phật thanh tịnh duy tâm. Lợi mình lợi người, Sự Lý vô ngại. Trước thuật mấy trăm thiên, mỗi khi phát ngôn đều lấy Tịnh độ làm tông chỉ hướng về. Xiển dương rộng rãi giáo lý của các kinh, giáo hóa khắp tất cả. Từ khi Sám văn lưu truyền ở đời, người vãng sinh Tịnh độ chẳng biết mấy ngàn muôn. Nối tiếp đạo pháp của tông Thiên Thai, tán dương sự giáo hóa về Tịnh độ trên đời chưa ai sánh kịp với Sư!

*Pháp ngữ khai thị của
Đại sư Tuân Thúc*

“Người tu tịnh nghiệp, khi làm công việc chi, dù trải qua nhiều sự duyên phiền nhọc, song trong tâm lúc nào cũng không quên câu niệm Phật. Ví như người đời có việc chi cần yếu giải quyết chưa xong, bỗng gặp duyên khác đến, tuy tới lui ngồi xuống, giao tiếp nói cười, làm việc này khác lẫn lộn, nhưng trong tâm không ngớt lo nghĩ đến chuyện trước kia. Người niệm Phật phải tập tâm niệm của mình cũng y như thế, nếu niệm có thất lạc, phải thâm nhiếp lại, lâu ngày thành thói quen, chừng ấy sự nhớ niệm được tự tại. Cho nên kinh Lăng Nghiêm nói: “Nếu cứ thế mà nhiếp tâm, tự nhiên có thể ngăn được niệm ác. Giả sử muốn làm ác, do vì nhớ Phật nên việc ác kia không thành, như người trong thân có mùi thơm, tự nhiên hơi hôi sẽ tan đi mất”.

“Tôi thành kính khắp khuyên tất cả thiện

nam tín nữ Phật tử tại gia có tín tâm đối với Tam Bảo mỗi ngày trong lúc sớm mai mặc y phục chỉnh tề, giữ tâm thanh tịnh, đi đến Phật đường (tức là chỗ thờ Phật), một lòng thành kính chiêm ngưỡng lễ bái Phật như thấy tôn dung của Phật sống không khác, đừng cho một ngày nào thiếu sót. Nếu vì quá bận rộn về việc công hay việc tư cũng cần phải lưu tâm tạm vào Phật đường, đốt hương cúng dường, hai tay chấp lại chí thành cung kính xá Phật ba xá, đoạn lui ra đi làm việc. Nếu những vị có thời giờ rảnh rỗi, thì không hạn định trong lúc sớm mai, mà mai chiều hay tất cả thời đều có thể đến Phật đường làm các Phật sự như lạy Phật, tụng Kinh, sám hối cho đến cúng dường hoa hương, hay lau chùi bàn Phật, tượng Phật v.v... Quý vị nên nhận rõ thân người khó được, Phật Pháp khó gặp, cơ hội thuận tiện lại còn khó hơn, vì sự vô thường không nhất định, giờ trước còn khỏe mạnh, giờ sau chẳng biết thế nào...”

“Trong kinh Đại Bát Niết Bàn thuyết minh rằng: Giả sử có thiện nam tín nữ nào phát nguyện trong thời gian một tháng, thường đem y phục và các thức ăn uống cúng dường cho tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh không phải riêng chỉ cho nhân loại mà toàn thể chúng sanh trong lục đạo đều gồm trong

ấy, vả lại không phải riêng chỉ cho chúng sanh trong một quốc độ nào, lại riêng nói một đạo trong sáu đạo là bàng sanh tức là súc sanh, súc sanh do người nuôi mà mệnh danh như thế, bàng sanh thì đúng hơn vì hình nó đi ngang đội trời mà đi, súc sanh chỉ số ít mà thôi. Như trong kinh Lâu Thán, kinh Chánh Pháp Niệm Xứ thì bàng sanh chủng loại sai khác không đồng nhau gồm có 40 ức, lại còn có các vi tế côn trùng bò bay cựa động số ấy nhiều không thể nói được, đều thuộc trong bàng sanh, lớn nhất là chim đại bàng, kim sí điểu và cá ma kiệt, cho đến nhỏ nhất như con kiến, con rận, con mạt cũng nhiếp trong bàng sanh. Lại còn những thứ nhục nhãn không thấy như vi trùng trong không khí, vi trùng trong nước, thiên nhãn mới thấy. Tại sao chỉ nói đến bàng sanh đạo? Vì chúng sanh các đạo khác chư Thiên, quý, thần v.v... nhục nhãn nhân loại không thấy được. Công đức này rất lớn, nhưng không bằng có thiện nam tín nữ nào, phát tâm chí thành niệm Phật trong một niệm. Chúng ta đem công đức bố thí rất lớn nói trên mà so sánh với công đức niệm Phật trong một niệm, thì công đức bố thí chỉ bằng một phần trong 16 phần mà thôi.

Giả sử có thiện nam tín nữ nào dùng vàng

đúc hình người rồi dùng xe ngựa vận tải đem đi bố thí, cho đến dùng các vật quý báu khác mỗi thứ đủ số 100, cũng đem toàn bộ đi bố thí, công đức này rất lớn, nhưng không bằng công đức của thiện nam tín nữ nào phát tâm dỡ chân đi một bước đến chỗ Phật.

Giả sử có thiện nam tín nữ đem xe voi lớn vận tải hết tất cả trân bảo trong nước Đại Tần, và dùng chuỗi anh lạc đủ số 100 đem đi bố thí, cũng không bằng có thiện nam tín nữ phát tâm cất chân đi một bước đến chỗ Phật.

Nếu có thiện nam tín nữ dùng tứ sự (tứ sự: 1- Thức ăn; 2- Y phục; 3- Đồ nằm; 4- Thuốc thang) cúng dường cho tất cả chúng sanh trong Tam thiên đại thiên thế giới, công đức này rất nhiều, nhưng vẫn không bằng có thiện nam tín nữ phát tâm cất chân đi một bước đến chỗ Phật, công đức của các thiện nam tín nữ đó vô lượng vô biên không thể dùng toán số ví dụ mà xác định được.”

Xin quý vị xem kỹ đoạn Kinh văn trên nói về công đức niệm Phật trong một niệm, và dỡ chân đi một bước đến Phật đường còn thù thắng đến dường ấy, huống chi mỗi

niệm mỗi niệm đều niệm Phật, mỗi bước
mỗi bước đi đến chỗ Phật, hay là nhiều
Phật niệm Phật, thì tội chương được tiêu
diệt, công đức được tăng trưởng thật không
thể dùng tâm suy nghĩ hay lời luận bàn cho
cùng được.”

Đại sư Từ Chiếu

Sư húy Tử Nguyên, hiệu Vạn Sự Hữu, con nhà họ Mao, quê ở Côn Sơn, Bình Giang. Mẹ là Sài Thị, mằm mơ thấy một đức Phật vào nhà, hôm sau sinh ra Sư, nhân đó đặt tên là Phật Lai.

Cha mẹ mất sớm, Sư đến chùa Diên Tường ở Bốn Châu, lễ Hòa thượng Chí Thông cầu xuất gia, đọc tụng tu tập kinh Pháp Hoa.

Năm mười chín tuổi, xuống tóc tu pháp Thiền Chỉ Quán. Một hôm, trong chánh định, nghe tiếng quạ kêu mà ngộ đạo, bèn nói bài tụng rằng:

“Hơn hai mươi năm tìm trên giấy
Tìm tới tìm lui mãi trầm ngâm
Bỗng nghe tiếng quạ kêu vang vọng
Mới hay từ trước dụng tâm lầm.”

Từ đó, tâm muốn làm lợi ích cho mọi người

càng thêm tha thiết, phát nguyện hóa độ rộng lớn. Mến mộ phong thái Bạch Liên Xã của Tổ Huệ Viễn ở Lô Sơn, Sư khuyến tấn mọi người quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới, niệm Phật A Di Đà năm câu để chứng minh năm giới, kết tịnh duyên rộng khắp, muốn giúp cho người đời thanh tịnh Ngũ căn, để được Ngũ lực, ra khỏi Ngũ trước, nên rút tuyền những lời chính yếu trong Đại Tạng, biên soạn thành quyển Liên Tông Thần Triều Sám Nghi, thay thế chúng sinh trong pháp giới lễ Phật sám hối, cầu sinh Cực Lạc.

Về sau, Sư đến ven hồ Điện Sơn, lập ra Liên Tông Sám Đường, hướng dẫn hàng tăng tục đồng tu Tịnh nghiệp. Lại soạn thuật Viên Dung Tứ Độ Tam Quán Tuyền Phật Đồ, khai thị chỗ chính yếu của Liên tông.

Năm 46 tuổi, khi ở Giang Châu, Sư gặp những chướng ngại. Trong cảnh thuận nghịch chưa từng động niệm; tùy phương tiện khuyến hóa, bèn trở thành văn tụng gọi là Tây Hành Tập.

Năm thứ hai niên hiệu Càn Đạo (1166), Đại sư phụng chiếu thọ thánh Cao Tông, đến điện Đức Thọ diễn thuyết pháp môn Tịnh độ, được vua tứ hiệu Khuyến Tu Tịnh

Nghiệp Liên Tông Đạo Sư Từ Chiêu Tông Chủ. Sư đến chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ, Tiền Đường, chúc tụng tạ ơn vua. Phật sự hoàn tất, trở về Bình Giang, từng phát thệ rằng: “Nguyện người khắp trên địa cầu, tất cả đều giác ngộ đạo mầu (Phổ Giác Diệu Đạo)”. Thường lấy bốn chữ này làm định danh cho Liên tông, hướng dẫn dạy bảo mọi người chuyên niệm Di Đà, đồng sinh Tịnh độ. Từ đó, tông phong được chấn hưng mạnh mẽ. Sư biên tập Di Đà Tiết yếu, Pháp Hoa Bách Tâm, Chứng Đạo Ca, Phong Nguyệt Tập lưu hành ở đời.

Đến ngày 23 tháng 03, tại nhà cư sĩ Nghê Phổ Kiến ở Đạt Thành, Đại sư bảo các môn đồ rằng:

- Duyên giáo hóa của ta đã mãn, đến lúc phải đi rồi!

Nói xong, chấp tay từ biệt đại chúng, lặng lẽ thị tịch.

Đến ngày 27, sau khi làm lễ trà tỳ, được xá lợi vô số.

Tháp của ngài được vua ban hiệu là Tối Thắng.

*Pháp ngữ khai thị của
Đại sư Từ Chiếu*

“Nay người muốn tu pháp môn Niệm Phật tam muội, cầu sanh về Tịnh độ để mau thành quả Bồ đề, thì phần chánh hạnh là phải chuyên niệm Phật. Về phần trợ hạnh, phải dứt trừ điều ác, làm những việc lành, rồi đem công đức ấy hồi hướng về Tây phương. Đó gọi là thả thuyền theo nước xuôi, lại thêm chèo chống, tất nhiên mau đến bờ vậy.

Sớm tối chuyên tâm lễ Phật Di Đà như châu bạc để vương không để lỗi thời, hành trì như thế lâu ngày sẽ được thêm sự thân thiết. Đến như niệm Phật thì miệng niệm, tâm tưởng, tâm và miệng hợp nhau, lại phát lòng ân trọng, tin chắc không nghi, công phu mỗi ngày càng thêm thuần thực, tự nhiên tam muội được thành tựu.

Khi lâm chung thường có ba điều nghi, bốn cửa ải hay làm chướng ngại cho sự vắng sanh, phải dự bị suy nghĩ trước để phá trừ. Ba điều nghi là:

1) Nghi mình túc nghiệp sâu nặng, thời gian công phu tu hành ít, e không được vắng sanh.

2) Nghi mình bốn nguyện trả chưa xong, tham sân si chưa dứt e không được vắng sanh.

3) Nghi mình niệm Phật, Phật không đến rước e không được vắng sanh.

Bốn cửa ải là:

1) Hoặc nhân bị bệnh khổ mà trở lại hủy báng Phật không linh.

2) Hoặc nhân tham sống mà giết vật mạng cứng tế.

3) Hoặc nhân uống thuốc mà dùng rượu cùng chất máu huyết tanh hôi.

4) Hoặc nhân ái luyến mà tự ràng buộc với gia đình.

Lời phụ¹: Đại sư nêu ra thuyết tam nghi tứ

1 Hoà thượng Thiên Tâm

quan, nhưng không thấy nói phương pháp giải quyết, vì thời xưa người tin hiểu đạo nhiều, có thể tự suy xét để phòng, hoặc giả ngài có nói mà sự sao truyền bị thất lạc đi chăng? Dù sao, đối với kẻ lòng tin cạn, kém hiểu biết, mấy điều trên đây gây ra sự nguy hại không ít. Nay tôi xin nói sơ qua cách pháp trừ, độc giả có thể nhân đây tự suy nghĩ hiểu rộng thêm ra.

Phá điều nghi thứ nhất: Phật A Di Đà có bốn nguyện: những chúng sanh nào chí tâm tưởng muốn về Cực Lạc niệm danh hiệu Ngài cho đến mười niệm, nếu không được vãng sanh thì Ngài sẽ không thành Phật. Phật không khi nào nói dối, vậy hành giả phải tin nơi Ngài. Mười niệm là thời gian, công phu tu hành rất ít mà còn được vãng sanh, hưởng chi ta niệm nhiều hơn số đó! Lại nữa, dù kẻ nào nghiệp chướng nặng nề đến đâu, nếu khi lâm chung chí tâm tin tưởng niệm Phật thì quyết định sẽ được vãng sanh. Thuở xưa, Trương Thiện Hòa là người trọn đời giết trâu bò, khi lâm chung tưởng địa ngục hiện, sợ hãi niệm Phật, liền thấy Phật đến rước, cho đến loài chim sáo, kết, niệm Phật còn được vãng sanh, hưởng chi ta chưa phải là tệ đến mức ấy!

Phá điều nghi thứ hai: Kinh Na Tiên nói: “Ví như hột cát nhẹ, bỏ xuống nước liền chìm, trái lại tảng đá to nặng nếu được thuyền chở, có thể đem từ chỗ này sang chỗ khác”. Người niệm Phật cũng như thế, nếu ta tin tưởng niệm Phật, thì dù còn nghiệp chướng tội nặng bao nhiêu cũng được vãng sanh, vì nhờ nguyện lực của Phật tiếp độ, ví như tảng đá to mà được thuyền chở, tất phải bị chìm. Môn niệm Phật là pháp “Đổi nghiệp vãng sanh”, vậy người tu đừng nghĩ rằng mình còn tham, sân, si e không không được sanh về Tây Phương. Thí dụ trên đây có thể phá luôn khoảng nghi về nghiệp nặng ở điều thứ nhất. Còn về bốn nguyện, có hai: đạo và đời.

Về đạo, hoặc có người nguyện cắt chùa hay nguyện tụng số kinh chú bao nhiêu, chưa làm tròn đã đến ngày giờ chết. Phải nghĩ rằng: Chỉ tín tâm niệm Phật thì được vãng sanh, còn bốn nguyện xong hoặc chưa xong không có hại chi cả.

Về đời, hoặc có người vì nhiệm vụ gia đình chưa xong, như trên có cha mẹ già không ai săn sóc, hay dưới có vợ con thơ dại không nơi nương tựa, tâm nguyện chẳng tròn nên lòng chưa yên. Phải

nghĩ rằng: hiện thời ta sắp chết, dù có lo hay không cũng không làm sao được. Nếu ta gát bỏ qua, chí tâm niệm Phật, khi được về Tây phương chứng đạo quả, thì tất cả bốn nguyện, trái duyên đều có thể trả xong, tất cả oán thân đều có thể cứu độ.

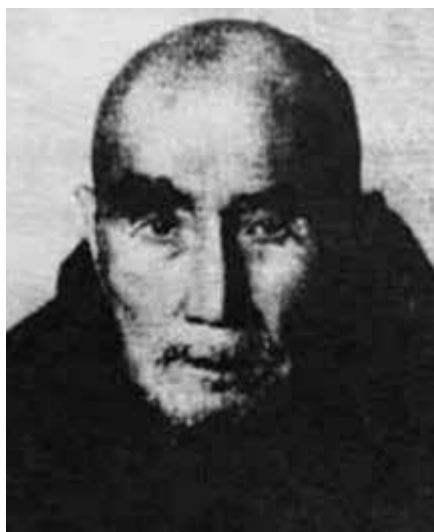
Phá điều nghi thứ ba: Người niệm Phật, do bốn nguyện của Phật và công đức của mình, khi lâm chung tất nhiên có Phật, Bồ Tát hay Thánh Chúng đến tiếp dẫn, chỉ cần yếu là lúc ấy mình phải chí tâm tưởng Phật, đừng nghĩ chi khác nếu nghi ngờ thì tự sanh ra chướng ngại. Tóm lại, khi lâm chung dù thấy điềm tốt hay không cũng đừng quản đến, chỉ hết lòng niệm Phật cho đến giây phút cuối cùng mà thôi.

Phá chung bốn cửa ải: Người niệm Phật mà bị tai bệnh khổ, đó là do nhờ công đức tu hành, nên chuyển quả báo nặng đời sau thành quả báo nhẹ đời này, trả cho hết để được vãng sanh. Nếu trở lại nghi ngờ hủy báng, là người kém tin hiểu, phụ ơn Phật, tự gây tội chướng cho mình. Thuở xưa, ông Ngô Mao tu hành chơn chánh, nhân vì loạn lạc bị giặc đâm bảy mũi giáo thương mà chết. Khi người em đến, ông bỗng tỉnh lại nói: “Tôi đời trước gây tội

nặng, đáng lẽ khi chết phải bị đọa, nhưng nhờ đời này ăn chay, niệm Phật làm lành, nên chuyển quả nhẹ lại, phải chịu bảy vết thương này để trả bảy kiếp làm heo đời sau. Hiện thời Phật tiếp dẫn tôi về Tây Phương.”

Lấy một chuyện này có thể tỷ lệ suy ra để hiểu những điều khác. Lại thân này giả tạm tùy theo tội phước mà kiếp sống có vui có khổ lâu mau. Người đã biết ăn chay, giữ quy giới, niệm Phật, phải triệt để tin tưởng nơi Phật, tin chắc lý Nhân Quả. Khi bệnh hoạn hay lúc lâm chung chỉ nên sám hối, niệm Phật mà thôi.

Rất không nên rước thầy pháp, đồng bóng, giết sanh hại vật cúng tế, hoặc nghe lời kẻ chưa hiểu đạo, trở lại ăn mặn, uống rượu, hay dùng chất thuốc bằng máu huyết tanh hôi. Lại trong gia đình từ cha mẹ, anh em, chồng vợ, con cái, đều là do đời trước có nợ nần ân oán nên mới tạm hội ngộ nhau, khi nhân duyên đã hết thì mỗi người mỗi ngả. Vậy ta nên rũ sạch tình trần, cầu sanh Tây phương để độ tất cả người ân oán. Khi cái chết đến nơi, dù có quyến luyến cũng không thể đem theo, không làm chi được, mà chính mình phải bị luân hồi, không được vắng sanh. Nên suy nghĩ ghi nhớ kỹ.



Đại sư Đàm Hư

*Đại sư Đàm Hư, bậc cao tăng thời cận đại
(1875 – 1963).*

Sư họ Vương, tên Phước Đình, Pháp tự Long Hàm, pháp hiệu Đàm Hư, người Ninh Hà, tỉnh Hà Bắc. Năm 17 tuổi, vâng lệnh cha lập gia đình, sanh được năm người con. Trước kia, Sư làm nghề nông và buôn bán, sau theo nghề y. Năm 40 tuổi, nhân nghe kinh Pháp Hoa, liền phát chí xuất gia.

Năm 1917, Sư xin xuất gia với ngài Ấn Khôi

tại chùa Cao Minh, rồi về Nam, y chỉ với ngài Đế Nhân chùa Quán Tông ở Ninh Ba học giáo nghĩa Thiên Thai.

Năm 1921, đảm nhiệm dạy học tại Phật Học Viện chùa Vạn Thọ tại Thẩm Dương.

Năm 1925, được ngài Đế Nhân phó pháp trở thành người nối pháp đời bốn mươi bốn tông Thiên Thai, được ban tên là Kim Hàm. Từ đó, Sư chuyên giảng kinh hoằng pháp tại các nơi thuộc Đông Bắc Trung Hoa, sáng lập đạo tràng. Các chùa Cục Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, chùa Bát Nhã ở Trường Xuân, và chùa Lăng Nghiêm ở Doanh Khẩu là những ngôi phạm-sát lớn nhất. Sau ngài thường trụ tại chùa Trạm Sơn thuộc Thanh Đảo, tự xưng là Trạm Sơn Lão Nhân.

Về cuối đời, Sư sang hoằng pháp tại Hương Cảng, sáng lập Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán, Hoa Nam Phật Học Viện. Đại sư viên tịch năm 1963, thọ 89 tuổi. Sư từng kể lại những chuyện trong cuộc đời mình và môn đệ là Đại Quang đã chép lại thành cuốn Ảnh Trần Hồi ức Lục.

Những trước tác quan trọng của Sư là Tâm Kinh Sớ Nghĩa, Tâm Kinh Giảng Nghĩa, Khởi Tín Luận Giảng Nghĩa, Thiên Thai

Truyền Phật Tâm Ấn Ký Thích Yếu, Kim
Cang Kinh Giảng Nghĩa.

*Trích theo bộ Từ Điển:
Chú Thích Phật Học - Pháp Thí Hội*

*Pháp ngữ khai thị của
Đại sư Đàm Hư*

Nhắc Nhở Người Niệm Phật

1. Người niệm Phật phải tuân thủ giới luật nhà Phật, đối với sự xa xỉ, phồn hoa ở hoàn cảnh bên ngoài phải nhìn thấu, tất cả thói xấu tư hào không nhiễm. Mỗi ngày phải có thời khoá cố định. Niệm Phật, tụng Kinh phải thành tâm. Lâu ngày tự nhiên tâm thanh tịnh. Cảnh giới đó không ngôn ngữ văn tự nào diễn tả được. Mọi người phải quyết tâm theo một pháp đó là Niệm Phật, Lạy Phật.

2. Tất cả ngoại duyên, được giảm thiểu thì liền giảm thiểu. Tất cả quyến thuộc, được viễn ly liền viễn ly. Đối với mọi sự, mọi việc đều không thương, không ghét, không lấy, không bỏ. Phải biết tất cả phú quý công

danh trên thế gian đều là giả, không đáng lưu luyến. Tất cả quyền thuộc, tài sản v.v..., sau cùng đều tiêu tán, không nương tựa được. Chỉ có thể nương tựa Phật, Bồ Tát.

Muốn coi nhẹ thế tình thì phải tin sâu Nhân - Quả. Biết rằng phú quý, bần tiện đều có số định, theo mệnh mà hành, tùy duyên sinh sống. Bất kỳ việc gì cũng không để quấy nhiễu tâm ta. Tất cả việc ăn, mặc, đi, ở, thị phi, vinh nhục đều lạnh lùng buông bỏ. Ngoại duyên thanh tịnh, trí huệ trong tâm tự khai mở.

3. Mỗi ngày dậy sớm, tâm sáng suốt, dễ dàng niệm Phật. Buổi tối đối trước Phật, nghĩ ngày nay có khởi phiền não không? Có sanh ác niệm không? Có thì sửa, không thì tiếp tục cố gắng. Đây là chánh đạo để vào thế giới Cực Lạc.

4. Niệm Phật KHÔNG được cầu Phật phóng quang, cầu Bồ Tát hiển mộng, KHÔNG mong tất cả mọi sự ham muốn, hoang tưởng khác. Nếu không dễ bị Ma dựa.

5. Tất cả sở thích, ham muốn nên giới tuyệt. Nếu không, căn bản không thể nói tới việc tu hành. Tất cả phải dựa vào sự nỗ lực của bản thân.

Thân người khó được, Phật Pháp khó nghe. Ngày nay cái khó được đều đã được, phước đó rất lớn lao. Phải sanh tâm hoan hỷ, tâm tinh tấn, không được sanh tâm thoái chí, giải đãi, phóng dật.

Đời người mấy chục năm, chớp mắt liền trôi qua, nhất định phải nỗ lực cho sớm. Nếu bỏ lỡ đời này, một hơi thở hắt ra lại chui vào bào thai, không biết sẽ trôi lăn vào đường nẻo nào. Lúc đó đau khổ triền miên không biết ngày ra, hối hận đã muộn.

Không nói nhiều nữa, xin các vị tự mình nỗ lực!”



*Đại lão Hòa thượng
Thích Hải Hiền*

*Lão Hòa thượng Hải Hiền 112 Tuổi, Trụ
Thế Biểu Pháp, Tự Tại Vãng Sanh*

Hòa thượng Hải Hiền (1900-2013), tục tánh Văn, tên Xuyên Hiền, tự Thanh Tuyền, quê quán trấn Thiều Bái Tự, huyện Đường Hà, thành phố Nam Dương, tây nam tỉnh Hà Nam ngày nay, sinh ngày 19 tháng 8 (năm 1900) năm Quang Tự 26 cuối đời nhà Thanh.

Cha mẹ và ông bà nội của Hòa thượng Hải Hiền đều là đệ tử Phật kiến thành, truyền thống gia đình vừa làm ruộng vừa dạy học, thích làm việc thiện, hay bố thí, được đồng hương gọi là đại thiện nhân. Hòa thượng Hải Hiền bản tánh thành thật chất phác, túc căn sâu dày, từ bé ăn chay theo mẹ, khi còn bé đã nổi tiếng trong thôn về hạnh hiếu.

Mẹ của Hòa thượng Hải Hiền, phu nhân Hoàng Thị, sinh vào năm thứ 10 Đồng Trị nhà Thanh (năm 1871), quê quán gia đình của mẹ đẻ là thôn Từ Viên, hương Chu Tập, huyện Xã Kỳ, thành phố Nam Dương tỉnh Hà Nam ngày nay, nằm ở phía tây nam của tỉnh Hà Nam. Tổ tiên đều là người nông dân an phận thật thà. Bởi vì ba mẹ đều là đệ tử Phật giáo kiến thành, cho nên từ nhỏ bà đoạn mặn ăn chay, quy y cửa Phật. Lúc 17 tuổi, gả vào Văn gia của trấn Thiệu Bái Tự huyện Đường Hà, chồng tên gọi Văn Tu Cần, lớn hơn Hoàng Thị 8 tuổi. Tổ tiên của Văn gia là gia đình có truyền thống học vấn, gia thế tài giỏi, đến đời của Tu Cần Công đã sa sút, gia cảnh thuộc bậc trung, nhưng nhiều đời Văn gia có truyền thống tốt, kế thừa tiếp nối việc kính phụng Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng), cho nên phụ nữ trẻ em trong chu vi vài chục dặm đều biết danh

tiếng “thiện nhân” của ba mẹ Tu Cần Công.

Hoàng Thị và Tu Cần Công tuy là phu thê trẻ, lại có thể chí đồng đạo hợp, hai người tôn kính lẫn nhau, vô cùng đầm ấm. Vào năm bà Hoàng Thị xuất giá thì có một đứa con trai (anh cả của Hòa thượng Hải Hiền), ba năm sau lại sanh một đứa con gái (chị của Hòa thượng Hải Hiền). Đứa con trai thứ hai (anh hai của Hòa thượng Hải Hiền) ra đời sau đó không lâu, bà Hoàng Thị bị viêm tuyến nhũ cấp tính, tục gọi viêm tuyến sữa, không cách nào cho con trẻ bú sữa, không biết phải làm sao, hai vợ chồng đành phải đem con cái cho một gia đình thân thích nuôi nấng.

Lúc Hòa thượng Hải Hiền ra đời, bà Hoàng Thị 29 tuổi. Văn gia là đại gia tộc, vai vế trong anh em họ, Hòa thượng Hải Hiền xếp thứ bảy. Bà Hoàng Thị 35 tuổi lại sanh thêm một trai, tướng mạo vô cùng tuấn tú, xếp thứ tám trong anh em họ. Sau khi con nhỏ ra đời mấy tháng, một vị Đạo nhân vào trong nhà hóa duyên nói với bà Hoàng Thị, con trẻ tuy tướng mạo tuấn tú, nhưng lại không thể lớn lên ở Văn gia. Quả nhiên như lời Đạo nhân, đứa trẻ này người cứ ốm yếu nhiều bệnh, đi đứng lảo đảo cho đến 3

tuổi, bà Hoàng Thị tội nghiệp con trai, sau khi bàn bạc với chồng, đem cháu cho một người họ hàng không có con cái.

Thiên tai và cướp bóc nhiều năm, làm cho gia đình vốn không giàu có này nhanh chóng rơi vào cảnh khốn khó. Lại thêm lúc đó chị của Hòa thượng Hải Hiền mắc bệnh phổi khó hồi phục, càng làm cho gia đình vốn đã khó duy trì lại rơi vào cảnh khó khăn. Vì trị bệnh cho con gái, Tu Cần Công bán đi 7 mẫu đất khô cằn do ông cha để lại, cùng với đứa con trai lớn đi làm thuê cho một cửa tiệm gia công bông vải, cán bông, đánh bông cho người ta, năm đó Hòa thượng Hải Hiền chỉ mới 9 tuổi thì đi chăn trâu cho nhà giàu có để phụ cấp gia đình.

Vào năm Hòa thượng Hải Hiền 12 tuổi, Hà Nam đại hạn, không thu hoạch được mùa, cửa tiệm thuê cha con Tu Cần Công làm cũng bị buộc ngừng kinh doanh. Trước tình cảnh không cách nào khác, Tu Cần Công chỉ có thể đến bên cạnh Tùy Châu Hồ Bắc ăn xin để duy trì kế sinh của cả nhà, không ngờ gặp phải ác phi, bỏ mạng nơi đất khách, năm đó Tu Cần Công 48 tuổi. Lúc đó, Tu Cần Công đang trên đường xin ăn, gặp phải thổ phỉ cướp bóc và phóng hỏa đốt dân cư,

Tu Cần Công bèn gánh nước đi chữa cháy, nhưng bị thổ phỉ quay trở lại kiểm tra thấy được, thổ phỉ bắt ông ấy đánh đến chết. Sau nhiều ngày, khi dân trong thôn chạy nạn quay trở lại thôn trang, nhìn thấy cảnh kinh người: chỉ thấy một xác chết đang đứng thẳng đờ ôm chặt một cây to, một đám chó đói ngồi trên đất vòng trong vòng ngoài vây lấy ông ấy. Dân chúng trong thôn vốn cho rằng những con chó đói này muốn tranh ăn người chết, bèn cùng nhau đến đuổi chó đói, không ngờ những con chó đói này bị đánh đến chảy nước mắt cũng không chịu tản ra. Lúc này mọi người mới biết, hóa ra đám chó này đang giữ xác ân nhân đã bảo vệ quê hương của họ! Người nhìn thấy không ai không khóc nức nở. Dân chúng trong thôn đem thi thể gửi về quê hương của ông, song an táng Tu Cần Công theo nghi thức trưởng bối.

Năm ấy, Trung Quốc lâm vào thời kỳ Dân Quốc hỗn chiến của quân phiệt chính quyền Bắc Dương. Cha qua đời không lâu, anh cả của Hòa thượng Hải Hiền bị bắt đi lính, hai anh em ly biệt 24 năm.

Tiếp đó, trong gia đình thân thích nhận anh hai của Hòa thượng Hải Hiền làm con

nuôi xảy ra biến cố, không thể không đem đứa trẻ đã nuôi lớn 15 tuổi lại gởi về Văn gia. Anh hai sức khỏe yếu nhiều bệnh, cho nên việc anh ấy trở về càng làm tăng thêm gánh nặng trong gia đình, điều may mắn là bệnh tình của chị gái cuối cùng trị lành, và xuất giá vào năm sau đó.

Mẹ của Hòa thượng Hải Hiền khéo tay, nữ công gia chánh làm rất giỏi. Trong nhà không có ruộng đất, bà Hoàng Thị đành phải dựa vào may vá, giặt và hồ quần áo, có được chút tiền công ít ỏi để chống đỡ gia đình bị thiệt hại nghiêm trọng này. Bà Hoàng Thị thường xuyên thức trắng đêm thêu khăn tay dùng lau mồ hôi, làm giấy thêu hoa, sau đó đem đi bán đổi lương thực ăn. Hòa thượng Hải Hiền nhìn thấy mẹ quá vất vả, thế là giấu mẹ len lén ra ngoài xin ăn, cho rằng dùng cách này để giảm nhẹ gánh nặng cho mẹ. Sau hơn ba tháng, cuối cùng bị mẹ phát hiện, mẹ ôm chầm lấy con trai khóc một hồi, không cho ngài ra ngoài xin ăn nữa.

Trên đường Chu Tập một ông chủ tiệm cơm họ Thôi sau khi nghe nói hạnh hiếu của Hòa thượng Hải Hiền, rất cảm động, thế là đích thân đến tận nhà thăm hỏi, mời

Hải Hiền mới 13 tuổi vào tiệm làm công. Từ đó tình cảnh trong nhà dần thấy chuyển biến tốt đẹp. Hòa thượng Hải Hiền ở tiệm cơm liên tục làm đến năm 18 tuổi, năm đó, trên chân ông mọc mụn độc, suýt nữa vì thế mà mất mạng.

Thời thiếu niên đã xảy ra số việc bên người, có tác dụng thúc giục mạnh mẽ ngài kiên định, không thay đổi bước vào con đường xuất gia những ngày tháng sau này.

Ngoài ra, một việc cũng ảnh hưởng rất lớn đối với Hòa thượng Hải Hiền lúc nhỏ. Một lần, ngài trồng được một trái bí đao lớn, bị em trai họ trộm mất. Hòa thượng ba ngày liên tiếp không ngừng nhắc mãi: “Ai trộm mất bí đao của tôi, thì cho người đó nổi mụn nhọt, bị bệnh.” Ai dè sau ba ngày, em trai họ của Hòa thượng bị nổi mụn bệnh thật, nằm liệt giường, khổ nói không nên lời. Sau khi Thím biết được, tìm đến ngài nói: “Con đừng niệm nữa, em trai con chỉ là hái một trái bí đao, thì con trù đến nó toàn thân mọc mụn nhọt, đau đến kêu cha kêu mẹ luôn.” Hòa thượng Hải Hiền kinh ngạc vô cùng, lòng nghĩ: Ý nghĩ của con người thật có sức mạnh đến như vậy sao? Thế là lập tức chữa lại niệm rằng: “Mau làm

cho em ấy khỏe lại đi! Mau làm cho em ấy khỏe lại đi!” Bệnh của em trai họ thật sự được khỏe lại nhanh chóng.

Niệm cái gì thì sẽ hiện cái đó, nên không thể niệm ác được nữa. Bất kể có phải là trùng hợp hay không, từ đó về sau, Ngài cũng không dám trù người nữa, không dám oán hận người nữa. Việc này làm cho Ngài hiểu rằng sự bất khả tư nghì của niệm lực. Tuy rằng ngài không đọc qua sách Thánh hiền, không học qua kinh điển của Thánh hiền, thế nhưng, bản tánh ngài lương thiện, tâm địa thanh tịnh từ bi, thường xuyên có thể đạt được sự gọi trong cuộc sống hằng ngày.

Theo lời đồn, vào năm Hòa thượng Hải Hiền 18 tuổi, chân của Hòa thượng mọc mụn độc, lở loét mủn to, rất nặng, mẹ cầu thầy tìm thuốc khắp nơi cho Ngài, đều không có cách cứu được Ngài. Sau cùng Ngài hiểu rằng, đây là bệnh nghiệp chướng, Ngài hiểu được nhân quả báo ứng, than oán rằng: “Diệu dược nan y oan nghiệp bệnh.” Thế là vứt bỏ thuốc men, chuyển lại cầu Quán Âm Bồ Tát. Dân gian Trung Quốc, không ai không biết Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, có cầu có ứng, vì thế ngài một

lòng rất chân thành xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Sau khi niệm hơn một tháng, mụn độc tự nhiên khỏi. Đây là cảm ứng! Cho nên Ngài đối với Quán Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn tin sâu không nghi, lại càng tin chắc Bồ Tát thật sự từ bi, tuyệt đối không có vọng ngữ, niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thật có thể giải quyết vấn đề. Từ đó, Hòa thượng Hải Hiền biết rằng, đường sanh tử hiểm, tử sanh là việc lớn, thế là Ngài sanh khởi tâm xuất ly. Năm Ngài 19 tuổi, anh ba 22 tuổi vì bệnh mất sớm, điều này khiến cho Hòa thượng Hải Hiền kiên định đến cùng quyết tâm xuất gia tu hành.

Năm 1920, Hòa thượng Hải Hiền 20 tuổi, tại Thiền tự Vân Đài trên đỉnh Thái Bạch núi Đồng Bách, nằm ở nơi giao tiếp Hà Nam và Hồ Bắc, xuất gia với lão Hòa thượng Truyền Giới. Lão Hòa thượng Truyền Giới xuống tóc cho Ngài, ban cho Pháp danh là Hải Hiền, tự Tánh Thành. Lúc 23 tuổi, đến chùa Vinh Bảo ở Hồ Bắc thọ cụ túc giới (Tỳ kheo giới).

Thiền tự Vân Đài là Tổ đình hệ Bạch Vân tông Lâm Tế Thiền tông Trung Quốc, được cho là “Cung Potala của Trung Quốc”. Lâm

tế tông là một trong năm tông Thiền của Phật giáo Trung Quốc, tông phong của tông này đơn đao trực nhập, lời nói sắc bén mãnh liệt, khiến người hoảng nhiên tỉnh ngộ là nét đặc sắc của tông phong, cho nên rất được quân nhân, tục sĩ yêu chuộng, tướng sĩ, chính khách v.v...cũng phần lớn tham pháp Thiền tông này. Đến triều đại nhà Thanh, tông Lâm Tế chính bởi vì phong cách Thiền tự do mà trở thành dòng chính của Thiền tông Trung Quốc.

Sư xuống tóc cho Hòa thượng Hải Hiền là Hòa thượng Truyền Giới, người Bạch Khưu huyện Hà Nam Đường (tên huyện cũ của Hà Nam), từng y chỉ Thiền sư Trục Tánh (tự Chân Không) đương thời có thể nói là thạc đức Thiền môn, sau theo Thiền sư Trục Tánh đến viện Di Lặc ở Bắc Kinh, bên cạnh hầu hạ, đồng thời nhậm chức đường chủ, sau khi chính phủ Trung Quốc mới thành lập về đến núi Đồng Bách, dẫn đồ đệ, kết cỏ tranh khai hoang, đích thân phục dịch y tế.

Là một vị Đại đức của hệ phái Bạch Vân tông Lâm Tế, Hòa thượng Truyền Giới lại không truyền thụ Hải Hiền đả tọa tham thiền, cũng không dạy ngài giảng kinh thuyết Pháp, duy chỉ truyền sáu chữ hồng

đanh “Nam Mô A Di Đà Phật”, dẫn ngài niệm liên tục. Lời khuyên dạy của thầy, Hòa thượng Hải Hiền cả một đời phụng hành.

Sau khi xuất gia, Hòa thượng Hải Hiền trước sau thường trú ở chùa Phổ Hóa, chùa Vân Đài, chùa Tháp Viện trên núi Đồng Bách, năm 1976 sau khi “Văn Cách” kết thúc, nhiều vị cư sĩ nghênh thỉnh ngài đến chùa Lai Phật huyện Xã Kỳ ở dưới núi chủ trì chánh pháp, khoảng năm 1981, Hòa thượng Hải Hiền thường trú chùa Lai Phật, đến tận năm 2013 vãng sanh.

*Pháp ngữ khai thị của
Đại lão Hòa thượng Hải Hiền*

Khi có ai hỏi về Phật pháp, Lão Hòa thượng thường khuyên: “Phải niệm Phật đó, còn lại đều là giả!” Sau đó Lão Hòa thượng lại một lần nữa không ngại phiền mà nói chi tiết bản thân niệm Phật như thế nào. “Ba giờ sáng hằng ngày tôi thức dậy lạy Phật, có lúc thì một giờ đã thức dậy niệm Phật, niệm 20 phút trước tượng Phật, sau đó nhiễu Phật, tiếp theo lại ngồi xuống niệm, có khi niệm lên tiếng, có khi không lên tiếng, thời gian nhiều hơn là niệm thầm, Phật lúc nào cũng ở trong tâm.”

Lão Hòa thượng từng giờ từng khắc dạy người khác: “Chăm chỉ niệm Phật, thành Phật là thật, còn lại đều là giả.”

Ngài lại nói: “Không có gì để khai thị! Chăm

chỉ niệm Phật. Trên đời không có việc gì khó, chỉ sợ tâm không chuyên.”

“Tôi đây là miếu nhỏ; ăn là ăn cực, mặc là mặc vá. Chư vị đến đây phải có thể chịu khổ. Có thể chịu khổ mới có thể hết khổ. Chư vị không đến, tôi không trách; đến rồi thì phải giữ giới của tôi.

Lão Hòa thượng ngày thường có cơ hội thì sẽ nhắc nhở mọi người: “Niệm Phật tu hành phải có thể chịu khổ, lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy, không thể mưu cầu cúng dường, hưởng thụ.” “Chư vị nghĩ tôi hưởng thụ à? “Tôi không có hưởng thụ đâu!””

Ngài lại nói tiếp: “Chịu khổ nha, mặc vá nha; muốn làm Hòa thượng, phải làm bà nương.”¹

“Bất cứ lúc nào cũng không được thêm phiền phức cho người khác! Bình thường họ bới cơm cho tôi, nhiều cũng được, ít cũng được, tôi không hề nói gì, có bao nhiêu ăn bấy nhiêu, nếu không người khác phải chạy tới chạy lui, tôi không muốn làm phiền người khác.”

1 Lão Hòa thượng nói “phải làm bà nương”, ý là phải biết hầu hạ người.

Có người từng hỏi Đại lão Hòa thượng: “Ngài xuất gia thế độ rồi, Sư Phụ không dạy Ngài gì hết, chỉ dạy Ngài niệm A Di Đà Phật, phải không?”

Lão Hòa Thượng bình tĩnh đáp lại: “Chỉ dạy niệm Phật.”

Cư sĩ lại hỏi: “Ngài đã từng giảng kinh chưa?”

“Tôi giảng kinh chưa? Tôi chưa từng giảng. Tôi không học qua bất cứ thứ gì. Chỉ niệm A Di Đà Phật. Tôi chưa từng đi học một ngày. Tôi không biết chữ. Sau khi lên núi thế độ, thì Sư Phụ chỉ dạy tôi niệm A Di Đà Phật. Nói tôi hiểu rõ rồi thì không được nói, không được khua tay múa chân.”

“Ngài đã nhìn thấy A Di Đà Phật, Phật đã nói gì với Ngài rồi?”

“Lão Phật Gia² không cho tôi đi, kêu tôi biểu pháp!”

Lão Hòa thượng Hải Hiền nói với họ: “Bây giờ tôi đã hơn 100 tuổi rồi, phải vãng sanh đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc, Lão Phật Gia là cội nguồn của lão Hòa thượng

2 “Lão Phật Gia” mà Ngài nói chính là A Di Đà Phật.

tôi! Tôi đã cầu xin Lão Phật Gia mấy lần rồi, phải theo Ngài đi, nhưng Lão Phật Gia không dạy tôi đi theo Ngài, nói tôi tu rất tốt, kêu tôi sống thêm hai năm, làm tấm gương cho mọi người xem – dạy tôi ở thế gian biểu Pháp”.

Lão Hòa thượng Hải Hiền hết sức xem trọng trì giới. Ngài thường nói: “Không được phép khai trai phá giới.” Trì giới là dưỡng thân, niệm Phật là dưỡng tâm: Chúng ta làm tốt ngũ giới, thập thiện mà Phật Pháp nói, chính là dưỡng thân, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, tâm này chính là tốt trong tốt.”



*Đại lão Hòa thượng
Thích Trí Tịnh*

THÂN THỂ

Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh, thế danh Nguyễn Văn Bình, sinh năm Đinh Tỵ (1917), tại xã Mỹ An Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Cân, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Truyện. Đại lão Hòa thượng có 6 anh em, 2 trai, 4 gái; Đại lão Hòa thượng là người con trai út trong gia đình.

Đại lão Hòa thượng được sinh trưởng trong một gia đình trung nông, phúc hậu, nhơn từ, có nề nếp đạo đức vững chắc và kính tin Tam bảo. Khi song thân qua đời, Đại lão Hòa thượng sống với các anh chị và học hết chương trình Tiểu học Pháp tại tỉnh nhà rồi sang học chữ Nho với người Chú và học thuốc Bắc với người anh họ.

THỜI GIAN XUẤT GIA HỌC ĐẠO

Nhờ đã gieo căn lành từ nhiều kiếp, sớm giác ngộ cõi đời là hư huyễn, thế sự phù du, nên sau một thời gian đi chiêm bái khắp chốn thiền môn trong tỉnh, năm 1937, Đại lão Hòa thượng lên núi Cấm, đến chùa Vạn Linh, cầu xin Hòa thượng trụ trì Pháp húy Hồng Xứng cầu thế độ xuất gia. Khi trông thấy Hòa thượng, Tổ liên ấn chứng: “*Các ông đừng khinh ông này, đời trước ông đã từng làm Hòa thượng...*”. Sau khi được Tổ cho phép xuất gia, ban Pháp húy là Nhựt Bình, hiệu Thiện Chánh tiếp nối dòng pháp Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41.

Sau khi xuất gia, Đại lão Hòa thượng đã đi tham học Phật pháp với chư sơn thiền đức ở trong và ngoài tỉnh, lần lượt nghiên cứu tài liệu Phật học in trong Tạp chí *Từ Bi Âm*,

do Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học, chùa Linh Sơn – Sài gòn ấn hành và tham học với Hòa thượng Bích Liên, chùa Liên Tôn – Bình Định.

Năm 1940, Đại lão Hòa thượng cùng với quý Hòa thượng Thích Thiện Hòa, Thích Thiện Hoa tiếp tục ra Huế học. Trước tiên, Đại lão Hòa thượng theo học Lớp Trung đẳng tại Phật học đường Tây Thiên, do Hòa thượng Viện chủ chùa Thiển Tôn làm Giám đốc. Sau đó học lớp Cao đẳng tại Phật học đường Báo Quốc, do Hòa thượng Viện chủ chùa Tường Vân làm Giám đốc, Hòa thượng Thích Trí Độ là Đốc giáo.

Năm 1941, Đại lão Hòa thượng đăng đàn thọ Sa-di giới tại chùa Quốc Ân và được Sư cụ Trí Độ đặt cho Pháp hiệu là Trí Tịnh.

Sau khi mãn khóa Cao đẳng Phật học năm 1945, Đại lão Hòa thượng trở về miền Nam để hoằng pháp và hành đạo.

THỜI GIAN HÀNH ĐẠO

Năm 1945, Đại lão Hòa thượng đã cùng với Hòa thượng Thích Thiện Hoa, thành lập Phật học đường Phật Quang, Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Vĩnh Long), do Hòa

thượng Thích Thiện Hoa làm Giám đốc, Hòa thượng làm Đốc giáo kiêm Giáo thọ.

Năm 1945, Đại lão Hòa thượng được đăng đàn thọ Tỳ-kheo và Bồ-tát giới tại chùa Long An, Sa Đéc, do Hòa thượng Chánh Quả làm Đàn đầu Hòa thượng.

Năm 1948, Đại lão Hòa thượng về Sài Gòn và thành lập Phật học Trường Liên Hải, tại chùa Vạn Phước, xã Bình Trị Đông, huyện Long Hưng Thượng, tỉnh Chợ Lớn do Hòa thượng làm Giám đốc, Hòa thượng Thích Huyền Dung làm Đốc giáo.

Năm 1950, Đại lão Hòa thượng nhập thất tịnh tu tại chùa Linh Sơn – Vũng Tàu.

Năm 1951, Đại lão Hòa thượng cùng Hòa thượng Thích Thiện Hòa sáp nhập 03 Phật học đường Liên Hải, Mai Sơn, Sùng Đức thành Phật học đường Nam Việt, trụ sở đặt tại chùa Ấn Quang, quận 10, tỉnh Chợ Lớn. Từ năm 1951 – 1956, Đại lão Hòa thượng tham gia Ban Giảng huấn và giảng dạy cho Lớp Cao đẳng Phật học.

Năm 1954, Đại lão Hòa thượng khởi công xây dựng chùa Vạn Đức, Thủ Đức.

Năm 1955, Đại lão Hòa thượng sáng kiến thành lập Hội Cự Lạc Liên hữu tại chùa

Vạn Đức, quận Thủ Đức do Đại lão Hòa thượng làm Liên trưởng, Thượng tọa Thích Huệ Hưng làm Liên phó.

Năm 1957, Đại lão Hòa thượng được Đại hội Giáo hội Tăng già Nam Việt cử làm Trị sự phó và kiêm Trưởng ban Giáo dục Giáo hội Tăng già Nam Việt. Đồng thời, hợp tác với Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Thiện Hòa mở các khóa Như Lai Sứ Giả tại chùa Pháp Hội, chùa Tuyền Lâm, chùa Dược Sư... để đào tạo trụ trì và Giảng sư cho Giáo hội.

Năm 1959, trong Đại hội Giáo hội Tăng già toàn quốc Việt Nam kỳ II, vào 2 ngày 10, 11-9-1959 tại chùa Ấn Quang, Đại lão Hòa thượng được Đại hội suy cử làm Trị sự phó Giáo hội Tăng già toàn quốc Việt Nam.

Năm 1960 – 1962, Đại lão Hòa thượng làm Tuyên Luật sư trong các Đại Giới đàn, tổ chức tại chùa Ấn Quang, Pháp Hội... để truyền trao giới pháp Cụ túc cho chư Tăng.

Năm 1962, Đại lão Hòa thượng được Giáo hội Phật giáo Trung phần cung thỉnh vào cương vị Phó Viện trưởng Phật học Viện Trung phần Hải Đức – Nha Trang.

Năm 1964, Đại lão Hòa thượng làm Trưởng đoàn Đại biểu Giáo hội Tăng già Nam Việt tham dự Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam, được tổ chức tại chùa Xá Lợi trong những ngày 30, 31-12-1963 và 1-1-1964 để thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Tại Đại hội này, Đại lão Hòa thượng được suy cử vào cương vị Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Tăng sự.

Năm 1964, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị làm Tuyên Luật sư trong Đại Giới đàn Quảng Đức, tổ chức tại Việt Nam Quốc Tự – Sài Gòn.

Năm 1965, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Yết-ma Đại giới đàn Quảng Đức tại Phật học viện Huệ Nghiêm – Gia Định và Tuyên Luật sư Đại Giới đàn Từ Hiếu – Thừa Thiên-Huế.

Năm 1966, Đại lão Hòa thượng là Tuyên Luật sư Đại Giới đàn Quảng Đức, tại Phật học viện Huệ Nghiêm.

Năm 1966 – 1968, tại Đại hội kỳ II Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Đại lão Hòa thượng được suy cử vào cương vị Chánh Thư ký Viện Tăng Thống.

Năm 1968 – 1971, Đại lão Hòa thượng tham gia Ban Giảng huấn Phật học viện Huệ Nghiêm và giảng dạy Phật pháp cho lớp Chuyên khoa Phật học trong ba năm.

Năm 1969, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Tuyên Luật sư trong Đại Giới đàn Quảng Đức, tổ chức tại Phật học viện Huệ Nghiêm.

Năm 1970, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Khoa trưởng Phân khoa Phật học tại Đại học Vạn Hạnh – Sài Gòn đến năm 1975.

Năm 1971, sau khi Giáo hội thành lập Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm – Gia Định, Đại lão Hòa thượng được cử làm Viện trưởng từ năm 1971 đến năm 1991.

Năm 1973, trong phiên họp của Hội đồng Giáo phẩm Trung ương, Đại lão Hòa thượng được cử làm Thành viên Hội đồng Giáo phẩm Trung ương. Vào ngày 5-7-1973, Đại lão Hòa thượng được cử làm Chủ tịch Hội đồng phiên dịch Tam tạng thuộc Viện Tăng thống, GHPGVNTN.

Cũng trong năm 1973, tại Đại hội Giáo hội Trung ương kỳ 4, Đại lão Hòa thượng được

tấn phong Hòa thượng và được suy cử đảm nhiệm cương vị Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Cuối năm 1974, Đại lão Hòa thượng được cử Hòa thượng Thích Thiện Hòa cử làm Cố vấn Hội đồng Quản trị tổ đình Ấn Quang và các cơ sở trực thuộc tổ đình.

Năm 1975, Đại lão Hòa thượng được Hội đồng Giáo phẩm Trung ương cử làm Trưởng ban Kiến thiết Pháp Bảo Viện tại xã Linh Xuân Thôn, Thủ Đức – Gia Định.

Năm 1976, Đại lão Hòa thượng được mời làm Ủy viên Ủy ban TWMTTQVN.

Năm 1977 và 1980, Đại lão Hòa thượng được cử làm Tuyên Luật sư và Chánh Chủ khảo trong Đại Giới đàn Thiện Hòa, tổ chức tại chùa Ấn Quang.

Tại Hội nghị Đại biểu Thống nhất Phật giáo Việt Nam 1981, Đại lão Hòa thượng được Đại hội suy tôn ngôi vị Thành viên Hội đồng Chứng minh, suy cử cương vị Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự kiêm Trưởng ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Năm 1982, tại Đại hội Đại biểu Phật giáo

TPHCM, nhiệm kỳ I, Đại lão Hòa thượng được cử làm Trưởng BTS Thành hội Phật giáo TP.HCM đến năm 1987.

Năm 1984, sau khi Hòa thượng Thích Trí Thủ – Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN viên tịch vào tháng 4-1984, Đại lão Hòa thượng được suy cử Quyền Chủ tịch Hội đồng Trị sự, rồi Chủ tịch Hội đồng Trị sự nhiệm kỳ II và những nhiệm kỳ tiếp theo cho đến ngày về cõi Phật.

Từ năm 1984 đến năm 2013, Đại lão Hòa thượng được cung thỉnh làm Đàn đầu Hòa thượng Đại Giới đàn đầu tiên và những Giới đàn tiếp theo của Thành hội Phật giáo TP.HCM được tổ chức tại chùa Ấn Quang.

Tháng 12-1984, tại Đại hội UBMTQVN TP.HCM lần thứ 4, Đại lão Hòa thượng được Đại hội cử làm Phó Chủ tịch UBMTTQVN TP.HCM.

Tại Đại hội kỳ III – 1992, Đại lão Hòa thượng được Đại hội suy tôn lên ngôi vị Đệ nhất Phó Pháp chủ kiêm Giám luật Hội đồng Chứng minh GHPGVN.

Từ Đại hội Mặt trận toàn quốc lần thứ II (1983) cho đến Đại hội VII, Đại lão Hòa

thượng được bầu làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch và tại Đại hội VI, VII (2009), Đại lão Hòa thượng được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban TWMTTQVN.

Năm 2004, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Đàn đầu Hòa thượng Đại giới đàn Trí Tấn do Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương tổ chức.

Đặc biệt, Đại lão Hòa thượng đã được Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Bà Rịa – Vũng Tàu cung thỉnh đảm nhiệm cương vị Hòa thượng Đàn đầu truyền giới Tỳ-kheo tại Đại giới đàn Thiện Hòa I (1993), Thiện Hòa III (2000), Thiện Hòa IV (2003), Thiện Hòa V (2006), Thiện Hòa VII (2013). Ngoài ra, Đại lão Hòa thượng còn chứng minh nhiều Đại Giới đàn do Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh lân cận TP.HCM tổ chức.

BIÊN SOẠN VÀ PHIÊN DỊCH

Mặc dù bận rộn nhiều công việc cho Giáo hội, Đại lão Hòa thượng vẫn dành thời gian để dịch kinh và giảng kinh. Những tác phẩm Hòa thượng đã biên soạn, phiên dịch và phổ biến như:

Kinh Pháp hoa (1 quyển); *Kinh Hoa*

nghiêm (4 quyển); Kinh Đại bát Niết-bàn (2 quyển); Kinh Đại Bát-nhã (3 quyển); Kinh Đại bảo tích + Đại Tập (9 quyển); Kinh Phổ Hiền hạnh nguyện ; Kinh Địa Tạng bốn nguyện; Kinh Tam bảo; Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới; Kinh Pháp hoa cương yếu; Kinh Pháp hoa thông nghĩa; Đường về Cực Lạc; Tứ hoàng thệ nguyện, Kinh A Mi Đà giảng giải, Kệ niệm Phật, Sổ niệm Phật công cú, Ngộ tánh luận.

XÂY DỰNG

Năm 1995, Đại lão Hòa thượng khởi công xây dựng lại chùa Vạn Linh và Tháp Tổ Hồng Xứng – Núi Cẩm, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Năm 2000, với tư cách Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN, Đại lão Hòa thượng đã ký quyết định thông qua dự án và bổ nhiệm Ban Trùng tu cơ sở Văn phòng II Trung ương Giáo hội – thiền viện Quảng Đức, quận 3, TP.HCM.

Năm 2001, Đại lão Hòa thượng trùng tu Giảng đường chùa Vạn Đức, Phật đài Quan Âm, Thư viện, Thiền thất, phòng sách v.v...

Năm 2002, Đại lão Hòa thượng là chủ đầu tư

xây dựng lại cơ sở Văn phòng II Trung ương Giáo hội – thiền viện Quảng Đức, quận 3.

Năm 2004, Đại lão Hòa thượng khởi công xây dựng lại chánh điện, nhà Tổ chùa Vạn Đức với quy mô lớn, trang nghiêm tú lệ, đã thành tựu viên mãn, xứng đáng là cơ sở Giáo hội tại địa phương.

THỜI GIAN VIÊN TỊCH

Là một trong những Cao tăng cống hiến trọn đời cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh, Đại lão Hòa thượng đã có những đóng góp, những công đức to lớn trong công cuộc chấn hưng, thống nhất và hòa hợp Phật giáo, góp phần xây dựng và bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc, phụng sự đất nước.

Đại lão Hòa thượng là một bậc tôn sư khả kính đã có nhiều công lao giáo dưỡng và dìu dắt hàng trăm môn đồ đệ tử đã trưởng thành, noi gương từ bi hỷ xả, tự giác giác tha của Hòa thượng để bền vững đạo tâm và trang nghiêm Giáo hội.

Ngày nay, khi hạnh nguyện hoằng dương Phật pháp, tế độ chúng sinh của Đại lão Hòa thượng đã viên mãn, thì cũng chính là lúc luật vô thường đưa Đại lão Hòa thượng

trở về Tây phương kiến Phật vào lúc 9 giờ 15 phút, ngày 28-3-2014 (nhằm ngày 28-2-Giáp Ngọ), trụ thế 98 năm, hạ lạp 69 tuổi.

Nam mô Tụ Lâm Tế Gia Phổ, Tứ thập nhất thế, Pháp hỷ thượng Nhựt hạ Bình, tỳ Thiện Chánh, hiệu Trí Tịnh, Nguyễn công Đại lão Hòa thượng Giác linh.

*Pháp ngữ khai thị của
Đại lão Hòa thượng Tri Tịnh*

“Trong những pháp môn Phật dạy, tôi cả đời chuyên tâm nơi pháp môn trì danh niệm Phật. Pháp tu niệm Phật có nhiều, trì niệm danh hiệu Phật là một trong những pháp niệm Phật. Đây là pháp môn dễ tu, dễ thực hành nhất, dễ thành tựu.

Về chỗ thành tựu cũng như chỗ đạt được rất rõ ràng từng bước, từng nấc tiến, có thể diễn nói, có thể cắt nghĩa. Do cái rõ ràng mà người được nghe, người được biết, nghe cũng dễ mà biết đúng cũng dễ. Chỉ quan trọng là phải có lòng tin chân thật, chí nguyện vãng sanh chân thật và thực hành đúng pháp siêng năng. Được vậy, thì đã nắm vững ở pháp môn niệm Phật. Nếu lúc tu hành có sai cũng dễ nhận biết, làm đúng mình cũng tự biết, khi được mình cũng tự biết.

Tôi nói thật với các huynh đệ, những gì sau khi tôi đã hiểu đã biết, lúc thực hành như thế nào, trải qua mấy mươi năm, các huynh đệ đôi khi thắc mắc: “Không biết Hòa thượng tu như vậy thành tựu được gì không?” Có được mà chỉ được bước đầu tiên thôi.

Các huynh đệ tụng Kinh A Di Đà, đức Phật có nói, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân được nghe đức Phật A Di Đà rồi chấp trì danh hiệu của đức Phật đó, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày nhất tâm bất loạn thì người đó đến lúc lâm chung được đức Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện ra trước mặt. Lúc ấy, do sức niệm của mình đã vững, lại có Phật và Thánh cùng đến tiếp đón nên tâm không điên đảo, được sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc.

Khi về cõi Cực Lạc lấy hoa sen làm bào thai mà sanh ra, thọ hưởng về chánh báo là thân thể, được thân kim cang bất hoại. Trong kinh nói, hoàn cảnh ở cõi đó rất rõ ràng, đất đai, nhà cửa, sự sinh hoạt đều rất trang nghiêm thanh tịnh, bảo đảm chắc chắn thành tựu quả vị Phật. Cho nên, vãng sanh Tịnh độ không phải chuyện tầm thường, phải được đức Phật cùng Thánh chúng đến tiếp đón.

Vậy làm thế nào chúng ta được sanh về cõi Cực Lạc? Trong Kinh A Di Đà nói: “Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy”. Chẳng dùng chút ít nghĩa là phải nhiều, nhiều thiện căn phước đức nhân duyên mới được sanh về. Nhưng muốn được nhiều phải làm sao? Theo lời Phật dạy, rất dễ hiểu, dễ thực hành, dễ được kết quả. Nghĩa là: Người nào nghe đến đức Phật A Di Đà rồi chấp trì danh hiệu. Nghe đến nghĩa là chưa từng nghe biết cõi Cực Lạc và đức Phật A Di Đà, bây giờ mới được nghe biết danh hiệu của Ngài.

Bốn tiếng chấp trì danh hiệu thường thường không ai chú ý. Khó lắm! Lời trong kinh nói là lời Phật nói không phải chuyện thường, từng tiếng phải nắm cho rõ chứ không phải như phàm phu nói chuyện với nhau. Nếu không như vậy thì sẽ hiểu sai lệch, đã hiểu sai thì tu sai, tất nhiên không có chỗ thành tựu. Thế nào mới đúng ở nơi chấp trì danh hiệu? Chấp nghĩa là nắm, trì nghĩa là giữ, tức là trong tâm thường niệm Phật luôn luôn, chẳng phải như lúc mới tập niệm hoặc nửa tiếng hay một tiếng, hoặc một trăm câu nhưng lúc buông ra thì trong tâm không nhớ niệm Phật. Như vậy nghĩa của

chấp trì là năm luôn giữ kỹ, không lúc nào không có, lúc có lúc không thì chẳng phải.

Tôi nói rõ cho các huynh đệ biết, điều này tôi cũng đã nói rồi. Từ trước đến giờ, tôi chuyên tu ở nơi pháp môn Niệm Phật, là pháp tu mà Phật dạy từ phàm phu tiến lên bậc Thánh. Về chỗ thành tựu, tôi chỉ được bốn tiếng như trong kinh đã nói là chấp trì danh hiệu. Từ bước đầu tiên này mới được những bước sau như tiến lên tam muội (chánh định) chẳng hạn. Đến bây giờ, tôi cũng chỉ được tầng bậc này thôi, phần ít nhất của Pháp môn Niệm Phật. Đời tôi năm nay đã 96 tuổi mà thọ dụng không hết.

Thứ nhất: ngũ tạng, lục phủ trong thân không sanh bệnh. Có lần tôi vô bệnh viện để khám bệnh. Sau khi khám xong, bệnh viện làm giấy kết quả xét nghiệm về tâm, can, tỳ, phế, thận, máu huyết... họ tổng kết rằng: kiểm tra kỹ, tất cả đều bình thường. Kế nữa, có điều làm chứng cho mình biết, các vị đắc đạo lên bậc Thánh, cái ngũ tạng không có, thù miên tâm sở bị trí lực làm cho thể lực của nó yếu hẳn hoặc mất đi.

Người bình thường, thù miên tâm sở còn nguyên, hễ nằm nhắm mắt thì khởi lên ngũ

mê, còn trần trọc không ngủ là bị bệnh mất ngủ. Còn người được đạo, thù miên tâm sở yếu hoặc không còn. Vì sao? Vì có trí lực chế phục. Như lâu rồi cho đến bây giờ, mấy tháng nay tôi không ngủ. Mấy chú thị giả nói: “Con không ngủ một đêm thì ngày sau không làm gì được! Sư ông mấy tháng không ngủ tinh thần vẫn tỉnh sáng, còn phần chấn mạnh hơn lúc trước kia”. Thỉnh thoảng tôi cũng ngủ nhưng ít lắm, đến đôi chỉ khi có chiêm bao mới biết mình ngủ.

Trên đường đạo, mình biết rất rõ ràng chứ không phải mù mờ. Mù mờ nguy hiểm lắm! Chính mình không rõ để nhận biết, rồi tự viết thành sách. Người đọc tưởng rằng đúng, chẳng dè chỉ là phạm phu tự ý nói ra. Tôi thường nói, phải y cứ trong kinh làm chánh, gọi là Thánh giáo lượng. Trong kinh không nói, dù người có nói hoặc viết sách truyền bá thì chưa chắc chắn. Vì phạm phu vẫn phải phạm phu, chẳng thể phạm phu muốn thành Thánh liền thành Thánh.

Hồi xưa, tôi chuyên nắm giữ nơi pháp môn Niệm Phật là do có tâm ưa thích. Tâm ưa thích này, nghiệm lại là tập quán quen thuộc của mình nhiều đời nhiều kiếp chớ không phải mới đây. Kể đến, tôi nhận thấy

pháp tu này chắc chắn, từ chỗ ứng dụng tu đến lúc được kết quả đều có mực thước rõ ràng. Chẳng hạn, lúc hạ thủ công phu Trì danh niệm Phật, bắt đầu thực hành cũng rõ ràng từ việc nghe tiếng Nam-mô A Di Đà Phật, chỉ có sáu chữ, dễ nhận, dễ biết, dễ nhớ. Nhưng niệm phải đúng pháp là thế nào? Lúc niệm Phật thì có âm thanh của câu Phật hiệu, nhưng tâm phải nhận rõ được tiếng niệm, chớ đừng miệng niệm mà tâm lại nghĩ việc khác. Ví dụ: miệng niệm Phật, trong tâm lại suy nghĩ xâu chìa khóa để đâu rồi? Như vậy là tu trật, đúng hay sai liền biết.

Niệm Phật đúng pháp là tâm tiếng hiệp khấn nhau. Tiếng ở đâu thì tâm ở đó, tâm ở đâu thì tiếng ở đó. Niệm thầm hay ra tiếng đều phải vậy. Thế nên, lúc ứng dụng tu đúng hay không đúng tự mình dễ dàng phân biệt. Muốn niệm đúng pháp cũng khó lắm! Tâm phải theo tiếng rất khó! Khó kềm, khó nhiếp cho đến phải dùng xâu chuỗi, nhờ lần chuỗi để trói buộc cái tâm loạn tưởng lại, chứ không phải lần chuỗi thiệt lệ hột này rồi đến hột khác.

Thuở trước, tôi tự tìm cách để niệm Phật. Lúc ngồi lại niệm Phật thầm, tôi định thời

gian là một xâu chuỗi. Ban đầu niệm đủ ba câu Phật hiệu rồi lần một hột, nhưng ba câu Phật này phải chắc chắn, nếu nó xao lãng không rõ ràng thì bỏ, lại niệm ba câu khác. Sau đó, tiến lên năm câu lần một hột, rồi đến bảy câu lần một hột, sau rốt mười câu lần một hột. Nếu lúc niệm Phật mà có một chút xao lãng, tạp niệm xen vào thì mười câu đó bỏ, niệm mười câu khác. Nhiếp tâm không dễ dàng, phải chuyên cần tinh tấn, nắm cho thật vững chắc. Mình tu đúng thì chính mình được thành tựu, do đó phải cố gắng.

Tôi từng diễn đạt phương pháp niệm Phật qua bài kệ:

Nam-mô A Di Đà

Không gấp cũng không hoãn

Tâm tiếng hiệp khẩn nhau

Thường niệm cho rành rõ.

Rành là câu tiếng rành rẽ. Rõ là phải rõ ràng. Lúc niệm Phật đừng ham nhiều rồi niệm phớt phớt, không cần nhiều nhưng phải thật rành rõ. Khi công phu nắm thiết vững chỗ này. Kế đến là tâm tiếng hiệp khẩn nhau, tuy khó nhưng luôn luôn cố gắng, đừng để

lúc niệm Phật tiếng một nơi, tâm một ngã. Đó là tu không đúng rồi, mà không đúng thì không thể được. Ví như anh thợ mộc muốn làm cái bàn, anh phải làm đúng phương pháp thì mới thành ra cái bàn. Do vậy, việc quan trọng trước nhất là phải tu đúng pháp. Trì danh niệm Phật mà tâm tiếng hiệp khẩn nhau gọi là tu đúng pháp, còn sai trật thì không được gì.

Muốn được như vậy, tôi đã dùng chuỗi để hạn định thời gian, lúc đến chỗ mười câu mới lần một hột phải mất mấy tiếng đồng hồ mới rồi một xâu chuỗi. Mỗi thời niệm Phật như vậy, ngồi khoanh chân niệm thầm phải mất hai tiếng đồng hồ. Tu hành phải chịu khó, phải bền bỉ thì mới có chỗ được. Lúc tôi niệm thầm mười tiếng lần một hột chuỗi, trong mười tiếng đó tới câu số tám hoặc số chín mà xao lãng thì bỏ không lần qua, bắt đầu từ một trở lại. Thế nhưng lúc thành tựu được chút gì trên đường đạo (đạo lực), trong tâm an lạc khỏe lắm!

Tôi từng nghĩ, bản thân mình có làm cái gì, được cái gì, có làm có được, phải đến chỗ được cho thật vững vàng rồi mới đem cái mình đã từng làm, từng tu khuyên nhắc truyền dạy người khác. Nguy hiểm nhất là

phàm phu tự ý nghĩ ra rồi viết thành sách, làm lầm người khác. Thế nên, đệ tử Phật phải lấy Thánh giáo lượng (lời Phật dạy trong kinh điển) làm mực thước để đo. Nếu đúng theo kinh thì chắc chắn tin theo, so lại mà chưa đúng thì cần kiểm tra suy xét cho kỹ. Nếu chưa được đạo đều gọi là phàm phu, tự ý nói thì không bảo đảm.

Mấy huynh đệ phải nhớ đừng nên bỏ phí thời gian. Về thiền tông, tôi cũng đọc nhiều bộ sách lớn như Thiền học tập thành, Thiền học đại thành. Nhiều người đọc đến đoạn ngài Triệu Châu khi có người đến tham học, ngài không chỉ dạy điều gì, chỉ nói “Uống trà đi!” Người học lễ bái rồi lui ra. Đó là câu khai thị, nhưng người thường khó nhận khó hiểu, lại tưởng lầm rằng đã đắc thiền thì chỉ uống trà thôi!

Riêng về Pháp môn niệm Phật là pháp dễ tu, có mực thước rõ ràng mà hành giả đều có thể nắm vững để thực hành. Một phương pháp lúc tu hành có từng bước thật rõ, tu đúng hay không đúng dễ nhận biết. Tôi xem nhiều kinh sách nhận thấy pháp môn Niệm Phật dễ nắm vững, thực hành cũng dễ, khi chưa được cũng biết chưa được, khi được thì cũng biết đã được, thật rõ ràng!

Thời gian gần đây, tôi không thể lạy Phật nên mong các huynh đệ đừng lễ lạy tôi, chỉ xá là được rồi! Mong tất cả đều tinh tấn.”

Đại lão Hòa thượng nói thêm: “Khi dịch các kinh điển Đại thừa khác, tôi thấy trong các kinh đó đều có nói đến cảnh giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà. Như trong kinh Hoa Nghiêm, ngay cả các vị Đại Bồ Tát nhập Bất khả tư nghị giải thoát cảnh giới, khi các vị ngồi kể bên Phật còn khuyên với nhau xả bỏ thân này để về Cực Lạc, bởi duyên Cực Lạc khó có nước nào bằng. Vậy nên, chúng ta hãy chuyên tâm niệm Phật”.

(Thích Pháp Đăng thành kính ghi lại lời khai thị của Hòa thượng nhân ngày Khánh tuế 17/07/Nhâm Thìn, tại chùa Vạn Đức)

“Ngày tháng trôi qua mau lắm, một năm không mấy chốc mà đã hết rồi. Già, bệnh, chết mãi đeo theo người, không chữa ai hết. Mong các huynh đệ ai nấy đối với pháp của Phật, không biết nhiều thì cũng biết ít, noi theo chỗ hiểu biết của mình mà tinh tấn tu hành, luôn luôn nghĩ đến vô thường, sanh tử.”

“Thời gian qua thật mau, đừng để luống uổng, phải thường nghĩ vô thường. Nhớ

lại thuở trước, chỗ mình đang ngồi, đang quỳ ở đây là nơi mấy em cháu (bây giờ cũng sáu, bảy mươi tuổi rồi) đứng hái trái sim, thì mấy huynh đệ biết nó thuộc rừng rú. Rồi mình khai hoang, cất chùa. Thấm thoát cây gỗ của chùa cũng mục. Từ đó, biết rằng thời gian trôi mau lắm, năm sáu chục năm thoáng chốc đã qua. Vì vậy, nên nhớ lời Phật dạy, phải luôn nghĩ đến vô thường. Thân này còn đây, ngày mai không bảo đảm.

Pháp của Phật rõ ràng, chỉ ở nơi mình có chịu làm hay không chịu làm đó thôi. Nên gắng tinh tấn giữ đạo tu hành. Cầu mong mấy huynh đệ căn lành mỗi ngày thêm lớn, công đức mỗi ngày tăng trưởng”.

“Có nhiều cách để vãng sinh Cực Lạc, song cách trì danh là đơn giản nhất. Bởi theo danh tự mà niệm thì dễ, còn quán tưởng thì trí lực của người rất khó đến. Muốn ở nơi sự quán tưởng đúng theo kinh nói thì các bậc hiền thánh mới có thể thực hiện được. Trong khi trì danh thì dầu kẻ phàm phu, tục tử vẫn có thể niệm, cứ đúng theo Nam mô A Di Đà Phật mà hành trì.

Trì danh nói là thấp song hành trì không dễ. Phải tin thực sâu, nguyện thực thiết và

công hạnh phải chuyên cần thì mới hiệu nghiệm, nếu không thì cảnh khác chen vô phá hết. Khi niệm thì tâm và tiếng phải hiệp khắn nhau. Nghĩa là tâm phải duyên theo tiếng, tiếng phải ở trong tâm, đừng để nó xao lãng theo một tiếng gì khác, hễ nó rời ra thì phải kéo nó lại. Muốn được vậy, tiếng niệm phải cho rõ ràng, rành rẽ. Niệm như vậy phải chuyên cần, phải nhiều thời gian, phải đều đặn, phải tinh tấn lắm mới đắc lực. Khi niệm đã đắc lực thì tự nhiên trong tâm mình nổi lên tiếng niệm Phật mà mình không cần để khởi, không cần nghĩ đến nó vẫn tự niệm. Ban đầu thì lúc được lúc mất, được thì ít mà mất thì nhiều. Cố gắng thêm thì được nhiều mất ít, cho đến khi không còn gián đoạn nữa thì gọi là niệm lực tương tục. Và như vậy mới đúng nghĩa “chấp trì danh hiệu”. Đó mới là nhơn của niệm Phật tam muội. Được vậy thì sự vắng sanh mới bảo đảm”.

Một vị Tăng sĩ hỏi: “Khi tu sĩ chúng con làm Phật sự thì phải tiếp duyên. Vậy, tiếp duyên thế nào để Phật sự thành công mà không bị vướng dính duyên trần?”

Đáp: “Sống trong cuộc đời, muốn được thông thả, rảnh rang thì đừng dính đến

quyền lợi. Làm việc hễ thuận duyên thì làm, không thuận thì phải khéo léo nhẫn chịu để vượt qua. Không phải hàng xuất gia không bị dính mắc vào quyền lợi. Huống nữa, chính quyền lợi đó sẽ đem đến những tai hoạ cho thân mình. Mấy huynh đệ tuổi còn trẻ, đường còn dài, phải lưu ý lắm mới được.

Người đời có sự nghiệp của người đời. Người xuất gia có sự nghiệp của người xuất gia. Chỉ là lớn hay nhỏ thôi. Tuy vậy, mình nhớ tạo sự nghiệp phải được như con nhện, dùng như con tằm nhả tơ rồi phải chết trong kén của nó. Tôi chỉ luôn luôn mong cầu công đức. Tôi khuyên các huynh đệ không mong cầu những cái lợi như người đời thường nghĩ. Cái lợi của người tu chính là thiện căn công đức, đâu phải là tiền bạc, vật chất. Mấy huynh đệ phải nhớ mình ở chỗ nào, nơi nào cũng phải gây tạo thiện căn công đức, đừng chạy theo những vật chất bên ngoài.

Tôi luôn làm theo khẩu hiệu ngầm của riêng mình. Những việc đúng pháp, về mặt tinh thần hoặc vật chất thì “không cầu cũng không từ”, nghĩa là không tìm cầu cũng không từ chối. Đây là khẩu hiệu để

tôi lập thân. Chẳng hạn, nếu có duyên cất chùa, mà cái duyên đó nó tự đến, nhận thấy đáng thì không từ chối. Cho đến tứ sự cúng dường cũng vậy, những vật gì không dùng nhưng cũng không từ chối. Mình không sử dụng thì chuyển đến người khác, cho đại chúng dùng.

Nếu làm việc gì, dù có cái lợi lớn trước mắt nhưng khi làm có cái hại xen vô trong hiện tại hoặc tương lai thì quyết không làm, không tham dự. Ví dụ như danh vị, tiền bạc, lời khen tặng ... Nếu được lợi thì phải xem có cái hại hay không. Nếu có thì phải tránh xa. Thấy hại mà vẫn chạy vô thì bị nghiệp dẫn.

Tôi thấy việc tu hành đã trải qua mấy mươi năm, nhờ ứng dụng những điều trên mà không bị tổn thất, chịu cái hại lớn, mà lại thấy việc nhẹ nhàng, thanh thoi. Tôi đã nói tận đáy lòng. Mấy huynh đệ thấy đúng lý thì nên bắt chước làm theo, để sự tu hành không bị vướng kẹt, thiện căn công đức luôn được tăng trưởng. Đó là điều tôi muốn ở tất cả mấy huynh đệ.

“Các bậc tổ đức ngày xưa khi vào trong đạo liền tìm cách để được định và tuệ. Chúng ta

trong thời mạt pháp, lẫn lóc trong ồn náo, nhiều chuyện, nhiều việc, nhiều người nên tôi thường nhắc nhở sự tu hành của mình giống như là “tu mót”. Mót thời gian để tu, đừng bỏ qua. Gặp việc thì làm việc. Rảnh việc thì nhiếp tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Được một phút thì tốt một phút. Được một giờ thì tốt một giờ. Thế nên đừng bỏ qua việc tu mót.

Ví như những người ở quê ngày xưa đi mót lúa, tuy chỉ mót lúa nhưng vẫn đủ lúa gạo để ăn, vẫn nuôi thân, nuôi gia đình được. Chúng ta đây cũng vậy, nếu cố gắng mót thì cũng được đầy đủ đạo pháp, nuôi lớn pháp thân, huệ mạng của chính mình. Nếu huynh đệ thực hành một thời gian rồi nghiệm lại sẽ thấy “tu mót” lại nhiều hơn thời khoá tu hành chính. Vì thế nếu bỏ qua tu mót thì bỏ phí rất nhiều thời gian.

Ai cũng có công việc hết, nhưng rồi cũng có xen kẽ, lúc tâm trí mình được rảnh rang thì gắng giữ ba điều: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Được vậy, phóng dật bớt dần lại, tương ứng với phần tinh tấn. Nếu trọn đời mình sống trong chánh pháp của đức Phật thì đường đạo mỗi ngày sẽ mỗi tăng tiến....”

- Người xưa thường nói: “Sanh tử sự đại” nhưng mình đã quen sống trong sanh tử, ai cũng vậy hết, nên không thấy quan trọng. Kỳ thật, lấy mắt đạo mà nhìn vào thì đó là việc lớn của mọi người, của chúng sanh. Đã lăn lóc mãi trong nhiều đời, hiện tại nếu không cố gắng thì những đời sau cũng vẫn lăn quẩn trong vũng lầy sanh tử mà thôi.

Gặp được Phật pháp rất khó! Trên đời này không có pháp nào thoát ly sanh tử, chỉ có giáo pháp của Phật mới ra khỏi sanh tử luân hồi. Vì thế, gặp được rồi thì mình phải cố gắng để vững bền trong chánh pháp. Cho nên, Phật dạy tất cả đều phải tinh tấn, nhất tâm, nhưng chúng ta lại có cái lỗi là luôn phóng dật, giải đãi. Trong Luật, những khi có việc gì thì các vị Trưởng lão, các vị Đại đức đều khuyên nhắc: “Phải tinh tấn, chớ phóng dật”. Chỉ có hai điều đó thôi! Phóng dật ở thân khẩu thì dễ biết, còn ở tâm ý thì rất khó biết. Hễ duyên theo lục trần đều là phóng dật. Phóng dật thì trôi theo sanh tử. Tinh tấn thì đạt Niết-bàn. Người tu hành phải tinh tấn thì mọi khó khăn đều sẽ vượt qua, mọi công đức sẽ đạt được.”



Đại lão Hòa thượng Tịnh Không

Thượng Nhân thượng Tịnh hạ Không, tục danh là Từ Nghiệp Hồng, sinh năm 1927 tại huyện Lư Giang, tỉnh An Huy, nhưng lúc nhỏ sống tại huyện Kiến Ngõa tỉnh Phước Kiến. Năm 1949, Hòa thượng đến Đài Loan, dạy học tại Thực Tiễn Học Xã. Ngoài việc giảng dạy, Hòa thượng gia tâm nghiên cứu kinh sử, cổ văn.

Để mở rộng tầm kiến văn, trong suốt 13 năm Hòa thượng đã theo học với các bậc

danh sĩ thạc học thời đó là các vị Phương Đông Mỹ, lão cư sĩ Lý Bình Nam, v.v... Ngoài ra, Hòa thượng còn theo học Mật giáo Tây Tạng với Chương Gia Đại sư. Tuy thế, vị thầy mà Hòa thượng kính phục nhất và học hỏi được nhiều nhất vẫn là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Hòa thượng nỗ lực cù Lý sâu xa đến nỗi hầu như bất cứ khi nào giảng pháp, dù bất cứ đề tài nào, ngài đều nhắc đến Lý lão cư sĩ với lòng biết ân vô hạn. Dưới sự giảng dạy, dìu dắt của những vị trên, Hòa thượng thấu hiểu sâu xa, thâm nhập kinh điển Phật học.

Năm 1959, vào năm 32 tuổi, Hòa thượng thể phát xuất gia tại chùa Lâm Tế thuộc Viên Sơn, thành phố Đài Bắc, pháp danh là Tịnh Giác, pháp tự là Tịnh Không. Sau khi thọ Cụ Túc giới, ngài tích cực hoằng dương Phật pháp cả trong nước lẫn hải ngoại. Đề tài giảng thuật của Hòa thượng rất phong phú. Trong suốt 30 năm, chưa hề gián đoạn lúc nào, ngài liên tục giảng rộng đến mấy mươi loại Kinh, Luận Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Kim Cang, Lăng Nghiêm, Viên Giác, Lục Tổ Đàn Kinh, nhưng các bản Kinh mà Hòa thượng tâm đắc nhất là Tịnh Độ Ngũ Kinh (A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, chương Đại Thế Chí Niệm

Phật của kinh Lăng Nghiêm và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên).

Hòa thượng học rộng, hiểu nhiều, thâm nhập Kinh tạng, hiểu rõ Thiền lẫn Mật, nhưng lại chuyên chú nơi Tịnh nghiệp. Ngài chủ trương đại chúng học kinh điển để lãnh hội sâu rộng Phật pháp, nhưng hạnh phải chuyên nhất. Vì thế, đạo tràng Tịnh độ các nơi của Hòa thượng sớm tối chỉ tụng kinh Di Đà hoặc kinh Vô Lượng Thọ. Mỗi tháng đều cử hành Phật thất nghiêm ngặt. Các đạo tràng không làm gì khác ngoài việc chuyên trì hồng danh, hoằng dương Tịnh Độ. Các pháp hội mang tính chất cầu an, giải hạn hay thiền thất tuyệt nhiên chẳng cử hành. Hòa thượng tuân thủ triệt để đường lối chuyên tu của Tổ Ấn Quang: nhất tâm trì danh, vạn thiện đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh độ.

Hòa thượng chủ trương Phật giáo lẽ ra phải gọi đúng là Phật Đà Giáo Dục, nghĩa là: những pháp môn Phật dạy ra là những phương cách thực tiễn nhằm triệt để bài trừ mê tín, khai phát chân trí giúp người học hiểu rõ chân, vọng, tà, chính, thị phi, thiện ác lợi hại, ngộ hầu kiến lập lý trí, vun bồi một nhân sinh quan, vũ trụ quan từ bi tế thế

đây lạc quan, tích cực thì mới có thể thực hiện được bản hoài “giải quyết mọi sự khổ nạn của hết thảy chúng sinh, đạt được hạnh phúc chân thực vĩnh hằng” của chư Phật.

Hòa thượng cũng là người đầu tiên áp dụng các phương tiện tân tiến để hoằng pháp tại Đài Loan. Tổ chức Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội do ngài lãnh đạo phát hành nhiều loại băng giảng ghi âm, ghi hình, đĩa CD đủ mọi thể loại để biểu không cho tất cả những ai cần đến. Ngoài việc ấn tống, tặng thí những tác phẩm chuyên dạy về Tịnh độ của chư Tổ và các bậc danh đức xuất gia lẫn tục gia, Hòa thượng còn hỗ trợ việc ấn tống những sách khuyên làm lành lánh dữ được Tổ Ấn Quang đặc biệt đề cao như Thái Thượng Cảm Ứng, Thọ Khang Bảo Giám, An Sĩ Toàn Thư v.v... Không những chỉ ấn tống những kinh điển dành cho người Hoa, tổ chức Tịnh Tông Học Hội của ngài luôn tùy hỷ góp phần ấn tặng những dịch phẩm giá trị của các giáo hội Phật giáo nước khác. Điển hình là Tịnh Tông Học Hội đã trùng ấn cuốn Niệm Phật Thập Yếu của Hòa thượng Thiền Tâm lên đến 10.000 cuốn; các dịch phẩm khác như Hồng Danh Lễ Sám do Hòa thượng Huyền Vi dịch, Lễ Hồng Danh Chư Phật do Hòa thượng Chánh Lạc dịch đều

được hội hỗ trợ ấn tống với số lượng lớn.

Hội còn phiên dịch các tác phẩm Phật học giá trị sang nhiều thứ tiếng như tiếng Hindi, Punjabi, Anh Ngữ, Tây Tạng để những người không đọc được tiếng Hoa đều có thể tìm đọc. Ngoài ra, Tịnh Tông Học Hội còn tặng miễn phí rất nhiều hình Phật A Di Đà, hình Tây Phương Tam Thánh, các bức tượng Địa Tạng cũng như các máy niệm Phật, băng niệm Phật... Chỗ nào có trụ sở Tịnh Tông Học Hội của ngài là chỗ đó có ấn tặng kinh sách miễn phí, có đạo tràng chuyên tu Tịnh nghiệp.

Có thể nói, so trong các đạo tràng nổi tiếng của Đài Loan hiện tại, đạo tràng Tịnh độ của Hòa thượng góp phần rất lớn trong việc hoằng dương, phổ cập Phật pháp. Khi giảng pháp, ngài dùng những lời lẽ đơn giản, dễ hiểu, chú trọng những ý chính để người học dễ lãnh hội và vận dụng trong cuộc sống. Ngài chống tích tượng đến đâu là trước sau nơi đó cũng sẽ có một đạo tràng chuyên tu Tịnh độ được thành lập. Tuy được coi là bậc Thái Sơn Bắc Đẩu trong Phật giáo Đài Loan hiện tại, lúc nào Hòa thượng cũng khiêm cung, điềm đạm. Trong các bài giảng pháp, khi mở đầu ngài luôn xin phép vị Tăng trụ

trì trung tâm và chỉ xưng là “học nhân”, không bao giờ tự xưng là “lão tăng” hay “sư phụ” chi cả!

Khác với các đạo tràng của những giáo hội khác như Phật Quang Sơn, Pháp Cổ..., đạo tràng của ngài không trần thiết hoa mỹ, cầu kỳ mà mang nặng tính thiết thực, thuận tiện cho tứ chúng vân tập niệm Phật cộng tu. Các tự viện không được phép kinh doanh dù chỉ là bán các pháp khí, kinh sách. Các Tăng Ni thường trú tại các tự viện thuộc hệ thống Tịnh Tông Học Hội chỉ lo hướng dẫn đại chúng tu tập, mọi việc quản trị đã có ban hộ tự lo liệu. Đa số các Tăng sĩ thuộc hệ thống Tịnh Tông Học Hội đều được đào tạo kỹ lưỡng. Các vị Pháp sư đều khiêm tốn, đạm bạc, khắc kỷ, giữ gìn giới luật, chăm tu Tịnh nghiệp, phong thái nhàn tản, ung dung. Những ai tìm đến đạo tràng của ngài nếu không thật tâm tu học sẽ chán nản, bỏ cuộc vì ngoài thời khóa Tịnh độ sớm tối, không hề có bất cứ một hình thức pháp hội nhượng tai, giải hạn, lễ sám nào khác. Điều đặc biệt là trong khi phần lớn các tự viện Việt Nam tại Hoa Kỳ, Pháp, Úc vẫn chưa thể bỏ được hình thức xin xăm, cúng sao giải hạn, các đạo tràng Tịnh độ của Thượng Nhân Tịnh Không tuyệt nhiên không hề có

một hình thức mê tín, bói toán, cầu cạnh nào. Dù là Tết Nguyên Đán hay ngày Vu Lan, Rằm tháng Giêng, Rằm tháng Mười, tứ chúng vẫn vân tập niệm Phật cộng tu như thường lệ, không bao giờ có cảnh lao xao tranh nhau đốt hương mù mịt, bỏ tiền thắp tục mệnh đăng, chắt ngậm bàn thờ với hoa quả, phẩm vật như thường thấy tại các chùa người Hoa khác.

Để đào tạo tầng lớp giảng sư có đủ trình độ hoằng dương Phật pháp, Hòa thượng đã thành lập những ban bồi dưỡng công tác giảng huấn tại các trung tâm lớn như trung tâm Tịnh Tông tại Los Angeles, Singapore.... Dù tuổi tác đã cao, đã ngoài 80 tuổi, ngài vẫn tích cực hoằng pháp, rất minh mẫn. Ngưỡng mong Thượng Nhân (thượng) Tịnh (hạ) Không rủ lòng lân mẫn trụ thế dài lâu để hàng hành nhân sơ cơ như chúng con luôn có chỗ quy hướng, nương tựa.

Pháp ngữ khai thị của Hòa thượng Tịnh Không

1. Tâm thanh tịnh là gì?

Nhất tâm niệm Phật, nhất tâm là tâm thanh tịnh, hai tâm thì không thanh tịnh.

Nhất tâm là gì? Ngay trong hai đến sáu giờ, hay một ngày từ sớm đến tối trong tâm chỉ có A Di Đà Phật. Ưc Phật niệm Phật, trong lòng chân thật có A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra, không có bất cứ thứ gì thì gọi là nhất tâm. Sự việc này khó! Bạn muốn hỏi tôi, tôi tu bằng cách nào? Tôi niệm bằng cách nào? Tôi nói với bạn, trong tâm của tôi chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra là không có bất cứ thứ gì, cách niệm của tôi là như vậy.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Một là tất cả,

tất cả là một”. Mỗi một chúng sanh đều là A Di Đà Phật, quyết định không có khác biệt, cách niệm của tôi là như vậy. Muỗi, kiến cũng là A Di Đà Phật, yêu ma quỷ quái cũng là A Di Đà Phật, cỏ cây hoa lá đều là A Di Đà Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”, “một là tất cả, tất cả là một”. Chỉ một A Di Đà Phật! Vậy bạn nghĩ xem, tôi niệm vậy có sai không? Tôi niệm không sai! Vì sao vậy? Vì tôi có căn cứ. Căn cứ là trong Tịnh Độ ba kinh, thế giới Tây Phương Cực Lạc là sáu trần nói pháp, thế giới Tây Phương, sáu trần đều là hóa thân của A Di Đà Phật, hay nói cách khác, thế giới Tây Phương Cực Lạc, sáu căn của bạn tiếp xúc đều là A Di Đà Phật. Cách niệm Phật của tôi là như vậy, không giống như cách niệm của các vị. Các vị thì ngoài A Di Đà Phật còn có các Phật khác. Tôi không có, các Phật khác tôi đều đổi tên thành A Di Đà Phật. Một lòng xưng niệm, một hướng chuyên niệm.

2. Thật sự tu hành thì phải thật sự buông xuống

Nếu chúng ta suy nghĩ lại, nay chúng ta là cái thân nghiệp báo, mang theo nghiệp đến thế gian này, tìm được cha mẹ, chúng ta

sanh trong nhân gian, có bao nhiêu nhân duyên? Thưa quý vị, cũng giống như vậy, cũng là do “mười thứ vô lượng, vô số, trăm ngàn A-tăng-kỳ nhân duyên” mà chúng ta đến thế gian này. Trong các duyên ấy có nhiễm, có tịnh, có thiện, có ác. Phật, Bồ Tát xuất hiện, duyên ấy là thanh tịnh, là thiện. Chúng ta đến thế gian này, xả thân, nhận thân, luân hồi trong lục đạo, duyên ấy là nhiễm duyên, bất thiện duyên. Vì thế, bất luận một pháp nào cũng đều do vô lượng nhân duyên thành tựu. Phàm là nhân duyên thành tựu, phải biết nó chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể.

Trung Quán Luận nói: “Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không” (pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói nó là không), đức Phật nói như vậy. Vì thế, “đương thể tức thị không, liễu bất khả đắc” (bản thể của nó chính là không, trọn chẳng thể được), quý vị có thể thưởng thức nó, chứ chẳng thể khống chế, chẳng thể chiếm hữu. Đây là đúng! Quý vị hoàn toàn làm đúng. Nếu quý vị muốn khống chế, toan chiếm hữu, sai rồi! Quý vị tạo nghiệp! Bất luận quý vị tạo tác ra sao, đều chẳng thể khống chế được, mà cũng chẳng chiếm hữu được! Đây là nói thật với quý vị. Khi quý vị có ý

niệm ấy, trong tâm bị ô nhiễm, chẳng thanh tịnh, tâm thanh tịnh mất đi, tâm bình đẳng bị mất, đấy là [những tâm được nhắc đến trong] đề mục kinh Vô Lượng Thọ, tâm giác ngộ bị mất đi. “Thanh tịnh, bình đẳng, giác” là Tánh Đức mà quý vị sẵn có, quý vị vốn là như vậy. Một niệm sai lầm, cả ba thứ ấy đều bị mất, chẳng còn thanh tịnh, biến thành nhiễm ô; chẳng còn bình đẳng, biến thành kiêu căng, ngạo mạn; chẳng còn giác, biến thành ngu si, hồ đồ, biến chất rồi! Do vậy, người thật sự tu hành phải biết: Trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, gìn giữ “thanh tịnh, bình đẳng, giác” của chính mình, thật sự tu hành.

Thật sự tu hành thì quý vị phải nghĩ Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta, thật sự buông xuống. Trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, tâm địa Phật thanh tịnh, cái gì cũng đều chẳng có, nhưng điều gì Ngài cũng đều biết, đều trọn đủ, chẳng có mảy may khiếm khuyết nào, vì sao? Tánh Đức là viên mãn, chẳng thể nghĩ bàn, thật đấy, chẳng giả đâu!

3. Làm sao đoạn cái tâm luân hồi?

Đoạn cái tâm luân hồi như thế nào? Đặt cái

tâm của A Di Đà Phật ở chính giữa [tâm mình], hết thấy các tạp niệm khác đều vút bỏ, tâm luân hồi sẽ chẳng còn! Tâm quý vị sẽ là tâm A Di Đà Phật. Vì thế, đối với khóa tụng sáng tối của các đồng học Tịnh Tông chúng ta, trong khóa sáng, chúng ta chưa thể niệm toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ, tôi khuyên mọi người trong khóa sáng hãy niệm phẩm thứ sáu, tức phần bốn mươi tám nguyện. Phải đem bốn nguyện của A Di Đà Phật biến thành bốn nguyện của chính mình. Ta và A Di Đà Phật đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh, há còn chẳng thể vãng sanh ư? Chắc chắn vãng sanh!

Khóa tối, chúng ta chọn từ phẩm ba mươi hai tới phẩm ba mươi bảy nhằm sám trừ nghiệp chướng. Đoạn kinh văn này giảng gì? Giảng Ngũ Giới, Thập Thiện. Dùng tiêu chuẩn này để tu chỉnh khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi tạo tác của chúng ta. Phải thật sự hành Thập Thiện, phải thật sự đoạn bất thiện. Đọc hằng ngày, học hằng ngày, giảng hằng ngày, quý vị nói có phải là sung sướng, hạnh phúc lắm hay không? Chẳng phải là giảng cho người khác nghe, mà là giảng cho chính mình nghe; người khác là bàng thính (nghe ké), chính mình

thật sự học. Mỗi ngày nâng cao cảnh giới và đức hạnh của chính mình, tăng trưởng trí huệ của chính mình, trong thế gian này còn có chuyện gì tốt đẹp hơn chuyện này? Thật sự thông đạt đạo lý, thật sự hiểu rõ, tự nhiên quý vị có thể buông xuống, buông Sa Bà khổ sở xuống, đạt được Cực Lạc sung sướng. Thật tâm cầu sanh Cực Lạc, chẳng giả!

“Ký sanh tín nguyện, cánh trì danh hiệu, tiện đắc độ thoát” (đã sanh tín nguyện, lại còn trì danh hiệu, liền được độ thoát), chân tín! Vì sao người niệm Phật chẳng thể vãng sanh? Lòng tin chẳng đủ, người ấy hoài nghi! Vì sao hoài nghi? Liễu giải Lý Sự chưa đủ thấu triệt. Vì sao đức Phật giảng kinh, thuyết pháp mỗi ngày? Giảng kinh, thuyết pháp nhằm mục đích giúp mọi người đoạn nghi, sanh tín. Nếu là chân tín, sẽ có thể chẳng cần nghe kinh, mà cũng có thể chẳng cần niệm kinh. Phải hiểu đức Phật giảng kinh nhằm mục đích giúp chúng ta đoạn nghi rồi mới sanh tín. Sau khi đoạn nghi, sanh tín, quý vị thật sự phát nguyện, hiểu luân hồi thật sự khổ, sở, chẳng thể luân hồi nữa! Trong dĩ vãng đã luân hồi nhiều như vậy, chẳng có cách nào tín toán số năm, luận tính kiếp số sẽ là vô lượng kiếp, khổ không

thể nói nổi! Nay đã hiểu rõ, minh bạch rồi, ngày hôm nay đã gặp cơ hội này, nhất định có thể thoát ra, nương theo pháp môn này sẽ thật sự có thể vượt thoát. Chẳng dễ gì gặp được dịp này, cư sĩ Bành Tế Thanh vào đời Thanh trước kia đã nói: “Hy hữu nan phùng chi nhất nhật” (một ngày hiếm có khó gặp), hay như trong phần trước đã nói: “Vô lượng kiếp lai, hy hữu nan phùng” (hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay), ngày hôm nay quý vị đã gặp, nếu có thể nắm chắc, sẽ thành Phật ngay ngày hôm nay! “Tiện đắc độ thoát” (liền được độ thoát): Độ thoát là vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới, không chỉ là lục đạo, mà là thoát ly mười pháp giới. Thế giới Cực Lạc không thuộc trong mười pháp giới, hoành siêu mà!

4. Muốn thấy Phật không hề khó

Muốn thấy Phật không hề khó, chỉ cần chúng ta siêng năng và chân thật niệm Phật – đúng như Đại Thế Chí Bồ Tát nói : “Nhớ Phật, niệm Phật – hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật” !

Đại Thế Chí Bồ Tát đã khẳng định với chúng ta:

— “Nhớ Phật, niệm Phật hiện tiền tương lai

nhất định thấy Phật, cách Phật không xa”.

Nhưng tại sao chúng ta niệm Phật đã lâu mà vẫn chẳng thấy được Phật?

Đây là do chúng ta đã hiểu sai từ “niệm Phật”, dẫn đến hành trì không đúng, cho nên không cách gì thấy được Phật. Chữ Niệm có nghĩa là nhớ, là nghĩ, người thế gian hay dùng từ hoài niệm để tưởng nhớ về một sự việc nào đó.

Niệm Phật là nhớ, là nghĩ đến Phật, chúng ta mỗi ngày niệm A Di Đà Phật là nhớ nghĩ đến A Di Đà Phật, nhớ nghĩ đến hạnh nguyện tu tập của Phật. Chứ chẳng phải niệm Phật là đem danh hiệu của Phật đọc suông ở trên miệng, cách này thì không được, không thể cảm đến A Di Đà Phật, càng không thể thấy được Phật.

Chúng ta thấy lão Hoà thượng Hải Hiền, khi còn tại thế có người đến hỏi ngài:

— “Hoà Thượng đã từng gặp A Di Đà Phật chưa?”

Ngài không hề giấu giếm, rất chân thật mà nói rằng:

— “Tôi đã gặp A Di Đà Phật”.

Người đó lại hỏi rằng:

— “Vậy A Di Đà Phật đã nói gì với Hoà Thượng?”.

Ngài trả lời rằng:

— “Tôi nhiều lần năn nỉ lão Phật Gia rước tôi về Tây phương Cực Lạc, nhưng Phật không đồng ý. Phật muốn tôi ở lại thế gian này để biểu pháp”.

Chúng ta biết được lão Hoà thượng Hải Hiền không hề biết chữ, năm 23 tuổi ngài xuất gia, người thầy thế độ cho ngài vốn là truyền thừa của hệ Bạch Vân, tông Lâm Tế, nhưng lại chưa bao giờ truyền dạy ngài tham Thiền, cũng không dạy cho giảng Kinh nói Pháp, chỉ truyền cho 6 chữ Hồng Danh Nam Mô A Di Đà Phật, dặn bảo cứ niệm. Ngài là một học trò rất biết vâng lời, sư phụ dạy ngài niệm thì ngài cứ thế mà niệm đến cùng, chưa từng gián đoạn.

Những người dân ở xung quanh ngôi tự viện của ngài ở đều biết ngài có thần thông. Khi gặp người bị bệnh, ngài tùy tiện hái đám cỏ ven đường đưa cho người bệnh đem về nấu uống, bất cứ bệnh gì cũng chữa khỏi, đây là hốt cỏ thành thuốc.

Ngài chỉ với một câu A Di Đà Phật này đã niệm thành công, đạt đến Niệm Phật Tam Muội. Vì nếu không đạt đến Niệm Phật Tam Muội thì không thể hiển lộ thần thông, càng không thể thường thường gặp A Di Đà Phật như vậy. Ngài từ khi học Phật cho đến lúc vãng sanh, hơn 90 năm mỗi ngày đều làm công việc nhà nông rất nặng nhọc, ngài dùng hai bàn tay của mình đã khai khẩn hơn 200 mẫu đất hoang thành đất màu mỡ, trồng trọt các thứ ngũ cốc, rau màu để cúng dường cho tất cả người dân trong vùng, nhưng câu Phật hiệu chưa từng gián đoạn trong tâm ngài. Đức A Di Đà Phật muốn ngài ở lại để biểu pháp cho mọi người xem chính là biểu diễn cái pháp này.

Người thế gian luôn than thở nào là công việc, nào là trách nhiệm khiến cho vô cùng bận rộn, chẳng có thời gian để niệm Phật. Nay Đại lão Hòa thượng biểu diễn cho mọi người xem công việc bận rộn và việc niệm Phật đều chẳng liên quan với nhau.

Ta vẫn có thể vừa làm việc, vừa niệm Phật, tay làm miệng niệm chẳng có chướng ngại. Nếu như công việc đòi hỏi phải suy nghĩ, phải tư duy thì ta tạm thời buông câu Phật hiệu xuống, làm việc cho thật tốt.

Xong việc rồi thì lại đề khởi câu Phật hiệu trở lại. Vậy thì cái gì có thể chướng ngại được việc niệm Phật của ta đây?

Chỉ có tự ta làm chướng ngại ta mà thôi, công việc và trách nhiệm chẳng thể chướng ngại được ta.

Một phương châm đối với người niệm Phật muốn đạt được thành tựu, đó chính là đừng bao giờ nói là “tôi không thể”, mà hãy nói là “tôi có thể làm được, tôi nhất định cố gắng mà làm”. Như vậy, thì ta mới có thể từng bước từng bước vượt qua các chướng ngại về tâm lý, về nghịch cảnh, để đi đến thành tựu đạo nghiệp.

Muốn thấy Phật, luôn gần gũi với Phật không hề khó, chỉ cần chúng ta chịu niệm và chân thật niệm Phật thì ai ai cũng giống như Đại Thế Chí Bồ Tát chỗ nói đó: “Nhất định thấy Phật, cách Phật không xa”.

Chúng sanh niệm A Di Đà Phật là nhớ tưởng A Di Đà Phật ở trong tâm của chúng sanh. Phật nhớ chúng sanh là nhớ chúng sanh ở trong tâm của Phật. Tâm tâm tương đồng, thì đâu có cái đạo lý không thể gặp nhau chứ!

5. Phương pháp niệm Phật

Xem đoạn Kinh văn trong Kinh Lăng Nghiêm: “Hựu Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương vân: ‘Kim ư thủ giới, nhiếp niệm Phật nhân, quy ư Tịnh độ’ (Lại nữa, trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Thủ Lăng Nghiêm có nói: “Nay ở trong cõi này, nhiếp thọ người niệm Phật về Tịnh độ”), đây là lời Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói trong kinh Lăng Nghiêm. Chương này kinh văn chẳng dài, tổng cộng chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, đây là một đoạn trong Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương. Đối với đoạn này, Ấn Quang đại sư, tôi nghĩ hiện thời rất nhiều đồng học đều biết: Ấn Quang đại sư là Tây Phương Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Trong đời quá khứ, trước khi thành Phật, Quán Âm và Thế Chí đều là người trong thế giới Sa Bà, cũng có thể nói [các Ngài] là đồng hương của chúng ta. Các Ngài sanh về thế giới Cực Lạc, nay họ giống như lớp trưởng của các vị Bồ Tát, lãnh đạo các vị Bồ Tát giúp A Di Đà Phật giáo hóa chúng sanh. Thế giới Sa Bà là quê hương của các Ngài, nên cũng đặc biệt chiều cố; vì vậy, Ngài thường đến thế giới này, thật vậy, giống

như trong phần trước đã nói: Hết thấy thời, hết thấy chỗ, quý vị niệm Ngài, Ngài hiện tiền. Ngài dạy chúng ta phương pháp Niệm Phật chính xác nhất, đơn giản nhất, ổn thỏa nhất, đáng tin cậy nhất. Phương pháp là “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, tám chữ! “Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật”, câu này khẳng định như vậy, chẳng có mấy may hoài nghi nào! Trong tâm thường tưởng Phật, miệng thường niệm Phật, trong hiện tại, quý vị đã có thể thấy Phật. Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng mà! Tương lai, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mỗi ngày ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật và chư Phật Như Lai, cùng học tập với các đại Bồ Tát, đến nơi đâu tìm được hoàn cảnh này? Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như một trường đại học Phật giáo, hết thấy chư Phật đem toàn bộ những chúng sanh thuộc ba căn tánh thượng trung hạ trong khu vực giáo hóa của các Ngài đưa sang học bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không ra ngoài lệ ấy! Chỉ có các vị thượng thượng căn là sang thế giới Hoa Tạng. Do vậy, thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng trang nghiêm, chúng ta phải tin tưởng, chớ nên có mấy may hoài nghi nào!

6. *Sanh tử đại sự*

Vô thường xảy ra quá nhanh do vậy chúng ta cần phải tu một cách nghiêm túc, một cách có hệ thống để đạt được các giá trị cao quý trong đời. Do vậy với người xuất gia, trong khi đang làm Phật sự, nhập thế, độ sinh, chúng ta cần nhớ làm sao giúp cho chính mình thoát khỏi sinh tử. Đối với người tại gia khi nhớ đến câu sanh tử sự đại chúng ta phải làm hết sức mình những gì cần làm để tái sinh ngay lập tức sau khi chết đi. Khi mình đặt ra tiêu chí sống và chết là chuyện lớn, các chuyện còn lại là chuyện nhỏ, chúng ta sẽ làm được các việc cần làm, khó làm trong cuộc đời này.

7. *Việc làm của người thông minh*

Phổ Hiền Bồ Tát chỉ dạy chúng ta: “Lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, rộng tu cúng dường, sám trừ nghiệp chướng”, quý vị thực hiện tốt đẹp bốn khoa này, nghiêm túc thực hiện, sẽ thành tựu thiện căn, “thực chúng đức bốn” (gieo trồng các cội đức). Lễ tiết rất trọng yếu, không thể phớt lờ. Lễ phép với người khác, người ta sẽ vui vẻ. Người khác lễ phép đối với ta, ta cũng rất vui vẻ. Bởi lẽ, con người có cùng một tâm này, tâm cùng một Lý này.

Đầu tiên là “lễ kính chư Phật”, từ nội tâm phát sanh tâm cung kính, quan trọng nhất là [cung kính] đối với ai? Đối với vị lai Phật, tức là đối với hết thảy chúng sanh, phải có tâm cung kính, chớ nên coi rẻ, quý vị khinh mạn là trật rồi! Chẳng tôn trọng người khác là chuyện nhỏ, tổn hại đức hạnh của chính mình [là chuyện lớn], Tánh Đức của chính mình chưa thể hiện tiền, sanh ra chướng ngại. Đó là ngạo mạn, cuồng vọng, tự đại, gây chướng ngại cho Tánh Đức và thiện căn của chính mình. Do vậy, đầu tiên đức Phật dạy chúng ta chuyện này.

Nho gia cũng giống như vậy. Quý vị đọc Lễ Ký, vừa mở sách ra, mở đầu là: “Khúc Lễ viết: Vô bất kính” (Khúc Lễ chép: “Không gì chẳng kính”), có cùng một ý nghĩa với “lễ kính chư Phật”. Kinh Mân Côì của đạo Thiên Chúa là khóa tụng sớm tối của họ, tôi đã từng giảng [kinh này], đĩa CD/DVD [ghi lời giảng] của tôi được lưu thông trong đạo Thiên Chúa. Đoạn thứ nhất [của kinh ấy] nói về sự khiêm tốn, nhún nhường, Thánh Mẫu Maria khiêm nhường. Mẹ chúa Jesus đối với hết thảy mọi người đều khiêm hạ, nhún nhường, cung kính, Đức Bà đã nêu gương tốt. Tấm gương của Đức Bà chính là “lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai” như

trong Phật pháp đã nói, chúng ta phải học theo Ngài.

Cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc dạy chúng ta hãy “ẩn ác, dương thiện” (ẩn giấu điều ác, để cao điều lành). Người khác có chuyện gì tốt đẹp chúng ta phải tán dương, phải ca ngợi. Người khác phạm lỗi lầm gì, trọn chẳng nói tới, quyết định chớ nên ghim trong lòng; đó gọi là “tu hành, học Phật”. Vì sao? Chúng ta học Phật rất cuộc là học gì? Tịnh độ tu gì vậy? Tựa đề của kinh đã nêu ra cương lĩnh tu học cho chúng ta: Tu tâm thanh tịnh. Trong tựa đề của kinh có “thanh tịnh bình đẳng giác”, đây là tổng cương lĩnh tu học của Tịnh Tông. Chúng ta thường muốn ghim khuyết điểm của người khác trong lòng, biến cái tâm của chính mình thành thùng rác cho người khác, làm sao quý vị có thể đạt được thanh tịnh? Nếu quý vị đạt được tâm thanh tịnh thì tâm thanh tịnh là Sự nhất tâm bất loạn, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thuộc cõi Đồng Cư, mà sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, phẩm vị được nâng cao với một mức độ to lớn. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, thông hiểu chân tướng sự thật này, có còn ghim những sai quấy của người khác trong tâm mình nữa chẳng? Ghi

nhớ lỗi lầm của người khác sẽ bị thiệt thòi to lớn, tạo thành lỗi lầm to lớn. Thường nghĩ tới khuyết điểm của người khác, dẫu quý vị có thể vãng sanh, chỉ sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, phẩm vị chẳng cao! Vì thế, các Tịnh Tông đồng học chúng ta hiểu rõ rồi, quyết định chẳng làm chuyện ngốc nghếch.

8. Chương ngại lớn nhất khi học tập

Hồi hột, bộp chộp là chương ngại lớn nhất trong sự học tập của chúng ta. Nếu không diệt trừ hồi hột, bộp chộp, sẽ vĩnh viễn không thể thấu hiểu. Cái mà quý vị có thể học được chỉ là ngôn từ! Ngôn từ là bề ngoài, là văn tự, danh tướng, quý vị học những thứ này, không có cách nào nhận biết đạo lý chân thật. Tâm quý vị càng thanh tịnh, càng hiểu sâu; đến khi tâm bình đẳng hiển hiện, gần như là chưa khai ngộ thì cũng mấp mé khai ngộ! Thanh tịnh là Kiến Tư phiền não mỏng nhẹ. Đoạn Kiến Tư phiền não, tâm thanh tịnh thật sự hiện tiền; Trần Sa phiền não đoạn rồi, tâm bình đẳng hiển tiền.

Tâm chúng ta bất bình đẳng thì làm gì được? Vì sao chẳng bình đẳng? Có Ngã! Có Ngã sẽ chẳng bình đẳng; nói chung, [sẽ nghĩ] ta

giỏi hơn người khác một chút, đó là ngạo mạn. Chư vị phải biết: Hễ có Ngã, bèn có ngạo mạn, quý vị chẳng thừa nhận cũng không được! Đức Phật nói rất hay, vì sao? Quý vị có Ngã là có Mạt Na Thức, bốn đại phiền não thường phụ thuộc Mạt Na Thức. Bắt đầu có từ khi nào? Trong pháp Đại Thừa, có một câu mà hết thấy mọi người đều biết: “Phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra). Đó chính là Ngã, chẳng phải là được cha mẹ sanh ra rồi mới có Ngã. Trước khi được cha mẹ sanh ra đã có Ngã. Người bình thường chúng ta gọi Ngã là “linh hồn”.

Nói theo Phật pháp, không gọi là linh hồn, mà gọi là “linh tánh”. Kẻ ấy có Ngã Chấp hay không? Có! Có Ngã Chấp thì gọi là “linh hồn”, không có Ngã Chấp sẽ gọi là “linh tánh”. Vì sao? Không gian hoạt động của kẻ ấy không ra khỏi lục đạo luân hồi, kẻ ấy chuyển vẫn trong lục đạo, không thoát ra được. Vì sao? Mê rồi! Nếu kẻ ấy giác ngộ, sẽ vượt thoát lục đạo; chẳng gọi là “linh hồn” nữa, mà gọi là “linh tánh”, hoạt động trong không gian lớn hơn, không gian hoạt động của kẻ ấy là mười pháp giới. Vì sao kẻ ấy vẫn chưa vượt thoát mười pháp giới? Còn có khởi tâm động niệm, do chưa phá vô

minh. Sau khi phá vô minh, danh từ “linh tánh” cũng chẳng còn, mà gọi là “tự tánh”, đã trở về nguồn, tức là trở về tự tánh. Khi ấy gọi là gì? Gọi là Phật, chân Phật, chẳng phải giả Phật. Một thứ mà có tới ba danh từ (linh hồn, linh tánh, tự tánh), một mà ba, ba mà một!

9. Tại sao chúng ta không thể buông xuống được?

Buông xuống rất khó. Tại sao chúng ta không thể buông xuống được? Nguyên nhân là vì không nhìn thấu. Nhìn thấu là như thế nào? Chúng ta không thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật của nhân sinh. Chân tướng là gì? Kinh Kim Cang dạy rằng: “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, “Tất cả pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng”. Phật dạy chúng ta phải thường quán tưởng như vậy. Nói đơn giản, quán tưởng nghĩa là nghĩ tưởng. Chúng ta phải thường nghĩ những gì? Tất cả hết thảy các pháp đều là không, đều là giả. Chúng ta hãy nghĩ về ngày hôm qua, hôm qua đã trôi qua chẳng bao giờ trở lại. Nói tới ngày hôm nay, thì ngày hôm nay cũng sắp qua mất, thật sự là một giấc mộng. Đời người mấy mươi năm ngắn ngủi, thoáng chốc đã trôi qua mất.

Trước khi đi ngủ và lúc thức dậy, chúng ta hãy suy nghĩ cho cặn kẽ lúc chúng ta ngủ mê, có khác gì là đã chết rồi hay không? Lúc chúng ta ngủ mê, nếu người ta khiêng thân thể chúng ta đi, chúng ta cũng chẳng hay biết gì hết. Do vậy, trên thế gian này có một vật gì là của chúng ta hay không? Đúng là ngay cả thân thể này cũng không phải của chúng ta, còn thứ gì là của mình nữa chứ? Có vật gì chúng ta có thể giữ chắc được, có vật gì có thể giữ mãi chứ? Tất cả đều là giả tạm, đều là nhọc lòng lo lắng uổng công! Chúng ta thường gọi đó là “dụng tâm sai lầm”. Khi tỉnh giấc, nghĩ lại giấc mộng đêm qua, nghĩ tới những cảnh giới trong mộng, sau đó lại nghĩ tới những cảnh giới thực tại có khác gì không? Nếu chúng ta thường nghĩ như vậy, mỗi ngày đều nghĩ như vậy, thì đối với những chuyện của thế gian này, tự nhiên chúng ta sẽ hiểu rõ, sẽ cảm thấy lợt lạt, sẽ chẳng còn chấp chước nặng nề nữa, sẽ chẳng muốn tranh chấp nữa. Từ đó, sẽ có thể tùy duyên sống qua ngày, thật thà niệm Phật.

Mỗi ngày, chúng ta đều niệm Phật rất chăm chỉ, nhưng bất cứ chuyện gì cũng không chịu buông xuống. Như vậy công phu làm sao tiến bộ? Chỉ với công phu này, chúng

ta chẳng thể vãng sanh, thì nói gì đến sanh về Phàm Thánh Đồng Cư Độ chứ? Đến giờ phút lâm chung, bắt buộc chúng ta cũng phải buông xuống tất cả. Nếu không chịu buông xuống, dù là có rất nhiều người đến trợ niệm cho chúng ta, thì với Tây Phương Cực Lạc, chúng ta không thể có phần. Chúng ta càng lưu luyến tiền tài, danh vọng, nhà cửa, con cái, vợ chồng.... thì chúng ta càng phải luân hồi trong lục đạo. Một đời tu hành niệm Phật xem như là luống qua một cách vô ích vậy! Vì thế, chớ nên không biết chuyện này. Do vậy, lâm chung phải buông xuống.

10. Hóa giải xung đột

Đối với người tu tịnh độ, hóa giải xung đột vô cùng quan trọng. Trong các kinh điển, Thế Tôn đã giới thiệu thế giới Cực Lạc là thế giới hòa bình, bình đẳng, nơi các bậc thượng thiện tụ hội.

Nếu tâm không bình đẳng, giờ phút nào cũng mang nổi oán hận, nhất định sẽ chướng ngại việc vãng sinh. Người vãng sinh tâm phải thanh tịnh, các Tổ sư vẫn thường nói “Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”, hay nói cách khác, tâm không thanh tịnh,

thì bất luận người đó dụng công thế nào, có niệm hàng vạn danh hiệu đức Phật cũng không thể vãng sinh:

“Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn

Đau ốm rất hòng chỉ uống công.”

Cho nên, phải xem việc này là việc lớn để lo liệu. Không nên cho rằng việc niệm Phật cầu vãng sinh không liên quan tới an định xã hội và hòa bình thế giới. Trước khi vãng sinh, giải thoát trở thành kẻ đại tự tại thì trước tiên chúng ta phải làm cho xã hội an định. Được như vậy, mới chắc chắn có thể vãng sinh tịnh độ, cùng Phật đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, và đồng hạnh. Chúng tôi đã hai lần tham gia hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, đặc biệt lần ở Cang Sơn Nhật Bản, cảm xúc rất sâu sắc về vấn đề này.

Theo Phật pháp, mỗi người đời đời kiếp kiếp đều có chủng tử oán hận trong A Lại Da thức. Người người cùng ở với nhau, luôn cảm thấy không vừa mắt, điều này ai cũng có thể kiểm nghiệm, bất luận thấy người nào, việc gì cũng đều không vừa lòng, đều thấy không vui. Đó là oán hận tích lũy từ vô lượng kiếp, nếu đồng thời bộc phát ra, thế giới này sẽ bị hủy diệt như các tôn giáo

phương Tây từng dự đoán. Ngày tàn chính là toàn thế giới bị hủy diệt, trở lại từ đầu.

Xã hội thế gian vào thời kỳ có nhiều người tu tập, nhờ vậy mà bạo phát không xuất hiện. Nhưng tương lai khó ai biết trước. Một số ghi chép gần đây trên internet cho biết, cậu bé bảy tuổi đầu thai đến thế giới này sau khi mãn một kiếp ở Hỏa tinh. Tuổi tác tuy rất nhỏ, nhưng trí tuệ, năng lực hơn hẳn các nghiên cứu sinh đại học. Cậu cho biết, quả địa cầu này vào mấy trăm vạn năm trước đã từng bị hủy diệt, chìm xuống đáy biển. Nơi đó hiện giờ chính là Ấn Độ Dương. Các nhà khảo cổ học không thể kiểm chứng được vì sự việc xảy ra quá lâu trong khi năng lực nghiên cứu hiện tượng lịch sử chỉ có thể thực hiện trong khoảng vài nghìn năm, như nổi bật nhất là sự kiện của cách đây 5000 năm, một mảng đại lục chìm vào đáy biển Đại Tây Dương.

Một mảng đại lục chìm xuống Ấn Độ Dương hàng trăm vạn năm đến nay mới được tiết lộ bởi cậu bé bảy tuổi này. Có thể hiểu oán khí nhiều đời cùng lúc bạo phát mà nhà Phật vẫn nói “Cảnh tùy tâm chuyển”. Cũng vậy, nếu mỗi người đều có lòng oán hận, thế giới này ắt sẽ hủy diệt. Ngược lại, mỗi

người đều hoan hỷ, đều có tâm yêu thương, thế giới trở thành Cực Lạc. Sa Bà và Cực Lạc thực ra không hề khác biệt. Thế giới Cực Lạc không phải do đức Phật A Di Đà tạo, Sa Bà của chúng ta cũng không phải do thượng đế, vua Diêm La làm chủ tể, mà kinh Phật nói chính nơi tâm chúng ta làm chủ. Tâm khởi niệm thiện, thế giới mọi thứ đều thiện, người người đều thiện, không có gì bất thiện, thế giới này chính là Hoa Tạng, là Cực Lạc. Đức Phật thường nói “Tất cả pháp do tâm tưởng sinh”, người thế gian cũng thường nói “Tâm nghĩ sự thành”. Ta nghĩ đến thế giới Cực Lạc thì thế giới Cực Lạc liền hình thành; ta nghĩ thế giới này an định, mọi người đối xử bình đẳng, hòa thuận với nhau, không chỉ mình ta nghĩ mà mọi người cùng nghĩ, chắc chắn sẽ thành tựu. “Tâm nghĩ sự thành” thế tại sao chúng ta lại không chịu nghĩ tốt?

Hóa giải xung đột gia đình

Hiện tượng không hoà thuận trong gia đình rất phổ biến, vợ chồng bất hòa, xung đột thường xảy ra. Nguyên nhân do đâu? Do quan niệm mình đúng, người khác không đúng; cả hai đều nhìn thấy không đúng của đối phương thì làm sao có thể hòa thuận.

Trước khi kết hôn, chúng ta thường nhìn người yêu với con mắt lý tưởng hóa, mọi thứ thuộc về người đó đều đẹp, đều vừa mắt, nhờ vậy mới có thể đi đến kết hôn. Đó là trạng thái tâm lý trước hôn nhân. Tuy nhiên, nếu vĩnh viễn nghĩ đối phương là đúng, là tốt, khi có mâu thuẫn, chúng ta dành phần sai về mình, cam kết sửa đổi thì gia hòa vạn sự hưng. Ghi nhớ cái tốt của người mới có thể hòa thuận, có thể hóa giải xung đột, và thực sự xúc tiến an định hòa bình. Gia đình là tế bào của xã hội, là tổ chức cơ bản nhất. Nhà nhà hòa thuận thì xã hội hòa thuận, đất nước giàu mạnh. Mọi người đều phản tỉnh, đều biết khuyết điểm ở chính mình. Nói người khác sai chính là sai lầm to lớn. Ngày nay, đa số chúng ta phạm phải sai lầm này. Người khác làm gì có sai lầm, đạo lý này hiếm người hiểu được, chỉ có Phật, Bồ Tát hiểu. Vì sao nói người khác thấy đều không có lỗi? Vì sai ở ngay chính chúng ta.

“Cảnh tùy tâm chuyển”, tâm là tâm của chính mình, bên ngoài là cảnh giới tùy theo tâm mình mà thay đổi. Bên ngoài bất thiện do tâm ta bất thiện, chính ta chuyển cảnh giới thành bất thiện. Khi tâm thiện rồi, cảnh giới bên ngoài chẳng phải thiện hết rồi sao?

Cho nên hãy nghĩ lại xem sai là do đâu, sai ở chính mình do phiền não tập khí khởi hiện hành. Giới-Định-Huệ không khởi hiện tiền, đức Phật thường giảng trong đại kinh: “Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai”, trí tuệ đức tướng của chúng ta không thể hiện bày, do tham sân si mạn, tự tư tự lợi... khởi hiện hành làm cho con người xảy ra xung đột, còn nếu là trí tuệ đức hạnh tướng hảo thì sẽ không xảy ra xung đột lẫn nhau. Vì chính tâm chúng ta không tốt, trong tâm có tự tư tự lợi, có danh vọng lợi dưỡng, có tham sân si mạn, có năm dục sáu trần, nên sai lầm lớn là ở chính mình.

Trong kinh giáo đại thừa đức Phật thường nói: “Trong tự tánh thấy đều không có”. Đại sư Huệ Năng là người khai ngộ, trong Pháp Bảo Đàn kinh ngài cũng nói “Vốn dĩ không một vật, chỗ nào dính bụi trần”. Trong tâm thanh tịnh, trong chân như bốn tánh của chính mình không hề có thứ gì, trong sạch thuần khiết, chỉ có trí tuệ, đức tướng. Mê mất đi tự tánh của chúng ta, đem trí tuệ biến thành phiền não, đem đức năng biến thành ác trước, việc xấu nào cũng làm, đem tướng hảo biến thành thô xấu, biến thành đời ác năm trước, biến thành ba cõi sáu đường, do

đâu mà ra? Do chính chúng ta biến hóa ra. Tự mình biến ra, tự mình hưởng thọ, thì còn có thể trách ai.

Cho nên nói sai là hoàn toàn sai ở chính mình. Thực tế hiện tại mọi người đều sai, cả thế gian đều sai. Do đó người giác ngộ rất khổ, người giác ngộ không thể cứu nổi thế gian. Tuy nhiên người giác ngộ có thể cứu chính mình, chúng sinh mê hoặc cùng với người giác ngộ bất hòa, người giác ngộ có thể hòa thuận với chúng sinh mê hoặc, vì người giác ngộ không tranh với họ. Họ muốn tiền, chúng ta đưa tiền, muốn danh đưa danh, muốn thứ gì, ta cho thứ đó. Chúng ta không mong cầu thì không xảy ra xung đột. Vì cả hai cùng tham cầu nên mới xảy ra xung đột. Người mê cho rằng nếu không tranh thì không được, người trí hiểu rõ nhường nơi này, thì lại được ở nơi kia, có khi còn được nhiều hơn cái đã cho. Càng xả càng được nhiều, không cần phải cầu. Đó là đạo lý đức Phật đã dạy nhưng đáng tiếc, chúng sinh lại không tin.

11. Cầu vãng sinh tịnh độ, thực hành xả bỏ

Chúng tôi đã giảng điều này hàng trăm lần ngàn lần, nhưng không có người nghe thấu,

không có người chịu làm theo. Chúng tôi vẫn phải giảng hàng vạn lần, ai nhập tâm, y giáo phụng hành thì sẽ được lợi ích.

Nhiều năm giảng như vậy, chỉ được số ít, khoảng ba hoặc bốn người làm theo. Họ không tranh tài mà có thể xả tài. Không luận làm sự nghiệp gì, họ đều kiếm được tiền, trong khi người khác lỗ vốn. Ở đây cư sĩ Phó là một trong số ít những người đó, họ cứ xả ra, làm tài thí, pháp thí, vô úy thí, liễu mạng mà làm. Ở Đài Loan cũng có một hai người, ứng dụng trong suốt mười mấy năm, nói với chúng tôi rằng thật hiệu nghiệm, Phật không gạt chúng ta. Bản thân chúng tôi cũng đã ứng dụng qua 50 năm, thực chứng hiệu nghiệm.

Người thế gian hy vọng được nhiều tiền của, hy vọng được thông minh trí tuệ, được khỏe mạnh sống lâu, mà không nghe lời đức Phật thì làm sao đạt được sở nguyện. Mỗi ngày tâm không bình, tâm oán hận, thì chẳng những không đạt được, mà mạng càng ngày càng bị tổn hại. Sau khi chúng tôi từ Nhật Bản trở về, nghĩ đến câu nói của Lão tử: “Hòa đại oán, tất hữu dư oán, an khả dĩ vi thiện”, có nghĩa “hóa giải xung đột sâu nặng”, là yếu tố mỗi người chúng ta

đều phải có. Gia đình xung đột, vợ chồng xung đột, rộng hơn nữa là xã hội, quốc gia, chủng tộc, tôn giáo xung đột, nên hóa giải xung đột là vô cùng cần thiết. Không hóa giải thì phiền phức, đời đời kiếp kiếp oan gia đối đầu, không hề ngừng dứt, đôi bên đều thống khổ. Trong tâm thanh tịnh của chúng ta không có xung đột, nên chỉ cần xuất hiện xung đột nhỏ thì liền chú ý ngay việc vãng sinh. Khi sắp vãng sinh, oan gia trái chủ tìm đến bên thân chúng ta để báo thù, không để chúng ta vãng sinh, đó cũng chính là ma chú ý mà chúng ta thường nói đến.

Hôm qua, chúng tôi gặp một người đến từ Malaysia, người này bị ma dựa. Đây là trường hợp nghiêm trọng nhất trong rất nhiều người bị ma dựa, chúng tôi liền khuyên họ nên hóa giải, không hóa giải đời đời kiếp kiếp đôi bên đều chịu khổ, dày vò lẫn nhau. Thế gian này bao gồm cõi trời và nhân gian đều loạn. Nhân gian không dễ ở, cõi trời không dễ đi, tốt nhất vẫn là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc có thể đến được, vạn người tu vạn người được. Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật mà mười phương ba đời chư Phật thầy đều khuyên bảo chúng ta cầu sinh Tịnh độ, nếu không tin tưởng, còn

hoài nghi, thì đó là ngu si tội đỉnh, là Nhất-xiển-đề, là người không có thiện căn mà kinh đã nói. Do đó chúng ta tiếp nhận lời khuyên bảo của tất cả chư Phật, ngay trong đời này nhất định phải sinh Tịnh độ. Đã quyết tâm sinh Tịnh Độ thì còn có thứ gì không thể xả bỏ. Mọi thứ đều xả bỏ, không còn so đo với người, sống được một ngày trên thế gian thì cứ hoan hỉ với mọi người.

“Hằng thuận chúng sinh tùy hỷ công đức”, chúng sinh muốn thứ gì, tất cả đều tùy thuận, thì khi lâm chung chúng ta mới đi được. Nhất là những người trung niên trở lên, phải xem việc này là việc lớn trong đời. Khi đến bảy mươi tuổi thấy đều buông bỏ hết. Bản thân chúng tôi, một đời này cũng chỉ hướng đến hai từ “buông xả”, lời khuyên này hoàn toàn không dư thừa, vì lời thừa là tạo khẩu nghiệp, gây ra chướng ngại. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, 79 tuổi nhập Niết Bàn, tính theo tuổi ta là 80 tuổi. Thực tế thế gian này còn rất dài, nhưng bản thân chúng tôi đang đứng trước ngưỡng tuổi này nên cũng đã nghĩ đến lúc sắp ra đi. Khi chúng ta có quan niệm chuẩn bị này thì mới có thể buông bỏ, mới có thể không tranh với người. Ai cần danh, ta cho danh, cần lợi ta đưa lợi, muốn cả địa cầu này, chúng ta đều

nhường tất. Sau đó hân hoan vui vẻ ra đi, chúc phúc cho người ở lại sống tốt và hòa thuận.

Đại sư Ấn Quang dạy người cầu sinh Tịnh độ bằng cách dán chữ “Chết” lên trán để hàng giờ hàng phút tâm niệm mình sắp phải ra đi, đừng nên tranh giành, đấu đá. Cuộc đời như giấc mộng, rỗng không. Sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã mà đức Phật giảng trong suốt hai mươi hai năm luôn lặp đi lặp lại câu “Tất cả pháp không, sở hữu hết thảy đều không”. Khi thật sự thông hiểu, minh tường, tâm sẽ định, không còn tranh đua. Tâm định khai trí tuệ, việc xuất thế gian sẽ dễ dàng tường tận, đọc kinh cũng dễ dàng liễu ngộ.

Chúng ta không những phải xả cả địa cầu này, xả cả cõi dục, cõi vô sắc, mà còn phải xả luôn mười pháp giới. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật tất cả đều phải xả. Rời mười pháp giới mới có thể đến được Nhất Chân Pháp Giới, đây chính là sự buông bỏ mà Đại sư Chương Gia đã dạy chúng tôi. Vì sao chúng ta không ra khỏi được mười pháp giới? Vì chúng sinh sáu cõi không thể thoát khỏi luân hồi, họ không chịu xả luân hồi, đó là sai lầm. Trong pháp giới vốn dĩ

không có những thứ này. Những thứ này là từ vọng tưởng, phân biệt chấp trước biến hiện ra, nên chúng uyển tượng, không có gì là chân thật. Chúng ta lấy giả cho là thật, cái thật thì lại hoàn toàn không biết. Rất đáng thương. Hiện tại chúng ta ở trong vòng lẩn quẩn của sáu cõi, nhưng nếu muốn giúp chúng sinh cũng trong vòng lẩn quẩn, thì chúng ta phải thật sự hy sinh cống hiến bằng cách y giáo phụng hành. Hãy là tấm gương cho người noi theo.

Đời sống của bản thân chúng tôi rất thoải mái, nhiều hạnh phúc, bởi vì chúng tôi buông bỏ được. Trước lời hủy báng, chúng tôi cảm kích và thật tâm tán thán. Vì sao tán thán? Vì người hủy báng chính là ân nhân giúp ta tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng nếu không thể tiêu, về sau cũng phải tiêu ở ba đường ác. Ba đường ác từ nghiệp chướng của chúng ta mà biến hiện ra. Ác nghiệp ác chướng nhất định phải tiêu, không tiêu không thể kiến tánh. Ba đường thiện cho chúng ta tiêu phước. Phước cũng phải tiêu, ác cũng phải tiêu. Sáu cõi không gì khác đó là tiêu nghiệp. Đến ba đường thiện để tiêu nghiệp thiện, ba đường ác để tiêu ác nghiệp. Tâm thanh tịnh không có ác cũng không có thiện, gọi là “chân thiện”. Trong kinh, đức

Phật gọi “thiện nam tử, thiện nữ nhân”, ám chỉ người thiện ác đều không có, đó là chân thiện. Vì vậy không nên nhầm lẫn, thiện ác chỉ là tương đối trong sáu cõi luân hồi. Khi trở thành Phật Bồ Tát thì thiện đó là “thuần thiện”.

“Thanh tịnh bình đẳng giác.” _ Ngày nay số người hoằng pháp, người tu hành quá ít. Người hoằng pháp phải thật tu, không chỉ chuyên tâm học kinh giáo mà còn phải dẫn thân phục vụ thì mới có thể dạy người, giáo hóa chúng sinh. Thân phận xuất gia và tại gia là như nhau, hoàn toàn bình đẳng. Năm xưa Thế Tôn còn tại thế đã thị hiện cho chúng ta xem: một vị là Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện Phật xuất gia, một vị là cư sĩ Duy Ma thị hiện Phật tại gia. Đó là hai vị Phật đồng thời ở thế gian. Hai vị này địa vị bình đẳng, không hề khác biệt. Tại gia và xuất gia có thể thành Phật như nhau, có thể hoằng pháp lợi sinh, phổ độ chúng sinh như nhau. Kinh Duy Ma Cật, các đệ tử lớn của Thế Tôn: Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diếp... nhìn thấy cư sĩ Duy Ma liền đánh lễ ba lạy, nhiễu quanh phía hữu ba lần.

Điều đó cho thấy, do chúng ta si mê hoặc điên đảo, có phân biệt, chấp trước, khi vừa

xuất gia mặc áo tu sĩ thì liền xem thường người tại gia. Thật sai lầm! Cho nên người xuất gia ngày nay tạo tội nghiệp nặng hơn thời trước. Nhiều vị tu hành không bằng người tại gia do không hiểu được đạo lý này, cho rằng khi vừa mặc y áo vào thì trở thành bậc bề trên, hơn tất cả, không ai có thể so sánh được. Tâm ngạo mạn đã sinh thì tội nghiệp này sẽ rất nặng, chướng đạo bám theo. Phật pháp là bình đẳng, kinh Vô Lượng Thọ nói “thanh tịnh bình đẳng giác”, không bình đẳng với người là một sai lầm. Chúng ta phải cảm tạ Phật Bồ Tát đã thị hiện như tấm gương để chúng ta xem thấu.

Chúng ta nghe kinh đều biết, không tu mười hạnh Phổ Hiền thì không thể viên thành Phật đạo. Thứ nhất “Lễ kính chư Phật”, chư Phật đó chính là tất cả chúng sinh, là quá khứ Phật, hiện tại Phật, và vị lai Phật. Chúng sinh là vị lai Phật, muôn kiến đều là Phật. Ai không đồng tình ý niệm này thì “Lễ kính chư Phật” không cách gì tu được. Chỉ trừ riêng ta là một phạm phu, tất cả đều là Phật, tình dữ vô tình đều là Phật, nghĩ như vậy mới có thể tu hạnh Phổ Hiền. Chúng ta không vừa mắt cái này, thấy khó chịu cái kia thì làm sao có thể thành tựu “thanh tịnh bình đẳng giác” ở hiện tiền.

Hạnh Phổ Hiền chính là “thanh tịnh bình đẳng giác”. Đã tu hạnh Phổ Hiền thì trong gia đình cũng không còn cảnh bất hòa xảy ra, vì đã xem người nhà của mình đều là Phật, đều là Bồ Tát, chỉ mình ta là phạm phu, nghiêm cung kính cẩn họ thì oan kết gì cũng đều được hóa giải.

Xung đột chỉ phát sinh khi ta cảm thấy mình được, người khác không được, xem thường họ. Do đó câu nói của Lão Tử “Hòa đại oán tất hữu dư oán”, tu hạnh Phổ Hiền thì dư oán không còn, oan kết được triệt để hóa giải gọi là “lễ kính”, cung kính tất cả. Thường ngày chúng ta bái sám đều mở sám văn chỉ biết tụng niệm lâu lâu nhưng không ứng dụng hành trì, vẫn còn vừa mắt cái này, ghét bỏ cái kia, như thế là gạt mình gạt người. Trên gạt Phật Bồ Tát, dưới gạt tất cả chúng sinh, giữa gạt chính mình, làm gì có công đức. Sám hối như vậy không được hiệu quả gì, tâm không chuyển đổi không bằng niệm câu A Di Đà Phật.

“Xưng tán Như Lai”, vậy đối với tất cả chúng sinh chúng ta có phải xưng tán không? Chư Phật từ trên tướng mà nói, không có phân biệt, cho dù chúng sinh là thiện hay ác, đều bình đẳng lễ kính. Nhưng xưng tán Như

Lai thì có khác biệt. Như Lai từ nơi “Tánh” mà nói, tương ứng với tánh đức là thiện, cần xưng tán; không tương ứng với tánh đức là bất thiện, bất thiện thì không nói, không hủy báng, cũng không tán thán. Bồ Tát Phổ Hiền đối nhân xử thế tiếp vật như vậy, ai tạo ác lớn, ngài không nói một câu; ai tạo việc thiện dù rất nhỏ, ngài liền tán thán. Chúng ta nên theo đó mà ứng dụng. Mỗi ngày chúng ta tụng “Nhất giả lễ kính chư Phật, Nhị giả xưng tán Như Lai, Tam giả quảng tu cúng dường...”, chúng tôi thấy thế thường hay cảm thán rằng “ngày ngày gặt Phật Bồ Tát”. Thời khóa sớm tối, sáng sớm gặt một lần, buổi tối lại gặt tiếp lần nữa. Mỗi ngày đều đặn gặt không thiếu một thời. Như vậy phỏng có công đức gì? Cho nên phiền não ngày một nhiều hơn, năm sau nhiều hơn năm trước, trí tuệ không khai mở, ngu si càng tăng.

Thực làm, sống mẫu mực, bền bỉ hóa độ chúng sinh

Lão cư sĩ Hạ Liên dạy chúng ta không gì khác hơn chỉ một câu nói “thật làm”, Phật dạy thế nào thì ta làm như thế đó, không nên quản việc người. Người khác có làm hay không không liên quan đến chúng ta

Người khác là tâm luân hồi, tạo nghiệp luân hồi, nếu chúng ta giống họ, vậy chẳng phải tiếp tục tạo nghiệp luân hồi, tiếp tục hướng vào ba đường ác mà đi. Chúng ta nhất định phải y theo giáo huấn của kinh luận. Phật dạy chăm chỉ nỗ lực hành trì. Bắt đầu từ tam phước, sáu phép hòa, mười nghiệp thiện mà làm. Làm không được thì các thứ khác không cần phải nói. Về già tự suy xét mình đã làm được hay chưa? Tam phước: “Hiếu thân tôn sư, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp” đã làm được chưa? Chưa được thì phải học, “Sống đến già, học đến già, học không hết”, nỗ lực mà học.

Phải bắt đầu từ gia đình, người học Phật là người mô phạm cho người khác, là mô phạm cho cả gia đình, là gia đình tốt nhất trong tất cả gia đình trên thế giới. Chúng ta học Phật mà không cảm hóa được người nhà thì việc học Phật đó không thành công. Cuộc đời chúng tôi đều gửi nơi nhà người, bản thân không có đạo tràng, đều ở nhờ người khác, phải nghe người khác, thực tập “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”. Sau khi rời Singapore, hiện tại ở Châu Âu xây dựng một đạo tràng nhỏ, trong đó khoảng vài chục người ở. Hiện tại chúng tôi đang dạy họ, khuyên họ đối đãi bình đẳng,

hòa thuận với nhau. Nếu họ không hòa thì đạo tràng đó chúng tôi xin tặng cho họ, tự mình sẽ đi tìm nơi khác. Vì họ không hòa thuận, xem như giáo học của chúng tôi thất bại triệt để, còn mặt mũi nào xuất hiện nơi đó nữa. Tặng họ nơi đó để báo ân Phật Tổ, báo ân Quán Trưởng Hàn, người tiếp nhận họ vào. Sau khi bà vãng sinh, những người này đã không có chỗ để đi. Chúng tôi sẽ lo cho họ được an ổn, giao phó rồi sẽ tự đi tìm chòi tranh nhỏ, đạm bạc tình đồng đạo, cuối đời cùng nhau tu học.

Cho nên chúng tôi rất mong muốn áp dụng giáo huấn của Đại sư Ấn Quang vào thời đại này, đạo tràng chỉ nên nhỏ, không vượt quá hai mươi người, không hóa duyên, không làm pháp hội, không làm kinh sám Phật sự, mọi người chỉ cùng ở với nhau chăm chỉ niệm Phật, một lòng một dạ cầu sinh Tịnh độ. Người thực sự hữu duyên, có thể buông bỏ tất cả thân tâm thế giới, cùng tu học với nhau. Chúng tôi ở thế gian này, nhiệm vụ chân chính là giảng kinh thuyết pháp, đem kinh điển giảng giải tường tận, giới thiệu đến mọi người, cho nên việc giảng kinh không thể gián đoạn. Chúng tôi muốn lập chòi tranh nhỏ, một tịnh xá nhỏ, trong đó có một góc thu hình, hiện tại thế lực có thể

giảng bốn giờ mỗi ngày, chúng tôi sẽ tiếp tục giảng trong đạo tràng nhỏ này. Sau đó thu đĩa, giao đến khắp nơi để mọi người cùng xem. Đó là báo ân Phật, báo ân chúng sinh. Tu hành là việc của chính mình, hiện tại phải nỗ lực, không nên giải đãi. Vì khi giải đãi, thì việc vãng sinh bị chướng ngại, cho nên việc gì cũng phải thật làm.

Truy nguồn gốc của xung đột để tìm cơ sở hóa giải

Sau khi từ Nhật Bản trở về, chúng tôi đã viết ra bức hoành gồm hai câu của người xưa: “Đồ tri hòa kỳ đại oán, nhi bất tỉnh kỳ đại oán chi sở do hưng”, có nghĩa là chúng ta chỉ biết hóa giải tranh chấp, xung đột nặng nề mà không biết được cội gốc của tranh chấp xung đột ở nơi đâu. Câu thứ hai là “Tuy hòa chi dĩ chí công, nhi bất miễn hữu dư oán”, có nghĩa là dùng công bình, công chánh để hòa giải. Bức này in xong sẽ tặng đến mọi người.

Tình huống “bằng mặt nhưng không bằng lòng”, ngoài mặt đã hóa giải nhưng trong lòng vẫn còn oán hận, việc này sẽ khó. Oán hận của chúng ta sinh ra từ tình chấp, cảm tình chấp trước. Tình chấp do mê mất đi

bốn tánh. Trong bốn tánh không có tình chấp, mê mất đi bốn tánh mới sinh tình chấp. Cái tình này chính là phân biệt, chấp này chính là chấp trước mà kinh giáo Đại thừa gọi là tám thức, 51 tâm sở. Trong tám thức, A Lại Da là khởi tâm động niệm, Mạt Na là chấp trước, thức thứ sáu là phân biệt, cũng là tình chấp. Sau khi mê mất đi tự tánh, đem tự tánh biến thành tám thức, gọi là tình chấp. Trong A Lại Da gom chứa từ vô lượng kiếp đến nay kết thành chủng tử. Vì vậy cái dư oán này không thể hóa giải. Tự tánh vốn không mê vọng, làm gì có oan kết. Cho nên muốn hóa giải oan kết, mỗi người đều phải tu phá phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, đến cảnh giới báo độ của chư Phật, “Thật Báo trang nghiêm độ của Chư Phật”. Đây gọi là giải quyết triệt để cứu cánh viên mãn, việc này tương đối khó.

Ngoài ra còn phương pháp khác, đó chính là mang nghiệp vãng sinh, sinh đến thế giới Tây phương Cực Lạc, thì vấn đề này cũng được giải quyết cứu cánh viên mãn. Cho nên câu nói của Lão Tử, chúng ta biết, ngay trong một đời này, nếu không sinh đến thế giới Tây phương Cực Lạc thì rất khó hóa giải. Vì cái tình kết trong A Lại Da thức không thể khai mở. Chúng ta xung đột

với tất cả chúng sinh trên thế gian, phiền phức rất lớn, đời đời kiếp kiếp khổ không nói ra lời. Chúng ta có thể đi đến thế giới Tây phương Cực Lạc, sau khi đi sẽ trở lại, thừa nguyện tái lai, giúp đỡ những chúng sinh khổ nạn. Tình kết mê đã quá nặng, là gốc của khổ nạn, chúng ta đến giúp đỡ, làm người hòa giải. Chư Phật Bồ Tát ứng hóa ở mười pháp giới không gì khác hơn là làm người hòa giải.

Cho nên câu thứ nhất này, “Đồ tri hòa kỳ đại oán, nhi bất tỉnh kỳ đại oán chi sở do hưng”, ý tứ sâu sắc vô cùng, cho thấy việc học Phật nếu không thành tựu thì không thể giải quyết được vấn đề của chính mình.

Vua Thương Thang, một bậc thánh nhân đã từng nói “Vạn phương hữu tội, tội tại trẫm cung”, người trong thiên hạ có tội, tội đó do ta. Bởi vì ông là quốc vương, nhân dân có tội, cũng vì quốc vương không dạy tốt. Chúng ta thể hội ý này, quay đầu nhìn lại gia đình mình. Một người trong gia đình không tốt, thì chính ta có tội, không thể trách cha mẹ, anh chị em. Giác ngộ mà không thể cảm hóa được người nhà thì có tội, lỗi ở chính mình. Thánh nhân không giống người thường. Người thường quy

đúng về ta, quy lỗi cho đối phương, như vậy là đại tội, không tội nào nặng hơn. Người lãnh đạo bất cứ đoàn thể nào, đoàn thể không tốt thì người lãnh đạo có tội. Trách nhiệm của người lãnh đạo gói gọn trong ba chữ: “Quân, Thân, Sư.” Chỉ cần làm tròn ba chữ này, công đức vô lượng.

Quân là lãnh đạo, kế hoạch chiến lược, dẫn dắt. Thân là chăm lo, nuôi dưỡng. Sư là giáo dục, nếu giáo dục không tốt, chúng ta không thể giải quyết vấn đề đời sống của nhân dân, không thể lãnh đạo, tội lỗi sẽ rất nặng. Lời nói của vua Thang rất có đạo lý, người lãnh đạo các cấp trong xã hội nên hiểu ý này. Ngoài ra Trang Tử, là một dân thường cũng nói “dĩ đức vi tại nhân, dĩ thất vi tại kỷ.”

Trong hội nghị ở Càng Sơn chúng tôi đã dẫn hai câu nói trên, nếu chúng ta làm công tác hòa bình thì phải chuyển đổi quan niệm, người khác đều đúng, lỗi lầm là chính mình. Nói người khác sai là ta sai, người khác đúng là ta đúng. Những người tham dự sau khi nghe rất cảm khái và cho rằng quá khó. Khó cũng phải làm. Đây chính vì thế giới an định hòa bình mà cống hiến. Chỉ nói trên miệng, kêu gọi hòa bình, kêu

gọi an định, thì hòa bình an định không thể được thực hiện. Người làm công tác hòa bình cần ưu tư điều này. Trung quốc có một thánh nhân là vua Thuấn, vua Thuấn nhìn thấy mọi người đều đúng, chỉ có mình sai, cho nên mỗi ngày phản tỉnh, mỗi ngày thay đổi, tự làm mới, trở thành đại thánh nhân.

Cuối cùng, tất cả chúng ta hãy đồng khích lệ lẫn nhau. Người xưa nói “Nhiên tắc thánh nhân, thường thọ thiên hạ chi trách” là người tốt, học thánh hiền, đi con đường chánh pháp, ắt sẽ có nhiều người đổ kỵ, hủy báng, nhục mạ, chúng ta phải chịu trách cứ của thiên hạ, không nên phát khởi oán hận trách cứ người khác thì oán hận từ vô lượng kiếp mới có thể hóa giải được.

12. Công phu thành phiến mới bảo đảm thành tựu

Hiện thời, đại đa số những người niệm Phật công phu chẳng thể kết thành phiến đều là do xen tạp quá nhiều, mà nhiều nhất chính là những chuyện tình cảm xã giao hằng ngày trong xã hội. Phải biết rằng, càng bận lòng vì những chuyện tình cảm xã giao này thì càng lỡ làng việc vắng sanh của chính mình, khiến cho một đời tu học

xem như luống qua, thật là đáng tiếc biết bao. Cho nên, chúng ta cần phải bỏ sạch những chuyện tình cảm xã giao này đi. Rất có thể sau khi ta làm vậy sẽ mích lòng với rất nhiều người, điều này không sao cả, sau khi ta đã vãng sanh thành Phật rồi thì sẽ quay trở lại để độ cho họ.

Nếu chúng ta chẳng muốn mất lòng người khác, đối với vài người vẫn còn cả nể, thì khó tránh khỏi việc họ đọa vào tam đồ, ta cũng đi theo họ mà vào tam đồ chịu khổ. Giống như cứu kẻ chết đuối mà chính mình lại chẳng có bản lãnh, vậy làm sao tránh khỏi không chết theo họ chứ? Cho nên, điều này quyết chẳng thể được, những kiểu tình cảm xã giao này có thể hại chết người niệm Phật bất cứ lúc nào, người sáng suốt nhất định sẽ tránh xa khỏi những phiền lụy này.

Nếu mọi người đã thật sự hiểu rõ được đạo lý này rồi, thì từ nay trở đi không nên tiếp tục nói chuyện tình cảm xã giao nữa, cũng không nên đi thăm viếng các danh lam cổ tự mà làm gì nữa. Tận dụng từng giây từng phút của chính mình mà nhất tâm nhất ý chuyên niệm A Di Đà Phật, được vậy thì trong đời này làm sao chẳng thể thành tựu được chứ?

Chính mình thường trách móc tại sao công phu của bản thân không đắc lực, lấy niệm Phật để nói thì có người niệm ba năm, năm năm, chẳng có một tí hiệu nghiệm nào hết!

Ấn Quang đại sư dạy: “Khi niệm Phật, vọng niệm xen tạp vào đấy thì đó là hiện tượng bình thường, chẳng cần phải bận lòng lo lắng. Hễ nó khởi lên, cứ mặc kệ nó, chỉ chú ý vào Phật hiệu”. Dẫu có vọng niệm cũng có thể nhờ nó để trừ nghiệm công phu của chính mình. Nói chung, ai trong khoảng thời gian tàn một cây hương (một tiếng rưỡi) mà có dăm ba vọng niệm thì công phu đã khá lắm rồi. Công phu như vậy cần phải mất ba năm. Nếu chẳng tích cực thì niệm ba mươi năm cũng chẳng đạt được!

Nếu thật sự hiểu rõ sự thật, sẽ nhất định coi cầu sanh Tịnh độ là đại sự bậc nhất trong một đời, ắt phải tinh tấn, không ăn cơm cũng chẳng sao, không có áo mặc cũng chẳng trở ngại gì, không có việc làm cũng không quan trọng, chứ không niệm Phật là không được. Dùng tinh thần ấy để niệm Phật, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật.

Xã hội này khổ nạn quá nhiều, lo buồn

chẳng thể giải quyết được, hết thấy vọng tưởng, chấp trước, so đo đều chẳng thể giải quyết vấn đề. Nhất là sống trong thời đại này, khiến cho chúng ta cảm thấy đời người khó khăn, khổ sở. Nếu chẳng cầu thoát lìa thì chỉ có liên tục chịu tội mà thôi!

13. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe

Trong kinh Đại Tập Phật nói cho chúng ta biết nếu như thế gian không có Phật, đây là lời giả thiết, nhưng trên thực tế cũng là sự thật. Pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni là 12 ngàn năm. Sau 12 ngàn năm thì thế gian không còn Phật nữa. Bồ-tát Di Lặc là vị Phật thứ năm của hiền kiếp sẽ thị hiện thành Phật, thời gian này là rất dài. Trong kinh Di Lặc Hạ Sanh, Phật nói cho chúng ta biết, Ngài đến khi nào tái lai vậy? Sau 56 ức vạn năm (hơn 500 triệu năm), hay nói cách khác, 56 ức vạn năm sau khi pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni qua rồi, thế gian này không có Phật trong thời gian rất dài như vậy, phải đợi Phật Di Lặc hạ sanh giảng kinh thuyết pháp, đến lúc này Phật pháp mới xuất hiện. Cho nên, trong kinh Phật thường nói: “Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”. Thật là không dễ dàng!

Giáo pháp của cả một đời Thích Ca Mâu Ni Phật cáo chung, ắt phải đợi đến 56 ức vạn năm sau Di Lạc Phật đến thế gian này thị hiện thành Phật, lại giảng kinh, thuyết pháp. Quý vị phải biết: Thời gian mà thế gian này có Phật pháp rất ngắn ngủi, tạm bợ. Nói chung là một vạn hai ngàn (12.000) năm. Thời gian không có Phật pháp hết sức dài, tức là cách một khoảng thời gian gồm 56 ức vạn năm không có Phật pháp. Không có Phật pháp chúng sanh chẳng có cơ hội vượt thoát tam giới, chẳng có cơ hội thoát sanh tử luân hồi. Vì thế thời gian luân hồi dài lâu!

Trong một đời này, chúng ta may mắn gặp gỡ pháp môn này, nói cách khác, có được cơ duyên này, chúng ta có thể đắc độ trong một đời này, có thể giải quyết vấn đề, nếu bỏ lỡ một đời này phiền phức sẽ to lắm. Tuy đời sau quý vị có phước báo, nhưng có thể gặp Phật pháp hay không, đó là một vấn đề lớn! Thế giới ngày nay có bốn mươi mấy ức người, có bao nhiêu người được nghe kinh hay nghe một câu A Di Đà Phật trong một đời? Vì thế, có thể đọc bộ kinh này (Kinh A Di Đà), nghe một câu A Di Đà Phật, chẳng dễ dàng đâu nhé! Lấy ngay Đài Bắc để nói thì gần tới hai trăm vạn người, nếu quý

vị kiểm tra trọn khắp, trong hai trăm vạn người, trong đời này có mấy người nghe kinh này một lần? Có mấy người niệm một câu A Di Đà Phật? Tuyệt đại đa số, sợ rằng đến tám mươi phần trăm, trong một đời này chưa hề nghe kinh, chưa hề niệm một câu Phật hiệu. Nơi Phật giáo hưng thịnh nhất mà còn như thế, huống hồ những nơi khác? Vì thế, nhất định phải trân quý nhân duyên khó được này, quả thật là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, nhưng nay chúng ta có thể gặp gỡ thì phải trân quý điều này!

Trích từ Phật Thuyết Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh & A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

14. Đời sau muốn sanh về cõi nào?

Phàm phu chúng ta mang Nghiệp Báo Thân, chẳng tự do tí nào, hoàn toàn chịu sự chi phối của nghiệp lực. Nói chịu nghiệp lực khổng chế thì mọi người khó hiểu, chúng ta nói cách khác, chịu vận mạng khổng chế, chịu vận mạng chi phối thì mọi người dễ hiểu, thế nên: ‘Tất cả đều là vận mạng, nửa điểm cũng chẳng do người’, bạn nói như vậy có khổ không? Mạng là gì? Mạng chính là nghiệp, nghiệp báo. Trước kia tạo thiện

nghiệp, đời này được thiện báo, quá khứ tạo ác nghiệp, đời này chịu quả báo chẳng thiện, thế nên những thọ dụng cả đời này, ngạn ngữ có câu: ‘một miếng ăn, miếng uống, chẳng gì là không định sẵn’, tức là đạo lý này, đúng là nửa điểm – một tí gì cũng chẳng do người.

Nhưng Phật, Bồ Tát đến thế gian này, quý ngài đến đầu thai và cũng thị hiện chết đi, quý ngài sanh tử tự tại, không phải do nghiệp lực mà là nguyện lực. Ở thế gian này muốn sống cuộc đời như thế nào thì sống như thế ấy, muốn ở bao nhiêu năm thì ở bấy nhiêu, sanh tử tự tại. Lúc nào muốn ra đi, đi đến đâu, quý ngài hiểu rõ ràng, minh bạch, đến đi tự do, đó gọi là nguyện lực thọ thân, là nguyện lực chứ chẳng phải nghiệp lực. Chúng ta phải hiểu những đạo lý này rồi sau đó mới biết nên học Phật như thế nào, làm thế nào chuyển nghiệp lực của chúng ta thành nguyện lực, bản lãnh của chư Phật, Bồ Tát là ở chỗ này. Các ngài có thể chuyển, chúng ta cũng có thể chuyển, bắt đầu chuyển từ đâu? Phải bắt đầu chuyển từ tâm, sau khi tâm chuyển thì thân sẽ chuyển; nếu nói chuyển từ thân, tâm chẳng chuyển thì không được, chuyển như thế nào cũng chẳng giống, nhất định phải chuyển từ tâm.

Tâm thì phải ‘trụ’ chứ chẳng phải ‘tại’. Trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát có Thập Trụ, đó là nói về trụ, là ‘tâm trụ’ chứ không phải ‘thân trụ’. Bồ Tát trụ chỗ của Phật trụ, như vậy mới đúng. Trong kinh Phật nói với chúng ta có bốn chỗ trụ, bốn chỗ này đều chính xác. Hai thứ đầu vẫn còn ở trong lục đạo, chưa ra khỏi lục đạo. ‘Thiên trụ’ tức là đời sau nhất định có thể sanh đến trời Dục Giới. Trời Dục giới có sáu tầng, sau này sẽ giới thiệu cho chư vị biết. ‘Thiên trụ’ tức là tâm an trụ tại thập thiện nghiệp đạo, bổ thí, trì giới, tu thập thiện nghiệp đạo thì đời sau bạn nhất định sẽ sanh lên trời, phước báo lớn hơn nhân gian chúng ta rất nhiều, hưởng phước trời. Thứ hai là ‘Phạm Trụ’, Phạm Trụ tức là tu thiện định, tu tâm thanh tịnh, hết thấy dục niệm đam bạc, đối với ngũ dục lục trần coi rất lợt lạt, trong tâm tràn đầy từ, bi, hỷ, xả. ‘Từ’ là vui với người, đem an lạc cho người, giúp người an lạc; ‘Bi’ là làm cho người bớt khổ, chúng sanh có khổ, giúp họ giải quyết khổ nạn; ‘Hỷ’ là nhìn thấy người khác được phước, được chuyện tốt, nhất định chẳng có tâm đố kỵ, chỉ sanh tâm hoan hỷ; ‘Xả’ là có thể buông xuống vạn duyên. Tâm thường an trụ tại từ – bi – hỷ – xả, sanh đến trời

Sắc Giới, hai cái ‘trụ’ trong Tam Giới này kể ra còn chính đáng. Nhưng người chúng ta hiện nay không như vậy, hiện nay tâm người an trụ ở đâu? An trụ ở tham, sân, si, mạn, như vậy thì không xong rồi! An trụ tại tham, sân, si, mạn, an trụ tại giết hại, trộm cắp, dâm dục, nói dối thì quả báo sẽ ở ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Thế nên họ chẳng phải ‘Thiên trụ’, chẳng phải ‘Phạm Trụ’, mà là ‘Quỷ trụ, Địa ngục trụ, Súc sanh trụ’, họ làm những thứ này. Chúng ta đối với những Lý, Sự này rõ ràng, minh bạch, phải biết tâm an trụ ở đâu, sau này sanh ra hậu quả gì, vô cùng dễ sợ.

Thứ ba là ‘Thánh trụ’ tức là trụ ở tâm Bồ Đề. Thánh giả là Tiểu Thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tuy chẳng đồng nhưng họ có một điểm giống nhau, tức là tâm nhất định trụ tại Tam Muội (Chánh Định), đây là điểm tương đồng. Thứ tư là ‘Phật trụ’, trụ ở chỗ Phật trụ, nếu nhập vào cảnh giới này thì bạn sẽ là quả vị Thập Trụ Bồ Tát. Chân chánh học Phật nhất định phải an tại chỗ Phật trụ, Phật trụ ở đâu? ‘Đại Tam Không Tam Muội’: Không, Vô Tướng, Vô Nguyên; Vô Nguyên cũng gọi là Vô Tác. Nếu thực hiện trong Tịnh Tông thì an trụ ở ‘Niệm Phật

Tam Muội (Niệm Phật Chánh Định)', đối với những cảnh giới khác sâu rộng vô cùng, chúng ta rất khó cảm nhận, không bằng y theo lời dạy của Phật, chúng ta để tâm an trụ tại 'Niệm Phật Tam Muội', chuyện này tương đối dễ học tập. Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, việc này thật sự là hiếm có, thù thắng khôn sánh.

15. Chân Chánh Niệm Phật

Người chân chánh phát tâm niệm Phật, trong thời đại động loạn này, nhất định phải nhận thức rõ ràng: “Nhà Phật thường nói: ‘Muôn thứ không mang được, chỉ có nghiệp theo thân’”. Chúng ta phải suy ngẫm, hiểu rõ câu này; sau đó mới biết làm thế nào để dụng công, làm cách nào để tu trì.

Phàm những gì không mang theo được, quyết định đừng để nó trong lòng. Những gì có thể mang theo, nhất định phải tranh thủ thời gian từng giây từng phút, đừng để luống qua vô ích.

Những gì có thể mang theo? Đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức đều có thể mang theo; đây là việc thiện nhỏ của thế gian! Chư Phật, Như Lai còn kỳ vọng ở chúng ta đạt điều thiện lớn; đó là thành Phật, thành

Bồ Tát. Thành Phật, thành Bồ Tát nhất định phải thâm tín Tịnh Độ, niệm Phật vãng sanh.

Làm thế nào mới đạt đến chỗ “Lão Thật”? Nhất định phải buông xuống vạn duyên. Ở mọi lúc, mọi nơi, mọi cảnh, duy trì tâm chân thành, thanh tịnh, từ bi của chính mình. Câu “A Di Đà Phật” hãy thời thời khắc khắc giữ mãi trong tâm. Gặp chúng sanh nào hữu duyên, chúng ta hãy chân thành, cung kính, hoan hỉ đem pháp môn này giới thiệu với họ, khuyên mời và khuyến khích họ tu. Đây chính là chân thật cúng dường; “Trong tất cả cúng dường, cúng dường pháp là tối thắng”.

Có như thế mới tương ứng với bốn nguyện của Phật A Di Đà, với Chư Phật, Như Lai. Phải tu học như vậy thì thời gian trong một ngày của chúng ta mới không bị luống uổng; thân tâm chúng ta chắc chắn được thanh tịnh, pháp hỉ sung mãn và cảm ứng đạo giao với Chư Phật, Bồ Tát.

16. Tri Ân Báo Ân

Hôm nay có vị đồng tu, đưa ra câu hỏi: “Làm cách nào để siêu độ thân bằng quyến thuộc của mình?” Cho thấy đây là một vấn

để quan trọng được nhiều người quan tâm đến. Những người đã chết, điều mong mỗi duy nhất và tha thiết của họ là trông nhờ sự giúp đỡ của con cháu. Do đó con cháu cần phải tu học Phật pháp. Theo đúng phương pháp của Phật đã dạy để tu hành. Đây là cách thức giúp đỡ có hiệu quả nhất.

Nhưng trong Phật pháp có đến 8 vạn 4 ngàn pháp môn. Pháp môn Trì Danh Niệm Phật là phương pháp dễ tu và mau chóng đạt kết quả nhất. Nếu quý vị thật sự phát tâm vì muốn cứu thân bằng quyến thuộc vĩnh viễn xa lìa ác đạo, quý vị phải mạnh dạn bước vào Niệm Phật Đường, chân thật niệm Phật, đồng thời phải có tâm kiên cố.

Trong cuộc sống, dầu có nhiều bận rộn một tuần ít nhất quý vị phải đến Niệm Phật Đường một ngày. Niệm Phật vì ai? Vì giúp đỡ thân bằng quyến thuộc hiện kiếp cũng như thân nhân nhiều đời nhiều kiếp đã qua. Công đức này thật to lớn vô cùng.

Hiện nay trong Niệm Phật Đường của chúng ta, mỗi tuần niệm Phật một lần 24 giờ. Một ngày như vậy, quý vị hãy buông xả thân tâm, vạn duyên thế giới bên ngoài. Dùng tấm lòng chân thành, thanh tịnh, từ

bi. Đồng thời với tâm niệm báo ân để niệm Phật. Được như thế việc niệm Phật của quý vị mới mong có kết quả tốt và nhất là đối với ông bà, tổ tiên, cha mẹ đã quá cố của quý vị được vô cùng lợi lạc, công đức của quý vị cũng thật là to lớn.

Trong đây có người thắc mắc: “Làm sao biết được thân bằng quyến thuộc lúc nào thoát khỏi ác đạo?” Xin thưa rằng: “Ngay lúc quý vị phát tâm chân thành niệm Phật, họ lập tức thoát khỏi ác đạo”. Bởi vì việc làm của quý vị chân thật, không giả dối thì liền được cảm ứng, chứ không phải chờ đến khi quý vị niệm Phật, đến lúc công phu thành khối họ mới được siêu thoát. Tuy nhiên nếu công phu của quý vị thành khối, nghĩa là không xen tạp, không gián đoạn, có thể gọi là “chứng tiểu quả” thì phước báo của họ sẽ được sanh lên thượng thiện đạo (trời, người, a tu la). Trường hợp công phu niệm Phật của quý vị không ngừng nâng cao thì thân bằng quyến thuộc của quý vị sẽ không bao giờ trở lại ác đạo. Đến đây quý vị đã hiểu rõ hai mặt lý và sự của công đức niệm Phật rồi. Từ đây quý vị tự biết mình phải làm thế nào khi phát tâm niệm Phật để đền đáp công ơn sâu dày đối với Cửu Huyền Thất Tổ, thân bằng quyến thuộc.

Phát tâm niệm Phật là điều rất tốt. Tuy nhiên nếu không có ngoại duyên hỗ trợ, nghiệp chướng, tập khí của mình làm công phu không được đắc lực.

Một Niệm Phật Đường chân chính là một tăng thượng duyên giúp chúng ta tu hành, duyên này rất thù thắng. Hôm qua có một vị đồng tu người Mỹ đến nói với tôi rằng: “Tôi vào Niệm Phật Đường, thấy chung quanh đều có hình Phật, khiến tôi có cảm giác như chính mình cũng là Phật”. Cảm giác này thật sự không sai.

Điểm thù thắng khác ở Niệm Phật Đường là được mỗi ngày nghe giảng Kinh thuyết pháp. Sau khi nghe và hiểu được nghĩa lý trong kinh, siêng năng tu hành. Đây gọi là “giải, hạnh tương ứng”. Nếu một Niệm Phật Đường, hằng ngày không được nghe giảng kinh thuyết pháp, người niệm Phật không thể nào giải hạnh tương ứng được. Đa số dễ lạc vào hình thức niệm Phật. Như vậy hiệu quả sẽ khác nhau xa lắm.

Hiện nay có một số đạo tràng ở những nơi khác đến tham dự Phật thất và áp dụng phương thức niệm Phật ở đây vào đạo tràng của họ thật là quý hóa vô cùng.

Tôi hi vọng mỗi đạo tràng ở những nơi khác đều có thể xây Niệm Phật Đường, hầu giúp mọi người cùng nhau niệm Phật. Tuy nhiên, một nhân tố cần thiết không thể thiếu, đó là phải hiểu rõ lý lẽ. Muốn hiểu lý lẽ phải có người giảng kinh, thuyết pháp không gián đoạn. Nếu quý vị không tìm được người giảng pháp, có thể đến đạo tràng chúng tôi lấy băng về nghe, mỗi ngày nên mở băng nghe hai giờ đồng hồ. Như vậy, Niệm Phật Đường của quý vị với chúng tôi không có khác.

Công phu niệm Phật của chúng ta một khi đã thành khối, không những thân bằng quyến thuộc của kiếp này, thậm chí đến nhiều đời kiếp trước mà chúng ta không biết hoặc không thể nhớ, họ vẫn được siêu độ. Nghĩ đến việc này, nếu chúng ta không siêng năng nỗ lực tu hành, chúng ta thật có lỗi với ông bà, tổ tiên, thân bằng quyến thuộc. Do đó khi vào niệm Phật, chúng ta phải mang tâm tri ân báo ân để niệm Phật. Chính cái tâm này là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy chúng ta tinh tấn, dũng mãnh không ngừng. Hôm nay họ vẫn còn kẹt trong ác đạo, không có khả năng giải thoát nên họ hoàn toàn trông cậy ở chúng ta, những người hiểu Phật pháp, hiểu giáo lý,

chân thật y giáo phụng hành. Không những giúp họ ra khỏi cảnh khổ, mọi tai kiếp hiện nay trên thế giới đều có thể giải hóa, có thể đạt đến chỗ quốc thái dân an như lời Phật nói. Cho nên niệm Phật không phải vì chính mình, mà vì thân bằng quyến thuộc, vì tất cả chúng sanh.



*Trưởng Lão Ni:
Sư bà Đàm Lưu
(1933-1999)*

Thân Thế

Tên thật của Sư bà là Đàm Lưu và cũng là đạo hiệu. Sư bà sinh ngày 13 tháng 6 năm Quý Dậu nhằm ngày 04 tháng 8 năm 1933 tại làng Tam Xá, xã Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, Bắc Việt Nam. Thân phụ là Cụ ông Đăng văn Cán và thân mẫu là Cụ bà Nguyễn thị Cả. Song thân khó nuôi con nên lúc vừa hơn hai tuổi, Sư bà đã được đem vào chùa cúng cho Sư cụ Đàm Soạn, Trụ trì chùa Cụ Đà và được Sư

cụ đặt tên là Đàm Lưu.

Xuất Gia, Thọ Giới và Tu Học

Năm Sư bà mới 16 tuổi (1948), nhận thấy Sư bà còn nhỏ tuổi, nhưng chí nguyện cao vời, tâm nguyện lại bao la nên Sư cụ Nghiệp Sư cho phép Sư bà lĩnh thụ Sa Di Ni giới tại chùa Cụ Đà, Hà Đông thuộc Sơn môn Trung Hậu và Đống Đa; sau đó Sư cụ đã cho Sư bà đi tham học hầu hết các chùa trong Sơn môn pháp phái tại miền Bắc như chùa Thanh Nhàn, chùa Nhân Hòa, chùa Đống Đa, chùa Trung Hậu, chùa Vân Hồ, chùa Đức Viên, v.v...

Năm 1951, dù mới 19 tuổi, nhưng Sư bà đã được đặc cách cho thụ Tỳ Khưu Ni giới tại chùa Quán Sứ, Hà Nội nhờ vào tài trí mẫn thiệp, đạo học tinh thuần.

Năm 1952, Sư cụ Nghiệp Sư được thỉnh cử vào Nam nhận lãnh chùa Dược Sư tại Gò Vấp, Sư bà cũng được theo hầu cận. Chùa Dược Sư, dưới sự hướng dẫn lãnh đạo của Sư cụ đã trở thành Ni trường nổi tiếng đào tạo Ni tài, và Sư bà trở thành một trong những Ni sinh ưu tú đầu tiên của Ni trường này.

Năm 1960, Sư bà thi đỗ Tú Tài.

Năm 1961, sau 9 năm tu học tại Ni trường Dược Sư, Sư bà về lưu trú tại chùa Phước Hòa, Sài Gòn.

Năm 1964, được Sư bà Đàm Hương (Trụ trì chùa Phước Hòa) giới thiệu đi du học tại Tây Đức, ngành Xã Hội Học. Thời gian lưu học tại Đức, Sư bà vừa học vừa hướng dẫn tinh thần cho sinh viên Việt Nam du học.

Năm 1969, tốt nghiệp ngành Xã Hội Học, Sư bà về nước.

Tu Tập và Hành Đạo

Năm 1970, Sư bà được tín nhiệm giao phó chức vụ Giám Đốc Cô Nhi Viện Lâm Tỳ Ni tại Sài Gòn.

Năm 1977, Sư bà đến đảo Kuchin (Mã Lai Á) và hoạt động Phật sự tại đây gần hai năm.

Năm 1979, Sư bà được Hòa Thượng Thanh Cát Tọa chủ chùa Giác Minh (Palo Alto) bảo lãnh sang Hoa Kỳ.

Năm 1980, Hòa Thượng đề cử Sư bà về quận hạt San Jose hành đạo và sáng lập chùa Đức Viên.

Chùa cũ Đức Viên nhỏ hẹp nhưng những

sinh hoạt Phật sự dưới đây đã được Sư bà khởi sự quan tâm và phát triển:

Tu học Bát Quan Trai, tụng kinh, thuyết giảng, đáp ứng mọi nhu cầu tâm linh cho quần chúng Phật tử ly hương.

Mở lớp dạy Việt ngữ đầu tiên tại quận hạt San Jose.

Ấn tống kinh sách, sang bằng giảng để cúng dường các chùa, tặng các thư viện, gửi kinh sách đến các trại tỵ nạn Đông Nam Á.

Năm 1984, vì quần chúng Phật tử và đồng hương quy tụ tu học quá đông, Sư bà quyết định mua một miếng đất diện tích rộng hơn và kêu gọi xây dựng ngôi chùa mới quy mô hơn bằng cách cùng mọi người đi thu nhặt đồ phế thải như: lon nhôm, ve chai, giấy báo, thùng cát tông, v.v... về bán để gây quỹ xây chùa. Kẻ góp công, người giúp của; kết quả:

Năm 1985, mua được khu đất tương đối rộng hơn và một căn nhà cũ để thỉnh Phật về an vị nơi đây tiếp tục sự nghiệp tu tập, hoằng truyền Chính pháp.

Năm 1986, mua tiếp được lô đất kế cận.

Năm 1991, ngôi chùa Đức Viên chính thức

đặt viên đá đầu tiên mang nét kiến trúc cổ truyền văn hóa Việt Nam tại xứ người.

Năm 1995, chùa Đức Viên dưới sự lãnh đạo tâm linh đầy từ bi của Sư Bà, các Phật sự sau đây được mở rộng:

Thuyết giảng: Sư bà đã cung thỉnh chư Tôn Đức thuộc nhiều truyền thống Phật giáo: Việt Nam, Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Đại Hàn, Nhật Bản, Lào, Hoa Kỳ . . . về thuyết giảng giáo pháp để nâng cao kiến thức Phật học cho Ni chúng và tín đồ.

Chiêm bái Phật tích, Thánh tích, và danh lam cổ tự

Để phát huy niềm tin Tam Bảo, nỗ lực tu học và hoạt động Phật sự, Sư bà đã tổ chức nhiều chuyến hành hương chiêm bái Phật tích, Thánh tích và thăm viếng các danh lam cổ tự tại các quốc gia Phật giáo như Trung Hoa, Thái Lan, Miến Điện ...

Truyền bá giáo lý

Không những Sư bà ấn tống kinh sách, băng giảng phổ biến sâu rộng trong quảng đại quần chúng mà còn ủng hộ các đài phát thanh Việt ngữ có chương trình phát thanh giáo lý nhà Phật.

Đào tạo Ni chúng và giúp đỡ hậu học

Theo hạnh nguyện Tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức, Sư bà đã giáo dưỡng Ni chúng hữu duyên về xuất gia tu học tại chùa Đức Viên, gởi Ni chúng đi tham học tại các trung tâm tu học các quốc gia khác, cho Ni chúng theo học kiến thức phổ thông tại các trường Đại học Hoa Kỳ, ngoài ra Sư bà còn yểm trợ tài chánh cho các Tăng Ni sinh du học ở các trường Đại học tại Hoa Kỳ, Ấn Độ, Đài Loan cũng như bảo trợ các trường Phật học tại quê nhà như Bà Đá, Quán Sứ (Hà Nội), Vạn Hạnh, Vĩnh Nghiêm (Sài Gòn), và các tỉnh thuộc miền Trung Nam như Huế, Quảng Nam, Thủ Đức, Trà Vinh ...

Bảo tồn di tích và phát huy cơ sở

Bảo tồn di tích và phát huy cơ sở Phật giáo là một trong những Phật sự mà Sư bà hằng quan tâm. Sư bà đã tích cực yểm trợ các chương trình trùng tu nhiều cổ tự, danh lam thắng tích tại Việt Nam, xây cất tu viện tại Việt Nam, Trung Hoa, Ấn Độ...

Bảo tồn văn hóa Việt và thể hiện tâm từ:

Để bảo tồn văn hóa Việt qua danh ngôn: “Tiếng Việt còn, nước Việt còn”, Sư bà đã

mở trường Việt Ngữ Đức Viên để con em sinh trưởng tại Hoa Kỳ được học thêm và trau dồi tiếng Việt. Sư bà còn khuyến khích Phật tử và đồng hương giúp đỡ đồng bào bị thiên tai tại Việt Nam, tại Nam Mỹ cũng như thăm viếng an ủi các tù nhân, các bệnh nhân trại cùi, các trẻ em tật nguyền ...

Những ngày cuối cùng

Hữu thân hữu bệnh, hữu sinh hữu tử: đó là di huấn nằm lòng trong Kinh Phật. Sư bà bị ít nhất là ba chứng bệnh nan y đã được bác sĩ dự báo trong hơn ba năm qua: tiểu đường, ung thư, và bệnh đông máu. Nhưng tâm nguyện hoằng truyền Chính pháp và ý lực phục vụ chúng sanh là cội dưỡng chư Phật đã khiến Sư bà quên đi mình đang là bệnh nhân cần được chữa trị; do vậy, đến khi căn bệnh phát sinh tới hồi nguy kịch thì các bác sĩ đành bó tay.

Điều cần ghi nhận nơi đây là, mặc dù Phật sự đa đoan, nhất là những tháng gần đây khi căn bệnh được bác sĩ thông báo là không trị được, Sư bà vẫn thản nhiên trong việc hành trì pháp môn không lúc nào xao lãng. Pháp môn hành trì của Sư bà là Trì Chú và Niệm

Phật cầu vãng sanh Tây phương Cực Lạc.

Sau 19 năm tận tụy, chăm lo việc đạo, việc đời, Sư bà xả bỏ báo thân, thân thần nhập diệt, liên hoa hóa sanh vào lúc 21 giờ 27 phút, ngày 09 tháng 02 năm Kỷ Mão, nhằm ngày 26 tháng 3 năm 1999, thọ thế 67 năm, 48 hạ lạp.

Lễ nhập quan nhục thân vào lúc 15 giờ ngày 11 tháng 02 năm Kỷ Mão, nhằm ngày Chủ Nhật 28 tháng 3 năm 1999.

Lễ di quan trà tỳ vào lúc 9 giờ 30 ngày 17 tháng 02 năm Kỷ Mão, nhằm ngày thứ Bảy 03 tháng 4 năm 1999.

***Nam mô Đức Viên Ni Tự Đường Thượng,
Liên Hoa Tháp, Ma Ha Tỷ Khiêu Ni Bồ Tát
Giới, thượng Đàm hạ Lưu Giác Linh Tác
Đại Chứng Minh***

*Trích theo Kỷ Yếu Cổ Sư bà
Tọa Chủ chùa Đức Viên San Jose, CA*

Pháp ngữ khai thị của Sư bà Đàm Lựu

Mỗi người nên sống trong Giới Luật, kính nhường, hòa thuận, thông cảm cùng vui tu học hành đạo. Đừng phân biệt gây tình cảm riêng, bè phái, chia rẽ, hiểm thù, xích mích lẫn nhau để thoát thất hạnh nguyện Bồ Đề, muôn kiếp khó gặp. Phải sống luôn trong tâm niệm thực hành “Vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai” để đền đáp thâm ân Tam Bảo.

Phải lấy Giới Luật và Nội quy làm thầy và giải quyết mọi việc hợp tình hợp lý. Đừng ích kỷ, cố chấp. Nên tôn trọng khả năng lẫn nhau và phát tâm dũng mãnh làm tròn bốn phận của mình.

Luôn giữ tâm Bồ Đề vững mạnh, tín tâm làm việc, Tam Bảo sẽ chứng minh công đức.

Tránh mọi ham muốn, ưa thích, ghét ghen, gièm pha... Phải diệt trừ các ác nghiệp, vọng trước thể nhân.

Diệt trừ công cao ngã mạn. Đừng tự đề cao mình là tài đức, khinh chê người hèn kém. Mọi việc dù nhỏ cũng phải lưu tâm tiến tu. Mỗi việc đều là gieo nhân tạo phúc; đừng cho là việc phúc nhỏ không làm, không xứng đáng với địa vị của mình mà bỏ qua, không chịu hạ mình hòa đồng với người để tiến tu đạo nghiệp cho chính mình và trợ duyên cứu độ tha nhân.

Mong đại chúng dốc lòng tu trì, quán chiếu gìn giữ tâm niệm trong từng phút giây để khỏi bị các chướng duyên lôi kéo chúng ta lìa xa Chính pháp đến nỗi không đủ sức xả bỏ những điên đảo, vô minh.

Phải có chí hướng, quyết chí vươn lên cầu giải thoát, đánh đổi tất cả thân xác, đánh đổi tất cả ngã sở này, vận dụng tâm nguyện này, kiếm cái gì cao thượng để thành Phật, thành Bồ Tát.

Nuôi chí hướng vươn lên và phát nguyện. Phát nguyện những gì mình làm được dần dần, mỗi ngày làm được, chứ đừng phát nguyện lớn quá rồi không thực hiện được.

Ví dụ như phát nguyện cùng chia sẻ niềm vui buồn với mọi người hay phát nguyện niệm Phật 10 lần khi mình vui hay buồn. Dần dần mình sẽ là con Phật, con Bồ Tát.

Chúng ta cố gắng cởi bỏ bớt những cái áo tham sân si, ngã mạn, kiêu căng. Cố gắng may những cái áo xả kỷ vị tha; học hạnh của tha nhân, thân cận với tha nhân. Nếu chúng ta không chịu mặc những tấm áo đẹp vào, không chịu buông bỏ những cái áo xấu thì chúng ta không xứng đáng với lời phát nguyện ban đầu, với tâm xuất gia của chúng ta.

Chúng ta phải nhớ sinh tử trọng đại. Vô thường đến bất cứ lúc nào. Phải tinh tấn tu hành và nhất tâm niệm Phật.

Trong cuộc sống, nếu chúng ta luôn quán chiếu về những việc không như ý xảy ra cho chúng ta mỗi ngày, thì khi việc đến chúng ta sẽ dễ dàng ghi nhận mà không phiền não.

Khi giúp người nên giúp cho đến nơi đến chốn. Không nên vì gian khó hay biên kiến cá nhân mà thoái thất tâm tốt ban đầu.

Mỗi ngày chúng ta nên tự kiểm lại xem trong những việc đã làm, tâm mình thanh

tịnh được bao nhiêu phần. Từ đó phát nguyện cho mình đối cảnh sáng suốt làm lợi ích cho chúng sinh.

Thường quán chiếu về cuộc sống, sẽ có được phương tiện giúp mình và người vượt qua khổ đau, sợ hãi.



*Trưởng lão Ni:
Sư bà Hải Triều Âm*

Sơ nét về Sư bà Hải Triều Âm

Sư bà sinh năm 1920 tại tỉnh Hòa Bình, Bắc Việt. Vì mang trong người 2 dòng máu Pháp-Việt, nên ngoài tên tiếng Việt là Nguyễn Thị Ni, còn được đặt tên tiếng Pháp là Eugénie Catallan. Thân phụ là cụ ông Etienne Catallan. Thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Đắc.

Lấy xong bằng tốt nghiệp Diplôme D'étude

Primaire Supérieur, Sư bà đi dạy học. Ngay khi còn tại gia, Sư bà đã biểu lộ lòng từ bi. Ngày ngày dạy học, ngoài thời giờ Sư bà vào các bệnh viện, trại mồ côi, dưỡng lão để giúp đỡ an ủi động viên những mảnh đời bất hạnh.

Cơ duyên được biết Phật pháp là do Sư cụ Thích Tuệ Nhuận. Bài pháp đầu tiên được nghe Sư cụ giảng tại chùa Quán Sứ là kinh Lăng Nghiêm, phẩm Quán Âm Quảng Trăn và chương Đại Thế Chí niệm Phật. Lãnh hội được sự vi diệu của Phật pháp đem lại niềm an vui cho mọi người, Sư bà in những cuốn kinh nhỏ phát cho những Phật tử tới chùa tụng kinh hàng ngày.

Sư bà quy y với Đại lão Hoà Thượng Thích Mật Ứng, được Ngài đặt pháp danh là Hải Triều Âm. Sư bà thành lập gia đình Phật tử, mở các hội trưởng lão, thanh thiếu niên, nhi đồng ở Hà Nội, Hải Phòng. Ngoài ra Sư bà còn viết báo cho tòa báo Bồ Đề của Sư cụ Thích Tuệ Nhuận, dưới bút hiệu là Cát Tường Lan. Các bài pháp rất thực tế, đưa Phật pháp vào tư tưởng thanh thiếu niên thời bấy giờ.

Năm 29 tuổi, thâm ngộ lẽ vô thường, dù

phước thiện thế gian có hay đến đâu cũng không thể đưa đến giải thoát. Sư bà xuất gia với Đại Lão Hoà Thượng Thích Đức Nhuận, ở chùa Đồng Đắc, Hà Nội. Y chỉ và thọ giới với Sư cụ Tịnh Uyển, chùa Thanh Xuân, làng Phùng Khoang, Hà Nội.

Đến năm 1954, vâng lời Hòa thượng di cư vào Nam, Sư bà nhập chúng ở chùa Dược Sư, Gia Định, Sài Gòn. Vừa lo tu học, vừa hầu mẹ già bị bệnh bán thân, vừa lãnh việc chuyên giảng dạy cho Phật tử, Sư bà tinh trì giới luật, nghe kinh Kim Cang lãnh ngộ được tông chỉ niệm Phật, tu quán Tứ Niệm Xứ để khai tuệ giác tỉnh, sở đắc về bộ kinh Lăng Nghiêm để khai tri kiến Phật.

Sau khi thân mẫu qua đời, vì muốn báo hiếu công ơn mẹ, thấy rằng không gì bằng công đức tu hành, Sư bà nhập thất 5 năm ở chùa Vạn Đức, Thủ Đức, TP.HCM, chuyên tâm niệm Phật. Sau chuyển lên Phú An, Đức Trọng, Lâm Đồng nhập thất 7 năm tại ngôi tịnh thất nhỏ Linh Quang, những mong nhập niệm Phật tam muội.

Năm 1968, Hòa thượng Thích Thiện Tâm khai mở tông Tịnh-độ ở thôn Phú An, Đức Trọng, Lâm Đồng, mời Sư bà về để cùng

một số Ni chúng thành lập xã Hoa Sen, noi gương Tổ Huệ Viễn.

Năm 1970, Hòa thượng Thích Thanh Từ mở lớp tu thiền 3 năm ở Thiền viện Chơn Không, Vũng Tàu. Sư bà là một trong 10 vị khóa đầu được Hòa thượng chiêu sinh. Sư bà theo khóa học thiền để hỗ trợ cho công hạnh tu Tịnh-độ. Sau thời gian tu tập, Sư bà ngộ được tôn chỉ “Tri vọng vọng tan, chính là quán hạnh Tứ Niệm Xứ”.

Năm 1973, Sư bà trở về Tịnh thất Linh Quang, Lâm Đồng nối tiếp công phu tu niệm.

Từ hoài bi nguyện độ sanh không bỏ, tại đây Sư bà bắt đầu độ chúng, lúc đó chỉ có vài chục người. Đến nay đã thành lập 8 chùa Ni Liên, Linh Quang, Liên Hoa, Viên Thông, Hương Sen, Dược Sư, Lăng Nghiêm, Bát Nhã. Đủ các căn cơ, già trẻ, lớn bé cho đến người tàn tật, trẻ mồ côi Sư bà đều đưa tay tế độ, mong họ được kết duyên với Phật pháp. Phật tử quy y thì không biết bao nhiêu mà kể.

Đối với đại chúng, Sư bà khiêm cung, giản dị, từ hòa nhưng nghiêm khắc đưa đại chúng vào khuôn khổ giới luật, nội quy; sửa

trị những xấu ác nhưng bao dung những lỗi lầm chỉ cốt cho đại chúng thành những bậc pháp khí trong Phật pháp.

Sư bà một lòng lo cho đại chúng, từ tinh thần đến vật chất, hy sinh sức khỏe thời giờ, tận tình từ đời sống tạm thời đến rồi đi, tới đời sống đạo vị lợi ích vĩnh viễn trong kiếp tương lai. Suốt ngày trọn đêm không giờ phút nào Sư bà ngồi nghỉ trong bốn phận tự giác giác tha.

Lúc Sư bà ở chùa Liên Hoa, Bình Thạnh, TP.HCM, học chúng đổ về học pháp rất nhiều. Sư bà đã biên soạn toát yếu lại những bộ kinh Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, luật Tỳ-kheo-ni v.v... lời văn giản dị, xác thực để học chúng dễ nắm được yếu chỉ của kinh luật. Mắt đeo kính, dưới ánh đèn dầu, Sư bà miệt mài đọc sách dịch kinh. Từng bộ kinh Hán văn dày cộm đầy những chữ với bộ óc tuổi già thật mỏi nhọc, Sư bà vẫn hết sức cố gắng cặm cùi dịch sang Việt ngữ để đàn hậu lai có sách học tập. Mang bệnh giựt cơ trên đầu mấy chục năm nhưng chưa từng vì đó mà nghỉ ngơi. Năm 1983, vì muốn làm cuốn Hai Cánh Nhà Ni cho các Tỳ-kheo-ni mới thọ giới năm vững giới điều, Sư bà đã thức suốt cả tháng. Suốt

một đời hành đạo, Sư bà đã biên dịch, biên soạn, toát yếu gần 100 đầu sách...

Sư bà là tấm gương sáng của một bậc Trưởng lão Ni, hết lòng tôn kính Phật - Pháp - Tăng, gặp bất cứ hình tượng Phật nào Sư bà đều thành kính đánh lễ. Tận tình học pháp, nghiên cứu pháp, truyền bá giáo pháp. Đối với Tăng Ni, Sư bà khiêm cung, kính trọng, luôn dạy hàng đệ tử suốt đời phải thực hành Bát Kính Pháp, sống Lục Hòa, trên kính dưới nhường, lấy Giới-Định-Tuệ làm sự nghiệp chính của mình, là nơi quy ngưỡng của nhiều người.

Sư bà thường nhắc chị em phải tinh tấn tu hành để đền ơn thí chủ. Đời sống giản dị, tiết kiệm từng hạt gạo, tấm vải; thường nhắc dạy chúng đệ tử không được phung phí vật dụng Tam Bảo, phải biết yêu tiếc như giữ tròn con mắt. Sư bà kiệm đức kiệm phước trong từng hành động, 70 tuổi vẫn tự giặt áo, giặt mùng, không phiền nhọc một người hầu hạ. Mãi đến 80 tuổi, Phật sự đa đoan, tuổi già mỗi nhọc, Sư bà mới cho hàng đệ tử trợ giúp. Đến khi già lão, thân suy yếu lại bệnh nhưng chưa bao giờ Sư bà hiện tướng mỗi nhọc buồn phiền, gặp ai cũng nở nụ cười từ ái. Ai đến gần Sư bà đều

cảm nhận được sự mát mẻ từ bi, tất cả bao phiền não đều tiêu tan.

Bởi vì thấu đạt được chân lý “nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”, nên con sâu cái kiến, hàm linh bảo thức, các loài chúng sanh, đã có duyên với Sư bà đều được thừa hưởng ân đức Sư bà ban bố, được thấm nhuần pháp vị. Lòng từ bi của Sư bà không chỉ nhân loại được hưởng mà thấm nhuần đến từng cỏ cây, loài vật. Với chúng sanh, đói Sư bà cho ăn, khát Sư bà cho uống, rét Sư bà cho áo mặc, niệm Phật để nó kết duyên với Phật pháp từ đời này đến đời sau. Sư bà răn dạy *“đó chính là những huynh đệ chúng ta từ kiếp trước, chỉ vì một chút lỗi lầm phải đọa làm thân chó, nên chúng ta phải tận tình thương xót”*.

Qua bao thăng trầm thế sự, Sư bà vẫn như núi kia bất động trước cảnh đời dâu bể, vẫn cúi xuống tận lực đùm bọc che chở, nuôi dưỡng hạt giống thánh cho hàng đệ tử. Sức an định của Sư bà như núi cao bất động trước phong ba của tám gió. Trí tuệ của Sư bà như trăng sáng chiếu soi, phá tan bao hắc ám của đời sanh tử. Dù nói bao nhiêu cũng không đủ lời để tán dương hạnh đức Sư Bà.

Năm 2009 ngày 6 tháng 7 âm lịch: Sư bà để lại bút tích như sau:

Ký ca ký cốp

Đóng góp nên công

Nhẹ như lông Hồng

Bay về Cực Lạc

Hào quang sáng quắc

Vẫy gọi muôn phương

Cái bướm con mèo

Trời người muôn loại

Mau mau tỉnh giấc

Thoát xác vô minh

Giải nghiệp hữu tình

Lên đường giải thoát.

Mùng 4 tháng 4 năm Quý Tỵ (13/5/2013) là ngày Vía đức Văn Thù Bồ-tát, cũng là ngày kỷ niệm xuất gia lần thứ 64 của Thầy, một vầng hào quang rực rỡ xuất hiện trên đỉnh tháp khoảng từ 8 đến 12 giờ trưa.

Trước ngày vãng sanh, Sư bà cho biết đã

nhìn thấy đức Phật A Di Đà, đức Văn Thù Bồ Tát, đức Phổ Hiền Bồ Tát cùng các thánh chúng đến đón.

11 giờ 56 phút, ngày 31 tháng 7 năm 2013 (nhằm ngày 24 tháng 6 năm Quý Tỵ): Sư bà thu thân thị tịch, hoa sen trắng thẳng văng trời Tây. Thượng thọ 94 tuổi, 60 hạ lạp.

Trong suốt những ngày tang lễ đều có văng hào quang xuất hiện trên đỉnh tháp, dưới sự chứng kiến của những người tham dự.

Liên tiếp các ngày tuần thất cho đến tuần chung thất, cũng đều có hào quang xuất hiện và mây ngũ sắc trên bầu trời.

Sư bà đã thị hiện vô thường, để lại niềm nuối tiếc khôn nguôi cho hàng trăm, hàng ngàn đệ tử xuất gia và tại gia trên khắp thế giới.

Nam mô Kim Quang tháp, Tào Động phái, pháp huy Hải Triều Âm, tự Đại Thành, hiệu Bác Tế Từ Hòa, Đại Lão Sư Trưởng giác linh.

Trích theo nguồn <http://www.chuaduocsu.org/>

*Pháp ngữ khai thị của
Sư bà Hải Triều Âm*

1. Phước đức nhân duyên vun trồng từ vô lượng kiếp nay mới được dự đàn giới Tỳ-kheo-ni, tức là cây Bồ-đề đã nảy mầm. Đắc pháp nơi đại Tăng rồi phải hết lòng vâng giữ. Phải biết nay đã là thời Mạt pháp (mạt: ngọn). Giáo pháp Như Lai tuyên dạy đã trải mấy ngàn năm phai nhòa. Nay chỉ còn chút ngọn. Hết ngọn là đến hư không, không còn nữa. Phật đã huyền ký: Thời diệt pháp, các kinh mất hết. Chỉ lưu lại 6 chữ “Nam Mô A Di Đà Phật”.

2. Giờ phút lâm chung, có rất nhiều cảnh hiện lên, mình phải nhớ những cảnh này là nghiệp báo của mình. Mà tướng của những cảnh này là nghiệp báo của mình, mà thể của nó là tánh Phật của mình. Nếu mình quên cái đó một chút thôi, là mình bị đoạ.

Khi gặp những cảnh trái ý mình, thì mình

liền có phản ứng, và thâm tâm không có ưa mà ghét. Mà cái lúc lâm chung ấy, chỉ nổi một niệm không ưa hay ghét một cái, thì chưa thấy người làm mình không ưa đó người ta làm sao, mà bản thân mình không vào địa ngục, thì cũng vào hang rắn, hang cạp, bởi vì cái sân nổi lên. Chỉ cần một cái bất mãn thôi, cũng đủ để đưa chúng ta đến những con đường ấy rồi.

Cách thức làm thế nào để giải thoát? Giải thoát chỉ ở chỗ mình nhận thấy những có tướng này là không thật, theo nhân mà có. Chúng ta phải luôn hành trì niệm Phật miên mật, trong tâm chỉ có đức PHẬT A DI ĐÀ thôi. Những cảnh, những người chúng ta tiếp xúc hàng ngày đó, chỉ là những hình ảnh của nghiệp báo của mình hiện lên. Phải luôn nhớ như thế, để lúc nào chúng ta cũng có cái tâm hoà hài với tất cả. Không có thấy mình là một thể riêng biệt.

Bây giờ chúng ta thấy một người giết người đang đứng đây, mình ghét người ta. Khi cái tâm khó chịu đó nổi lên, thì đã có sự phân cách giữa mình và người đó. Và như thế thì cái Ngã của mình không thể tiêu trừ. Cho nên Phật dạy chúng ta trong lúc còn sống, chúng ta phải luôn thực tập quán, để

mỗi khi những thứ đó hiện lên nơi mắt của chúng ta, chúng ta phải biết đó là giả, chỗ ấy là đức PHẬT A DI ĐÀ, chỗ ấy là Bồ tát Quán Thế Âm. Chúng ta phải tập cho được cái thói quen này, và buông xả hết những cái gì mà mình thấy trái ý mình.

Cho nên mỗi âm thanh hiện ra, mình phải tập quán, quán cái tướng hư vọng của nó. Nó chỉ là do nghiệp báo của mình hiện ra, mà cái tánh là Phật, là Tổ, là Như Lai tạng. Chúng ta phải tập như thế hàng ngày, mà phải tập đến trình độ bảy con chó xúm lại cắn mình, mà mình vẫn nhớ được đây là đức Di Đà đang hiện ra, mà cái tướng là hư vọng, là nghiệp báo của mình.

Bất cứ chuyện gì hiện ra cũng đều là cái tướng của nghiệp báo của mình mà thôi, dù là hay hay dở. Chúng ta tu theo đức Phật A Di Đà, chúng ta phải nhớ cái tánh của Ngài là Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ ở khắp pháp giới. Thế thì nếu hiện tại bây giờ mà mình không tập, thì lúc lâm chung mình sẽ không giữ được chánh niệm, bởi vì không quen. Có người mỗi ngày huân tập theo lời Phật dạy, khi lâm chung mặc dù đạo hạnh còn kém, nhưng họ vẫn được giải thoát. Và những vị chưa tập, chưa quen, mặc dù đạo

hạnh rất khá, nhưng mà tới lúc lâm chung, họ khởi lên cái ý niệm xấu, thì họ theo cái niệm ấy mà đi xuống. Cho nên chúng ta phải tập từ bây giờ, mà lúc nào cũng phải tập.

Nếu như chúng ta đạt được giải thoát hiện tiền thì càng tốt, đâu cần phải đợi đến lúc lâm chung. Đến giờ phút lâm chung mà cái giải thoát chưa nắm trong tay, thì rất là nguy hiểm.

3. Sư bà kể rằng, có một cô hay đi chùa kể cô có một con chó, nuôi nó rất ngoan, một hôm nó ăn vụng, cô đánh nó què chân. Ngày cô đi làm về, nó lết cái chân què ra vẫy đuôi chào cô. Cô ghen ngào tới ôm nó vào lòng. Thế đấy, con vật không giận dỗi người làm khổ nó. Người ta thường chửi những thứ cay đắng nhất như là, khổ như nó, đều như nó... nhưng con người học hạnh trung thành của nó và ta đã nghe nhiều câu chuyện về khi chủ chết, con chó cũng nằm chết bên mộ luôn, và khi bị đánh đập nó vẫn luôn luôn trung thành, Trong khi con người mấy ai được như vậy. Một câu chuyện đầu Xuân cùng suy ngẫm.

Nam mô A Di Đà Phật!

4. Chúng ta bị nghiệp lực cuốn phăng phăng trong biến hoá, không một sức tự tại. Ngu si mê muội nhận nghiệp là mình. Không một chút nghi ngờ hưởng chi còn biết để ý :

A. Thần thức bị nghiệp dẫn vào tử cung mẹ. Ta lấy máu kinh nguyệt của mẹ làm chỗ ở và thức ăn. Các cụ thường nói : “Khi quý sứ đưa đi đầu thai, nó cho ăn cháo lú”. Nay học Kinh mới biết : Quý sứ là nghiệp dâm dục, cháo lú chính là thứ máu này. Đã chịu thân cách ấm thì Bồ-tát còn quên hết chỗ tu kiếp trước hưởng kẻ phạm tình. Tử cung mẹ toàn máu tanh. Quanh tử cung là những vòng ruột toàn phân thối. Một bong nước tiểu khai. Tất cả các bộ phận này ở trong nước nhớt khắm. Chúng ta thành hình ở trong đó, từ nhơ bẩn mà ra. Ấy thế mà lớn lên trợn mắt cãi mẹ, tự cho mình là kẻ khôn giỏi tài hoa!

B. Cả 7 năm đầu công mẹ phù trì nuôi nấng, nói sao cho hết những nhọc nhằn.

C. Cho đến 21 tuổi, sáu căn bổ ngũ tập làm quen với sáu trần, trong cuốn phim đời chúng ta tự đóng trò và tự nếm ý vị.

D. Tuổi thành niên là tuổi năm ấm xí thịnh.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Con mắt lưu dật bốn sắc”. Dùng ba danh từ liên tiếp để nói sức mạnh của vô minh chạy theo trần cảnh. Lưu là nước chảy xuôi dòng. Dật là lửa bén rừng hoang. Bốn là vó ngựa tung trong cánh đồng. Ý nói những sức mạnh này, không phải là không ngăn cản được, nhưng đã tập quá quen từ vô thủy, ít ai để ý kìm hãm. Thế là rông rã tham sân si... Thế là buông lung sát đạo dâm vọng...

E. Từ trẻ đến già, thân là cái máy đòi ăn uống, áo quần, nhà ở v.v... trăm thứ cần dùng. Ta đã đem hết tinh thần cung phụng. Nó chuyên sản xuất phân tiểu, mồ hôi, cáu ghét. Mắt ra ghèn, tai ra ráy, mũi miệng ra đờm dãi. Ngày này qua ngày khác, trợn đời lo tắm rửa.

Tới khi tắt cả gió trong người đồng dứt, cười, nói, cử động, nhất tể lạnh ngắt. Thân ma nằm im. Người ngoài tưởng thế là an nghỉ. Nhưng theo Kinh dạy thì khi hơi thở ngừng, tinh thần bức ngộp khổ vô cùng. Ta cứ thử lấy tay bịt mũi vài phút, sẽ biết chút ít sự khổ của người không được thở. Thiếu dưỡng khí, máu lạnh dần. Từng tế bào, từng thớ thịt, xương tuỷ như bị dao cắt kim châm. Khổ muốn phát điên mà thân không cử động được một tơ hào.

Cứ thế cho tới lúc toàn thân lạnh ngắt, thần thức mới không hiện hành, tinh thần chìm trong mờ mịt... để sửa soạn một cuốn phim khác, bước sang đời sau.

F. Từ trong bào thai đến khi vào quan tài, các thứ bệnh hoạn: Đậu mùa, ho lao, thương hàn, sốt rét, hủ cùi, ung thư v.v... lặn lẽ bất chợt đem đau đớn cho người ta như rắn bò dưới cổ. Nó đến lúc nào không ai biết. Chợt nó phát ra thì già trẻ sang hèn đều bị nó ngự trị hoàn toàn. Da thịt xương tủy đau nhức kiệt quệ. Còn bao nhiêu tai nạn khác như hóc xương, trượt chân, ngã gãy tay vỡ sọ, một viên ngói rơi trúng đầu, một luồng gió độc thoáng qua...

Đời người là một chuỗi lo âu sợ hãi nhưng trí nhớ con người như dao chém nước, vừa nhắc lên đã mất vết. Không ai dám tự hào ngày mai tôi vẫn còn mạnh khỏe. Ai cũng biết cuộc đời có lắm bất ngờ, hoạn nạn này, khổn khổ khác. Vậy mà thế gian vẫn vui cười, uống rượu, mê sắc, các thứ ngông nghênh kiêu căng đáo đả, hành hạ lẫn nhau, xoay sở tàn hại nhau. Chỉ vì không thể nhớ rằng mình đã và sẽ khổ.

G. Mục đích cốt làm thế nào thấy rõ sự thật ở mỗi con người, mỗi con chim, con cá... là vô thường, vô ngã, khổ và không. Thấy rõ để giải thoát ba độc tham sân si, xót thương thành thật vạn loài, vui vẻ ở với ai cũng được và ở cảnh nào cũng được.

Đức Bốn sư vừa giảng sanh đã nói ngay : “Thiên thượng, thiên hạ duy ngã độc tôn”. Thấy hiểu câu ấy nghĩa thế này : ”Trên trời dưới đất chỉ có cái TA chân thật mới đáng tôn quý”. Vì muôn loài sống mê muội. Thân, tâm, cảnh đều hư vọng. Từ vô thủy lẫn quẩn mãi trong vòng Hoặc Nghiệp Khổ. Phật giảng sanh để khai mở cho nhân loại thấy và trở về sống với cái TA chân thật.

5. Đức Thích Ca dạy : “ Về phương tây cách đây 10 vạn ức cõi Phật , có một thế giới gọi là An lạc, có đức Phật A Di Đà hiện đang thuyết pháp.

Đức Phật vì sao hiệu là A Di Đà ?

Xá Lợi Phất này, Phật A Di Đà quang sáng vô cùng vô lượng, soi khắp các nước suốt cả 10 phương không đâu chướng ngại. Phật A Di Đà cùng với nhân dân của Ngài sống lâu vô cùng đến bao nhiêu kiếp không thể

kể xiết. Phật A Di Đà thành Phật đến nay mới có 10 kiếp. Đệ tử Thanh văn toàn A-la-hán hằng sa vô số. Các vị Bồ-tát cũng đông như thế. Mười phương chúng sanh sanh về An lạc đều là những bậc một đời không thoái. Trong có rất nhiều nhất sanh bồ xứ. Số sanh sang đầy nhiều lắm không thể đếm mà biết được. Chỉ có thể nói là nhiều vô số vô lượng vô biên. Chúng sanh nghe rồi thì nên phát nguyện, nguyện sanh sang đầy để được cùng các bậc thượng thiện như thế cùng nhóm họp một nơi”.

6. Tịnh độ là đất sạch, vì y báo toàn cảnh tươi đẹp trong sáng, chánh báo toàn thượng thiện nhân. Trái lại cõi Ta Bà y báo đất cát bụi bặm. Chánh báo toàn tham sân si nên gọi là uế độ (cõi đất nhơ bẩn). Kinh Duy Ma Cật dạy tâm tịnh là Tịnh độ (không có cõi riêng tư nào. Bất cứ ở đâu hễ tâm tịnh đó là Tịnh-độ). Mới nghe tựa hồ khác với kinh A Di Đà. Nhưng thật 2 kinh cùng tuyên dương lý nhân quả. Cõi Cực Lạc đất sở dĩ toàn vàng vì tâm địa nhân dân thuần thiện cảm thành. Cây hoa cung điện chói sáng do trí tuệ giác tỉnh cảm thành. Nơi nơi ngọc ma ni (như ý) trang nghiêm do tâm từ bi cảm thành.

Kinh A Di Đà kể cơ vì chúng sanh cõi Sa Bà 9 tháng tù ngục trong thai nhơ uế, thoát ra để mùa hạ mặt trời thiêu đốt, mùa đông lạnh cóng buốt xương. Ác thế chỉ đem sát đạo dâm vọng đối xử với nhau. Khiến cho thân đã khổ vì sanh già bệnh chết, tâm đã khổ vì ân ái biệt ly, oán thù gập gờ, cầu chi chẳng được, lại thêm trăm cay ngàn đắng trong gia đình ngoài xã hội. Nay nghe cảnh giới an vui, có thấy là Phật, có chúng bạn toàn Bồ-tát Thánh Hiền, ai đã tin được mà chẳng ham thích cầu về.

Kinh A Di Đà kể lý vì cõi Cực Lạc có thật. Có những chúng sanh thanh tịnh nên cảm quả báo được Phật là người thanh tịnh đưa về cảnh giới thanh tịnh để chung sống với các bậc thanh tịnh.

Hiện nay trên khắp hoàn cầu, khoa thiên văn đều công nhận trong hư không vô biên có vô lượng thế giới thể chất khác nhau, nên tin ở phương Tây có cõi Cực Lạc là việc dễ dàng đối với Phật tử ở thế kỷ XX.

7. Tông Tịnh-độ có rất nhiều môn. Hiện nay tại Việt Nam chỉ lưu hành có 3 pháp:

1) Kinh Vô Lượng Thọ chủ trương đoạn trừ 5 thống 5 phiền. Năm thống là 5 sự đau đớn.

Năm thiêu là 5 sự đốt nấu. Kinh dạy : Dùng 5 giới để thanh tịnh tâm địa. Lấy tịnh giới làm nhân tu cầu vắng sanh về cõi Phật A Di Đà.

2) Kinh Quán Vô Lượng Thọ chủ trương thanh tịnh tâm địa để cầu vắng sanh bằng định lực. Kinh dạy 16 pháp quán y báo chánh báo cõi Cực Lạc.

3) Kinh A Di Đà dùng tuệ lực buông xả căn trần hư vọng, một lòng niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Nhất tâm bất loạn nghĩa là sạch hết kiến-hoặc tư-hoặc thì bảo đảm vắng sanh.

* * *

Chữ A Di Đà, chúng ta đã biết, nghĩa là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, Vô Biên Công Đức. Vô Lượng Thọ là thường trụ không sanh diệt. Vô Lượng Quang là tánh giác ở khắp mười phương. Niệm danh hiệu Phật A Di Đà là niệm thật tướng của Phật. Thật tướng của mười phương Phật chính là thật tướng của mười phương chúng sanh. Chư Phật đã chứng ngộ sự thật này. Chúng ta còn mê. Nay niệm Phật, trở về với Phật, tức là trở về với thật tướng của chúng ta.

a) Bậc thượng căn y theo lý này niệm Phật,

được thượng phẩm thượng sanh, ở cõi Thường Tịch Quang.

b) Bạc trung căn trì giới, tu định, niệm danh hiệu Phật, được trung phẩm vãng sanh, ở cõi Phương Tiện Thánh Cư

c) Bạc hạ căn tránh ác làm lành niệm danh hiệu Phật, được hạ phẩm liên hoa, ở cõi Thánh Phàm Đồng Cư (cõi An Lạc nói trong kinh A Di Đà).

Vì Kinh A Di Đà dùng một môn trì danh gồm nhiếp cả 3 căn, kiêm thông cả Thiền, Giáo, Luật, Mật... các tông, nên được lưu thông khắp các nước đại thừa. Tới nay vẫn không kém bề hưng thịnh.

8. Thân gọi toàn chúng Liên Hoa

Thầy vừa sáng qua nằm mộng, thấy mình đang ngồi đàm đạo với Ni trưởng và một Sư bà nữa. Thấy cứ ngồi im, riêng thiền quán, để hai Sư bà nói với nhau, trong lòng tự đắc như mình có chỗ y cứ tu hành. Bỗng Thầy thấy mình đang ở ngoài đường và chợt nhớ mình đang ngồi trên lưng con lừa. Ngay lúc ấy lừa đưa thẳng Thầy vào một gian nhà toàn những người tàn tật, méo miệng, chợt mắt v.v... Thầy bảo mọi người: “Bắt hộ tôi con lừa lại, vì tôi mượn của người ta”.

Nhưng chưa ai kịp giúp thì lửa đã biến mất và Thầy tỉnh dậy.

Các con thử đoán xem đây là điềm gì?

Riêng Thầy hiểu rằng: Ngồi trên lưng lửa là sống bằng ý thức. Lửa đi mượn là ý thức phan duyên, mượn sáu trần mới có. Lửa đi mất, không ai nắm bắt lại được: Kinh thường dạy: “Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”. Lửa đưa về chỗ mù điếc: Kinh dạy “Nghe Phật Pháp mà bỏ qua sau sẽ đọa làm chó cụp tai”.

Đây là một điềm đáng lo.

Hôm nay ngồi xe lam đi Tùng Nghĩa dự đàn giới. Cả đàn lớn tiếng niệm: “Nam mô Tây phương An Lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật”. Đường đi phơi phơi, trong tâm niệm niệm nguyện sẽ như Phật, tiếp dẫn hết thầy quần mê về cảnh giới an lành.

Ngồi trong đàn giới, lắng nghe quý giới sư, thẩm nhận thường trụ diệu minh bất động chu viên diệu chân như tánh. Mới nghĩ ra: Thường trụ, bất động là vô lượng thọ. Diệu minh chu viên là vô lượng quang. Diệu

chân như: Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên là vô biên công đức.

Nhân đó khi lễ tạ, ban huấn từ cho giới tử rằng:

Chớ sợ hãi cô đơn trong kiếp mạt, chớ lo nội chướng ngoại chướng khó tiêu trừ. Hãy quyết tin Như Lai chánh biến tri vô lượng lực. Pháp của Ngài như hoa Ưu Đàm, kẻ bạc phước vô duyên đâu mong được gặp. Vậy mà ta đã được nghe. Con đường tự giác, giác tha là con đường cao quý vô thượng. Mà nay ta đã được chư tôn đại đức Ni vân tập về đây chỉ nẻo cho ta cất bước. Thật là đại khánh, đại hạnh. Vậy nên chí tâm phát nguyện, nguyện như Phật Thích Ca, giống quý Pháp vương rộng rãi gieo. Nguyện như Phật A Di Đà soi đường cho muôn loài về Thánh địa.

Trích trong Những Lá Thư Thấy của Cổ Sư Bà

9. Thân gửi H!

Một giờ đêm thức giấc niệm đức Quán Thế Âm chợt nhớ tới con, Thầy ngồi dậy thắp đèn viết cho con vài hàng nhắc nhở. Con nhớ lời Tổ A Nan: “Một ngày thấy đạo

còn hơn sống 100 năm vô ích”. Đạo con chưa thấy nhưng con đã thấy lối vào. Thân hư vọng, tâm vô minh, cảnh ảo ảnh theo nghiệp giả hiện. Chỉ có tánh Linh quang đang hiển lộ nơi thấy nghe hiểu biết của chúng ta không sanh không diệt, không thêm không bớt, không nhớ không sạch. Con ơi! Thà như trâu bò ngu si cam phận vô duyên. Còn H đã học Lăng Nghiêm, đã làm thủ tòa trong ban phản văn, đã thấy tánh, xin chớ tự chôn vùi trong vọng tưởng. Hãy nhớ rằng ba má anh chị em con chưa được nếm đạo vị một tí nào. Chính Thầy được học, được hiểu, được tu nhưng 24/24 giờ vẫn quên lãng. Nếu con không có đạo thì ai sẽ cứu vớt những người này đây. Con ơi! Ở giữa đám xác chết, con phải sống! Con phải sống thật sự đi con! Tánh Phật! Tánh Phật mới là thật! Mở lò luyện vàng, trở về chân tâm bản tánh ngay giờ này, đừng hẹn ngày mai. Từ vô thủy chúng ta đã để vọng tưởng dắt lên thiên đường, xuống địa ngục. Vọng tưởng đã biến chúng ta thành ma quỷ chó mèo. Hôm nay tu hành cũng cùng với vọng tưởng mà ước mong làm Phật làm Tổ. Nhưng chính Phật đang ở ngay mắt tai mũi lưỡi con, đang giơ tay tiếp dẫn con, sao con không trở về? Con ơi, nhớ ra là sen

vàng, là giải thoát, là đền bốn ân, là cứu khổ muôn loài! Quên đi là trầm luân, là thâm con đường luân hồi. Con ơi! Con bò con ngựa kéo xe cực khổ lắm. Những con người trong xã hội kia đã chắc ai thoát kiếp ngựa bò? Con đã phát nguyện độ cho họ lên tòa sen cơ mà! Thầy thường nói với chị em, Thầy rất hối hận để cho chị H hưởng lộc gia đình, nên nay chị hoàn toàn bị lệ thuộc gia đình, gần như không còn là người xuất gia. Nhưng chính giờ phút này Thầy không dám khuyên con ở lại. Bởi vì tương lai mờ mịt, ai biết được những gì sẽ xảy ra? Trong khi chính mình còn đeo thân sanh già bệnh chết, đâu dám bảo đảm giải thoát cho ai? Nên Thầy đành im lặng. Thương con thương má con lắm lắm. Nhưng tu như má con lại ăn chắc. Giản dị và thành tâm. Thầy trò mình những mong với cao mà tay lại ngắn mới đáng lo. Về tới bên kia con nên thường viết thư cho HT để nhắc nhở tới phản văn.

*Trích trong Những Lá Thư Thầy
của Cố Sư Bà*



Mặc giáp nhần nhục, ngôi tòa pháp không

Bà Thị Kính bị cha mẹ chồng trả về gia đình. Đối với phụ nữ Á Đông, đây là một tủi nhục nặng nề đã khiến bao người tự tử. Nhưng đối với tầm mắt bà thì:

Nực cười cái chuyện còn con,

Bổn không mà nẩy lên cơn thái sơn.

Vì có trí tuệ Bát Nhã, bà thấy rõ thị phi của thế gian như sáu con rồng múa rối, chẳng đáng bận lòng. Bà tìm giải thoát nơi cửa Phật.

Tới khi Thị Mầu vu oan, dân làng đánh đập. Sư cụ không cho ở trong chùa, đuổi ra

ngoài cổng tam quan, cha mẹ xa xôi không hy vọng tái ngộ. Một thân cô đơn sống dưới con mắt khinh bỉ của thôn xã. Bốn đạo trong ngoài đều trở ngón tay: Tiểu kia tu có trót đời được đâu.

Trong hoàn cảnh rất mực khó khăn, bà chỉ kết luận:

Xá chi một đứa đại khờ,

Nước tùy duyên rửa đi cho kéo mà.

Chữ rằng nhẫn nhục nhiệm hòa,

Nhẫn điều khó nhẫn mới là chân tu.

Rồi bà quay về:

Bạn cùng thanh phong minh nguyệt,

Lấy hoa đàm, đốc tuệ làm vui.

Con mắt giác tỉnh, không oán thù mà tha thứ xót thương, bởi vì thấy rõ xấu ác là đại khờ. Kẻ mê để cho hoàn cảnh chi phối, sống như cái máy, biết gì mà ta oán chấp. Bậc tu hành tùy duyên nhẫn cảnh. Thế giới không hoa, thân người mộng huyễn. Vạn pháp vô thường đâu có thể cậy trông. Chỉ quay về bốn phận mình, nhẫn nhục, nhu hòa, noi gương Phật Tổ.

Kinh Kim Cương nói: “Nhẫn nhục chẳng phải nhẫn nhục. Ấy mới thật là nhẫn nhục”. Nếu còn thấy có nhục để phải nhẫn thì khó mà nhẫn được lâu dài. Nên biết tới đây Bát Nhã của bà Thị Kính đã ba-la-mật-đa.

Những tưởng an thân nơi mái tam quan, vui với thiền tư kinh kệ, thì cơ duyên khe khát lại khéo xui Thị Mầu đem con để ở hiên chùa rồi bỏ đi.

Nghĩ rằng: “Mạng người khôn lấy làm chơi mà liễu.”

Cho nên: “Xót tình măng sữa nâng vào trong tay.”

Sư cụ Bốn sư thấy thế ấn thêm cho một câu: “Như vậy thời Thầy cũng nghi.”

Hàng ngày bế con đi xin sữa khắp làng. Mẹ vò nuôi con nhện, đã bao cực nhọc khó khăn. Lại thêm tiếng bắc tiếng chì, đặng đặng 3 năm. Thiền sinh mà nuôi con mọn, bám víu bế ẵm ngày đêm. Những người chuyên tu mới hiểu nỗi khó khăn này. Thật là hy sinh tới chỗ cùng tột, hy sinh cả sự giải thoát. Nhưng ngài tin Phật, thực hành đức hiếu sinh, lấy vâng lời Phật làm vui.

Kinh Pháp Hoa nói: “Muốn nhập Phật tri

kiến phải ở nhà từ bi, mặc giáp nhần nhục, ngồi tòa pháp không”. Nay nuôi con oan gia mà đầm ấm tình máu đào. Bà thật đã đủ 3 điều kiện để nhập Phật tri kiến, chứng quả Vô-thượng Bồ-đề.

Nam Mô A Di Đà Phật!

Trích Bốn Mùa Hoa Giác của cố Sư bà



Lời kết

Muốn chia sẻ tâm sự kết pháp duyên với quý Phật tử, thiện hữu tri thức gần xa, hiềm rằng sự hiểu biết của mặt nhân kém cỏi quá, e khó lòng chuyển tải được hết cảm nghĩ, nên kính mượn lời dạy của Tổ sư Ấn Quang¹, chân thành gửi đến quý độc giả thay cho lời kết:

“Pháp môn Tịnh Độ, độ khắp ba căn, lợi-độn trọn thâu, chính là đại pháp để đức Như Lai phổ độ hết thảy thượng thánh hạ phàm khiến cho họ liễu sinh tử ngay trong một đời này. Đối với pháp này chẳng tin, chẳng tu, chẳng đáng buồn ư?”

Pháp môn này lấy ba pháp Tín-Nguyện-Hạnh làm tông. Tín là là tin thế giới chúng ta đây là khổ, tin thế giới Cực Lạc là vui. Tin ta là nghiệp lực phàm phu, quyết định chẳng thể cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng

1 Trích trong Văn Sao Tục Biên quyển thượng, tr. 09.

liễu sinh thoát tử. Tín đức A Di Đà Phật có đại thệ nguyện; nếu có chúng sinh nào niệm danh hiệu Phật, cầu sinh cõi Phật, người ấy lúc mạng chung, Phật ắt rủ lòng từ tiếp dẫn sinh về Tây phương. Nguyện là nguyện mau thoát lìa thế giới khổ sở này, nguyện mau vãng sinh thế giới Cực Lạc kia. Hạnh là chí thành khẩn thiết, thường niệm Nam mô A Di Đà Phật, thời thời khắc khắc chớ để tạm quên.

Nên biết rằng: “Người thông hiểu sâu xa kinh giáo chưa chắc đã liễu sinh tử ngay trong đời này. Nếu muốn liễu sinh tử ngay trong đời này, hãy nên chú trọng Tín Nguyện niệm Phật cầu sinh Tây phương.”

Nếu có chút công đức nhờ ấn tống kinh sách, cúi xin hồi hướng trang nghiêm Phật tịnh độ, trên đền bốn trọng ân, dưới cứu khổ ba đường, và nguyện xin hồi hướng đến các bậc Ân sư, chư Tôn đức Tăng Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dễ độ, Phật sự viên thành cũng như đến các vị ân nhân, Phật tử nhiều sức khỏe, tu hành tinh tiến, đời sống an vui.

Ngưỡng nguyện thế giới nhân loại chung sống hòa bình, bệnh dịch tai ương sớm chấm dứt vĩnh viễn, và cầu siêu cho tất cả

vạn loại hương linh chúng sinh đã thiệt mạng trong các trận chiến tranh, thiên tai, nhân họa, ôn hoàng dịch lệ, bệnh tật, tai nạn... được siêu sinh tịnh cảnh, giải thoát luân hồi.

*Nam mô Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi
Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.*

Kính thông báo đến quý Phật tử, ân nhân liễu tri cho:

Quyển Tịnh Độ Tập Yếu Tập 2 này được ấn tống phát hành, thứ nhất nhờ vào số tịnh tài còn dư lại của quý ân nhân đã ủng hộ cho đợt in quyển Kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh Lược Giảng vừa rồi, và thứ hai, tịnh tài ủng hộ thêm của quý thiện hữu có tên trong danh sách dưới đây:

Gia đình PT Lê thị Ngọc Tuyết, Pháp danh
Nghiêm Minh (VN): 200 USD

Hồi hướng cầu siêu hương linh Phạm Tất Thành, Pháp danh Phúc An, sinh năm Quý Mão, từ trần ngày 24 tháng 8 năm Tân Sửu tại Missouri, hưởng dương 59 tuổi.

Hồi hướng cầu siêu hương linh Phạm thị Minh Hiếu, Pháp danh Nghiêm Thảo, từ trần ngày 21 tháng 7 năm Tân Sửu tại Việt Nam, hưởng dương 43 tuổi.

PT Lý Kim Lợi, Pháp danh Diệu Lan (San Jose, CA): 300 USD

PT Niệm Giác (San Jose, CA): 50 USD

PT Như Linh (San Jose, CA): 500 USD

Hồi hướng cầu siêu chân linh Sa Di Ni Ngọc Tấn, thế danh Tăng thị Thảo, mãn duyên Sa Bà ngày 29 tháng 6 năm Kỷ Hợi, hưởng thọ 81 tuổi.

Hồi hướng cầu siêu hương linh thân phụ là ông Trương Minh Mẫn, Pháp danh Thiện Huệ, từ trần ngày 14 tháng 2 năm Tân Mão, hưởng thọ 75 tuổi.

PT Bạch Liên Hoa, Pháp danh Diệu Hạnh (San Jose, CA): 500 USD

Hồi hướng cầu siêu hương linh Lâm Quang Hùng, Pháp danh Quảng Viên Trí, từ trần ngày 21 tháng 7 năm Tân Sửu (2021), hưởng thọ 61 tuổi.

Hồi hướng cầu siêu hương linh Lâm Thành Hóa, Pháp danh Thiện Trí, từ trần ngày 02 tháng 10 năm 1996, hưởng dương 24 tuổi.

Hồi hướng cầu siêu hương linh Nguyễn Ngọc Trường, từ trần ngày 18 tháng 8 năm 2020, hưởng dương 55 tuổi.

PT Như Phước (San Jose, CA): 100 USD

Hồi hướng cầu siêu hương linh nhạc mẫu

Lê thị Minh Châu sinh ngày 01 tháng 01 /1940, từ trần ngày 22 tháng 8 năm Tân Sửu, hưởng thọ 82 tuổi.

Nhóm PT Liên Đảng (San Jose, CA): 100 USD

Sư cô Nhất Niệm (Virginia): 200 USD

*Cúi xin Tam Bảo chứng minh công đức
ấn tống Pháp thí kinh sách của tất cả mọi
người.*

Những sách, trang mạng tham khảo và trích dẫn

1. *Ấn Quang Văn Sao Tam Biên/Tục Biên*
2. *Quê Hương Cực Lạc* (HT Thích Thiên Tâm)
3. *Tư Tưởng Tịnh Độ Tông* (HT Thích Như Điển)
4. *Niệm Phật Sinh Tịnh Độ* (TT Thích Chân Tính)
5. *Kỷ Yếu Sư bà Đàm Lưu* (Chùa Đức Viên, San Jose, CA)
6. *Những Lá Thư Thầy* (Sư bà Hải Triều Âm)
7. *Cuộc Đời và Đạo Nghiệp của Đại Lão Hòa Thượng Hải Hiền* (Nhà Xuất Bản Hồng Đức, VN)

8. *Niemphat.net*
9. *Quangduc.org*
10. *[http:// phatgiao.org.vn](http://phatgiao.org.vn)*
11. *<http://www.chuaduocsu.org/>*
12. *<http://minhtriettinhdo.blogspot.com/2014/04/nhung-vi-bo-tat-khai-sang-tinh-o-phan-4.html>*
13. *<https://phapmonniemphat.wordpress.com>*
14. *<http://nhasachtinhlien.com>*
15. *<https://hoasenvanno.wordpress.com>*

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TỊNH ĐỘ TẬP YẾU 2

Thích nữ Minh Tâm *cung soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: Lý Bá Toàn
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Trình bày: PN

Đối tác liên kết: Thích Thái Tuệ

In lần thứ 1. Số lượng 1000 cuốn, khổ 13.5x20.5 cm, in tại xí nghiệp in

Fahasa,

774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, TP.HCM

Số XNĐKXB: 4485-2021/CXBIPH/06 - 142/HĐ

Số QĐXB: 747/QĐ-NXBHĐ

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021

Mã số ISBN: 978-604-351-063-8



*Chứng đạo phương năng siêu lục đạo
Minh tâm tự khả liễu tam tâm.*

Tổ sư Ấn Quang

*Chứng đạo mới hồng siêu lục đạo
Minh tâm sẽ tự rõ ba tâm.*

*Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn
Lạc bang hữu lộ, khởi tín tức sanh.*

Tổ sư Ấn Quang

*Biển khổ vô biên, quay đầu là bờ
Cõi vui có nẻo, tin tưởng liền sanh.*



ISBN: 978-604-351-063-8

